

BRIAN MOORE



MÁU HỒNG Y



BRIAN MOORE

MÁU HỒNG Y

The Color of Blood (1987)

Nguyễn Ước *dịch*

**Nhà xuất bản Nguồn Sống
Paris-Toronto-Los Angeles, 2002.**



LỜI GIỚI THIỆU

Brian Moore, người được văn hào Graham Greene xem là một trong những tiểu thuyết gia đương thời mà ông ái mộ, sinh năm 1921 tại Belfast, Bắc Ireland. Cuối Thế Chiến Hai, ông phục vụ trong Bộ Vận tải Quân sự của Anh. Sau chiến tranh, ông làm việc cho Liên Hiệp Quốc ở châu Âu rồi di cư tới Bắc Mỹ năm 1948, làm ký giả và nhập tịch Canada.

Từ năm 1955, ông nổi tiếng trên văn đàn với tác phẩm *The Lonely Passion of Judith Hearne - Sự Thương Khó Hiu Quạnh Của Judith Hearne*, một chuyện kể đầy buốt nhói về nỗi cô đơn và sự tan vỡ các ảo tưởng. Hai cuốn tiểu thuyết kế đó: *The Luck of Ginger Coffey - Vận Số Của Ginger Coffey*, 1975 và *The Great Victorian Collection - Bản Sư Tập Quý Báú Thời Victoria*, 1975 đều được giải thưởng văn chương của Phủ Toàn Quyền Canada. Các cuốn tiểu thuyết khác của ông như *Catholics - Người Công Giáo* (1972), *The Mangan Inheritance - Quyền Thừa Kế Mong Manh* (1979), đều nằm trong danh sách đề cử nhận giải thưởng văn học danh tiếng Booker.

Riêng cuốn *Máu Hồng Y*, tên nguyên tác là *The Color of Blood - Màu Của Máu*, 1987, cùng một lúc được hai giải thưởng, The Sunday Express Book of the Year Award và Canadian Authors Association Literary Award for Fiction. Ông hiện cùng gia đình sống ở Malibu, California, Hoa kỳ.

Tuy tác giả không nêu tên quốc gia bối cảnh *Máu Hồng Y* nhưng xét theo tình tiết, có lẽ đó là Tiệp Khắc, một nước Trung Âu mà đại đa số dân chúng là người Công giáo. Từ năm 1948, Tiệp Khắc (Czech) bị đảng Cộng sản cai trị, và cùng với các nước Cộng sản Đông Âu khác, trở thành chư hầu của Liên bang Sô Viết tàn độc.

Cuộc quật khởi “Mùa xuân Praha” 1968 thất bại trước đoàn xe bọc sắt của Xô Viết. Người Nga nhân đó chiếm đóng Tiệp Khắc và kìm kẹp nghiệt ngã hơn. Mãi đến 1989, nhờ chuyển biến ngay tại Nga và vận hội mới của các nước Đông Âu, cuộc “Cách mạng nhung” mới thành tựu, bắt đầu thể chế tự do dân chủ mà không có bạo động, đổ máu.

Cuốn *Máu Hồng Y*, xuất bản năm 1987, viết về cuộc xung đột tối hậu giữa Giáo hội Công giáo với Nhà nước mà thực chất chẳng liên quan tới “Tình yêu Thiên Chúa”. Khi sắp bùng lên một cuộc nổi loạn nhằm lật đổ chế độ Cộng sản, Hồng y giáo chủ Stephan Bem thấy mình bị mắc kẹt và bí lối trong một mạng lưới của những lừa lọc, bạo động và dàn dựng chính trị không chút xót thương. Sau khi may mắn thoát khỏi một lần mưu sát tàn bạo và một cuộc bắt cóc mờ mịt, ông trở thành kẻ chạy trốn, không biết cất chân bước về hướng nào vì bốn phía đều trùng điệp kẻ nghịch.

Tuy bối cảnh *Máu Hồng Y* không phải là Việt Nam nhưng đi vào tác phẩm, độc giả Việt có cơ hội nhìn lại những vấn đề thiết thân như bản chất và cùng đích của tôn giáo; phẩm chất của con người tôn giáo; tương quan giữa tôn giáo và chính trị trong lòng dân tộc... Độc giả cũng sẽ bắt gặp những bóng dáng không xa lạ gì với hoàn cảnh Việt Nam. Một chế độ toàn trị; một mặt xem tôn giáo như một thế lực gây thương tổn và sỉ nhục chính quyền; một mặt muốn sử dụng vài phần tử tôn giáo làm kẻ chính trị ngoại vi cho mình. Những tín đồ “thuần thành” và những tín đồ “yêu nước”. Các khuynh hướng chính trị tuy đối kháng nhau nhưng đều muốn dùng tôn giáo và tín đồ của nó để làm sức lực và phương tiện cho cái gọi là “phục vụ quyền lợi của quốc gia dân tộc” mà thực chất chỉ là tranh đoạt quyền lực...

Vào khoảng giữa chín giờ và chín giờ rưỡi tối, chiếc xe hơi đưa ông về Nhà Chung chạy vào Quảng trường Tuyên ngôn Độc lập. Trời mưa, mưa mùa hạ. Trong quảng trường, các bức tượng, các mái nhà và các đài tưởng niệm sũng ướt, trơn mượt; vĩa hè bóng loáng. Ông bấm chiếc đèn pin nhỏ bằng cây bút rọi vào kệ hồ sơ, không phải để coi lại những điều ông vừa ghi trong cuộc họp mà là để đọc cuốn sách nhỏ của thánh Bernard thành Clairvaux:^[1]

Bạn có nghĩ rằng con người bẩm sinh với lý trí mà không sống theo lý trí của mình thì, theo cách nào đó, không thua kém gì thú vật? Khi thú vật không tự chế được bằng lý trí thì nó có lý do gì về mặt tự nhiên, nó không được ban cho tặng phẩm ấy. Nhưng con người mà sống như thế thì không gì có thể biện minh được.

Đôi lúc trong khi đọc thánh Bernard, ông có thể buông rơi thế giới đầy trách vụ của mình để rút vào cõi thinh lặng, nơi Thiên Chúa chờ đợi và phán xét. Nhưng lúc này, cùng với cảm giác đó, ông thấy có một chiếc xe hơi màu đen đang lạng sát vào xe mình. Ông quay mặt ngó. Người lái xe đen là một phụ nữ đầu quấn chiếc khăn lụa màu lục. Trên chiếc ghế bên cạnh cô, một người đàn ông rậm râu hai tay cầm súng lục, giơ lên, nhắm thẳng mặt ông. Trong chớp mắt, Joseph, tài xế của ông, quặt mạnh tay lái, cố ý táng xe mình vào chiếc xe đen. Sức ly tâm làm người ông bật lên, quay tròn và văng ra ngoài. Người ông rơi ạch xuống vệ đường ẩm ướt.

Trong một lúc lâu, ông nằm đau đớn, nửa mê nửa tỉnh, mắt nhìn lên bóng tối trời đêm mịt mù. Có tiếng còi xe hơi; ông nghe bước chân tiến tới gần. Từ phía trên ông, một phụ nữ trẻ đang ngó xuống, đầu quấn chiếc khăn lụa màu lục. Mặt cô ứa máu, ghim đầy mảnh

kính nhỏ li ti. Ông cố nhồm dậy, thấy trên đùi cô loang lổ vết đen đặc, chỗ máu ứa ra thấm loang qua váy.

“Cô không sao chứ?” ông hỏi, một cách ngớ ngẩn và bối rối. “Cô bị thương ư?”

Không trả lời, cô xoay người đi thẳng, bước rất lẹ tuy khập khểnh, nhắm hướng Đường Trung Tâm Chợ.

Dòng xe cộ chạy vào quảng trường bị cuốn hút bởi tai nạn, chậm dần và ngừng hẳn. Ông đứng lên, xam xoang. Khi mắt đã thôi mờ mịt, ông thấy có người đàn ông đang ngồi trong một chiếc xe, nhìn ông.

“Ngài...” người ấy nói, như thể đang suy tính gọi ông theo danh xưng nào. “Cha không sao chứ... thưa Đức cha?”

Ông lắc đầu, chân bước tới đông đảo nát. Một số người đang cố sức nhấc chiếc xe đen ra khỏi chiếc Mercedes cũ của ông. Trong số đó, có một cảnh sát hô lớn: “Làm một lượt nào! Một...hai... ba... lên!” Với một tiếng ầm khủng khiếp, hai chiếc xe tách ra khỏi nhau. Ông nhìn xuống đồng sắt bên dưới. Ông đã quá quen với sự chết. Nó thuộc phần cuộc sống hằng ngày của ông. Ông biết chính xác lúc nào cái chết đến, lúc nào một linh hồn ra đi.

Thân xác của Joseph vỡ nát, một cánh tay buông thõng trong chiếc áo tài xế, một chân vắn vẹo, bàn chân lật ngược ra đằng sau. Có điều, khuôn mặt Joseph không hề hấn gì. Bộ mặt anh xanh xao và tĩnh lặng, như thể có nhà giải phẫu điều luyện nào đó đã lấy đi sự tỉnh anh nằm đằng sau bộ mặt ấy. Khi mở miệng bắt đầu lời cầu kinh thì ông chợt hiểu ra rằng Joseph không tiếp nhận được cái mà anh ấy từng ao ước nhất: Sự ủi an của bí tích sau cùng dành cho người lâm tử.

Pháo sáng của cảnh sát xoè lên, từng ngọn xen kẽ nhau làm thành một tuyến chắn ngang quảng trường, phát ra lập loè ánh sáng màu da cam dễ sợ khi ông từ thi thể Joseph xoay mình bước về

phía người đàn ông kia. Người ta đã lôi anh ta ra khỏi chiếc xe đen gãy nát và đặt nằm giữa vũng sáng đèn pha. Trên hai má đầy râu và mũi đang ứa máu của anh ta lấp lánh những mảnh kiếng vụn li ti. Khi cúi người xuống sát anh ta, ông ngửi ra mùi vodka nồng nặc.

“Anh có nghe tôi nói không?” ông hỏi; bộ mặt đờ đẫn ấy quay lại, ngược lên ngó ông. Đôi mắt trợn trừng, không biết vì căm hận hay vì sợ hãi, miệng hé ra như thể muốn nói. Rồi bộ mặt hấp hối ấy đột ngột quay qua chỗ khác như thể xua đuổi ông. Nhưng lòng thương của Thiên Chúa thì vô biên. Ông quì xuống, làm dấu thánh giá và bắt đầu cầu nguyện. Vài người đứng bên cạnh thấy vậy vội vàng lột mũ mình xuống như một dấu hiệu tôn kính.

Trong khi ông cầu nguyện, hai người cứu thương đi vào vũng sáng đèn pha, đặt băng ca xuống rồi ngồi xổm, quan sát người đàn ông rậm râu. Một người nói, “Say rượu”. Người kia đứng lên, nói với người đứng kế bên, “Anh ta chết rồi.” Cả hai nhắc thi hài lên đặt vào băng ca.

Ông nhìn lẩn nữa bộ mặt rậm râu, đầy vết bầm tím ấy. Anh ta là ai? Tại sao anh ta muốn giết tôi? Joseph đã cứu mạng tôi. Ôi, Joseph. Một nhân viên cứu thương bước tới, túm lấy ông, xoay người ông về ánh đèn pha, khám ông như một bà mẹ khám con mình.

“Thưa Đức cha, ngài thấy thế nào? Ngài bị thương chỗ nào?”

“Không, không,” ông nói, “Tôi không sao cả. Nhưng còn một người nữa bị thương. Một phụ nữ.”

“Phụ nữ?” Người cứu thương quay sang những người đứng gần đó, tìm kiếm.

Một người đàn ông mặc ‘măng tô’ bước vào vũng đèn pha loang loáng, người nổi bật đầy vẻ trịnh trọng như một diễn viên trong vũng tròn ánh sáng trên sân khấu. Người ấy nói, “Chỉ liên can có ba người, hai người chết và Đức cha đây thôi.”

“Đức giáo chủ,” có tiếng nói phát ra từ trong bóng tối. “Ông phải gọi ngài là Đức giáo chủ. Ngài là Hồng y giáo chủ.”^[2]

Ai nói đó? Có phải người đó thuộc đám người mặc ‘măng tô’ của An ninh Nội chính có nhiệm vụ theo dõi ông không? Dĩ nhiên là họ phải thấy rõ cảnh hai chiếc xe táng vào nhau, thấy người phụ nữ trẻ, thấy hết mọi sự. Họ là những người ngồi trong chiếc xe Lada xanh, lúc này họ ở đâu? Quay về phía bóng tối đằng sau các ngọn đèn pha, ông hỏi, “Có ai trong các ông ở đây không?”

Không ai trả lời.

Người cứu thương khám ông thêm lần nữa, nắm cánh tay ông.

“Có phải Đức Hồng y đang chóng mặt?” người cứu thương hỏi. “Lẹ lên. Chúng tôi chở ngài đi bằng xe cứu thương.”

Trong xe cứu thương, người ta đặt thi hài Joseph ở giá phía dưới. Băng ca có thi hài người đàn ông rậm râu kêu ken két khi người ta chuôi nó vào giá bên trên. Ông ngồi giữa lòng xe, bên cạnh xác Joseph. Nhiều bộ mặt ngó ông đăm đăm khi người cứu thương kéo sập cửa xe. Xe cứu thương chuyển bánh, tiếng còi hụ rúc lên dẹp đường, rồi tiếng còi im bật khi xe lao qua những dãy phố vắng tanh, ướt đầm nước mưa. Ông cầu nguyện cho linh hồn Joseph an nghỉ. Lạy Chúa, xin cho anh ấy được nghỉ ngơi đời đời và cho ánh sáng bất diệt chiếu sáng trên anh ấy. Ôi Joseph, bàn tay anh ấy nham nhám như gỗ, đang gấp thẳng nếp chiếc dải quần lưng màu đỏ thẫm làm ở La mã, rồi kính cẩn đặt lên trên đó chiếc mũ vuông cũng màu đỏ thẫm.

Tôi, con của một người giữ ngựa, ngày đầu tiên làm hồng y đã được chỉ giáo bởi Joseph, một nông dân xuất thân từ tỉnh Kripke. “Thưa Đức Hồng y giáo chủ, một Hồng y thì phải để cho dân chúng nhận ra mình đúng là Hồng y, Đức Hồng y tiên nhiệm đã nói như vậy. Ngài ấy còn nói chiếc áo choàng màu đỏ mà Hồng y mang là để tưởng nhớ máu của Đức Kitô đã đổ ra cho chúng ta. Vậy thưa Đức

Hồng y, xin cha hãy mặc nó trong danh dự. Bây giờ cha cứ để con giúp quần dài vải đó cho.” Joseph, ôi, Joseph.

Xe cứu thương lại rúc còi hụ, báo cho biết nó đã về tới và đang chạy vào sân. Ông biết rõ chỗ này: trước đây là Bệnh Viện Thánh Giá, nay đổi thành Bệnh Viện Trung Ương Thống Chế Konev. Nhân viên cứu thương đặt ông ngồi vào xe đẩy rồi đẩy ông qua các cánh cửa loại tự động bật ra khi xe đi tới. Trong hành lang bệnh viện sáng chói và nồng nặc mùi thuốc sát trùng, một số nhân viên y tế đang đứng chờ. Chắc có ai đó điện thoại báo trước ông sắp tới nơi. Một bác sĩ lớn tuổi bận y phục trắng bước ra, cung kính cúi đầu chào và hôn lên chiếc nhẫn tông truyền trên bàn tay ông đang để yên trên thành xe lăn. Rồi họ đẩy ông vô một phòng nhỏ, khám bệnh và cho ông ngồi trên chiếc bàn cao bằng thép.

“Xin Đức giáo chủ vui lòng cởi áo khoác và áo sơmi. Có y công ở đây giúp cho.”

Ông làm theo lời. Người y công cắt ngược từ lai ống quần rách của ông lên, để lộ ra một vết rách chạy dọc bắp chân. Ông hỏi liệu họ có sẵn lòng điện thoại cho Nhà Chung, bảo cha Malik hay cha Finder đưa xe tới đây không. Một bác sĩ trẻ tuổi đang bắt đầu rửa sạch vết thương nơi bắp chân ông, nhìn lên, nói việc đó có người làm rồi. Lúc ấy, ông hiểu ra là chính những người mặc áo ‘măng tô’ đã điện thoại tới đây trước. Vị bác sĩ già khám lồng ngực ông, bôi thuốc sát trùng và dán miếng băng dính vào chỗ thịt rách hoác miệng dễ sợ ở phía dưới xương vai của ông. Kế đó, mắt vị bác sĩ có ánh lấp lánh, rạng lên, chiếu thẳng vô ông.

“Chỉ hơi chấn động vì va chạm mạnh. Thế thôi. Thừa Đức giáo chủ, cha thật may mắn lạ lùng.”

“Có phải tên lái chiếc xe kia say rượu?” người bác sĩ trẻ vừa ngược mắt ngó ông vừa hỏi.

“VẬY SAO?” ông nhìn người bác sĩ trẻ, nhưng nét mặt anh ta hồn

nhiên vô tư lự.

“Ăn nhậu là cội nguồn tàn mạt của xứ sở này,” vị bác sĩ già nói. “Nó là lời nguyền rửa dân tộc chúng ta.” Rồi vị bác sĩ già ra lệnh y công đưa ông tới phòng quang tuyến X. “Chỉ để cho chắc ăn.”

Y công mặc cho ông chiếc áo khoác trắng, lại đặt ông ngồi vào xe đẩy. Khi xe lăn bánh dọc hành lang, một phụ nữ đẩy đà đi theo, tay cầm kẹp hồ sơ. Bà ta nói:

“Xin ông thông cảm. Chúng tôi cần một số chi tiết. Ông tên thánh và họ gì?”

“Bem,” ông nói. “Stephan Bem”.

“Mấy tuổi?”

“Năm mươi lăm.”

“Nơi sinh.”

“Tại đây. Trong thành phố này.”

Trong khi nói, ông thấy cha Finder, linh mục chánh văn phòng giáo phận, mập mạp, xanh mét, đang từ phía đằng kia hành lang lật đật chạy tới phía ông.

“Thưa Đức Hồng y giáo chủ, cha thế nào rồi?”

“Tôi không sao cả,” ông nói. “Nhưng Joseph chết rồi. Người ta đã mang xác anh ấy tới đây. Xin cha tìm hiểu xem người ta tính làm gì với thi hài.”

Họ đẩy ông vô phòng quang tuyến X, cho ông nằm trên một tấm thép lạnh. “Hít vô thật sâu rồi nén hơi lại.” Ông nghe tiếng kêu vo vo và tiếng máy chụp bấm clic. “Thở ra được rồi.” Người lái xe kia say rượu ư? Có lẽ người đàn ông rậm râu say rượu, nhưng anh ta đâu phải là người lái xe. Lái xe là người phụ nữ quần chiếc khăn màu lục, kẻ sau đó bước tới xem tôi đã chết chưa. “Xong rồi. Ông mặc quần áo vào được rồi.”

Trong khi ông gài nút áo sơmi thì một y tá gầy gò, hớt hải bước vào.

“Thưa Đức giáo chủ, liệu chúng con có giúp được gì cho ngài không? Cha dùng trà nhé?”

Bằng vào cây Thánh giá trên bộ đồng phục bệnh viện, ông nhận ra bà ấy là nữ tu.

“Vâng, cảm ơn chị.”

“Chắc cha không nhớ ra con,” bà nói. “Chị Em Dòng Mến Thánh Giá. Con có được hầu chuyện với cha vào dịp lễ Hăm lăm năm Linh mục của cha năm ngoái.”

“Vâng,” ông nói. “Vâng, tại Chernoya. Mùa xuân năm ngoái.”

Bà ứa nước mắt. “Tạ ơn Chúa, cha tai qua nạn khỏi, thưa Đức giáo chủ. Xứ sở này cần cha biết mấy.”

Đột nhiên bà bước tới sát ông, nâng bàn tay ông, nhún đầu gối mình xuống và cúi hôn lên nhẫn. Người chuyên viên kỹ thuật quang tuyến vừa từ sau bức màn bảo hộ bước ra, dừng lại, đưa mắt ngó như thể anh ta vừa chứng kiến một hành động dâm ô đồi trụy.

“Ngày nay, có quá nhiều người có xe hơi,” anh ta vừa nói vừa cởi chiếc tạp dề nặng nề bằng chì của mình, treo lên mắc áo. “Những người chẳng làm được tích sự gì cho đất nước.”

Ông nhận ra là với câu nói đó, người chuyên viên quang tuyến đặc biệt nhắm vào ông. Phát biểu đó là lời tuyên xưng đức tin. Người rọi quang tuyến ấy không tin vào Thiên Chúa mà tin vào Đảng.

Khi họ đẩy xe ông ra khỏi khu quang tuyến X thì cha Finder đang cùng vị bác sĩ già chờ ở hành lang. Cha Finder là người tốt nhưng thường hốt hoảng quá đáng. Người ta không thể thổ lộ hoặc thảo luận với cha về một số vấn đề nhất định như với cha Kris Malik.

“Con có cho cha một số thuốc ngủ,” người bác sĩ già nói. “Con cũng có nói với cha Finder là phải để cha nghỉ ngơi trong vài ngày sắp tới.”

“Bác sĩ ạ, tôi không bao giờ dùng thuốc ngủ. Và trong mấy ngày

tới, tôi có việc quan trọng phải làm.”

“Dĩ nhiên là tùy cha,” người bác sĩ nói. “Nhưng cha bị té nặng lắm. Cha thoát được mà chỉ bị thương nhẹ như thế thì quả thật phép lạ.”

Đó chẳng phải phép lạ, giản dị chỉ là ý Chúa, ông vừa nghĩ như vậy vừa cùng cha Finder ngồi vào xe. Khi xe chạy vào con đường mở rộng của Đại lộ Thế giới Mới, ông hỏi, “Việc Joseph ra sao rồi?”

“Sáng mai người ta giao xác,” cha Finder nói. “Chỉ là vấn đề thủ tục.”

Ông ngoái nhìn lui. Chiếc xe Lada xanh đang chạy theo.

“Tôi muốn đưa thi hài Joseph tới nhà thờ chánh toà. Tôi sẽ làm lễ mờ. Khi nào thì làm lễ được?”

“Thưa Đức Hồng y giáo chủ, có thể sáng mai. Từ mười giờ tới mười hai giờ cha không có hẹn gặp ai cả.”

“Đã có ai nói cho vợ anh ấy biết chưa?”

“Con nghĩ là chưa,” cha Finder nói. “Khi họ điện thoại tới, họ không nhắc gì việc người lái xe bị thương.”

“Ai điện thoại vậy? Cha có biết không?”

“Họ không nói. Thật ra, họ gọi theo số của văn phòng. Cha Krup nhận lời báo tin của họ.”

Văn phòng, các cơ quan tổng giáo phận và các cơ quan của Hội đồng Giám mục tọa lạc tiếp liền nhau trong Nhà Chung Toà Tổng giám mục trên đường Lazienca. Toà nhà ấy vốn là dinh thự của hoàng gia trước đây và cùng chung số phận với các toà nhà còn lại của Cố Đô, bị người Đức tàn phá vào lúc kết thúc Thế Chiến Hai như một hành động trả thù. Liên sau đó, nó được tái thiết, chỉnh lại từng viên gạch trong niềm tự hào của dân tộc. Việc tái thiết đã phục chế nguyên vẹn dinh cơ cũ với tất cả những bất tiện của nó, các hành lang tối tăm, nhiều phòng tiếp tân chẳng bao giờ dùng tới và khoảng sân chính giữa trung tâm toà nhà làm ông nhớ tới sân tập

thể dục trong nhà tù. Ban ngày, toà nhà ồn ào, rộn rịp, các văn phòng và các lối đi tấp nập những người nạp đơn thỉnh cầu, cả về giáo vụ lẫn dân sự vụ. Về đêm, các cổng khoá kín, hoàn toàn im lặng. Ở phía mặt tiền đồ sộ của toà nhà sừng sững bên đường Lazienca ấy, người ta chỉ thấy ánh đèn le lói hắt ra từ các cửa sổ tách biệt nhau, như những vì sao đêm.

Nhưng lúc này, khi chiếc cổng Nhà Chung mở ra đón nhận họ và khi xe chạy qua sân để quẹo vào lối đi bên cạnh thì tất cả đèn Nhà Chung đều bật sáng. Bên trong sảnh đường, các linh mục phụ trách các văn phòng, các nữ tu Dòng Nazareth trông coi việc nhà cửa, những người tài xế, gác cửa, làm vườn đều tập hợp nghênh đón ông. Họ vừa tụ tập vừa lo âu, nóng lòng, đua nhau đặt câu hỏi và bày tỏ lòng hiếu thảo. Nhưng cha Finder cao giọng tuyên bố rằng Đức giáo chủ đang bệnh và phải đi nghỉ liền.

“Chờ chút,” ông bảo cha Finder. “Teresa có ở đây không?”

Vợ của Joseph len qua hàng rào người, bước ra. Vừa nhìn vào mặt Teresa, ông lập tức cảm thấy mình đau nhói, rứt chí. Người ta đã báo cho chị ấy biết rồi.

Ông đặt tay lên vai chị. Bộ đồ vải thô màu xám của người giúp việc mà chị đang mặc sờn sùi chùng nào thì bàn tay của ông chạm vào dịu dàng chùng đó khi ông dẫn chị vào một phòng đợi xa tận mút hành lang. Ông bật đèn và bất thần thấy mình mặt đối mặt với bức tượng Chúa Jesus to lớn, đứng ngay bên trong cửa. Bàn tay của bức tượng đưa lên ban phép lành, theo cử chỉ truyền thống, có vẻ như đang cảnh giác ông phải cân nhắc thận trọng. Ông đóng cửa.

“Con biết rồi ư?”

Chị gật đầu.

Chị bỗng oà khóc nức nở, mũi ửng đỏ au, đầm đìa nước mắt. Nhận ra mình khóc, chị kinh hoảng, lấy mu bàn tay quạt nước mắt.

Ông nói, “Con ngồi xuống một chút!”

“Ô, không, thưa Đức giáo chủ. Chính cha mới là người ngồi.”

“Sáng mai làm phép xác cho Joseph ở nhà thờ chánh toà. Tôi sẽ đích thân dâng lễ.”

Chị khẽ cúi đầu. “Anh Joseph sẽ... con có ý nói là anh Joseph sẽ rất vinh dự, thưa cha.”

“Anh ấy cứu mạng tôi tối nay.”

Chị ngạc nhiên nhìn ông rồi gật đầu. “Dạ,” chị nói.

Chị bắt đầu khóc, và ông lại cảm thấy hổ thẹn vì không sở hữu được tặng phẩm cốt tủy của sứ vụ: là khả năng làm khuây khoả và ủi an người khác khi họ lâm cơn sầu thảm.

“Không có anh ấy tôi sẽ lạc,” ông nói, trong tuyệt vọng, ông đưa mắt ngó bức tượng thạch cao vì không thể nhìn thẳng vào những giọt nước mắt của chị. Bỗng nhiên ông bật khóc.

Và sau cùng, nhìn thấy ông khóc, chị quên bẵng nỗi kính sợ ông, “Thôi đi,” chị nói. “Cha đừng khóc. Ôi, thưa cha, coi áo cha kìa, bùn bê bết. Và coi quần cha kìa. Anh Joseph sẽ nói sao nếu thấy cha trong tình trạng này? Thôi, cha đừng lo cho con. Cha đi nghỉ liền đi. Con cảm ơn cha. Con hết sức cảm ơn cha về lễ mỗ cho anh Joseph.”

Nơi ở và làm việc của ông ở tầng thứ tư. Sau khi cùng lên bằng thang máy, cha Finder nhất quyết để lại cho ông thuốc ngủ mà vị bác sĩ già đã yêu cầu ông phải dùng. Dì phước Agnes đặt sẵn khay đựng bữa ăn khuya thường lệ bên cạnh chiếc giường ngủ chật hẹp, gồm thịt nguội, sữa nóng và bánh bích qui làm bằng bột dẹt. Trong phòng ngủ rộng thênh thang với đồ trang trí theo kiểu một đại khách sạn Trung Âu, chiếc giường đơn của ông có vẻ như lạc lõng, giống như giường của một người giúp việc được kê trong phòng của chủ nhân. Nhưng đây là chiếc giường ông nằm ngủ từ những ngày đầu mới được truyền chức linh mục tại tỉnh lỵ xa xôi Gallin, và ông mang

nó theo về đây.

Lúc này, ông ngồi bên mép giường, cúi người mở dây giày, tấm kính tủ áo kê trước mặt phản chiếu rõ chỗ hói trên đầu tóc điểm bạc. Khi thẳng người lên, ông thấy trong gương chiếc quần rách và chiếc áo thấm máu của mình. Mình giống như một trong đám người say đêm đêm ngủ dưới gầm cầu Volya. Rút trong túi ra chiếc đồng hồ quả quít, ông thấy mặt đồng hồ vỡ tan từng mảnh, kim mất. Chiếc đồng hồ này là quà tặng của sinh viên theo học ông tại Đại học Wolna. Ông tự hỏi không biết có chữa được nó không. Ông cho nó vào học bàn kế bên giường ngủ và lôi ra chiếc kính đeo mắt dự trữ, thay cho cái thứ nhất ông đã làm mất trong tai nạn. Ông đứng thẳng dậy. Với chân đang mang bít tất, ông đi tìm bộ đồ ngủ và áo khoác mà Joseph thường đặt sẵn mỗi tối.

Trong khi ông đi, có ai đó gõ lên cửa phòng đọc sách gắn thông với phòng ngủ.

“Có phải cha Kris đó không?”

Cha Krystof Malik, thư ký riêng của ông, vóc người cao to, tóc xám, tay cầm một xấp giấy mỏng, bước vào với vẻ hốt hoảng lật đặt như thường lệ.

“Thưa Đức giáo chủ, cha có sao không?”

“Tôi tưởng giờ này cha đang ở Gneisk?”

“Thưa, con về theo chuyến bay sớm nhất. Con muốn cha nắm rõ tình hình ở đó.”

“Tình hình gì?”

“Thưa, như con đã trình cha, con có người bạn linh mục làm việc trong văn phòng Tòa Tổng giám mục Gneisk. Chính cha ấy đã điện thoại cho con. Cha ấy được lệnh đánh máy một bản dường như là bản thảo bài giảng mà đức Tổng giám mục Krasnoy dự tính sẽ đọc trong Đại hội Rywald thứ Ba tuần sau. Con có một phần của bài giảng ấy đây.”

“Rồi sao nữa?”

“Thật ngoài sức tưởng tượng. Có vẻ Đức Tổng giám mục Krasnoy kêu gọi một loại biểu tình toàn quốc để chống đối chính phủ.”

“Vào thời điểm này sao?” ông nói. “Chắc ông ấy mất trí rồi.” Ông lại cảm thấy chóng mặt. Đầu cúi xuống, và lúc này, ông thấy mắt mình nổ đom đóm.

“Thưa, cha sao vậy?” cha Malik hỏi.

“Không sao, không sao,” ông trả lời.

“Thưa, tối nay xảy ra chuyện gì vậy? Cha Finder nói là người tài xế kia say rượu.”

“Không hẳn như vậy. Có ai đó tính bắn tôi.”

Cha Malik bàng hoàng té cái bịch xuống chiếc trường kỷ bọc da, dờ người ngó mũi giày của mình.

“Lạy Chúa. Ai?”

“Có hai người. Một đàn ông và một đàn bà. Người đàn bà là tài xế.”

“Công an bắt họ chưa?”

“Người đàn ông chết rồi. Tôi nghĩ là người đàn bà bỏ đi luôn.”

“Dĩ nhiên là cô ta phải bỏ đi một mạch; nếu như họ đứng đằng sau vụ này...”

“Này cha Kris, nếu như họ, thế họ là ai vậy?”

“An ninh Nội chính, thưa Đức giáo chủ.”

“Vô lý. Tại sao An ninh Nội chính lại muốn giết tôi?”

Cha Malik mở kẹp hồ sơ, xóc lại các tờ giấy.

“Con biết là nghe có vẻ hoang đường, thưa Đức giáo chủ. Nhưng ai mà biết được họ sẽ làm gì nếu họ cho là cha đang tính chuyện khích động dân chúng nổi dậy.”

“Cha nói cái gì thế?”

“Bài giảng của Đức Tổng giám mục Krasnoy, thưa cha. Liệu con

có thể đọc cha nghe phần con đang có không?”

Ông gật đầu đồng ý. Lưng ông bắt đầu đau. Ông cảm thấy vai mình, chỗ bị băng bó, nhức nhối không ngừng. Mới trước đây thôi, có vẻ vì choáng váng bởi tai nạn nên ông mất cảm giác về những chấn thương của mình. Ông thấy cha Kris lóng ngóng sửa lại chiếc kính đọc sách, tay cầm tờ giấy có kẻ sọc.

Đất nước đang trong một thời kỳ trọng đại như khu rừng rậm khô kiệt cuối mùa hạn hán. Một sự khô kiệt về tinh thần và đạo đức.

Trên mặt đất của khu rừng rậm ấy có hàng triệu mảnh thông li ti. Chỉ cần có tia lửa là rừng bật cháy. Và tia lửa đó là gì? Phải chăng những bằng chứng mới đây cho chúng ta thấy rằng nhà cầm quyền đang kèm giữ Giáo hội trong một tình trạng đáng hổ thẹn tới cùng cực? Thái độ tàn nhẫn này đối với vai trò dẫn đạo của Giáo hội trên đất nước có thể là tia lửa khiến khu rừng bốc cháy, một cuộc hoả hoạn sẽ thanh tẩy và làm thanh sạch mọi sự. Có thể sẽ có tàn phá lớn lao nhưng cuối cùng, đất nước sẽ hùng cường và được giữ gìn trong đức tin và tự do. Chúng ta phải nguyện cầu Thiên Chúa nâng đỡ chúng ta trong hoàn cảnh khốn khó hiện nay. Chúng ta phải đoàn kết để biểu dương sức mạnh ý chí của dân tộc. Nơi đây, tại địa điểm này, tại đền thờ Các Chân Phước Tử Đạo, tôi kêu gọi tất cả các anh chị em hãy đứng sau lưng Giáo Hội trong giờ phút khẩn thiết này.

“Đẹp như thơ, hay khủng khiếp,” ông nói.

“Con e là chẳng có chút gì đáng khôi hài, thưa Đức Hồng y.”

“Tôi có nói là nó buồn cười đâu? Mấy giờ rồi? Cha rán điện thoại cho Đức Giám mục Krasnoy xem.”

“Thưa Đức giáo chủ, có nên làm vậy không?”

“Tôi muốn nói với ông ấy là sẽ không có bài giảng nào như thế vào Thứ Ba tuần sau tại Rywald, hoặc sẽ không đề cập tới vấn đề đó tại bất cứ nơi nào khác. Và tôi chẳng cần biết người nghe mình nói là ai. Trong thực tế, đây có thể là cách nhanh nhất chuyển lời

nhấn gởi của tôi tới chính quyền.”

“Đúng. Có điều cha cũng biết là Đức Giám mục Krosnoy thuộc loại người nào. Nếu ngài ấy không vâng lệnh cha?”

“Tôi là Giáo chủ. Ông ấy có thể bất đồng ý kiến với tôi nhưng không thể công khai không vâng lời tôi.”

Vào lúc đó, ông nghe có tiếng động quen thuộc trên cửa phòng ngủ. Ông bước về phía cửa, mở ra. Con chó Bashar lao vào, lớn như chú ngựa con, chồm lên, đưa chân chạm vào người ông.

“Nằm xuống, con,” ông nói. “Nằm xuống!” nói như thế nhưng ông lại ôm con chó, vùi mặt mình vào đám lông dày đặc của nó.

Không còn Joseph nữa Bashar sẽ ra sao? Joseph mới thật sự là người chủ của nó.

“Ôi con đáng thương,” ông nói. “Con thật tội nghiệp.” Ông quay về phía cha Kris Malik. “Tôi kể cha nghe Joseph cứu mạng tôi tới nay chưa?”

“Thưa chưa.”

“Khi thấy người ta nhắm bắn tôi, anh ấy lao xe mình táng vô xe họ.” Trong ánh sáng các ngọn pháo sáng, bộ mặt Joseph trắng bệch, bình thản, mất sinh khí. Ông đưa mắt nhìn cha Kris Malik. “Không có anh ấy tôi sẽ lạc,” ông nói.

“Chắc là Tomas có thể lo việc lái xe và dọn quần áo cho cha,” cha Malik nói. “Con điện thoại cho Đức Tổng giám mục được chưa?”

“Được.”

Ông nắm đai cổ Bashar, dìu nó tới chỗ để bánh bích qui bột dẹt. Ông lấy một cái đút cho nó, vỗ đầu nó rồi cho nó nằm xuống nơi chân giường chỗ thường lệ của nó, đằng cuối chiếc giường đơn.

“Thưa Đức Hồng y!”

“Gì thế, cha Kris?”

“Đức Tổng giám mục đang ở đầu đây.”

Ông cầm ống điện thoại, khó chịu khi thấy có nụ cười đồng lõa

trên nét mặt của cha Kris Malik. Nụ cười đó, ôi, lỗi tại tôi. Tôi không nên chế nhạo lời văn của đức cha Krasnoy. Bao giờ tôi mới học làm được người lãnh đạo?

“Vâng,” ông nói. “Phải Henry đó không?”

“Stephen.” Tiếng Giám mục Krosnoy nói lớn, cao giọng.

Trong đầu ông lập tức hiện lên hình ảnh con người ấy: nét mặt hồng hào, môi dưới trề hẳn ra.

“Cha thế nào? Khoẻ không?”

“Tôi không khoẻ. Tôi vừa xem một phần của cái được coi là bài giảng cha tính đọc tuần sau nhân Đại hội ở Rywald.”

“Làm sao cha có được bài giảng ấy của tôi?”

“Đừng để ý tới việc đó. Cha Henry này, cha tính chuyện gì vậy? Phát động một cuộc tắm máu sao?”

“Cha Stephen, tôi viết bài đó như một lời cảnh cáo, chỉ để cảnh cáo thôi.”

“Cảnh cáo ai?”

“Tướng Urban. Ngoài ra còn ai nữa!”

“Tôi hiểu. Có phải La Mã^[3] đã đặt cách tuyên bố chỉ định cha làm Hồng y giáo chủ xứ sở này rồi ư?”

“Cha Stephen, tôi xin lỗi. Có điều nhiều Giám mục và hầu hết hàng giáo sĩ đều cùng cảm thấy giống như tôi. Vào thời điểm này, chúng ta không thể quay lưng lại với dân tộc.”

“Cha đang quay lưng lại với tôi, cha Henry.”

“Cha Stephen, tôi chắc là không đúng như vậy đâu.”

“Thì chúng ta hãy cứ chắc chắn là không đúng như vậy. Bài giảng của cha tại Rywald sẽ chỉ nhắc nhở tới đức tin của các Thánh Tử đạo lễ kính thánh Chín này mà thôi. Nó phải là một huấn từ về Thiên Chúa chứ không về chính trị. Rywald là nơi hành hương, không là chỗ tập hợp để hoạt động chính trị. Rõ chưa, cha Henry?” Ông có thể nghe tiếp sau lời của mình là tiếng thở trong im lặng của Đức

cha Henry. “Tôi nói là cha đã rõ chưa, Henry? Henry, cha còn đó không?” Ông đợi. Cuối cùng có lời nói,

“Vâng thưa Đức giáo chủ. Tôi rõ rồi.”

Tận đầu xa mút Gneisk, ông điện thoại bỏ xuống, kêu clic. Ông quay mình về phía cha Malik đang cười hả dạ.

“Ngắn gọn,” cha Kris Malik nói. “Và trúng điểm ngay phóc.”

“Chúc cha ngủ ngon, cha Kris,” ông nói và để ý thấy vẻ mặt người thư ký của mình ngạc nhiên, hơi bứt rứt.

“Thưa Đức cha, con xin lỗi. Chắc Đức cha mệt lắm rồi.”

“Vâng, tôi mệt quá,” ông nói. “Tôi nghĩ chúng ta không nên đề cập việc này với ai. Còn về vấn đề cái chết của Joseph, tôi chưa hề nói là có ai đó cố ý bắt tôi. Tôi nghĩ là nói như thế trong tình hình này thì không hợp. Tôi còn không kể cho vợ của Joseph nghe nữa. Được không?”

“Thưa Đức cha, hẳn nhiên rồi. Hết sức khôn ngoan. Chúc Đức cha ngủ ngon. Con hy vọng Đức cha ngủ ngon. Con sẽ gặp Đức cha sáng mai.”

“Chúc cha ngủ ngon, cha Kris.” Cửa đóng lại. Trong phòng ngủ tĩnh mịch, ông xoay người về phía lò sưởi. Trên mặt lò đặt bức ảnh bằng sứ tráng men màu nâu của thân phụ ông. Bức ảnh ở đó quá quen thuộc đến độ đã nhiều năm ông không nhìn tới nó.

Nhưng lúc này, ông thấy kính ngạc là bức ảnh sống động hẳn lên. Cha ông ngó ra nhìn ông, mắt đầy tức tối và cảnh giác như thể đang có nguy hiểm nào đó trong phòng. Ông bước tới bức ảnh, cầm lên. Cha ông, khuôn mặt khua dưới lớp râu rậm kiểu trước thế chiến, đứng trước dãy chuồng ngựa trên lối đi chính trong trại ngựa giống của Hoàng thân Rostropov ở ngoại ô thành phố. Cha ông mặc quần kỵ mã, áo khoác mới bằng vải tuyết và tay cầm roi ngựa, dấu hiệu thăng chức từ kẻ đứng đầu các mã phu lên làm người huấn luyện bầy ngựa đua của Hoàng thân. Ngay trong khoảnh khắc nhìn bức

ảnh ấy, tâm trí ông hiện lên bộ mặt đầy râu, tím bầm của người tấn công ông tối nay. Bộ mặt ấy cũng giống như bộ mặt của cha ông, bộ mặt thuộc thời quá khứ, bộ mặt thuộc thành phần giới quý tộc thiểu số, tầng lớp quý tộc địa chủ, những kẻ mà cha ông khi gặp thì phải đưa tay lên chóp mũ kỵ mã chào cung kính. Có thể như thế chăng? Ông đặt lại bức ảnh lên mặt lò sưởi. Lúc này thì cái gì cũng có thể. Ông quay mình đi tới cửa sổ to rộng, không màn cửa, nhìn ra ngoài. Ông không nhìn xuống sân trong Nhà Chung mà nhìn ra đường Laziencia.

Ở đó, ngay chỗ thường lệ, cách cổng Nhà Chung một ô phố, đậu chiếc xe Lada xanh vẫn thường thấy. Toán gác đêm đang thoải mái trong các chiếc áo mưa vì ông ít khi đi ra ngoài lúc trời tối. Ông thường tự hỏi không biết hai người gác có thay phiên nhau đi ngủ hay cả hai chỉ việc cuộn người lại cùng nhau ngủ trong xe khi ông vừa tắt ngọn đèn bên giường của mình. Lúc này, nhìn qua bên kia con đường, nhìn tới những ngọn đèn thành phố ban đêm lung linh trên những đường phố nhạt nhoà như một chốn mê cung.

Tại tâm điểm chết lặng của những ngọn đèn đêm ấy, sông Volya tựa cánh tay mập mập đen đũi uốn khúc. Ông nghĩ tới Sông Styx, tới phu trạo vũng tay chèo chống. Ông nghĩ tới Joseph. Tận cuối phòng có chiếc bàn quì cầu kính nhỏ. Một cây nến lễ đang cháy dưới bức hình thạch bản in bộ mặt bầm tím của Đức Kitô được tìm thấy trên khăn liệm thành Turin^[4]. Ông quì xuống bàn quì, cúi đầu. Xem xét lương tâm mình. Con hoàn toàn thiếu đức bác ái. Đêm nay, con ngạo mạn trong khi ứng xử với Đức cha Henry Krasnoy. Con còn để cho mình sa cuộc thông đồng với cha Malik bằng nhận xét hằn học, có ác ý của mình. Con đưa đường cho cha ấy xem thường một vi. Tổng Giám mục của Chúa. Và Joseph? Con có chấp nhận thánh ý Chúa không? Có phải con đã không vui mừng là Joseph đã ra đi để về hiệp cùng Chúa? Còn nữa, con cần ghi nhớ rằng đêm

nay, có hai người, chứ không phải một, đã vì con mà chết. Người kia là kẻ đã cố giết con: Xin Chúa ban cho người ấy nghỉ an.

Con là tôi tớ Chúa, do Chúa tạo dựng. Mọi sự con có được đều qua Chúa và phát xuất từ Chúa. Chẳng có gì là của con. Con phải làm mọi sự cho Chúa và chỉ cho Chúa thôi. Tối nay, trong cuộc họp, con bị ám ảnh vì chính trị. Con đã nghĩ tới cơn nguy hiểm cho đất nước của chúng con. Con không nghĩ tới những đau khổ mà con gây ra cho Chúa bằng những hành động của con. Lỗi của con, lỗi ghê gớm nhất của con.

Tiếng gõ cửa gấp, gần như lén lút, làm ông sững người, ngưng cầu nguyện. Có giọng thì thầm hỏi:

“Đức giáo chủ?”

Ông nhận ra giọng đó. Ông đứng lên, đi tới cửa phòng sách.

“Vâng?”

“Con đây, Bujak đây.”

Ông lập tức mở cửa, Bujak, người gác cổng ban đêm đang hoảng hốt, khẽ nhún đầu.

“Thưa Đức cha, cha Finder sai con tới. Công an An ninh Nội chính, họ đang ở nhà dưới.”

“Vào lúc đêm hôm thế này ư? Họ muốn gì?”

“Thưa Đức cha, họ đang đi lên. Cha có tiếp họ không?”

Nhưng khi người gác cổng đang nói thì ông thấy có nhiều người đã ở đầu cầu thang. Ba chiếc áo ‘măng tô’ và đằng sau họ, cha Finder đang phản đối, “Tôi đã nói với các ông là Đức cha đang ngủ. Các ông không có quyền vô đây.” Nhưng họ không thèm ngó cha. Họ nhất quyết xấn tới. Ông nghe sau lưng mình, tiếng con Bashar sửa trong phòng ngủ. Người đi đầu đội mũ đệm màu nâu côca côla làm anh ta giống một du khách mùa hè người Mỹ. Nhưng bộ mặt của anh ta là bộ mặt của một phần tử của tổ chức: những người coi ông, giáo hội của ông, vai trò của ông, là sự sỉ nhục cho quyền lực của họ.

“Hồng y Bem?”

“Tôi là Bem.”

Anh ta móc ra tấm hình ép plastic của mình. Mé dưới có in hàng chữ *Thiếu Tá Công an An ninh Nội chính*. Thông thường họ chẳng

bỏ công móc thẻ hành sự ra. Như thế, việc này hẳn là nghiêm trọng.

“Tại sao khoá cổng?” anh ta hỏi.

“Vì đã sau tám giờ tối. Chúng tôi đóng cổng lúc tám giờ.”

“Không được khoá cổng chống lại đại diện nhân dân.”

“Thật vậy sao,” ông nói. “Và thưa thiếu tá, khi ông về nhà, buổi tối ông không khoá cửa chứ?”

“Người của ông không cho chúng tôi vào. Họ cố giữ chúng tôi ở bên ngoài.”

“Tôi xin lỗi về chuyện đó,” ông nói. “Tôi làm được gì cho ông đây?”

“Có lệnh ở trên là ông phải đi theo chúng tôi, ngay tức khắc. Ông có thể đem theo một vali nhỏ. Cả khu phòng này là của ông hả?”

“Vâng. Nhưng xin chờ chút. Tôi theo các ông đi đâu? Xin ông vui lòng chờ một chút, để tôi điện thoại cho ông bộ trưởng Bộ Tôn giáo Sự vụ.”

Lập tức ông thấy trong mắt viên thiếu tá loé lên tia giận dữ, hoặc chẳng biết đó có phải là sợ hãi hay không.

“Tôi có lệnh ở trên là ông không được điện thoại cho ai cả.”

Ông nhìn quá ra sau người đứng đằng trước, thấy một trong hai người mặc ‘măng tô’ đang lén lút rút súng lục ra khỏi túi. Ông chỉ vô khẩu súng:

“Như thế này nghĩa là gì vậy?”

“Lẹ lên, thưa ông,” người đội mũ đệm màu nâu nói. “Tôi đang rất lịch sự yêu cầu ông đấy nhé. Cho ít quần áo và mấy đồ vệ sinh vô túi xách. Dừng đủ cho mấy ngày thôi. Mà lẹ lên.”

“Tôi sẽ phản đối,” cha Finder nói. “Chúng tôi sẽ phản đối vụ này tới cấp cao nhất.”

Người đội mũ nâu vẫy tay ra hiệu, “Ngã này, thưa ông.” Một người mặc ‘măng tô’ khác đứng phía sau trong hành lang, và người thứ ba, người đang cầm súng, đi trước vô phòng ngủ như để chắc

chấn không có ai núp bên trong. Con Bashar gằm gừ và có tiếng cào.

“Khốn nạn!” người đó la lên, “Bảo nó bỏ tôi ra!” Ông chạy vào phòng ngủ. Ngạc nhiên thấy con Bashar đang dồn người công an vào một góc. Nó chồm lên, sừng cồ, nhe răng.

“Bashar!” ông nói. “Không. Đừng. Đừng lo. Nó không cắn đâu. Nó vô hại.”

“Thật sao?” người công an vừa nói vừa giơ tay ra. Tay đang chảy máu. “Hên cho mày là tao không bắn mày.”

“Tôi hết sức xin lỗi,” ông nói. “Chờ chút,” ông chạy lẻ vào phòng vệ sinh. Người đàn ông mũ nâu theo sát đằng sau.

“Ông làm gì thế?” Người đàn ông mũ nâu gọi. “Đứng lại.”

Nhưng ông làm lơ. Ông mở tủ thuốc, lấy thuốc khử trùng, băng, rồi quay lại phòng ngủ. Ông nắm cánh tay người công an An ninh Nội chính đang bị thương, dẫn anh ta tới bồn rửa mặt trong phòng vệ sinh.

“Đi theo tôi. Rửa sạch vết thương đã. Thật tình tôi rất lấy làm buồn về chuyện này.” Ông mở vòi cho nước chảy vô bồn, nhúng bàn tay đang chảy máu của anh ta vào.

“Chúng tôi không có thì giờ,” viên thiếu tá An ninh Nội chính nói.

“Chắc chắn là ông có thì giờ,” ông nói. Ông lau bàn tay của người bị thương, đặt anh ta ngồi lên thành bồn tắm. Rồi ông quỳ xuống trước mặt anh ta và mở nắp chai thuốc khử trùng.

“Bashar không sẵn chuột,” ông nói. “Nhưng tôi nghĩ dù sao ông cũng nên chích thuốc ngừa phong đòn gánh.”

Viên thiếu tá quay người bước ra khỏi phòng vệ sinh.

“Vali của ông đâu?” viên thiếu tá hỏi vói. Và nói tiếp, “Đưa ông linh mục kia vô đây, bảo ông ta sửa soạn đồ cho Đức Hồng y.”

Khi ông xức thuốc khử trùng, người công an co rúm lại. “Tôi xin lỗi. Chắc đau lắm,” ông nói. “Nhưng vết cắn không sâu. Giữ yên

nào.”

Ông nghe cha Finder gọi lớn:

“Thưa Đức cha, cha có muốn con dọn hành lý cho cha không? Con soạn những thứ gì đây?”

“Khoan đã,” ông nói. “Tôi không biết tại sao ai cũng gấp gáp như vậy.” Ông băng tay của người công an rồi chống đầu gối đứng lên và trở lại phòng ngủ. “Có phải ông nói chỉ ít ngày thôi? Ông đem tôi đi đâu? Vô tù?”

“Không, không,” viên thiếu tá An ninh Nội chính nói. Anh ta bước tới cửa sổ nhìn ra ngoài, rồi quay lại, mặt đầm mồ hôi. Đêm tháng Tám trời nực nhưng không đủ nóng để đổ mồ hôi như thế.

“Cha Finder, gọi văn phòng ông bộ trưởng cho tôi.”

“Văn phòng ông bộ trưởng hết giờ làm việc rồi,” viên thiếu tá An ninh Nội chính nói. “Vội lại, tôi đã có nói với ông, tôi có lệnh ở trên là ông không được điện thoại cho ai cả.”

“Tôi xin hỏi là tại sao?”

“Thưa ông, ông có vui lòng bắt đầu dọn hành lý không đấy?”

Ông đi tới tủ quần áo tìm áo sơmi. Ở đó treo toàn áo tu sĩ của ông. Thật khó mặc đồ hợp với việc đi đi lại lại trong phòng giam. Ông bất chợt ngó mình trong chiếc kính ba mảnh, thấy chiếc quần mình đang mặc rách toạc tận đầu gối.

“Tôi phải thay đồ,” ông nói với viên thiếu tá An ninh Nội chính.

“Không sao, cứ tự nhiên.”

Họ dòm chừng khi ông cởi tới đồ lót và lấy ra chiếc áo vét tu sĩ mùa hè, ông mặc áo vào, cảm thấy đau khi kéo nút tắt lên quá chỗ bị băng phía dưới bắp chân. Ông ngồi xuống, cột dây giày; xong, ông đứng lên nhìn thẳng viên thiếu tá An ninh Nội chính.

“Tôi xin phép hỏi, ông đưa tôi đi đâu vậy?”

“Chúng tôi đưa ông tới một chỗ để quản thúc bảo vệ ông,” viên thiếu tá nói. “Chúng tôi được lệnh yêu cầu ông và người của ông ở

đây hợp tác. Không được để cho ai biết là ông đã rời chỗ này, đó là chỉ thị của tôi, thưa ông.”

“Tại sao?”

“Vì sự việc xảy ra hồi tối không phải là tai nạn. Ông biết chứ?”

“Tôi biết.”

“Xin lỗi, thưa Đức cha,” cha Finder nói. “Nhưng con không nắm vững. Cảnh sát đã nói là người tài xế kia say rượu. Đây chỉ là một thủ đoạn nào đó, con chắc chắn như vậy.”

Ông lơ cha Finder. Ông lấy cái vali nhỏ từ đáy tủ áo, cho vào đó mấy chiếc áo sơ mi. Ông mở hộc tủ tìm bút tất và đồ lót.

“Tôi sẽ cần tới cuốn sách kinh,” ông nói. “Cha Finder, xin mang tới đây dùm. Nó ở trên kệ đó.”

“Lẹ lẹ lên,” viên thiếu tá An ninh Nội chính nói. Anh ta bỏ chiếc mũ đệm màu nâu xuống, bắt đầu lau mồ hôi trán.

“Ông chưa trả lời câu hỏi của tôi,” ông nói với viên thiếu tá An ninh Nội chính. “Ông có ý gì khi nói quản thúc bảo vệ?”

Viên thiếu tá An ninh Nội chính nhún vai, “Chúng tôi gọi nó là như thế.”

Ông quay vào phòng vệ sinh lấy hộp vệ sinh.

“Tay anh thế nào?” ông hỏi người công an kia. Anh ta không trả lời. Khi ông xếp xong hộp đồ dùng vệ sinh vào vali, viên thiếu tá An ninh Nội chính lập tức đóng vali lại, xách lên.

“Được rồi, đi thôi.”

“Thưa Đức cha, sách kinh đây,” cha Finder đưa sách cho ông. “Con có sẽ điện thoại cho Đức Khâm sứ Tòa thánh không?”

“Tôi nghĩ là không,” ông nói. “Vớ lại, tôi tin là Đức ông Danesi đang đi nghỉ phép. Lúc này có lẽ ông ấy đang ở Ý.”

“Tôi đã bảo ông,” viên thiếu tá An ninh Nội chính nói. “Không được điện thoại cho ai cả.”

Khi họ xuống nhà dưới, hai nữ tu Nazareth đang chờ ở sảnh

đường với Bujak, người gác cổng ban đêm. Ông hỏi, “Cha Malik đâu?”

“Con không biết, thưa Đức cha,” một trong hai nữ tu nói. “Chắc cha ấy ăn tối xong là đi ra ngoài như thường lệ.”

Bên cửa sảnh đường ông thấy chiếc áo ‘măng tô’ thứ tư. Chiếc áo ‘măng tô’ này gặt đầu với viên thiếu tá An ninh Nội chính .

“Sẵn sàng rồi, thưa thiếu tá.”

Họ dẫn ông qua ngã nhà bếp, đi theo lối vào người giúp việc dùng mé bên tòa nhà. Lối đi này không trở hướng ra đường Lazienka, mà là ra một đường phố nhỏ bên hông, có tên là Mokotowa. Ngoài cửa có hai chiếc xe chờ sẵn. Cha Finder lật đật chạy theo một bên, nói bằng tiếng La tinh:

“Con sẽ liên lạc với Giám mục Wior, và con cũng sẽ báo cho văn phòng Khâm sứ.”

Ông trả lời cũng bằng tiếng La tinh, “Khoan đã, tôi không muốn làm La Mã bận tâm về việc này. Trước hết hãy tìm cho ra người ta mang tôi tới chỗ nào.”

“Không được nói,” viên thiếu tá An ninh Nội chính nói. “Có phải đó là tiếng La tinh không? Đúng là tiếng La tinh! Tôi từng học ở trường dòng Benedict^[5].”

Lúc này họ đã ở mé cửa vào dành cho người giúp việc. Công an An ninh Nội chính chặn lối, không để các nữ tu và cha Finder theo ông ra ngoài. Trong mỗi chiếc xe đang chờ sẵn có một tài xế mặc thường phục. Xe không phải loại Lada xanh thường lệ mà là một chiếc xe thường và một chiếc Volvo đỏ. Ông nghĩ đây là loại xe phản gián mà công an dùng để lén lút theo dõi. Viên thiếu tá An ninh Nội chính dẫn ông tới chiếc Volvo đỏ, đẩy ông vô ngồi ở ghế sau. Tài xế xe Volvo này đang bôi mỡ lên kính xe đằng sau để không ai có thể nhìn ra nhìn vào. Viên thiếu tá An ninh Nội chính lên ngồi ghế trước. Các công an khác băng qua đường, leo lên chiếc một xe thùng cũ,

rồi vòng xe chạy chậm đằng trước chiếc Volvo. Xe không quẹo mặt ra đường Lazienca mà chạy dọc theo phố Mokotowa, vượt qua nhiều Ngã tư cho tới khi họ tới Cựu Quảng Trường.

“Nhà tù nào vậy?” ông hỏi viên thiếu tá An ninh Nội chính. “Chắc hẳn không phải là Cỗ thành chứ?”

“Ông không vô nhà tù,” viên thiếu tá nói. “Ông sẽ được thoải mái. Chúng tôi không phải là kẻ thù của ông, thưa ông. Chúng tôi đem ông ra khỏi thành phố trong vài ngày. Chỉ là để bảo vệ ông thôi.”

“Người đàn ông tính giết tôi hồi tối là ai vậy?”

Viên thiếu tá An ninh Nội chính không trả lời.

IV

Không phải khách sạn. Cũng chẳng phải nhà tù. Khi bị họ đưa ra khỏi xe, ông chỉ thấy một sảnh đường sâu hun hút, mấy tầng cầu thang không trải thảm, hành lang, rồi căn phòng này. Phòng gồm một giường đơn, hai chiếc ghế có tay dựa bọc nhung đã sờn, một bàn gỗ thông, một bàn giấy cũng bằng gỗ thông. Phía trên cửa lò bịt kín là một cặp gạc nai. Cửa sổ cánh lá sách khép lại.

Khi họ để ông một mình, ông lập tức mở toang cánh cửa lá sách. Bên ngoài cảnh vật tối đen. Ông khép cửa lại, nằm xuống nhưng không ngủ. Mấy tiếng đồng hồ sau, ông thấy có ánh sáng xám le lói trên sàn nhà. Ông đứng lên, cảm thấy vai đau nhức, và lại đi tới phía các cánh cửa lá sách. Ông mở chúng ra và thấy một cái sân bọc quanh là tường thành cao bằng đá. Trong sân có nhiều gà con đang mổ lòng vòng giữa đám hạt giống vừa được vãi. Đàn gà con mổ loạn xạ, lao hết phía này tới phía nọ với mắt nhìn dáo dác, vội vã. Thật vô lý, ông nghĩ, chúng cũng là những kẻ bị giam giữ ở nơi này. Cuối sân đằng kia, ông thấy một chiếc máy kéo hoen rỉ. Phía bên kia tường thành đá là cánh đồng đã vỡ đất. Xa tới tận chân trời không một ngôi nhà. Một người đàn ông đang đi vào cánh đồng. Anh ta mặc 'măng tô' thụng màu xám, đội mũ loại đi săn, tay cầm súng tiểu liên trong tư thế nâng súng lên, có thể sẵn sàng nhả đạn bất cứ lúc nào, bắn tan nát bất cứ sinh vật nào dù nhỏ bé nhất. Nhưng người ấy không phải là kẻ đi săn. Cuối đồng kia cánh đồng xuất hiện người đàn ông thứ hai, cũng khoác 'măng tô' thụng màu xám và cầm súng tiểu liên. Người đàn ông thứ hai đưa tay vẫy người đàn ông thứ nhất rồi cùng biến khỏi tầm mắt. Họ là Công an Nội chính.

Lũ gà con, chiếc máy kéo, toà nhà, trông giống như thôn trang

của một phần tử quý tộc tiền chiến nào đó, đều là nguy trang nhằm đánh lạc hướng sự chú ý của người đi ngang. Rất có thể chỗ này là một trong những toà nhà bí mật mà chế độ này đem về đây những người từng là nhân vật quan trọng, rồi sau đó, người ấy đột nhiên biến mất tăm mất tích. Ông sờ tìm đồng hồ của mình, chợt nhớ ra nó đã bị vỡ. Thông thường, ông thức dậy lúc sáu giờ rưỡi rồi làm lễ ở nguyện đường Nhà Chung. Hôm nay, hẳn ông phải trì hoãn việc làm lễ cầu hồn cho Joseph ở nhà thờ chánh toà. Ôi Joseph. Tôi hi vọng cha Finder nhớ ra mà sửa soạn. Nhưng sau đêm vừa qua, liệu có ai còn nhớ được điều gì không? Các Giám mục sẽ hành động như thế nào về sự biến mất của tôi? Liệu họ có sẽ công khai tuyên bố sự kiện tôi bị bắt? Tôi hi vọng là không. Ông lại ngó ra ngoài, qua cánh đồng trống. Mặt trời đang lên đằng sau màn sương xám ban mai. Hôm nay sẽ nóng, một trong những ngày hè như thế này khi các công viên và phố xá ngột ngạt, nhom nhớp; khi tính tình khó tự chế và người ta ra ngồi ban công trong tình trạng nửa quần nửa áo, uống trà đá, than thở không biết đi phương nào cho người bớt nóng. Những ngày này, các thánh đường trong thành phố trống trải, mờ tối, dịu mát và yên tĩnh, nhưng không người nào tính chuyện tới nhà thờ.

Ông xoay lưng lại với cửa sổ, cúi đầu và bắt đầu các lời kinh buổi sáng. Sau vài phút, ông nghe tiếng bước chân ở hành lang bên ngoài. Ông quay người về hướng tiếng động đó và lần đầu tiên ông để ý thấy trong phòng có bồn rửa mặt và người ta có để cho ông xà phòng với khăn lau. Ông tìm hộp đựng đồ vệ sinh của mình, bắt đầu cạo râu. Khi mở vòi nước, ông nghe có ai đó ở phòng bên cạnh. Người đó ho xong thì bước qua sàn phòng, vặn vòi nước. Chắc là vách rất mỏng. Ông đi tới vách, gõ thử và chờ. Có tiếng gõ lại.

“Này,” ông nói, cất cao giọng.

“Nói nhỏ chứ,” người đàn ông bên kia vách nói. “Ông là ai?”

“Một linh mục.”

“Vậy sao? Tôi cũng vậy. Tôi là cha Prisbek. Cha tên gì?”

“Bem.”

“Đức Hồng y Bem?”

“Vâng.”

“Vậy đúng rồi,” giọng nói bên kia vách lên tiếng. “Có phải họ đưa Đức giáo chủ vô đây tối qua?”

“Đúng. Cha ở đây bao lâu rồi?”

“Họ đang tới đó,” giọng đó nói.

Khoảnh khắc sau ông lại nghe có tiếng chân bước nơi hành lang. Tiếng chân dừng lại ở phòng bên và ông nghe giọng nói thì thầm, tiếng cửa mở, rồi tiếng chân rút lui. Ông lại đi tới bức vách và gõ.

“Có cha đó không?” Không tiếng trả lời. Xa thật xa ông nghe tiếng hét lớn, như có ai đó đang ra lệnh. Rồi lại nghe có tiếng chân đi. Lần này tiếng chân tới thẳng phòng ông. Chìa khoá xoay trong ổ.

Sáng nay viên thiếu tá An ninh Nội Chính mặc áo len màu nâu và quần nhung sọc xám. Anh ta bưng một chiếc khay trên đó có tách trà, chiếc muỗng, một khoanh bánh mì phết bơ và hai bình nhỏ, một đựng mật, một đựng đường.

“Chào ông,” viên thiếu tá nói, đi vào và đặt chiếc khay xuống bàn. “Chúng tôi không biết ông dùng trà với mật hay với đường nên tôi đem cả hai.”

“Cám ơn,” ông nói.

Viên thiếu tá mỉm cười lấy cảm tình và lui ra cửa. “Chốc nữa tôi sẽ trở lại, thưa Đức cha.”

“Chờ chút. Tôi muốn nói với kẻ thẩm quyền ở đây, và ngay lập tức.”

“Được thôi,” viên thiếu tá nói.

“Và rất gấp.”

“Vâng,” viên thiếu tá nói. “Vâng.”

Cửa đóng. Ông để ý thấy viên thiếu tá không khóa lại: khi tiếng chân rút lui hẳn, ông cầm tách trà nóng lên, đi trở lại phía cửa sổ. Phía dưới sân có hai người đang đi lui đi tới, trò chuyện giọng thấp và có vẻ khẩn trương. Một người là linh mục, trẻ tuổi, cao, với bộ râu đỏ lơ thơ. Người kia là một phụ nữ trung niên tròn đầu bằng khăn lúp ngấn màu trắng và y phục tu sĩ màu xanh. Ông không nhận ra dòng tu. Ông tìm chiếc ‘măng tô’ nào đó chắc là đang canh gác họ, nhưng trong sân không có chiếc ‘măng tô’ nào. Nhìn quá vòng tường thành tới cánh đồng nơi lúc nãy ông thấy có hai công an An ninh Nội Chính ngụy trang làm người đi săn đang đi tuần. Nhưng lúc này ở đó không có người công an Nội chính nào.

Đột nhiên không suy nghĩ, ông gọi vọng xuống sân, “Này đằng kia! Này?”

Người nữ tu ngưng nói chuyện, nhìn lên ông. Rồi bà quay qua như thể chờ sự chỉ dẫn của người linh mục trẻ. Người này lập tức ngấm ngầm làm một cử chỉ nhỏ như thể không muốn bà trả lời. Với một cái gật đầu, bà đi theo người linh mục trẻ, khuất quá khung cửa sổ. Ông quan sát người nữ tu, bắt kịp khi bà cất chân chạy. Cả hai biến mất đằng góc sân.

Nhà tù này thuộc loại nào đây? Trong mấy tháng nay không có báo cáo nào về linh mục bị bắt. Ông bộ trưởng Tôn giáo Sự vụ cam đoan với ta rằng các linh mục, dù cực hữu nhất, cũng đã được trả tự do. Hay là đã có một đợt bắt bớ mới trong hai mươi bốn giờ vừa qua. Ông quay người khỏi cửa sổ và nhớ ra viên thiếu tá đã quên khóa cửa. Ông đặt tách trà xuống, mở cửa, bước ra ngoài đi dọc hành lang.

Phòng bên cạnh lúc này trống, cửa khép hờ. Ông nhìn vào. Có một bồn rửa mặt, một chiếc giường không có gối hoặc mền. Ông bước dọc theo hành lang. Với sự hoàn toàn vắng lặng này, ông có cảm tưởng trong nhà không có người tù nào khác. Cuối hành lang là

tầng cầu thang không trải thảm mà ông nhớ mình từng thấy đêm qua. Ông đi xuống. Trên vách sảnh đường, ông đọc thấy một bản chữ khắc đã phai mờ theo thời gian: *Quận Ostrof học viện canh nông thời gian dạy: 4 tháng Giêng - 30 tháng Năm 1 tháng Chín - 23 tháng Mười hai*. Bên trái sảnh đường là phòng ăn rộng của học viện. Đang trống. Có các bình thuốc rửa bát đĩa đã dùng trên các bàn gỗ. Bên phải sảnh đường ông thấy một phòng bên trong có chiếc bảng dạy học màu xanh lá cây, chiếc kệ của thầy giáo và bục giảng. Cũng đang trống. Xa cuối đằng kia toà nhà, ông nghe có âm thanh nhỏ rồi lớn dần thành tiếng chân của ai đó đang đi tới gần. Cánh cửa bọc len màu lục bên rìa sảnh đường mở đánh rầm và viên thiếu tá An ninh Nội chính xuất hiện trong tầm mắt. Anh ta cười.

“Không sao,” anh ta nói. “Tôi thấy là ông đã tìm được lối xuống nhà dưới. Xin lỗi tôi không trở lại gặp ông như đã hứa. Nhưng mọi người đang họp.”

“Mọi người là ai vậy? Đây là chỗ nào?”

“Quan trọng gì đâu chuyện nơi chốn,” viên thiếu tá An ninh Nội chính nói. “Nhưng tôi có tin tốt cho ông. Vị thẩm quyền mà ông muốn gặp sẵn sàng tiếp ông. Xin ông vui lòng đi theo lối này.”

Họ đi ngang cánh cửa bọc len màu lục và vào hành lang bên cạnh, ông đoán có lẽ dẫn tới nhà bếp. Hết hành lang tới một căn phòng nhỏ, một loại văn phòng, với những thông báo của trường canh nông dính trên tám bảng cáo thị làm bằng ruột bần và một bàn giấy lớn có bánh xe đẩy, trên bàn để rải rác và bừa bộn mấy cái khay đầy thư từ. Sau bàn giấy có một người đang ngồi viết. Ông ta nhìn lên, ra dấu chỉ vào chiếc ghế đặt phía trước bàn giấy. Viên thiếu tá An ninh Nội chính mỉm cười và rút lui, đóng cửa.

Người ngồi sau bàn giấy mặc áo vét bằng một loại da cá mập màu xám, dường như đó là màu đồng phục không chính thức của giới chức An ninh Nội chính cao cấp. Tóc thừa thớt màu nâu mọc

chởm lên như ánh hào quang phát ra từ sau gáy. Da ông hồng và sạch như thể vừa tắm hơi. Ông hút thuốc lá dài loại Nga, có đầu lọc chiếm tới nửa điếu. Lúc này, ông ta đang phả khói thuốc, cười phía sau màn khói trông giống như sau một chiếc mặt nạ.

“Tôi là đại tá Poulnikov,” ông nói. “An ninh Nội chính. Tôi tin là ông muốn gặp tôi, đúng không nào?”

“Tôi muốn nói chuyện với ông bộ trưởng Tôn giáo Sự vụ, lập tức.”

“Tôi được ủy quyền phát biểu thay cho ông bộ trưởng.”

Ông nhìn người đó. Không có dấu hiệu thù nghịch nào trên nét mặt của đại tá Poulnikov. Trong quá khứ, hễ khi nào ông nói chuyện với thượng cấp của những người ‘măng tô’ thì ở cả hai bên, bầu khí bao giờ cũng lễ độ quá đáng. Chắc chắn trước đây chưa xảy ra loại bầu khí nào như thế này.

“Thưa đại tá, ông nói cho tôi biết, có phải ông dự tính sỉ nhục tôi không?”

“Tôi không hiểu.”

“Tôi là Hồng y giáo chủ của xứ sở này, thủ lãnh của Giáo hội. Trong quá khứ, ông bộ trưởng, những người đồng sự của ông, và quả thật, ngay cả thủ tướng đều luôn luôn gọi tôi bằng tước hiệu, hoặc ít ra là Đức cha.”

Nước da hồng của người ấy chợt đỏ bừng, làm ông ta có vẻ trẻ hơn trước.

“Thưa Đức Hồng y giáo chủ, tôi xin ông tha lỗi,” đại tá Poulnikov nói. “Tôi thật là vô ý. Xin Đức cha nhận lời xin lỗi của tôi. Tôi e rằng mình không có kinh nghiệm tiếp xúc với các Hồng y.”

“Được rồi, chúng ta cho qua việc đó. Lúc này, xin ông vui lòng cho biết tại sao tôi bị bắt và bị đem tới đây? Và chỗ này là chỗ nào?”

“Đây là một trường cao đẳng canh nông, thưa Đức cha. Lúc này trường không dùng tới vì nghỉ hè như ông đã biết. Vì thế chúng tôi tiếp quản nó làm nơi cho ông tạm trú. Thưa Đức cha, ông không bị

bắt. Ông được quản thúc để bảo vệ, chỉ trong khoảng chừng một tuần lễ thôi. Chúng tôi đã bố trí một linh mục để làm tuyên úy cho ông, làm phụ tá hoặc bất cứ danh xưng nào mà ông gọi. Như tôi đã nói, tôi không thành thạo ăn nói với giới tu hành. Và chúng tôi cũng có một nữ tu, Dì Martha, sẽ trông coi việc nội trợ. Chúng tôi hết sức hi vọng rằng ông sẽ cảm thấy thích thú khi ở lại với chúng tôi và sẽ không xảy ra sự cố nào.” Ông ta cầm lên một hộp thuốc lá khắc bằng mẫu tự Slave^[6]. “Ông hút thuốc không, thưa Đức cha.”

“Ông có phải là người Nga không?”

Thêm lần nữa, mặt viên đại tá lại thành linh hình như ửng đỏ.

“Tôi ngạc nhiên khi nghe ông hỏi như vậy, thưa Đức cha. Tôi nghĩ là mẹ của ông sanh quán ở tỉnh Kripke. Tôi cũng vậy.”

“Tôi xin lỗi,” ông nói. “Tha lỗi cho tôi, lý ra tôi không được quyền khiếm nhã. Tôi nghĩ là sáng nay mình hơi hoang mang. Xin ông có thể làm ơn nói cho tôi biết lý do của việc quản thúc bảo vệ này, được không?”

“Thưa được,” viên đại tá nói. “Dứt khoát là được thôi. Có ai đó - chúng tôi nghĩ là các phần tử cực đoan của một nhóm hữu khuynh nào đó - chúng tôi chưa xác định chính xác được lý lịch của người đàn ông chết tối qua vì anh ta mang giấy tờ giả, nhưng, như tôi đã nói, tối qua có ai đó mưu sát ông. Và chúng tôi có lý do để tin rằng mạng sống của ông vẫn còn lâm nguy. Thế thì ý kiến của ông bộ trưởng là, nếu âm mưu ám sát ấy mà có kết quả thì sẽ gây bất ổn sâu xa và làm cho Quốc gia lâm nguy về nhiều mặt mà...” Viên đại tá để lửng câu nói và thay vào đó, cầm điếu thuốc lá lên, thổi phù phù cho khói bay tán loạn như thể đang mô phỏng một vụ nổ. “Vậy, chúng tôi cảm thấy như thế đó, cho đến khi chúng tôi theo dõi và bắt được nhóm khủng bố ấy. Tốt nhất là không ai hay biết gì về hành tung của ông, kể cả giới thẩm quyền của Giáo hội.”

“Tôi xin phép hỏi, tại sao?”

“Vì thừa Đức Cha, chúng tôi có lý do để tin rằng nhóm này có thể móc nối được với những thành phần bên trong bản thân Giáo hội.”

“Ông có ý nói rằng những người đang mưu sát tôi là người Công giáo?”

“Theo ý kiến của ông bộ trưởng, thừa Đức cha, cái đó còn hơn là giả thuyết. Nó là một thực tế.”

“Khôi hài.”

“Vậy sao?” Gò má hồng hào của đại tá Poulnikov lại ửng đỏ như thể có cái gì đó làm ông ta bị sốc. Tiếng ông cất lên sắc cạnh, giận dữ, “Đối với họ, ông là một Giáo chủ phản bội Giáo hội, một Hồng y đã bán mình cho Cộng sản. Ông đã trao cho Caesar^[7] cái của Thiên Chúa.”

Ông nhìn chòng chọc viên đại tá, “Có phải đó là điều họ nói về tôi?”

Viên đại tá, ngượng nghịu một cách kỳ quặc, gật đầu và cười, “Đúng vậy, thừa Đức cha, đúng.”

“Và họ muốn giết tôi?”

“Một số người trong bọn họ, đúng. Cánh điên rồ mất trí, tôi đoán như vậy.”

Trong văn phòng bừa bãi lộn xộn, sự im lặng tiếp theo câu nói đó bị phá vỡ bởi tiếng vo vo của lũ ruồi trong nhà bay va vào kính cửa sổ. Mùa hè nóng, ánh nắng ban mai tràn qua mấy chiếc khay bệ bộn thư từ trên bàn giấy của viên đại tá. Trong những gì ông ta nói có một thâm quyền: hằng ngày ông ta tắm trong vôi nước ngôn từ được tuôn ra và được khởi hứng bởi căm ghét và tham lam, trong những bản báo cáo mật do những cuộc trò chuyện khinh suất, trong những tố cáo được hận thù truyền cảm hứng, những lời khai sau khi bị tra tấn. Chính công việc của Nhà nước là biết các vụ việc đó. Về mặt này, khả năng hiểu biết của Giáo hội không chút nào so sánh nổi.

“Ông nói rằng ông không biết những người đó là ai?”

“Không, thưa ông, chưa. Nhưng chúng tôi hi vọng là nếu Đức cha ở lại đây làm khách của chúng tôi trong ít ngày, chúng tôi có thể phát hiện và bắt được những kẻ có trách nhiệm.”

“Vậy thì tôi phải nói chuyện với ông bộ trưởng.”

“Tôi e rằng không thể được, thưa Đức cha.”

“Phải được! Ông có biết - và đương nhiên ông biết - ngày Thứ Ba tới là Đại hội Năm mươi năm tại Rywald? Tôi phải tham dự các nghi lễ ở đó. Ông cứ nói với ông bộ trưởng rằng nếu tôi không được để cho dự đại hội đó thì ông ấy sẽ có sự xáo trộn trong tầm tay mình.”

“Loại xáo trộn nào, thưa Đức cha?”

“Tôi không muốn thảo luận việc đó với ông.”

Viên đại tá đứng lên, hơi nghiêng mình chào theo lối cổ điển.

“Tôi sẽ trình với cấp trên của mình sớm nhất có thể được. Ông dùng sáng chưa?”

“Rồi.”

“Có lẽ lúc này ông thích đi dạo? Sáng nay đẹp trời.”

“Đi dạo?” ông nói. “Ở đâu? trong sân nhà tù này ư?”

Viên đại tá cười, “Không, không, đây không phải là nhà tù, thưa Đức cha.” Ông ta bước tới cửa, mở ra. Ở hành lang bên ngoài, vị linh mục râu đỏ đang ngồi trên chiếc ghế gỗ thô mộc sách kinh.

“Cha Prisbek?”

Vị linh mục đứng lên. “Vâng.”

“Đức cha muốn đi dạo.” Viên đại tá quay lại, mỉm cười, rồi lại hơi nghiêng mình. “Tôi sẽ liên lạc với ông liền ngay thôi, thưa Đức cha.”

Vị linh mục râu đỏ gật đầu, ra hiệu cho ông đi theo như thể họ sắp bắt đầu một vòng thanh tra trường học hoặc cô nhi viện nào đó. Ông đi với vị linh mục dọc hành lang qua cánh cửa bọc len màu lục thẫm tới sảnh đường phía trước. Trong sảnh đường, người nữ tu mập mạp đang ngồi trên băng ghế đặt tay lên đùi. Bà nhìn ông

ngượng ngịu rồi đứng dậy, cúi đầu xuống trong một cử chỉ tôn kính.

“Đây là Chị Martha,” vị linh mục râu đỏ nói. Bà lại cúi đầu thêm lần nữa. “Và con là linh mục Prisbek.”

Ông thấp giọng thì thầm, “Chúng ta có trò chuyện với nhau rồi. Qua bức vách.”

“Có phải chúng ta sắp ra ngoài không?” người nữ tu hỏi.

Nhưng không có ai khác trong sảnh đường. Cha Prisbek mở cánh cửa nặng nề phía trước. Cả ba bước ra ngoài. Thêm với lũ gà con trong sân là bốn con bò Hà lan đang ở trong chuồng và kế bên chiếc máy kéo han rỉ có ai đó chõng mấy bao phân to tướng. Họ đi ra phía cổng. Cha Prisbek mở cổng bằng cách nâng thanh sắt nặng đang cài qua ngàm ở chính giữa. Bên ngoài, họ đi từng bước thận trọng tránh vũng phân bò nơi người ta tập trung bò lại chờ lừa vào chuồng trong sân nhà.

“Lối này, thưa Đức cha,” cha Prisbek nói.

Ông chỉ tới khu vực đằng trước nhiều cây cối trông như một cụm rừng. “Chỗ ấy yên tĩnh, một nơi đi dạo thật dễ thương.”

Người nữ tu lại lăm lét nhìn quanh và đi tới sát bên ông khi họ bước vào con đường dài dẫn tới cụm rừng.

“Chúng con rất lấy làm tiếc khi nghe về người tài xế của cha,” bà nói. “Những người vô tội, thưa Đức cha, họ là những người chịu đau khổ.”

“Ai nói với chị chuyện người tài xế của tôi?”

Thêm lần nữa, bà lại nhìn quanh theo lối lăm lét của mình dù ông ngạc nhiên thấy là không có người canh gác nào ở trong tầm mắt ông.

“Những người mặc măng tô. Họ kể với chúng con sáng nay.”

“Chị ạ, vậy chị ở đây bao lâu rồi?”

“Ba ngày, thưa Đức cha.”

“Còn cha?” ông quay qua cha Prisbek đang đi sau ông một bước.

“Cũng ba ngày, thưa Đức cha. Người ta mang cả hai chúng con vào đây cùng một ngày.”

“Tại sao?”

Cha Prisbek nhún vai.

“Con không biết. Họ nói với chúng con cha sắp tới ở lại đây và chúng con phải giúp cha ở lại đây hết sức thoải mái có thể được.”

“Có điều tai nạn chỉ mới xảy ra tối qua,” ông nói, ngưng lại nhìn cả hai người nhưng họ đang đều bước như thể vừa rồi ông chẳng nói gì cả.

Cuối cùng người nữ tu cất tiếng, giọng thì thầm, “Con nghĩ là họ mang chúng con tới đây vì họ muốn làm vui lòng cha, thưa Đức cha.”

“Chị đang nói cái gì vậy? Tại sao chính phủ muốn làm vui lòng tôi?”

“Vì họ kính trọng cha, thưa Đức cha. Họ biết cha đang hết lòng hết sức giúp đỡ họ.”

Ông lén lút nhìn bà khi họ cùng bước. Bà có một nốt ruồi đình râu lớn trên má. Có điều gì đó trong thái độ lăm la lăm lét của bà làm ông lo ngại; và xét lại những gì bà nói, ông kết luận rằng tại nơi này bà không phải là tù nhân. Bà và cha Prisbek có lẽ là thành viên của Tổ chức Tu sĩ Yêu nước, một nhóm Công giáo do cha Bialy thành lập, được chính quyền bảo trợ vì họ chấp nhận những mục tiêu và chỉ dụ của Đảng. Đó là lý do không có ai canh gác họ. Đây là hai người gác của ta.

“Cha Prisbek, tên của giáo xứ cha là gì nhỉ?”

“Con không phụ trách giáo xứ?”

“Vậy cha ở cơ sở nào?” Ông thoáng thấy cha Prisbek ngài ngại. Có thể ông ta không chút nào là linh mục.

Rồi cha Prisbek nói, “Con lo việc dạy toán ở Chủng viện Majanow.”

Nói dối. Majanow thuộc địa phận của Giám mục Bednortz và là đất lửa, nơi Tu sĩ Yêu Nước không xây dựng nổi cơ sở. Tuy thế, người ta có thể huấn luyện người đàn ông này đóng vai trò của ông ta.

“Những người gác đầu rồi?” ông hỏi, bằng tiếng La tinh.

“Họ đang quan sát chúng ta từ tường thành,” cha Prisbek trả lời lập tức. Thế thì người này là linh mục.

“Cha Prisbek, những người mang mạng tôi nói nhiệm vụ của cha ở đây là gì?”

“Con sẽ hoạt động như một tuyên úy của cha. Con đã chuẩn bị để cha có thể làm lễ misa ở đây.”

“Còn chị nữa?”

“Người ta bảo con cha bị loét bao tử và cha cần một chế độ ăn kiêng đặc biệt. Con sẽ lo liệu các bữa ăn cho cha.”

“Họ bị lỗi thời rồi.”

“Con không hiểu, thưa Đức cha?”

“Tôi không còn ăn uống kiêng khem đặc biệt nữa. Dù sao thì cũng thích đáng. Hể bao giờ nói chuyện được với ông bộ trưởng Tôn giáo sự vụ là tôi rời đây ngay.”

Ông thấy họ nhìn nhau.

“Có phải bộ trưởng đó là bạn của cha không, thưa Đức cha?” người nữ tu hỏi.

“Dĩ nhiên không.”

“Nhưng ông ấy không phải là kẻ thù,” người nữ tu nói với nụ cười kỳ dị. “Con có ý nói là cha không coi ông ta như kẻ thù, phải không, thưa Đức cha?”

“Tôi không coi người nào là kẻ thù của tôi cả,” ông nói. “Chị ạ, chị cũng nên như vậy.”

Họ tới cụm rừng. Đằng trước, giữa cây cối, ông thấy một lối đi mòn dẫn tới một cái trảng cỏ đặt bàn picnic và các băng ghế

gỗ. Khi họ theo đường mòn đi lên thì thành linh trên đầu vang tiếng ầm ầm điếc tai. Giống như bóng của thần chết, một lần đen che hết mặt trời. Rồi lần đen ấy có hình thù bên ngoài như một miếng xì gà bằng bạc của một chiếc phản lực, bay thấp trên cụm rừng như thể nó sà xuống gần đường mòn để hạ cánh. Nhìn lên, ông thấy rất nhanh, cánh máy bay đánh dấu và tự xác định với chữ *LOT*, dấu hiệu của hãng hàng không Ba Lan thường bay vào thủ đô mỗi tuần hai lần. Một chiếc phi cơ thuộc đường bay quốc tế, lướt qua thấp như thế hẳn có nghĩa chúng đang ở cách thành phố không xa. Khi tiếng động giảm bớt, ông nhìn cha Prisbek, trên môi ông đang đậu một câu hỏi, một câu mà ông quyết định sẽ không hỏi. Cha Prisbek nói dối. Cha Prisbek và người nữ tu có thể được bố trí để moi cho ra những thâm kín của ta, để giúp những người ‘măng tô’ biết các ý nghĩ của ta. Mình đừng nói gì cả. Ông nghĩ tới Joseph. Khi cả ba đi tới cái trảng nơi đặt chiếc bàn picnic, ông dừng chân, quay qua cha Prisbek.

“Cha nói là đã chuẩn bị cho tôi làm lễ misa ở đây?”

“Vâng, thưa Đức cha.”

“Vậy thì tốt lắm. Tôi muốn cử hành thánh lễ sáng nay cầu cho linh hồn người tài xế của tôi được an nghỉ. Có thể chuẩn bị việc đó được chứ?”

“Chắc chắn được, thưa Đức cha.”

“Vậy chúng ta làm ngay lập tức.”

V

Bàn thờ trên đó ông biến bánh và rượu thành Mình và Máu Đức Kitô, trong thực tế, là chiếc kệ dạy học của một nhà giáo vô danh nào đó, đặt đằng trước tấm bảng màu xanh lá cây đầy bụi. Trên bảng còn nguệch ngoạc dấu vết những hàng chữ viết bằng phấn trắng. Mọi lần, trong thánh lễ ông không bao giờ để ý tới chung quanh mà chỉ nhập tâm vào tính chất huyền nhiệm và phép lạ của hi tế thiêng liêng. Nhưng lúc này, khi bái gối trước cái tạm thờ dùng làm bàn thờ và nói lời cầu mong những người dự lễ thừa của mình rằng, “Lễ xong, chúc anh chị em về bình an,” ông lại nghĩ tới những thánh lễ do các anh em linh mục của mình cử hành trong các nhà tù và các trại tập trung, trong số họ rất nhiều người đã chết trong tình trạng giam cầm suốt những năm dài người Đức chiếm đóng. Ông là cậu học sinh mười lăm tuổi khi chiếc xe bọc sắt đầu tiên của Sô Viết chạy vào đường phố thủ đô, đánh bật người Đức, san bằng hết ô phố này tới ô phố khác. Trong khi các thiếu niên cùng thế hệ ông đang tiếc là mình quá trẻ không kịp tham gia cuộc chiến thì ông lại cảm thấy tính cách giả dối của việc vinh danh sự đau khổ vì giam cầm và ngược đãi nhân danh Đức Kitô.

Lúc này, nhớ lại thuở đó, ông hướng mặt tới các cai tù của mình, làm dấu ban phép lành, thấy cha Prisbek, người vừa giúp lễ đang đứng giữa các bàn ghế lộn xộn trong phòng học, và người nữ tu kì dị, đang quì ở lối đi giữa những chiếc bàn học nằm rải rác ấy. Bên cạnh cửa ra vào, súng tiểu liên lủng lẳng trên vai hai người mặc ‘măng tô’ thụng; và đang băng ngang phòng là viên thiếu tá An ninh Nội chính với thái độ gần như quần trí. Anh ta không nhìn lên bàn thờ nhưng nhìn quá ra đằng sau, tới chiếc bảng dạy học. Và lúc này,

thấy ra mình đang bị quan sát, anh ta cố mỉm miệng cười:

“Một nơi lạ thường để cử hành phụng vụ, thưa Đức cha.”

“Không hẳn thế. Thánh lễ cũng đã được cử hành trong một số nhà tù của chúng ta, phải không?”

“Tôi không biết,” viên thiếu tá nói, lạng người vòng qua bàn thờ, đi tới tấm bảng. Anh ta cầm miếng giẻ lau bảng lên. “Phải chùi sạch cái này cho ông,” anh ta nói với nụ cười giả tạo. “Chúng tôi muốn tỏ lòng hoàn toàn tôn trọng ông.”

Trên tấm bảng đang có cái gì mà anh ta muốn dấu? Ông quan sát thấy viên thiếu tá bắt đầu chùi cho bằng hết những chữ viết nguệch ngoạc. Chỉ có mình là có thể giải đoán được thôi, và ông ghi nó vào trí nhớ, vài giây trước khi miếng giẻ lau sạch: *Ngày 27. 12 giờ RY. JASNA. Ban 11.*

“Nếu ông quá lo lắng về việc biểu lộ lòng tôn trọng tôi,” ông nói với viên thiếu tá An ninh Nội chính, “thì ông hãy tìm cách cho tôi liên lạc được với ông bộ trưởng Mazun.”

Nghe vậy viên thiếu tá có vẻ thích thú.

“Thật ra,” anh ta nói. “Tôi chỉ tới đây để nói cho ông biết là đã chuẩn bị được cái gì đó. Xin ông vui lòng đi theo tôi.”

“Cha Prisbek?”

Vị linh mục râu đỏ bước tới. Ông trao cha Prisbek dây các phép và cởi sợi thắt lưng cột áo alba^[8] - chiếc áo thụng trắng mặc bên trong áo lễ - mà cha Prisbek đã cung cấp. Rồi ông đi theo viên thiếu tá băng qua các chiếc bàn nằm rải rác. Lần này, khi tới sảnh đường, họ không đi qua cánh cửa bọc len màu lục để tới văn phòng của đại tá Poulnikov mà là đi theo ba đợt cầu thang lên tới nóc toà nhà. Nơi đó, trong một gian phòng rộng như một rừng thượng nằm sát mái nhà nghiêng nghiêng đầy bụi, người được gọi là đại tá Poulnikov đang ngồi với một người đàn ông khác trên hai ghế xếp, cả hai đang cúi húi trên chiếc bàn dài. Trên bàn có ba máy điện thoại quay tay,

một máy phát sóng ngắn và một hộp kim loại đựng thiết bị điện tử khá lạ nào đó. Viên đại tá lập tức đứng lên, vẫn nghiêng người chào theo lối cổ điển.

“Ông đi dạo thú vị chứ, thưa Đức cha? Nếu có điều gì khiếu nại thì xin ông vui lòng cho biết để tôi giải quyết.”

Ông phớt lờ lời nói đó.

“Việc ông bộ trưởng tới đâu rồi?” ông hỏi.

“Xong ngay thôi.” Viên đại tá ra hiệu cho người đàn ông ngồi sau bàn.

Người này mang ủng cao su kiểu Wellington^[9] màu lục, đế dính bùn đặc quánh, bắp chân quần xà cạp nhung màu nâu và mặc áo khoác dài như thể anh ta mới làm việc đồng áng về. Anh ta quay máy điện thoại rồi nhìn vào màn hình nhỏ trên chiếc hộp thiết bị điện tử.

“Vừa mới chuyển tới,” anh ta nói và chỉ chiếc ghế xếp bên cạnh chiếc điện thoại quay tay thứ hai, “Xin mời ngồi.”

Có tiếng chuông reng. Người mang ủng Wellington cầm ống liên hợp của máy điện thoại quay tay thứ nhất lên, lắng nghe rồi chỉ vào chiếc thứ hai, “Xin cầm ống lên, thưa Đức cha.”

Ông làm theo lời bảo của anh ta. Thông thường, khi ông điện thoại từ Nhà Chung tới các văn phòng bộ trưởng ở đường Lubinora thì thư ký của ông liên lạc sắp xếp trước với thư ký các bộ. Kể đó, bằng cử chỉ tôn trọng Nhà nước, ông tự để cho mình là người phải đợi, sẵn sàng cho tới lúc một bộ trưởng cầm ống liên hợp lên. Nhưng lúc này, ông mới cầm ống liên hợp lên thì đã có ai đó đang đợi ông sẵn.

“Alô?” một giọng nói xa lạ cất lên. “Alô?”

“Hồng y Bem đây.”

“Thưa Đức giáo chủ, tôi là Starin, phụ tá bộ trưởng. Ông bộ trưởng hiện đang ở Gudno và không thể tiếp xúc được bằng điện

thoại. Có một cuộc họp của Tu sĩ Yêu Nước đang diễn ra ở đó. Tôi được ủy quyền xử lý khi ông ấy vắng mặt.”

“Starin?” ông nói. “Chúng ta gặp nhau chưa nhỉ?”

“Gặp rồi, thưa Đức cha, nhưng tôi không biết Đức cha có nhớ ra không?”

Cả ba người đều quan sát ông - viên đại tá, viên thiếu tá An ninh Nội chính, người mang ủng Wellington - khi ông rần sức mừng tượng bộ mặt của người đang nói trong điện thoại.

“Có phải trong cuộc họp hồi tháng Tư không?”

“Thưa Đức cha không. Cái ông vừa nói là cuộc họp riêng giữa ông và ông bộ trưởng.”

“Vâng, vâng, đúng vậy.”

“Chúng ta đã gặp nhau trước đó, thưa Đức cha. Nhưng như tôi đã nói, chuyện đó chẳng quan trọng gì. Ông chắc không nhớ. Lúc này thưa Đức cha, tôi có thể giúp được gì cho ông đây?”

“Tôi không yêu cầu đem tôi tới đây. Tôi không cần quần thúc bảo vệ. Sự biến mất của tôi vào lúc này sẽ là một đe dọa lớn lao cho sự ổn định còn hơn bất cứ ‘cái gọi là’ âm mưu nào đó không muốn cho tôi còn sống.”

“Thưa Đức cha, không có chút nào ‘cái gọi là’ về âm mưu không muốn cho ông còn sống. Có người muốn giết ông và chúng tôi có lý do để tin rằng họ sẽ mưu sát ông nữa.”

“Được. Vậy thì, ai đang mưu sát tôi?” “Chúng tôi không biết, thưa Đức cha. Có thể họ là những người Công giáo không đồng ý với các chính sách của ông.”

“Nhưng cái đó khôì hài. Người Công giáo mà mưu sát một linh mục Công giáo? Thưa ông Starin, tôi sợ rằng cái đó tuyệt đối vô nghĩa.”

Trong khi nói, ông thấy ba người chung quanh ông liếc mắt nhìn nhau. Ông không hiểu ý nghĩa của những cái liếc mắt đó. Rồi giọng

trong điện thoại cất lên:

“Thưa Đức cha, xin phép hỏi ông một câu. Ông sẽ làm gì nếu có người nói với ông là trong thời gian ba ngày Đại hội Kỷ niệm Năm mươi năm tại Rywald, Giáo hội sẽ tuyên bố rằng không còn có hiệp ước tôn giáo giữa Giáo hội và Nhà nước nữa và rằng đã tới lúc nhân dân của xứ sở này công khai thách thức chính quyền bằng sự biểu dương ý chí của dân tộc.”

Ông nhìn vào những bộ mặt đang quan sát mình. Ông nhận ra họ đang vặn lớn một nút nào đó trong hộp thiết bị điện tử để có thể nghe rõ lời của Starin ở đầu dây đằng kia, Họ - viên đại tá, viên thiếu tá và người mang ủng Wellington - cũng đang chờ câu trả lời của ông. Ông nói:

“Nếu tôi được bảo cho biết việc như vậy, tôi sẽ nói như thế này. Tôi là thủ lĩnh của Giáo hội tại đất nước này, và vì thế, tôi là người duy nhất được trao quyền để đưa ra quan điểm loại đó. Và tôi sẽ công khai và lập tức phủ định bất cứ lời phát biểu nào như vậy.”

Ông thấy các bộ mặt đang quan sát ông lại trao đổi những cái liếc mắt thăm lén. Kế đó, Starin nói:

“Đó chính xác là điểm chúng tôi hiểu, thưa Đức cha. Và vì vậy, như ông thấy đó, nếu có một âm mưu như thế, tôi có ý nói âm mưu dùng Đại hội Năm mươi năm cho những mục đích phản cách mạng, thì đối với họ, việc thiết yếu đầu tiên là phải loại trừ ông.”

“Bằng hành động giết tôi? Cái rắc rối với những người như các ông là các ông lúc nào cũng nghĩ rằng mọi người đều sử dụng những phương cách giống như các ông sử dụng.”

“Thưa Đức cha, tôi chưa nói hết. Giả dụ những người ấy - những người cực đoan - tôi không nói là họ đại diện cho đa số người Công giáo ở đất nước này - giả dụ những người ấy - những người cực đoan như tôi đã nói, giết ông và rồi loan truyền một câu chuyện dối trá về việc sát nhân đó.”

“Câu chuyện dối trá như thế nào?”

Cuộc đàm thoại này như một giấc mơ: trong các giấc mơ, những hăm dọa không chắc xảy ra nhất lại có tính các nghiêm trọng với vẻ hợp lý đáng sợ nhất. Và lúc này, giọng nói đầu dây bên kia cất lên với sức mạnh huyền ảo như trong một giấc mơ:

“Một câu chuyện dối trá rằng ông bị chúng tôi - An Ninh Nội chính giết, vì chúng tôi sợ bài giảng của ông sẽ kêu gọi nổi loạn công khai.”

“Nhưng những người ấy đều là người Công giáo.”

“Vừa rồi ông đã bảo như vậy, thưa Đức cha. Thế thì sao?”

“Hành động giết tôi là một tội tử, mất linh hồn đời đời.”

“Tôi không chắc là họ đồng ý với ông,” giọng trên điện thoại nói.

“Cái chết của một tên phản bội là một tội đời đời hoặc phải chăng là một hành động yêu nước?”

Ba người trong phòng đều ngó ông. Đôi mắt xanh nhạt của đại tá Poulnikov nhìn ông chăm chú, không nhấp nháy, giống như chúng là mắt của một bức chân dung. Ta sẽ nói gì đây? Làm thế nào ta thuyết phục được họ?

“Nhưng tôi phải đừng biến mất,” ông nói. “Đặc biệt nếu những gì ông nói là đúng. Làm thế nào tôi có thể giúp ngăn chặn cuộc tắm máu nếu tôi bị khóa chặt ở đây - trong trang trại này hoặc bất cứ tiếng gì ông gọi nó.”

Khi ông nói điều ấy, cả ba người quay qua nhìn nhau và viên đại tá gật đầu như thể xác nhận một điều gì đó. Vào lúc ấy có tiếng clic trên đường dây điện thoại.

“Alô?” ông nói. “Alô? ông có đó không?”

Nhưng đường dây điện thoại im bật. Người mang ủng Wellington cầm ống liên hợp kia lên, lắp tay quay máy điện thoại, rồi gắn ống liên hợp vào lại giá của nó.

“Điện thoại xong rồi,” anh ta nói, không nhắm riêng người nào.

“Gọi lại,” ông bảo họ. “Tôi chưa nói xong.”

“Tôi e rằng họ đã chấm dứt,” viên đại tá nói. “Chẳng cần phải gọi lại nữa.”

“Nhưng việc này quan trọng,” ông nói. “Ông không nhận ra là nếu sắp có một cuộc nổi loạn thì các ông cần tới sự giúp đỡ của tôi sao?”

“Tôi xin lỗi,” viên đại tá nói. “Chúng tôi chỉ có thể thoả mãn yêu cầu đó khi có thêm thông báo mới. Xin ông vui lòng về lại phòng mình.”

Thật vô ích. Ông gật đầu chấp nhận. Viên thiếu tá An ninh Nội chính lập tức đứng lên, bước tới bên ông. Mặt viên thiếu tá giận dữ một cách khó hiểu.

“Vậy tôi đưa ông đi,” viên thiếu tá nói, dẫn ông tới cửa. Khi họ đi ra, viên đại tá đứng lên và lại hơi nghiêng mình chào từ giã. Người mang ủng Wellington tắt điện hộp thiết bị điện tử. Lúc họ bắt đầu xuống cầu thang, viên thiếu tá đang đi đầu bỗng ngoái mặt lui nhìn ông.

“Khi tôi còn là một thằng bé,” viên thiếu tá nói. “Tôi thường đọc về các giáo sĩ xấu - ông biết mà, như mấy giáo hoàng, những người dòng họ Borgia^[10], chính những kẻ thối nát ấy là những tên tàn bạo và tham lam. Tôi hỏi cha tôi điều đó, cha tôi nói đó chỉ là chuyện tuyên truyền của hội Tam điểm - hết thảy mọi chuyện đó đều là dối trá. Nhưng tôi cứ thắc mắc mãi. Tôi vẫn còn thắc mắc. Cái gì làm cho người như ông ra thành thối nát?”

“Có phải ông có ý nói rằng tôi thối nát?”

Viên thiếu tá dừng lại một chút ở cầu thang, rồi bước xuống.

“Vâng,” anh ta nói.

“Và tại sao ông nghĩ như vậy?”

“Tôi tin rằng ông sẽ làm bất cứ điều gì để giữ quyền lực của mình. Để ở lại làm thủ lãnh của Giáo hội tại đây.”

Họ đã tới tầng thứ hai, và lúc này đi xuống cầu thang thứ hai. Ông nhìn lên mái đầu chải dầu mượt của viên thiếu tá đang đi dưới ông một nấc thang.

“Tôi biết là tại sao người Cộng sản các ông không thể hiểu người chúng tôi,” ông nói. “Các ông nhìn mọi sự qua chiếc kính lệch lạc của chính các ông.”

“Chúng tôi vậy sao?” viên thiếu tá hỏi. “Ông nói như vậy là ngụ ý gì?”

“Tôi có ý nói rằng quyền lực là mối bận tâm của các ông chứ không phải của tôi.”

Họ đã tới chân cầu thang thứ hai. Viên thiếu tá dẫn ông đi dọc hành lang tới phòng của ông. Cửa không khóa. Viên thiếu tá mở cửa rồi đứng ở ngưỡng cửa, chờ ông đi vào.

“Vậy là ông không quan tâm tới quyền lực,” viên thiếu tá nói. “Tôi không thể tin như vậy. Ông muốn tôi nghĩ ông là cái gì? Rằng ông là một vị thánh và là thánh tử đạo, có phải vậy không?”

“Tôi ở đây tại trần gian này để phục vụ Thiên Chúa. Vậy và chỉ vậy thôi.”

“Tầm bậy.” viên thiếu tá nói. “Niềm tin tôn giáo của ông không được tới cả cái vỏ bên ngoài nữa. Ông là người tham danh vọng, ông chỉ thế thôi.”

“Tôi mong là ông lầm.”

Viên thiếu tá cười, một nụ cười giận dữ. “Không, tôi không cho là mình lầm,” anh ta quay hắt người và để cửa mở. “Hai giờ ăn trưa,” anh ta nói. “Chúng tôi sẽ tới báo.”

VI

Đầu đó trong nhà bếp khuấy lấp, máy phát thanh đang phát nhạc khiêu vũ, một giai điệu tiền chiến làm ông nhớ lại thời đi học. Trở về với thực tại, tiếng loảng xoảng của chén đĩa cho thấy ít nhất có hai người đang làm việc. Trên chiếc bàn kê bằng tấm ván như một chiếc phản dài đặt bên trong phòng ăn của nhà trường, ông và cha Prisbek ngồi riêng một đầu. Đầu kia là những người gác, súng tiểu liên dựng bên băng ghế, đang lấy và chia phần bắp cải đỏ. Phía mặt bên kia tấm phản dài là viên đại tá, viên thiếu tá An ninh Nội chính và người mang ủng Wellington, đang tự mức xúp khoai tây trong liễn ra, rồi chuyển liễn tới cha Prisbek.

Người nữ tu từ nhà bếp đi ra mang theo một đĩa gỗ đầy xúc xích nhỏ. Khi chuyển tới ông, bà nói, “Xin đợi chút, thưa Đức cha. Chúng con có ít trứng luộc cho cha. Con biết cha không dùng món ăn có nhiều gia vị. Mấy món này đều nhiều gia vị.”

“Tôi biết chúng nhiều gia vị,” ông nói. “Xúc xích kiểu miền trung. Món tôi ưa thích. Xin chị cho một ít.”

“Cha chắc không?”

“Chắc chứ. Tôi đã nói với chị rồi. Tôi không còn ăn kiêng nữa.”

Viên thiếu tá nói, “Xúc xích kiểu miền trung. Thượng hảo hạng. Tôi cũng thích.”

“Tôi thích xúc xích kiểu miền bắc,” người mang ủng Wellington nói. “Quý vị biết, chúng được bọc bằng da rất mỏng. Người ta ca ngợi xúc xích Ba Lan - tên nó là gì nhỉ? Debreciner - nhưng khi đem so với xúc xích miền bắc của ta thì nó chẳng bén gót.”

“Cũng như giăm bông Ba Lan,” viên thiếu tá nói. “Nó không thể nào so sánh được với giăm bông của ta, đặc biệt giăm bông ngọt

dị xứ Gallina. Đối với người sành ăn thì giảm bông Gallina tuyệt vời.”

“Giảm bông đó tuyệt nhất thế giới,” viên thiếu tá nói. “Tôi có lý không, thưa Đức cha.”

Ông gật đầu, nhìn người mang ủng Wellington đang cho thật nhiều mù tạt vào xúc xích của mình. Tại sao những nước nhỏ như chúng ta lại lấy làm kiêu hãnh về những thành quả lật vật: giảm bông nổi tiếng thế giới của ta, đội bóng đá của ta.

“Và thế nào về âm nhạc của ta, văn chương của ta?” ông nói, nhìn thẳng viên đại tá. “Có thời chúng ta từng nổi tiếng về những cái đó.”

“Chúng ta vẫn còn nổi tiếng,” viên đại tá nói. “Stanislaus Lork đoạt giải Văn chương Quốc tế Vienna... lúc nào nhỉ? năm ngoái? hay năm kia?”

Đột nhiên khắp bàn ăn im lặng. Ông thấy viên thiếu tá cúi đầu xuống như thể có ai đó mới đề cập tới một người vừa qua đời.

“Dĩ nhiên,” viên đại tá nói, trầm tĩnh lại, “Anh ta không phải là thí dụ tốt nhất. Tác phẩm của anh ta bị phán xét là đồi trụy.”

“Đồi trụy? Tôi không biết chuyện đó,” người đàn ông mang ủng Wellington vừa nói vừa vói tay tới hủ đồ chua. “Tôi có ý nói, tôi không đọc tiểu thuyết và thơ và những thứ tào lao đó. Nhưng tôi biết tôi không thích những kẻ bỏ chạy tới phương Tây khi ở đây đang diễn ra gian khổ.”

“Lork không bỏ chạy,” cha Prisbek nói một cách nóng nảy. “Ông ấy bị trục xuất.”

“Được, bất kể là gì đi nữa,” người mang ủng Wellington nói, “Lúc này ông ta là thứ gì nếu không là con chó nuôi trong phòng khách của phương Tây? Tôi có ý nói những nghệ sĩ lưu vong ngồi lòng vòng ở Paris hoặc ở New York đang đề cập tới sự đau khổ của họ trong khi phần còn lại của chúng ta...” anh ta ngưng lại giữa câu nói.

“Nhưng làm sao mà chúng ta lại sa vào đề tài này vậy?” anh ta hỏi, một cách giận dữ.

Viên thiếu tá An ninh Nội chính đang ngồi im lặng bỗng nói thấp giọng, “Chính Đức Hồng y đã nêu ra. Ông có học trường Dòng Tên^[11], phải không, thưa Đức cha?”

“Vâng,” ông nói. “Và thủ tướng của các ông cũng vậy.”

“Vậy sao?” viên đại tá ngạc nhiên.

Lúc ấy người nữ tu từ nhà bếp lẫn khuất đâu đó ra trở lại. “Ai muốn trứng luộc?” bà hỏi. “Tôi luộc trứng cho Đức cha, nhưng nếu trong quý vị có ai muốn...”

Viên đại tá lắc đầu và lau miệng bằng giấy ăn. “Hai giờ năm mươi rồi,” ông ta nói với người mang ủng Wellington. Cả hai lập tức đứng dậy.

“Cha có thể đưa Đức cha đi dạo thêm lần nữa nếu ông ấy muốn,” viên đại tá nói với cha Prisbek. Rồi ông ta, viên thiếu tá và người mang ủng Wellington đi ra.

“Có ai còn ngồi đây muốn trứng nữa không?” người nữ tu hỏi.

Một trong mấy người gác vũ trang đưa tay lên.

VII

Lúc bốn giờ, vừa đọc xong kinh chiều trong căn phòng mà lúc này ông xem nó như buồng giam, ông nghe có tiếng máy xe hơi bên ngoài. Ông đi tới cửa sổ và thấy, phía dưới, trong sân, viên đại tá và người mang ủng Wellington leo lên một chiếc xe tải nhỏ, mui trần, loại nhà nông. Chiếc xe vẩy bê bết bùn, phía sau chất mấy tấm ván xây dựng loại dài. Viên đại tá nói lớn điều gì đó ông không nghe rõ, và một trong những người mang ‘măng tô’ thụng mở cổng trại. Chiếc xe tải lăn bánh chạy ra.

Trời đang mưa. Sồi trong sân ẩm ướt. Trên đầu ông, một chiếc phi cơ lớn từ trên mây lao xuống, gầm rú lướt ngang toà nhà, bay thấp hơn theo kiểu sắp hạ cánh. Ông thấy đó là một chiếc thuộc hãng hàng không Nga. Khi tiếng ồn lắng xuống, có ai đó gõ cửa.

“Vâng?”

Cửa mở. Cha Prisbek. Ông ấy khoác áo mưa màu vàng, loại dùng để chèo thuyền và mang theo một chiếc áo mưa cùng loại. Đưa áo mưa ra, cha Prisbek nói, “Họ đưa mấy cái này cho con. Cha có muốn đi dạo bây giờ không?”

“Bên ngoài tường thành chứ?”

“Vâng,” cha Prisbek nói. “Họ không cản.”

“Vậy thì tốt quá.” Ông cầm áo mưa, theo cha Prisbek đi xuống cầu thang, Không thấy có ai ở sảnh đường và trong các phòng kế tiếp. Cha Prisbek mở cánh cửa trước. Họ băng qua sân, nơi có những người mặc ‘măng tô’ thụng mở cổng cho họ như vừa mới đây đã mở cho xe tải của viên đại tá.

“Anh nghĩ liệu trời còn mưa nữa hay không?” cha Prisbek hỏi khi cả hai đi ngang cổng.

Người ấy trả lời, “Đừng lo. Chỉ là cơn mưa rào thôi.”

Họ đi xuống con đường mòn dẫn tới cụm rừng. Hình như chẳng có ai đi theo. Ông len lén nhìn cha Prisbek, để ý thấy da của cha bị chàm lốm đốm phía dưới bộ râu đỏ lơ thơ, Ông nhớ lại lời nói nóng nảy của cha Prisbek khi bênh vực cho Lork, một nhà văn đã chọn cuộc sống lưu vong. Liệu ta có tin được ông ấy không?

“Hãy nói cho tôi biết,” ông hỏi cha Prisbek, “Cơ hội nào khiến cha thành hội viên của Tổ chức Tu sĩ Yêu nước?”

Cha Prisbek đứng lại, quay mặt ngó ông, “Có phải cha đang trêu chọc con không, thưa Đức cha?”

“Ồ, ý nghĩ đó lướt qua đầu tôi. Như cha biết, Tu sĩ Yêu nước hoạt động rất thân cận với chính quyền.”

“Họ là những kẻ phản bội,” cha Prisbek nói. “Con ngạc nhiên là lúc này cha cho rằng con là một trong những thứ cận bã đó.”

“Thế tại sao cha lại ở đây?”

“Con bị mang tới đây. Người ta yêu cầu con làm tuyên úy cho cha và con đồng ý. Con nghĩ việc đó sẽ hữu ích cho cha.”

“Nhưng chắc cha biết là tôi chỉ định tuyên úy cho mình.”

Cha Prisbek ngập ngừng, “Vâng, con có biết. Nhưng cha không thể trông mong họ hiểu điều đó, phải không?”

Ông lại nhìn cha Prisbek khi cả hai tiếp tục đi về phía cụm rừng. “Trong chuyện này có điều gì đó làm tôi ngạc nhiên,” ông nói. “Tại sao họ lại để cho chúng ta đi riêng ra tới bên ngoài tường thành? Ở đây có người gác nhưng không phải để canh chừng chúng ta. Tại sao lại như vậy, cha nghĩ thế nào?”

Cha Prisbek co người lại trong một tư thế tự vệ kỳ quặc. “Họ nói với con rằng thật vô ích nếu tính chuyện bỏ trốn. Chúng ta ở giữa đồng không mông quạnh. Viên đại tá đã nói như vậy.”

“Có phải thật vậy không? Máy phút trước đây có chiếc phi cơ Nga bay qua đây theo kiểu sắp hạ cánh. Chúng ta hiện ở không xa thành

phố.”

“Cha nghĩ vậy ư?” cha Prisbek nói.

“Vâng. Và nếu quả thật như vậy thì gần đây phải có đường xe chạy.”

“Con không biết. Coi, thưa Đức cha. Con không muốn bị quan nhưng con không biết bằng cách nào mình có thể bỏ đi. Vì chỉ một lý do thôi, là chúng ta không có phương tiện di chuyển.”

Lúc này họ đã tới cụm rừng, đang đi dọc theo con đường mòn dẫn tới chiếc bàn picnic trơ trọi.

“Dù sao đi nữa,” ông nói, “Tôi cũng thử một chuyến.”

Ông bước nhẹ. Vừa mặc áo mưa màu vàng vào ông vừa nghĩ: thế này làm mình trông ít giống linh mục. Với cha Prisbek theo sau, ông đi qua khỏi bàn picnic, vượt quá đường mòn, bươn bả vùng vẫy băng qua những bụi rậm dày đặc. Hai con quạ kêu vang thẳng thốt, bay vọt khỏi đầu bụi cây mà ông đang xấn tới. Ông có thể nghe ra cha Prisbek đang thở hổn hển phía sau mình. Thật ngược đời, ông nhớ lại một bài mà ông đã giảng mùa đông năm ngoái, thúc giục tu sĩ tập thể dục nhiều hơn và giữ cơ thể cân đối. Người đằng sau kia số tuổi chỉ mới bằng một nửa của ông. Ông tiếp tục xông xáo. Đằng trước, ông thấy bìa rừng và bên kia nó, một cánh đồng đã cày. Họ nhô người ra ngoài cánh đồng và nhìn quanh. Vài con chim sâu từ luống cày phóng vọt lên, bay thẳng. Ông nhìn quá bên kia cánh đồng rồi quay về phía cha Prisbek đứng thở hổn hển đang ngoái đầu nhìn hết hướng này tới hướng nọ như thể đang tìm kiếm kẻ thù.

“Được, cha Prisbek. Cha nghĩ sao? Chúng ta cùng chạy chứ?”

“Ở đây ư?” cha Prisbek nói, ngửa bàn tay mình ra trong một cử chỉ không hi vọng. “Chúng ta đang ở đâu đây?”

“Nhìn kia,” ông vừa nói vừa đưa tay chỉ. Xa đằng mút bên kia cánh đồng có con đường nhỏ thứ hai, không phải là loại đường đất trang trại mà là đường có tráng nhựa. Ông bắt đầu nhấc chân, vừa

đi vừa chạy băng ngang cánh đồng đã cày, giày lún xuống đất mịn. Ông nghe tiếng cha Prisbek theo sát phía sau. Ông tiếp tục. Lúc này lộ thân mình ra nơi trống trải. Ông tưởng chừng sắp nghe tiếng súng nổ.

“Thưa Đức cha, con thật tình nghĩ là chúng ta nên trở lui.”

“Tại sao? Cha là cái gì? Cha là linh mục hay công an?”

“Chúng ta nên quay lui!” cha Prisbek nói, có vẻ như đã quản trí. “Lạy Chúa, có phải Đức cha muốn bị bắn chết?”

“Nếu đó là ý Chúa thì tôi sẽ bị bắn,” ông nói. “Tạm thời, chúng ta hãy quyết định. Mình chọn hướng nào đây?”

Họ đã tới con đường thứ hai. Ông dừng chân, nhìn lui cụm rừng, cố xác định máy bay khi tới gần thì sà xuống theo hướng nào.

“Xin Đức cha,” cha Prisbek nói. “Thưa Đức cha, xin nghe con. Họ sắp tìm ra chúng ta. Và khi họ đem chúng ta về họ sẽ khóa cửa phòng, nhốt chúng ta lại. Nếu chúng ta quay lui lúc này thì dễ cho mình hơn.”

“Cha cứ làm điều cha muốn,” ông bảo cha Prisbek. “Tôi đi hướng này.” Ông chỉ xuống con đường rồi bắt đầu cất bước. Phút sau, ông nghe có tiếng chân bước theo mình. Cha Prisbek đang đi theo như một cai tù của ta hay phải chăng như một bạn đồng minh? Tại sao chúng ta được tự do? Hoặc giả, có phải chúng ta đang tự do?

Ông tiếp tục bước. Đằng trước, phía trên cao triền dốc của ngọn đồi là một trang trại nhỏ, khói từ ống khói đang tỏa lên trời. Trong sân ghồ ghề đằng trước nhà, có con ngựa đang gặm cỏ. Ông nhìn lui, thấy cha Prisbek đang lật đật đi theo cách vài bước ở phía một bên. Mọi sự yên tĩnh, thôn dã, lơ mơ - một buổi chiều hè ấm áp. Đột nhiên, đằng trước ông có tiếng rộn ràng. Hai con cừu mặt đen chạy ra khỏi con đường giành nhau chui qua một lỗ hàng rào để vào ẩn mình trong ruộng bắp. Có tiếng xe cộ vang lên nho nhỏ trên con đường này. Ông nghĩ tới chiếc xe tải nhà nông bê bết bùn mà viên

đại tá và người mang ủng Wellington đã lái đi, chiếc xe tải nhỏ không mui chất mấy tấm ván dài loại dùng để xây cất. Tại sao lực lượng An ninh lại đi loại xe đó, phải chăng để đánh lừa dân chúng quanh vùng này? Họ không muốn ai biết ta có mặt ở đây? Thế thì, tại sao họ lại để cho chúng ta đi theo con đường này?

“Đức cha! Thưa Đức cha!”

Cha Prisbek, cách khoảng năm mươi bước đằng sau trên đường, đang ngồi bên mép mương nước, ôm bắp đùi mình với vẻ rất đau đớn.

“Trục trặc gì vậy?”

“Đầu gối của con. Con bị sái sao đó?”

Có phải đây là trò bịp? Nhưng biết đâu cha Prisbek đau thật sự thì thật là xấu hổ nếu mình bỏ rơi ông ấy. Ông miễn cưỡng đi lui, tới bên vị linh mục râu đỏ. “Cha đi bộ được chứ? Đứng lên đi, tôi giúp cha.”

Vụng về, cha Prisbek cố gắng rướn người đứng dậy, nhưng rồi lại rụt người, ngồi xuống. “Không được đâu. Đức cha cứ tiếp tục,” ông nói. “Con ở lại đây.”

“Tôi không muốn bỏ cha lại.”

Cha Prisbek nhìn lên, và thật kỳ lạ, lại nói bằng giọng cay đắng, “Để con lại, để con lại. Không việc gì đến Đức cha. Chính vì cha con mới ra nông nổi này.”

“Vâng,” ông nói. “Vâng, tôi cho là mình đã làm ra như vậy.” Ông đứng trong một lúc, cân nhắc. “Nếu cha không thể đi được,” ông nói. “Tôi đi tiếp và coi có sẽ giúp được gì cho cha không?”

“Giúp?” cha Prisbek nói. “Giúp ra sao? Tiếp tục, tiếp tục đi đi. Cứ để con lại. Vĩnh biệt Đức cha.”

“Tôi sẽ cố hết sức mình,” ông nói và sấp lưng đi. Con đường trước mặt trải dài vắng vẻ và im lặng. Tại sao ta cảm thấy mình giống như Judas đã bỏ lại người ấy, kẻ có thể là ‘con chiên Judas’ bị

mang tới đây để gài bẫy ta? Lòng bác ái đơn sơ đòi buộc rằng ta không được lên án cha Prisbek khi ta không biết rõ cha ấy làm như thế này vì động cơ nào. Ôi lạy Chúa, xin giúp con.

Cũng như mọi lúc, trong khi đọc kinh và trong khi cầu nguyện, ông tìm cách mở cánh cửa nội tâm mình cho sự tỉnh lặng của Thiên Chúa, Thiên Chúa, Đấng đang chờ đợi, quan sát và phán xét. Ông nghĩ ưu tiên tới Đại hội Năm mươi năm vào Thứ Ba tới, tới hàng ngàn và hàng ngàn người hành hương đến Rywald, leo núi Jasna, vào ngôi nhà thờ được dựng lên hai trăm năm trước để vinh danh các Thánh Tử đạo Tháng Chín. Tại nơi hiến dâng cho Thiên Chúa đó, người ta có thể sẽ bố trí một chuỗi biến cố để hoạt động nhằm phá hỏng tất cả những gì mà ông đang tranh thủ được: quyền có các trường học của giáo hội, quyền xuất bản sách báo văn chương tôn giáo, quyền tự do thờ phượng, quyền xây nhà thờ tại các vùng đất mới. Hết thảy những cái ấy sẽ biến mất. Thay vào đó, sẽ có xe bọc sắt trên đường phố, tra tấn trong các căn phòng bí mật, nhà tù tràn lan, nổi loạn, đánh đập, chết chóc. Ôi lạy Chúa, xin giúp con. Hãy để cho con có mặt ở Rywald vào ngày đó. Người ta phải thấy con, Người ta phải nghe con.

VIII

Trong cảnh tịch mịch bao phủ chung quanh, chỉ có âm thanh lũ quạ kêu và tiếng chân ông bước trên đường. Nhưng có một tiếng động khác càng lúc càng lớn khiến ông ngược lên. Đằng trước, quanh khúc quẹo của con đường, có một chiếc xe nhỏ đang chậm chậm chạy tới. Ông đứng lại. Chiếc xe tiếp tục tiến. Ông thấy trên mũ xe có một vật tròn. Đèn tuần tra. Cảnh sát, chứ không phải công an An ninh Nội chính thường dùng xe Lada xanh không dấu hiệu. Đây là xe cảnh sát thường, sơn toàn màu đỏ, xanh và vàng phía dưới quốc huy của Nhà nước, loại xe cảnh sát người ta thường gặp trên bất cứ xa lộ nào. Ông lại cất bước tiếp tục đi, kéo cao áo mưa màu vàng ép sát vào cổ mình để che miếng cổ còng giáo sĩ. Có hai cảnh sát mặc đồng phục trong xe. Ông bước nhanh. Không biết mình có nên gạt đầu khi họ đi ngang?

Cách hai mươi bước, đèn tuần tra của chiếc xe vẫn tiếp tục chớp chớp màu đỏ trong ánh nắng cuối chiều. Chiếc xe dừng lại. Một trong hai cảnh sát bước xuống, chỉ tay vô ông, ra dấu đứng yên tại chỗ. Rồi người cảnh sát tới gần, hờ hững chìa tay theo cung cách người đang ra lệnh. “Giấy tờ đâu?”

Ông lúc nào cũng giữ trong túi áo khoác chiếc ví nhỏ đã sờn, đựng hình bà mẹ quá cố của ông, một giấy chứng nhận loại máu, tờ tình trạng sức khỏe và một thẻ chứng minh nhân dân bọc plastic cấp cho người có quyền công dân. Nếu họ thật sự lục xét thì ông có cưỡng chống cũng không được. Nhưng nếu đây chỉ là kiểm tra thông thường của cảnh sát thì tám thẻ chứng minh nhân dân của ông chẳng tiết lộ điều gì cả ngoại trừ họ và tên, nơi sinh và tuổi tác. Ông móc tám thẻ ra khỏi ví nhưng trong khi làm như vậy, ông buộc

phải mở áo mưa màu vàng để lộ cái cổ còn của mình cho người cảnh sát thấy.

“Ông làm gì ở đây?”

“Xe tôi hỏng máy,” ông ngạc nhiên thấy mình nói dối quá dễ.

“Ở đâu?”

“Cách đằng sau tôi mấy cây số.”

“Ông đang đi đâu đây?”

“Tôi không biết. Chúng tôi bị lạc.”

“Chúng tôi? Chúng tôi gồm những ai?”

Không kịp che dấu điều sợ hãi nữa rồi. Với lại cha Prisbek bị thương đang cần giúp đỡ. “Tôi và một linh mục khác.”

“Ông ấy đâu?”

“Trên đường, cách đây một chút. Cha ấy bị đau đầu gối không đi bộ được.”

“Lên xe,” người cảnh sát nói. “Ngồi đó, đằng sau đó.”

Ông làm theo lời bảo. Người cảnh sát ngồi vào ghế trước, bên cạnh người lái xe. “Có người thứ hai đằng kia đường,” anh ta nói với người lái xe. Xe bắt đầu chạy chậm chậm. Ông nhìn tới đằng trước. Phải chăng cha Prisbek đang núp sau đường mương? Xe tiếp tục lăn bánh, đi qua chỗ cha Prisbek đã ngồi. Xa quá một trăm thước nữa, ông nói họ ngừng lại. “Tôi bỏ cha ấy ở lại đây.”

Xe tấp vô bên đường. Người cảnh sát thứ nhất bước xuống, leo lên bờ mương, nhìn ra xa tới quá rìa cánh đồng. Rồi anh ta nhảy xuống, đi trở lại xe. “Ông ấy đâu?”

“Tôi không biết.”

“Có chắc đây đúng là chỗ ông bỏ ông ấy lại?”

“Tôi nhìn được chứ?”

Người cảnh sát gật đầu.

Ông xuống xe, leo lên bờ mương. Quá chiều ngang của cánh đồng đã cày là bìa cụm rừng, ranh giới của ngôi trường canh nông

giả mạo. Không có dấu hiệu gì của cha Prisbek. Ông ấy đã nói dối về đầu gối của mình để có thể trở lui báo cáo với họ. Rõ ràng là ông ấy đã có thể đi tới bìa cụm rừng chỉ trong vòng vài phút.

“Sao?” người cảnh sát hỏi vọng ra.

“Tôi không biết,” ông nói, leo xuống trở lại mặt đường. “Có thể cha ấy đi trở lại xe của chúng tôi. Tôi biết đâu.”

“Lên xe.” người cảnh sát đầu nói. “Được rồi, chúng ta về thôi. Tôi sẽ báo qua máy vô tuyến.”

“Không, chờ chút.” Người lái xe trở đầu xe rồi nhún ga, chạy khỏi hướng cụm rừng. “Nếu anh báo về bằng máy vô tuyến lúc này,” anh ta nói với người cảnh sát kia, “thì họ sẽ ra lệnh cho chúng ta phải đi tìm ông ấy. Cứ để về tới gần thành phố rồi hãy báo.”

“Đúng, chí lý,” người cảnh sát kia nói. Rồi anh ta xoay người nhìn lui, cười, “Tên ông là Stephan. Đó cũng là tên tôi.”

“Thế thì chúng ta chung ngày lễ bổn mạng,” ông nói.

“Đúng vậy,” người cảnh sát nói. “Mẹ tôi thường đưa tụi nhóc chúng tôi đi du ngoạn trong ngày đó. Tên kia của ông là gì?”

“Peter.”

“Không, tôi muốn nói họ của ông đấy. Nó có trong thẻ. Tôi quên mất.”

Ông cảm thấy cổ họng mình thất lại. “Bem,” ông nói.

Người lái xe nói, “Bem? Đây, đó là tên của Đức Hồng y. Ông biết mà. Ông chủ của ông đấy.”

“Đúng thế,” ông nói. “Tên đó khá thông dụng.”

“Tên Bem có gốc từ quận Biala, phải vậy không?” người tài xế nói. “Vâng, tôi nghĩ ông ấy gốc Biala.”

Đây có thể là một cái bẫy nhưng ông không cho là như vậy. Họ là những người cảnh sát thông thường đi tuần trên một con đường bình thường. Hoặc có lẽ họ đi tuần để giữ không cho ai tới gần ngôi trường canh nông giả mạo đó?

“Không, ông ấy không từ Biala tới,” ông nói. “Ông ấy gốc thành phố này, như tôi vậy.”

Xe chạy một lúc trong im lặng. Rồi người lái xe nói, “Ông đang ở trong hoàn cảnh khốn nạn, ông cha ạ.”

“Tại sao vậy?”

“Đây là khu vực cấm,” người lái xe quay qua người bên cạnh. “Anh nói với ông ấy rồi chứ?”

“Chưa.”

“Này cha, tại sao người kia bỏ trốn?”

“Cha ấy không bỏ trốn.”

“Hãy cố mà thuyết phục Chỉ huy trưởng Majewska.”

“Tôi đã nói với ông,” ông nói. “Xe chúng tôi bị hỏng máy và đầu gối cha ấy bị đau. Có lẽ cha ấy đi trở lại vô ngòi trong xe.”

Nhưng hai người cảnh sát có vẻ như không còn quan tâm nữa. Họ bắt đầu để hết trí óc vào chiếc máy phát thanh, và lúc này có giọng nói tuyên bố: *Hiệp đầu 1 - 0. Và họ lướt xuống nữa, lướt xuống nữa. Vâng. Danielski vô sân lại. Anh không việc gì. Vâng!*

“Danielski! Hết sẩy!” viên cảnh sát đầu nói lớn. “Ê, nước Bỉ! Liệu hồn!”

Ông nhớ ra rằng Cúp Bóng đá Thế giới đang tiếp diễn tuần này. Hai người cảnh sát lắng tai nghe khi trận đá bóng lại tiếp tục; và ông thêm lần nữa nghĩ tới cha Prisbek. Vậy là cha ấy ở bên phía của họ. Khi cha ấy kể với họ rằng ta đã đi rồi, liệu họ có thông báo cho cảnh sát địa phương lòng kiếm? Nếu vậy, khi những người này báo bằng máy vô tuyến, thì đó là lúc hết chuyện.

Nhưng gần như vào lúc ông nghĩ như thế thì người lái xe tắt máy phát thanh. Tiếng người bình luận rơi vào yên lặng. Hai người cảnh sát đang ngó mông lung đằng trước đột nhiên nhìn kỹ. Một chiếc xe đang đi tới, chiếc xe tải nhỏ bê bết bùn. Ban đầu ông không chắc, nhưng rồi ông thấy lò ra mấy tấm ván xây dựng.

“Họ là ai vậy?” một người cảnh sát hỏi.

“Đó là người của Trường Canh Nông Ostrof,” người kia nói.
“Chẳng việc gì đâu.”

Chiếc xe tải tới gần hơn. Phía trước là viên đại tá và người mang ủng Wellington. Theo bản năng, ông khom người xuống, dấu mặt mình bằng cách đặt bàn tay lên trán. Họ trở lại nơi lúc này họ ra đi. Họ chưa biết gì về ta. Họ không biết.

Khi chiếc xe tải tới gần, hai người cảnh sát không để ý nó nữa, lại bắt đầu bật máy phát thanh. Người bình luận bóng đá thét lên: *Kroch có banh, chuyển cho Damon. Damon lướt xuống theo cánh trái...*

Chiếc xe tải đi ngang, sát bên cạnh trên con đường hẹp. Ông không thấy nó lướt qua vì ông xoay đầu sang phía bên kia con đường. Cơ thể ông cảm thấy như thể ông đang run rẩy nhưng ông không run.

Lúc này Danielski đang xông tới trước Damon. Anh lấy được banh. Tuyệt vời!... đúng! Dzô! Anh làm bàn!

“Tuyệt! Anh ta đá dzô rồi!” Cả hai người cảnh sát đồng loạt la lên, cùng một giọng. Chậm chậm, thu mình lại như thể bị quả bóng đá trúng, ông đánh liều nhìn lui qua cửa kính sau của xe cảnh sát. Chiếc xe tải đã chạy xa được chừng hai trăm thước, sắp tới khúc quẹo của con đường. *Thiệt vô cùng náo nhiệt!* người bình luận nói. *Đội xúm lại. Người ủng hộ ào ào đứng lên, hoang dại. Giờ phút vĩ đại đây rồi. Ở đây, trong Sân vận động Cherney này!*

Đột ngột, một trong hai người cảnh sát vận âm thanh xuống. “Khốn nạn,” anh ta nói với giọng lo lắng. “Tôi mới nghĩ ra. Nếu mình báo cáo là mình vừa giữ một linh mục và còn một linh mục khác nữa lạc trong khu vực cấm. Majewska sẽ náo chúng ta tới xương. Lý ra mình phải thông báo ngay bằng máy vô tuyến khi mới bắt được kẻ khả nghi và chờ thêm chỉ thị.”

“Đúng,” người cảnh sát kia nói. “Và lập tức ông ta sẽ xử chúng ta vi phạm kỷ luật, rồi tiếp đó báo cáo bằng văn bản, đủ trò.”

“Khốn nạn!”

Họ lại vận máy phát thanh lớn lên và ông lại nghe tiếng gào rống của đám đông đang xem bóng đá, giọng náo nức của người bình luận. Có điều là ông thấy hai người cảnh sát dùng tiếng ồn đó để che lấp lời họ đang thì thầm với nhau đằng ghế trước. Cuối cùng, quyết định xong, họ ngả người nghe tiếp bóng đá.

Không có con đường nào khác, quang cảnh dốc đồi hoang vắng bắt đầu thay đổi dần. Phía trước, con đường hẹp lại với một chuỗi dốc queo cùi chõ và bên dưới, trong thung lũng, ông thấy một thị trấn nhỏ, còn nhỏ hơn một làng, một ít con đường nhỏ, một công viên, đỉnh tháp thánh đường, con đường chính như kéo ra tới hư không. Đỉnh tháp thánh đường thuộc loại nhà thờ nhỏ trong địa phận của ông với mái làm theo kiểu Đức, kiểu thịnh hành trong miền này của đất nước. Họ tới giao lộ đầu tiên và giảm tốc độ vì có một nhóm người đang đi xe đạp, đeo hộp đựng thức ăn trưa và đội mũ có gắn đèn soi. Ông nhận ra đó là những người thợ mỏ. Kế đó, khi xe tới con đường đầu tiên thì chạy chậm lại, hai người cảnh sát tắt máy phát thanh, lái xe đi như thể đang lùng kiếm cái gì đó. Chầm chậm gần như ngừng, chiếc xe queo lên một đường đất chật hẹp trên đồi, đi tới một nơi giống như chỗ đổ rác. Người lái xe tấp vào đậu bên rìa một mỏ đá thoai thoải. Dưới chân mỏ đá là các đống rác khổng lồ nằm ken nhau như những toà nhà. Lũ mòng mòng lượn vòng, sục sạo, chuyển động thành từng đoàn không ngơi nghỉ trên mùi chướng khí của rác rưởi. Người cảnh sát không lái xe vói ra đằng sau, mở cửa xe.

“Được rồi, ông cha. Xuống xe.”

Có phải họ sắp bắn ông? Tại sao họ phải bắn ông? Họ là những người cảnh sát bình thường trong một cuộc đi tuần thông thường.

Họ chẳng biết chút gì về ông. Nhưng ông ngần ngại. Bỗng nhiên ông cảm thấy sợ. “Tại sao?” ông hỏi.

Người lái xe nói, “Vì con từng là một chú bé giúp lễ. Đó là lý do!” người cảnh sát kia cười.

“Không, tôi giỡn thôi,” người lái xe nói. “Chúng tôi đang cho ông cơ hội. Đừng hỏi tại sao. Chúng tôi làm điều gì đó cho ông, ông làm điều gì đó cho chúng tôi. Chúng tôi chưa bao giờ bắt giữ ông. Ông chưa bao giờ gặp chúng tôi. Ông đi lung tung để báo cáo rằng xe ông bị hỏng máy. Ông không biết là ông đã lái xe trong khu vực cấm. Nhưng bây giờ không thành vấn đề nữa.”

“Chờ chút,” người cảnh sát kia nói. “Ông cha ạ, nếu tôi là ông, tôi sẽ chẳng báo cáo là mình có để lại ở đó một chiếc xe. Tôi không nói gì cả. Tôi chỉ cố làm sao về tới nhà mình thôi. Được không? Lúc này, xuống xe đi.”

Ông nhẹ nhõm chuôi người ra khỏi ghế sau và đứng lên. Cửa xe đóng sầm. Chiếc xe nhỏ lạng sang một bên rồi trở đầu và chạy thẳng xuống theo con đường đất. Ông một mình với lũ mòng mòng bay lòng vòng, nhìn xuống mỏ đá bỏ hoang với những con đường vắng lặng đầy mùi tanh tưởi của các vật vỡ nát. Như thể ông bị quăng xuống đây, bỏ rơi, tước khỏi hàng ngũ và tuốt sạch những đãi ngộ mà ông đã quen thuộc từ nhiều năm nay. Ông lúc này là người bị săn đuổi, bị lùng kiếm bởi các lực lượng của Nhà nước, kẻ đang ra sức đưa ông vào nhà giam. Ông nhìn xuống chỗ hẻm núi hiu quạnh đầy mòng mòng. Trong tâm trí ông xuất hiện câu niệm mà ông hầu như đã quên: *Pro nomine Jesu contumelias pati*. Chịu đau khổ trong danh Đức Jesus.

Đó là số phận của ta lúc này và ta phải dâng lời cảm tạ vì nó. Sứ vụ của con là để phục vụ Ngài. Vì sứ vụ đó ta phải giữ mình tự do.

IX

Ông đưa tay lên chiếc cổ cồn, mở khuy, rút nó ra khỏi cổ áo. Ông gỡ luôn miếng vải che ngực áo màu đỏ tía, cái xác nhận ông thuộc phẩm trật giám mục. Cuộn chiếc cổ cồn vào trong miếng vải tía, ông ném cả hai xuống hẻm núi đầy rác rưởi, nhìn chúng văng ra làm hai và rơi xuống giữa đám mòng mòng đang lượn vòng xoáy ốc. Ông cài nút chiếc áo mưa màu vàng quanh cổ mình, và chợt nhớ ra, ông tuột chiếc nhẫn giám mục ra khỏi ngón tay, nhét vô túi quần. Xong, ông quay người đi xuống theo con đường đất hẹp dẫn tới xa lộ.

Ta phải tìm cho ra máy điện thoại. Nhưng máy điện thoại của các bộ trưởng đều bị ghi âm. Nếu gọi thì chỉ giản dị là nói cho An ninh Nội chính biết chỗ tìm ra ta. Và nếu đúng như viên đại tá nói quá thật ta có kẻ thù trong chính Giáo hội thì bằng việc để lộ hành tung của mình, ta có thể cho họ thêm cơ hội mưu sát ta.

Lập tức ông nghĩ tới cha Jan Ley. Với cha Jan Ley, ta không cần phải xưng danh tính mình. Ông ấy biết giọng nói của ta, biết các ý nghĩ, các sợ hãi, các nghi ngờ của ta. Có lẽ ta có thể điện thoại cho ông ấy từ thị trấn này.

Vài phút sau, ông tới xa lộ và thấy đằng trước có một nhà sửa xe trong sân đầy các bình chứa xăng. Nhà sửa xe đóng cửa, các ống bơm xăng có vẻ không được dùng tới, nhưng ở sân bên cạnh, một thanh niên đang chất các bình xăng lên xe đẩy. Ông đi về phía anh ta.

“Xin lỗi,” ông nói. “Xe tôi bị hỏng máy cách đây mấy cây số. Tôi e là mình lạc đường. Đây là chỗ nào vậy?”

“Chỗ này à? Ricany,” người thanh niên nói.

“Cảm ơn. Anh có máy điện thoại không?”

“Không. Không có máy điện thoại.”

“Cảm ơn,” ông nói thêm lần nữa. Ông có lý khi đoán các công nhân là thợ mỏ. Ricany là một làng có mỏ than ở cách thủ đô chừng hai trăm cây số. Ông cố gắng nhớ lại xem mình có biết vài tên nào của các linh mục địa phương không, nhưng dĩ nhiên là không. Ông thì lúc nào cũng kém việc nhớ tên và Ricany không thuộc loại địa danh được nhắc tới nhiều trong các công việc của địa phận.

Khi đi bộ xuống con đường chính, ông thấy một khu thuộc loại chợ vừa mới được Nhà nước đồng ý để cho mở. Các quầy hàng tạp hóa chợ trời bán đủ thứ, từ quần áo cũ tới băng cassette nhạc rock. Đàng xa, dọc theo công viên thị trấn, là trụ sở hành chánh, một tòa nhà kiểu Phục hưng với chiếc tháp có trang trí đồng hồ. Kim chỉ cho thấy lúc này là năm giờ hai mươi. Trên vách bên hông trụ sở hành chánh, treo một biểu ngữ màu đỏ thắm, công bố Tuần lễ Hữu nghị với Liên Xô và quảng cáo đoàn xiếc Nga, vào cửa tự do. Ông để ý thấy thời điểm sinh hoạt trùng hợp với Đại hội vào Thứ Ba ở Rywald. Đó là cách đo lường sự khó chịu của chính quyền. Trong mười năm làm Giám mục và bảy năm làm Hồng y, ông thấy quyền lực của Nhà nước ngày càng bị xói mòn trong khi Giáo hội, bất chấp những khuyết điểm của nó, đã càng lúc càng có được quyền lực sâu xa hơn trong tâm trí của người dân. Đảng đã vô tình củng cố quyền lực đó bằng hành động tước đoạt các bất động sản thời trước chiến tranh của Giáo hội và để Giáo hội nghèo nàn cùng cực giống với đám dân chúng của nó. Và tuy thế, theo ông hiểu, quyền lực có tính cách giáo hội này không thật. Nó từng là một loại quyền lực mà người như ông, là Hồng y, đã giữ trong thế kỷ mười sáu. Thuở đó, vị Hồng y trở thành kẻ nhiếp chính, đứng đầu Nhà nước trong giai đoạn chuyển tiếp từ lúc băng hà của một nhà vua cho đến ngày đăng quang của tân vương kế vị.

Hôm nay ta cũng cai trị trong một giai đoạn trống rỗng như vậy. Không phải vì dân chúng yêu thương Thiên Chúa mà vì họ sợ hãi các nhà lãnh đạo chính quyền. Nước Thiên Chúa không thể thuộc về thế giới này. Đó là lý do tại sao ta bước chân đi trên những con đường này như một kẻ đào tẩu.

Ngay lúc ấy ông thấy, vươn lên trên các mái nhà san sát kiểu Đức trong vùng là một chóp hình nón trên đó có cây thánh giá. Đó có vẻ là một dấu hiệu. Ông vội vàng đi qua các quầy hàng chợ trời đông người và theo bản năng, cúi thấp đầu xuống như thể để chẳng ai nhận ra mình. Khi ông đi qua những người mua bán vật vãnh đang om sòm mặc cả, những người đàn ông mặc áo màu xám xịt và những người đàn bà đang lựa đồ trong các món hàng chưng bày rải rác, mấy chiếc quần bò kiểu Mỹ, áo khoác mùa đông đã dùng, giày Bulgary, hình và bích chương tài tử nước ngoài, khẩu súng đồ chơi và các phụ tùng xe hơi lặt vặt, thì không ai nhìn ông, không bà lão nào cung kính gật đầu theo kiểu chào hỏi truyền thống trước sự có mặt của một giáo sĩ. Ông, kẻ là Hồng y, hiếm khi đi mà không có người tháp tùng, và là kẻ đã quen với sự giúp đỡ của các phụ tá trong khi tìm một lối đi tắt hoặc một toà giảng, luôn luôn có xe đợi sẵn ở lối ra, cũng là kẻ lâu ngày quen dần với sự kiện rằng dải thắt lưng màu đỏ thẫm của mình lôi cuốn các ánh mắt, lúc này nhìn vào những bộ mặt không cảm giác của những người chung quanh, như thể ông đã trở thành kẻ vô hình.

Ông tiếp tục bước đi, mắt ngó cái tháp. Ông rẽ vào con đường đất nơi có hình vẽ trên vách nay đã phai mờ, sách động công đoàn thợ mỏ đình công hai năm trước. Và lúc này ông thấy có hai người cảnh sát đang đi tới. Ông dừng lại, hoang mang. Nhưng hai người cảnh sát đi qua ông. Tới khúc quanh, ông rẽ qua đường và thấy nhà thờ ngay trước mặt mình. Một toà nhà khá nhỏ cuối con đường đất. Ở lối vào là tấm bảng niêm yết giờ phụng vụ và một số thông báo

của địa phận. Ông dừng lại xem xét tấm bảng. Đôi khi, những thông báo đó cho thấy linh mục là thành viên của Tổ chức Tu sĩ Yêu nước hay không, bằng việc quảng cáo các cuộc biểu tình tuần hành đặc biệt của chính phủ hoặc các buổi mít tinh do bộ trưởng Tôn giáo Sự vụ tổ chức. Trên tấm bảng này không có loại thông báo đó, tuy thế trong khi đi vào nhà thờ, ông cảm thấy không yên. Ông nhúng đầu ngón tay vô chiếc bồn bằng đá hoa cương đựng nước thánh, làm dầu và đẩy cánh cửa bọc da đã cũ, nặng nề, dẫn vào gian giữa giáo đường.

Nến đang sáng ở bàn thờ mé bên phải. Ông bái gối. Đang giờ chiều Thánh Thể, và Mình Thánh Chúa được chưng ra trên bàn thờ chính. Các phụ nữ đang sửa soạn cắm hoa vô bình để mang hoa lên bàn thờ. Chừng hai mươi người, trong số đó có vài thanh niên và công nhân, quì cầu nguyện trước những ngọn nến cháy sáng, hoa và giá hào quang bằng bạc mạ vàng xen kẽ, trang trí công phu, dùng để trưng bày Mình Thánh Chúa. Quang cảnh trước mắt làm cho ông cảm thấy được yên tâm và an ủi. Tuy thế, khi quì một bên gian giáo đường, người ông tràn ngập thứ cảm giác trước đây ông chưa bao giờ có dưới mái nhà của Thiên Chúa. Nó như thể ông đang bị quan sát, và hể lúc nào có bàn tay ai đó đặt xuống vai ông là ông sẽ bị dẫn ra ngoài. Thế nhưng, trong quang cảnh này, không chút gì có vẻ khẩn trương báo động như vậy cả.

Đột nhiên ông nghe có tiếng chân nặng nề bước ở bên trái mình dọc theo dãy ghế. Ông nhìn sang. Người đàn ông đi theo dãy ghế bên cạnh vạm vỡ, mang áo len đỏ dày cộm, mạng nơi khuỷu tay. Tóc ông ta màu xám, nét mặt nhăn nheo hằn vết năm tháng. Ông quan sát khi người ấy đi qua cửa hàng rào sắt ở tầng cấp trước cung thánh và đi vào liêu để đồ thờ theo cửa một bên bàn thờ chính. Như thế người này chắc là ông từ nhà thờ. Hoặc là linh mục. Nếu là linh mục thì ông ấy có vẻ như không ở trong Tu sĩ Yêu nước. Người

có tuổi tác như ông ấy đã tìm thấy chỗ yên thân của mình tại một nơi như thế này. Họ không tham lam có thêm quyền lực nữa.

Ta có thử đánh liều không? Ta có đi theo ông ấy vào liêu để đồ thờ và nói với ông ấy, kể cho ông ấy nghe ta là ai và yêu cầu ông ấy giúp liên lạc với cha Ley không?

Ông đứng dậy, bái gối, rồi đi dọc theo dãy ghế lên hàng rào quì rước lễ trước cung thánh. Các phụ nữ chuẩn bị hoa cho bàn thờ ở chiếc bàn cạnh cung thánh nay đang sát bên ông. Một phụ nữ bước lên các tầng cấp bàn thờ, bái gối trước Minh Thánh Chúa và đặt bình hoa lay ơn vào mé bên trái trên bàn thờ. Ông chờ, không muốn việc mình đột ngột đi vào khu vực bàn thờ chính sẽ quấy rầy cô trong khi cô đặt chưa xong bình hoa. Trong khi chờ, ông để ý thấy chân cô bước khập khểnh. Kế đó cô đi qua trước mặt ông, bước xuống tầng cấp bàn thờ, ông thấy bộ mặt của cô, dăm những vết cắt nhỏ li ti. Ông nín thở. Nhưng cô không nhìn ông. Cô đi tới bàn bên cạnh, cầm tờ giấy gói hàng lên, gói lá vụn của bó hoa lay ơn, quay người và đi qua cửa một bên bàn thờ vào trong liêu để đồ thờ.

Nhanh như chớp ông bái gối, xoay mình đi trở lui dọc theo dãy ghế dọc sát vách nhà thờ, đẩy cánh cửa bọc da, quên nhúng ngón tay vô bồn nước thánh, quên làm dấu thánh giá như mọi lần ông rời nhà thờ. Ông cảm thấy mồ hôi tươm ra trên lông mày mình, và thỉnh linh, rơm rớm ẩm ướt trong nách. Ông bắt đầu đi thật lẹ, không cần biết tới phương hướng. Cô ta đang ở đó, đang trang hoàng bàn thờ, một phụ nữ trung niên ngoan đạo, cô độc, cuộc sống cô ta xoay quanh sự sốt sắng lễ lạc và các việc thiện. Viên đại tá An ninh Nội chính có lý. Họ đều là người Công giáo. Những kẻ muốn giết ta đều là người Công giáo.

X

Hương cà phê ngọt ngào làm sống lại trong trí nhớ ông những tiệm cà phê mọc lên như những phép lạ nhỏ, xa hoa, trên các đường phố điêu tàn của thủ đô trong những năm đầu sau thế chiến. Lúc đó ông là một tiểu chủng sinh không đồng xu dính túi, hít mùi cà phê vào mũi, trở mắt nhìn các chiếc khay ướp lạnh trên đó chưng bày bánh trứng đường, rượu Napoléon, bánh hạnh nhân và bột thơm ướp quần áo. Xúm quanh các bàn trong tiệm là những người chủ trẻ ăn vận hợp thời trang, đi giày ống, đội mũ đàn ông, các sĩ quan Nga và những người nước ngoài đến từ các sứ quán phương Tây. Lúc này đây, trong nắng ấm cuối chiều, khi đi xuống con đường nhỏ của thị trấn, ông lại hít vào mình mùi hương chừng như đã lãng quên đó, và dừng chân trước một cánh cửa mở, lòng nhớ lại thuở xa xưa ấy.

Nhưng khi xem xét, ông thấy tiệm cà phê này bày biện khác hẳn những gì ông đang nhớ lại. Trên quầy, lựa thừa một ít bánh bích qui và một chiếc bánh cũ mềm chưng bày lác lõng, trong khi đằng sau các chiếc khay lồng khồng đó, một người đàn bà đang xếp lên kệ những ổ bánh mì loại thông thường. Tiệm gần như vắng khách. Cô hầu bàn đặt một ly nước và một tách cà phê nhỏ xíu trước mặt người khách độc nhất, một người hói đầu, mặc áo sơ mi xanh cụt tay và đang hút xì gà. Đâu đó phía sau, máy hát đĩa đang phát ra một điệu valse của Strauss.

“Đây có máy điện thoại không?” ông hỏi người đàn bà đứng đằng sau quầy.

Bà ta chỉ, “Ở trong kia.”

Khi ông đi ngang những chiếc bàn trống, bước vào khu nhà bếp

và phòng vệ sinh, người hút xì gà quay nhìn ông. Nhưng người ấy cô đơn và có lẽ đang phiền muộn. Tuy thế, lúc cầm ống liên hợp lên trong lối đi nhỏ phía sau nhà bếp, ông quyết định sẽ nói thì thầm. Ông bắt đầu quay số rồi nhìn vô máy, nhận ra rằng mình xa lạ biết bao với các chi tiết của cuộc sống bình thường. Vì dĩ nhiên đây là loại máy điện thoại phải trả tiền. Ông đặt ống điện thoại vào chỗ cũ, đi trở lại quầy bánh. Khi ông đưa tờ giấy bạc một trăm ra, hỏi người đàn bà sau quầy hàng có thể đổi tiền lẻ cho không thì có hai thanh niên bước vào tiệm. Cả hai tuổi chỉ mới ngoài hai mươi, mặc quần bò và áo thun bằng vải bông. Điều đó làm ông không yên lòng. Cha Kris Malik từng nói với ông rằng các thanh niên thiếu nữ, mặc quần áo dân sự, thường được An ninh Nội chính dùng để lang thang tại các nơi công cộng, nghe ngóng những gì người ta nói. Hai người thanh niên liếc mắt nhìn ông khi họ ngồi xuống bên chiếc bàn kê sát cửa. Ông cầm tiền lẻ, đi trở lại máy điện thoại. Ông quay một số quen thuộc. Người điều hành ở tổng đài bảo ông phải cho vào máy bao nhiêu tiền. Sau một lúc, ông nghe tiếng chuông reng từ ngôi nhà Dòng Tên màu xám tọa lạc bên sườn đồi nhìn xuống Sông Volya.

“Phải cha Ley đó không?”

“Tôi đang nói chuyện với người nào đây?”

Sắp buột miệng xưng tên mình bỗng ông nhớ ra, “Xin bảo ông ấy,” ông nói, “bảo ông ấy có Tonio đây.”

“Tonio?”

“Vâng.”

Tonio là tên các bạn gọi đùa ông trong thời gian trong thời gian ông cùng cha Jan Ley theo học thần học ở Nhà Greg - Trường Đại học Gregorian ở La Mã. Cha Jan là người độc nhất trong xứ sở này biết tên đó của ông. Ông chờ. Cha Jan bị què và phòng ông ở xa nơi đặt máy điện thoại. Trong khi chờ, ông tự hỏi mình về một người khác, kẻ đang nghe lén, trong thời gian máy điện thoại im lìm tạm

lắng này. Kể đó ông nghe tiếng động mạnh trong tai mình khi có ai đó lóng ngóng chụp vào giá máy điện thoại, cầm ống liền hợp lên.

“Tonio, come stai? E dove stai?”

“Tôi mạnh khỏe, thưa cha,” ông nói. Ông nghĩ là dùng tiếng Ý nói với nhau thì chẳng khôn ngoan chút nào. Đối với kẻ đang nghe lén kia mà làm như vậy thì có vẻ đáng nghi và dĩ nhiên, băng ghi âm sẽ bị đem ra dịch lập tức. “Nói cho tôi biết,” ông nói. “Cha có nghe Hồng y Bem nói sao không?”

“Nói về cái gì?” cha Jan hỏi.

“Xin cha làm ơn. Liệu cha có biết chắc là ông ấy còn ở trong thành phố không? Có thể ông ấy đang đi xa. Có thể đó là lý do khiến chúng ta chẳng nghe ông ấy nói như thế nào cả.”

“Tonio, cha nói nghe thiệt tức cười. Cha có tin không, những người ‘măng tô’ mới điện thoại cho tôi một giờ trước đây. Họ muốn biết lần sau chót tôi nói chuyện với Đức Hồng y là vào lúc nào. Khi tôi hỏi tại sao, họ bảo: Hình như ông ấy biến mất.”

“Biến mất?”

“Vâng, toàn bộ câu chuyện rất lạ lùng. Tôi vừa nói chuyện với cha Finder, một trong các thư ký của ông ấy. Cha ấy nói chính những người mặc ‘măng tô’ đã vào Nhà Chung đêm qua mang ông ta đi theo cái họ gọi là ‘quản thúc bảo vệ’. Họ cho rằng có ai đó mưu sát ông ấy. Cha hiểu sự thật của câu chuyện ấy ra sao, Tonio?”

“Tôi ư?” ông nói. “Làm sao tôi biết được chuyện đó? Tôi chỉ biết một điều là, nếu Đức Hồng y bị bắt thì chúng ta sẽ không có được câu trả lời nào cho bản thỉnh nguyện của mình.”

“Đúng thế,” cha Jan nói. “Tôi có thể giúp được gì cha đây, Tonio?”

“Được, được,” ông nói. “Tôi đang thắc mắc không biết mình có nên vay mượn cha chút đỉnh không. Khoảng một ngàn đồng. Không biết cha có dư số tiền đó không?”

“Dĩ nhiên có. Tôi gửi tiền tới chỗ nào?”

“Tôi hi vọng mình sẽ đến thủ đô. Cha còn tới nghe xưng tội ở Santa Maria không?”

“Còn. Mỗi buổi sáng, từ bảy tới chín giờ.”

“Tốt. Được, có lẽ tôi sẽ tới đó sáng mai. Và thưa cha, tôi cũng cần lời khuyên bảo của cha về tâm linh nữa.”

“Tôi sẽ có mặt ở đó. Mang theo tiền cho cha.”

“Cảm ơn cha.”

“*Ciao, Tonio. A domani.*”

“*Ciao, Giannino,*” ông nói.

Khi ông gắn ống điện thoại vào lại giá máy thì cửa nhà bếp mở đánh rầm một tiếng, cô hầu bàn trẻ ông thấy hồi nãy đi vào, mang trên tay chiếc khay có mấy ly nước đá lạnh. “Xin lỗi, thưa ông. Ông dùng gì không ạ?”

“Không, cảm ơn cô.”

Ông bước theo chiếc hông đồng đưa của cô khi cô đi trở ra chỗ bán cà phê. Len lỏi qua các chiếc bàn trống, ông quyết định cách tốt nhất là nên hỏi người nào đó về phương hướng. Hai thanh niên mặc quần bò đang chơi domino. Người mặc sơmi xanh ngắm nghía cô hầu bàn lúc cô đi qua.

Khi ra tới con đường bên ngoài, ông nhìn ngược nhìn xuôi tìm tấm bảng báo trạm dừng của xe khách liên tỉnh. Không có tấm bảng nào. Ông đứng đó, lưỡng lự. Một bà lão đi về phía ông, đeo chiếc bị vải dơ dáy bản thủ. Tới ngang ông, bà hé bị ra, cho thấy bên trong bị có rất nhiều trái anh đào.

“Này ông ạ,” bà nói, nở nụ cười a tòng ra với ông. “Thứ này là phần tôi được chia đấy. Lấy một ít nhé.”

Ông lắc đầu từ chối không mua. “Xin phép hỏi bà,” ông nói. “Ở thị trấn này có trạm xe khách hay ga xe lửa nào không?”

“Ga xe lửa ở đường Kocharma, thưa ông. Kế con đường đằng kia.” Bà lão đưa tay chỉ con đường trước mặt. “Mấy trái anh đào

này,” bà nói, “Tôi muốn bán tổng bán khứ tối nay cho hết. Tôi bán rẻ lắm.”

“Để khi khác,” ông bảo bà. “Và cảm ơn bà, thưa bà.”

Đột nhiên bà há hốc miệng, trông như miệng con thằn lằn, phô ra hai hàng nướu đỏ hồng gần như đã rụng hết răng. “Ông có vẻ giống một người nào đó... một vị nào đó, thưa ông. Người ta có nói với ông là trông ông có vẻ giống với ai đó không?”

“Ồ, chẳng người nào nói như vậy cả,” ông nói. Ông đưa tay lên chào từ giã bà bằng cái vẫy tay mà làm xong ông mới nhận thấy nó giống cử chỉ ban phép lành. Ông phải rời các con đường của thị trấn này càng sớm càng tốt. Tới lúc này chắc đã báo động ra ngoài rồi. Chắc chắn viên đại tá và người của ông ta đang lùng sục các ngã đường. Ông đi tới con đường mà bà lão đã chỉ cho và thấy đằng trước cái rõ ràng là một nhà ga, một toà nhà gạch, xây kiểu Đức vào thế kỷ trước, gờ mái và cột từng có thời trang trí đầy hoa văn nay bị che khuất phần nào bởi một lối vào kiểm soát an ninh “hiện đại hoá”, che bằng mấy tấm bảng gỗ và kính, dựng lên để lục soát hành khách trước khi cho phép họ hợp lệ bước vào ga. Ông thận trọng đi về phía nhà ga nhưng không thấy có ai đứng gác trong trạm an ninh. Khi đi qua trạm để vào bên trong ga, ông thấy có hai người lính mang tiểu liên AK loại tự động đang đi về phía ông. Ông dừng bước, cảm thấy mình bắt đầu run. Lúc đó, xuất hiện trong tâm trí ông một câu, làm cơn run dịu lại. *Ta không một mình, Ngài đang ở cùng ta.* Ông tiếp tục bước. Hai người lính đưa mắt nhìn ông nhưng không chặn ông lại.

Nhà ga hình như hoang vắng. Trên tấm bảng ghi giờ tàu đi và tàu đến chẳng viết gì. Sập sách báo sập cửa. Những người duy nhất trên sân ga là một gia đình miền núi, mặc y phục cổ truyền, như thể đang đi dự một cuộc liên hoan ca vũ nhạc dân tộc ở đâu đó. Đàn ông đội mũ chăn cừu rộng vành với các tua dài sặc sỡ và hút tẩu thuốc dài làm bằng đất sét, thỉnh thoảng nhổ phẹt nhựa thuốc xuống đường ray bên dưới. Đàn bà, vạm vỡ trong áo gilê cổ truyền và váy thêu, mắt khiêm tốn nhìn xuống khi thấy ông đi ngang. Chỉ một quầy bán vé mở cửa. Ông tới chỗ đó. Cô gái bán vé ngồi sau cửa sổ đang lật từng trang một tạp chí có minh họa hình màu các tài tử màn bạc. Bài báo viết bằng thứ tiếng rõ ràng là cô ta không hiểu. Tiếng Đức. Ông có thời gian để ý chi tiết đó vì cô lật thêm vài trang trước khi nhận ra sự có mặt của ông. Cuối cùng, cô nhìn lên.

“Gì đây?”

“Thưa, lúc nào có chuyến tàu sắp tới đi thành phố?”

“Mười giờ tối.”

“Trước đó chẳng có chuyến nào sao? Thưa ở đây có thể có xe đò không ạ?”

“Đây là ga xe lửa,” cô nói. “Tôi không bán vé xe đò. Có muốn mua vé tàu không?”

“Chờ tới mười giờ tối thì lâu quá. Cô có thể chỉ cho tôi chỗ tìm thấy xe đò không, tôi hết lòng cảm ơn.”

“Hỏi phía đối diện trụ sở hành chánh.” Cô gái lật thêm một trang báo hoạt hình, rồi nhìn lên. “Người kè.”

“Tôi xin lỗi.” Ông nghiêng người, nhận ra có ai đó đang chờ sau lưng mình. Nhưng khi ông làm như vậy, người đàn ông đang sau

ông vội vàng nói:

“Vâng, đang có xe chờ,” và chạm vào vai ông. “Đi, tôi chỉ cho.”

Ông xoay hẳn người lại. Người đó là cha Prisbek. Ông ấy không còn mặc áo chùng thâm mà lúc này khoác chiếc áo bông màu kem, áo thun thể thao kẻ sọc và mặc quần tu sĩ. “Lối này,” cha Prisbek nói, dẫn ông xa khỏi cửa sổ quầy vé.

Ông nhìn sân ga. Gia đình người miền núi vẫn ngồi trên các bọc gói hành lý. Hai người lính vẫn đi lên đi xuống lối vào. Và rồi từ phía sau sập sách báo đang kín cửa, một bóng dáng nửa xuất hiện, bước vào tầm mắt ông, đội chiếc mũ đệm màu côca côla loại khách du lịch Mỹ thường đội.

“A, ông đây rồi,” viên thiếu tá An ninh Nội chính nói, “Xin chào Đức giáo chủ.”

Ông vùng vẫy cố gỡ mình ra khỏi bàn tay túm chặt của cha Prisbek nhưng vô hiệu. “Vậy ra cha làm việc cho An ninh Nội chính?” ông nói với cha Prisbek. “Cha là người của cha Bialy, không phải sao?”

“Cha Bialy?” cha Prisbek nói. “Con đã nói với cha trước đây. Con không dính líu gì tới Tu sĩ Yêu nước. Có thể cha là bạn thân với cha Bialy còn hơn cả con nữa.”

Viên thiếu tá An ninh Nội chính lúc này túm cánh tay kia của ông. “Đừng để ý tới chuyện đó,” viên thiếu tá nói. “Chỉ việc đi theo ngã này thôi.”

Rán sức chống cự thì có vẻ điên rồ. Họ trẻ và khỏe hơn ông. Cả hai đưa ông đi qua trạm an ninh và bước ra đường. Khi họ tới mặt đường, chiếc xe Volvo đỗ từ cách đó một ô phố chạy tới đón. Người lái xe mặc ‘măng tô’ thụng chính là một trong hai người gác tại trường nông nghiệp Ostrof.

Viên thiếu tá mở cửa hông xe Volvo, “Xin mời lên.”

Ông ngần ngừ.

“Lên xe đi chứ?” viên thiếu tá nói. “Chẳng việc gì mà ầm ỉ cả.”

Ông bước lên xe. Cha Prisbek ngồi đằng trước cạnh tài xế.

“Quẹo trái,” viên thiếu tá bảo người lái xe. “Rồi, quẹo trái nữa.”

“Vậy chúng ta không về lại chỗ đó sao?” người lái xe hỏi.

“Không, tôi nghĩ là không. Chúng ta tới chỗ Ban Hai. Quẹo trái, đúng rồi đó. Ngang đây quẹo trái nữa, rồi chạy thẳng.”

Chiếc Volvo lúc này chạy chậm chậm theo đường hẻm ngang qua các cánh cửa màu đen của những ngôi nhà nhỏ. “Đây rồi,” viên thiếu tá đưa tay chỉ lối vào trước sân một ngôi nhà. “Cho xe vô đó.”

Chiếc Volvo ngừng lại. Nhìn qua cửa kính bên hông xe, ông thấy họ đang ở xa trụ sở hành chánh, cách gác chuông nhà thờ chừng một ô phố. Viên thiếu tá với người tới trước lấy chiếc máy truyền tin từ hộc để găng tay trong xe. “Ban Hai,” anh ta nói vào máy truyền tin. “Chúng tôi đang ở điểm năm với vật nuôi. Lặp lại, điểm năm. Hết.”

Anh ta đặt máy truyền tin vô lại chỗ cũ. “Kể cho tôi biết,” anh ta nói. “Bằng cách nào ông tới thị trấn này lạ vậy?”

Ông nhìn đăm đăm viên thiếu tá. Vậy thì mấy người cảnh sát đã không báo cáo việc chở ông đi. Ông nói, “Tôi đi bộ.”

“Không, không, thưa Đức cha,” viên thiếu tá nói. “Có ai đó đã chở ông đi. Tôi thắc mắc không biết người đó là ai. Tôi thắc mắc là ông đã kể với họ những gì. Tôi thắc mắc. Nhưng dĩ nhiên là ông sẽ không kể với tôi. Cha Prisbek nói trong khi ông ấy đang trên đường đi trở lại cụm rừng thì thấy có một xe cảnh sát.”

“Vậy ư?” Ông quay qua cha Prisbek đang ngồi yên lặng ở ghế trước. “Đầu gối cha ra sao rồi?” ông hỏi.

“Tôi nghĩ chắc là nó đã khá hơn.”

“Cha không nên tính chuyện bỏ trốn,” cha Prisbek nói. “Nếu con có đi theo cha thì cũng chẳng thay đổi được gì. Con đã bảo cha rồi. Cha không thoát nổi đâu.”

Chiếc xe tải nhà nông bê bết bùn vừa chạy tới, đậu lại đằng sau xe họ. Tài xế là người mang ủng Wellington. Đại tá Poulnikov xuống xe, đi tới. “Cảm ơn trời,” ông ta nói. “Anh tìm thấy ông ta ở đâu?”

“Ở nhà ga,” viên thiếu tá nói. “Đang tính mua vé về thủ đô.”

“Ai chở ông ta tới đây?” viên đại tá hỏi.

“Ông ta chưa kể với chúng tôi? Ông có kể không, thưa Đức cha?”

“Tôi sẽ không kể,” ông nói.

“Có lẽ ông ta đã điện thoại cho ai đó khi tới Ricany,” viên đại tá nói. “Với người của ông ta hoặc với ai đó. Thế thì không thể trở về trường nông nghiệp được nữa. Tiếc thật.”

“Có Moldova đó,” viên thiếu tá nói.

“Như vậy chúng ta phải tới đó.”

“Dì phước Martha thì sao?” cha Prisbek hỏi.

Viên đại tá gật đầu, “Tôi liên lạc rồi. Họ đang tới đây.”

Nói xong, viên đại tá đi lui, vào ngồi trong xe tải của mình. Nhưng chiếc xe tải chưa ra đường. Cả hai xe chờ chừng vài phút, cuối cùng, có một chiếc xe thùng chạy vô đường hẻm. Ông nhận ra đó là chiếc họ đã dùng khi mang ông đi từ đường Lazienca. Ông không biết tài xế, một người đàn ông tóc xám mang ‘măng tô’ bóng loáng của công an An ninh Nội chính. Bên cạnh ông ta là một người đàn ông mặc ‘măng tô’ thụng: người gác thứ hai của trường nông nghiệp. Người nữ tu trung niên ngồi ở ghế sau. Chiếc xe thùng vừa vào đường hẻm thì chiếc xe tải của viên đại tá nổ máy. Rồi một đám rước nhỏ tiến ra khỏi đường hẻm: xe tải của viên đại tá chạy trước, kể là xe Volvo, chiếc xe thùng chạy kèm một bên. Họ ra tới đường lớn, rồi tới ngã tư, họ rời thị trấn Ricany.

Lúc này họ đã ở trên xa lộ chính nhưng ông không biết mình đang di chuyển theo hướng nào. Khi người lái xe vặn kính cửa bên cạnh xuống thì khói dầu từ một đoàn xe tải quốc doanh cỡ lớn và nặng nề phun ra đen mịt mù cuộn đầy không khí. Đoàn xe tải nổi

đuôi nhau chạy rầm rầm đằng trước với vận tốc khoảng tám mươi cây số một giờ, làm họ vất vả chạy theo, cố nhìn cho rõ đường để lách xe qua mặt. Viên thiếu tá lấy ra cái bấm móng tay và lúc này chú ý vào chỗ da bị xước gần móng tay, thái độ khéo léo và chăm chú. Trên ghế trước, cha Prisbek lau cần cổ ướt đẫm mồ hôi. Nắm cơ hội, chiếc xe tải của viên đại tá, chiếc Volvo cùng chiếc xe thùng từ phía sau đoàn xe tải quốc doanh nặng nề, lạng qua, lao tới, tăng vận tốc lên một trăm hai mươi cây số một giờ, vượt qua đoàn xe kia và rẽ vào con đường đất bên tay mặt. Đằng trước trải dài một con đường vô danh, không xe cộ qua lại.

Ông lại nhìn viên thiếu tá lúc này đã thôi bấm móng tay và đang ngồi cúi người trên ghế, tay vòng trước ngực, chiếc mũ đệm màu nâu sụp xuống che khuất cánh mũi. Viên thiếu tá dường như đang nhìn chăm chú cái gì đó trên sàn xe, rồi thấy mình bị quan sát, anh ta đột ngột nói, “Đôi giày của cha ở đâu mà có vậy, thưa Đức cha? Giày này giày Ý, phải không?”

“Vâng.”

“Chắc La Mã cho Đức cha nhiều đồ đặc lắm, phải không?”

“Vâng, vài thứ.” Ông cho tay vô túi, lấy ra chiếc mũ lúp của mình, chỉ cho viên thiếu tá thấy cái vành nhỏ bằng lụa màu đỏ rồi úp nó lên phía sau đầu: “Đây, thí dụ cái này. Người ta không may ở đây.”

Viên thiếu tá nổi nóng lên như thể bị ai đó sỉ nhục. “Bỏ nó xuống ngay,” anh ta nói, giọng sắc lạnh. “Đưa đây.”

“Xin lỗi, tại sao?”

“Đưa đây cho tôi! Ông giờ trò gì thế? Định quảng cáo là chúng tôi đây đang chở một Hồng y hả?” viên thiếu tá chụp chiếc mũ lúp nhỏ, vặn kính cửa bên phía anh ta xuống, quăng chiếc mũ ra ngoài, bay theo gió. “Tôi không biết tại làm sao một Giám mục Công giáo lại phải đội thứ mũ lúp Do Thái,” anh ta nói. “Ông giống hệt một thầy cả Do Thái.”

“Tôi sung sướng được trông giống người Do Thái.”

“Ông đang tính nói với tôi cái gì?” viên thiếu tá nói. “Có phải ông định nói với tôi rằng Vatican thích người Do Thái?”

“Tôi cho rằng chúng ta chẳng nên ghét ai cả,” ông nói. “Tôi thừa nhận rằng trong quá khứ, các giáo sĩ chúng tôi thường bài Do Thái, như mọi người trong dân tộc chúng ta. Nhưng chúng ta đang ra sức thay đổi cái đó.”

“Tại sao ta phải bận tâm?” viên thiếu tá nói. “Ai cũng biết người Do Thái giống cái thứ gì.” Anh ta xoay người trên ghế. “Tôi thành linh nghĩ ra. Chúng tôi đã sai lầm khi không lục xét người ông. Ông đang dấu trong người các vật nhỏ nhít gì thế? Lẹ lên. Lấy hết đồ trong túi ra.”

“Thưa ông!” người lái xe chột kêu lên. Chiếc Volvo hãm lại, gần như sắp đụng vào chiếc xe tải của viên đại tá ở ngay trước đầu máy. Lúc này, khi xe họ chạy tới đằng trước thì dọc đường có một dãy mấy chiếc xe nối đuôi nhau chờ trước các rào chắn ngang đường. Lính mang súng tiểu liên đang xét giấy. Một chiếc xe thiết giáp đậu chính giữa đường, trên pháo tháp đặt một khẩu súng máy.

“Khốn nạn,” viên thiếu tá nói. “Đưa máy truyền tin cho tôi.”

Nhưng khi người lái xe cho tay vào hộc để bao tay thì viên thiếu tá đổi ý. “Để nó đó. Chúng ta ở gần quá.”

Vận tốc xe lúc này chỉ mười cây số một giờ. Phía trước, xe tải của viên đại tá dừng hẳn lại, cách chiếc xe nối đuôi đằng trước chừng mười thước. Chiếc Volvo cũng dừng lại. Viên thiếu tá xuống xe, đi tới phía trước để hội ý. Chiếc xe thùng, chiếc thứ ba trong đoàn xe của họ, đậu lại sát phía sau. Tài xế xe thùng, người tóc xám mặc ‘măng tô’ An ninh Nội chính xuống xe, đi tới phía họ.

“Kiểm tra xe ư?” ông ta hỏi người lái xe của viên đại tá.

“Tôi nghĩ là còn hơn thế nữa,” người tài xế nói.

Vào lúc đó, viên thiếu tá xoay người đi trở lại phía họ. Anh ta có

về gần ngay, tới bên người lái xe thùng, thăm thì điều gì đó. Người lái xe thùng lập tức cởi chiếc áo ‘măng tô’ An ninh Nội chính ra, cuộn lại. Bên trong áo ‘măng tô’ ông ta mặc chiếc áo len đỏ mạng nơi khuỷu tay. Khi quay về lại xe của mình, ông ta len lén liếc vào ghế sau của chiếc Volvo, như thể tò mò xem thử người tù Giám mục trông giống cái gì. Mắt họ gặp nhau và người tài xế vội vàng bước đi.

Đoàn xe bắt đầu nhích tới trước. Viên thiếu tá thấy vậy, đi lui, leo vào lại chiếc Volvo. “Sao?” người lái xe hỏi.

“Không sao. Tới đi!” viên thiếu tá nói. Anh ta lột chiếc mũ đệm, chùi mạnh tay áo mình vào vành vải bên trong mũ, rồi quay sang ông, chìa tay ra. “Đưa tôi thẻ chứng minh nhân dân của ông, thưa Đức cha.”

Ông lưỡng lự rồi cho tay vào túi áo khoác, rút thẻ căn cước ra. Viên thiếu tá ngó thẻ: nhìn tám ảnh, tên ông, Stephen Bem, các chi tiết về chiều cao, trọng lượng, ngày và nơi sinh. “Thì ra thẻ của ông không có gì đặc biệt,” anh ta nói. “Và ông có một cái tên thông thường. Rất phổ thông.”

“Thiên Chúa ban cho tôi một cái tên thông thường, để nhắc nhở tôi rằng mình chẳng có gì đặc biệt,” ông nói.

Viên thiếu tá trả lui tám thẻ.

“Có phải họ đang xét giấy chứng minh nhân dân?” người lái xe hỏi.

“Không. Tôi nghĩ là kiểm tra xe,” viên thiếu tá nói.

Hàng xe nhích tới từng chút một. Trong lúc đó, viên thiếu tá chạm vào người lái xe, “Vượt lên đằng trước chiếc kia,” anh ta nói. “Chúng ta đi trước.”

Người lái xe vâng lời, khẽ tách xe ra khỏi hàng, lái tới phía trước xe tải của viên đại tá, lách vào chỗ trống trước mặt nó. Những người ngồi trong xe Volvo lúc này căng thẳng và nín thính. Ông kinh ngạc

thấy cha Prisbek, đang ngồi trước mặt, hấp tấp làm dấu thánh giá và cúi đầu xuống cầu nguyện. Dĩ nhiên, tại sao không? Tu sĩ Yêu nước không hoài nghi việc họ là tôi tớ của Thiên Chúa và sẵn sàng xin Thiên Chúa phù hộ. Nhưng vào khoảnh khắc ấy, chợt xuất hiện trong đầu ông khuôn mặt của người lái xe thùng, kẻ mấy phút trước đây cỡi chiếc m៉ăng tô An ninh Nội chính để lộ chiếc áo len đỏ bên trong. Ông đã ngờ ngợ mình từng gặp người đó trước đây, và lúc này, ông biết chắc là mình đã gặp ông ta ở đâu. Ông ta là người đi lên dọc dãy ghế nhà thờ ở Ricany chiều nay, người mà ông đã nghĩ là một linh mục, người đã đi vào liêu để đồ thờ.

Cha Prisbek cầu nguyện xong và làm dấu thánh giá thêm lần nữa. Cha Prisbek không phải là thành viên của Tu sĩ Yêu nước: ông ấy ở phía đối lập. Lúc này ông ấy cầu nguyện vì sợ bị lính phát hiện. Họ hết thấy đều sợ. Họ hết thấy đều là những kẻ mạo danh: viên đại tá An ninh Nội chính, viên thiếu tá An ninh Nội chính, hết thấy bọn họ.

Đằng trước là chiếc xe van, loại xe vận tải nhỏ bít bùng, chở bánh. Lính nhìn giấy tờ xe ấy rồi vẫy tay cho qua. Người lái xe Volvo lẩn bánh và nhích tới, đậu vào khu vực kiểm tra. Một người lính bước tới cửa sổ phòng lái. “Giấy tờ xe?” anh ta hỏi. “Và anh đang đi đâu?”

“Moldova,” người lái xe trả lời.

Người lính cầm giấy tờ, chuyền cho người trung sĩ rồi nhìn vô xe. “Các ông đi chung với nhau phải không?” anh ta hỏi. “Có ai đi nhờ không?”

Ông cảm thấy người mình cứng lại. “Có tôi,” ông lên tiếng. Ông trườn người tới cửa xe, mở ra, bước xuống đường.

“Ông không cần phải xuống xe,” người lính nói. “Được rồi, cho coi thẻ chứng minh nhân dân.”

Ông đưa thẻ ra. Người lính liếc qua rồi trả lại ông. “Được rồi, ông

có thể lên xe lại.”

“Không,” ông nói. “Tôi nghĩ là mình chờ xin đi nhờ chiếc khác. Tôi bị say xe.” Ông quay lại chiếc Volvo có viên thiếu tá ngồi giữ cửa hông đang mở sẵn cho ông. Ông đóng cửa vào mặt viên thiếu tá. “Đi đi,” ông nói. “Cảm ơn các ông, nhưng tôi đang cần một chút thoáng khí.”

Viên thiếu tá lập tức nhào tới cửa sổ xe, “Lên xe ngay!”

“Không, cảm ơn. Cảm ơn các ông đã cho đi nhờ.”

Rõ ràng là người lính không chịu đựng nổi sự chậm chạp này, thình lình gõ lên mũi xe Volvo, “Tới đi, cho xe chạy ngay.” Người lính thứ hai cũng vỗ lên mũi xe. Chiếc Volvo vào số, chạy qua khu vực trạm kiểm soát. Xe tải của viên đại tá lúc này điền vào chỗ vừa rời của chiếc Volvo trong khu vực trạm kiểm soát. Ông thấy viên đại tá và người đi ủng Wellington từ hàng ghế trước xe đang ngó ông. “Giấy tờ xe?” ông nghe người lính hỏi.

Khi viên trung sĩ xem xét giấy tờ xe tải thì chiếc xe thùng lăn bánh qua một bên, nhích tới mép khu vực trạm kiểm soát. Ông nhìn mái tóc xám của người lái xe, nhìn chiếc áo len đỏ có mạng nơi khuỷu tay. Không làm lẫn chút nào. Ông xoay người quan sát vùng quê đằng sau con đường. Xa xa trên sườn núi là một nhà trại nhỏ. Bốn bề chung quanh trạm kiểm soát này là đồng trống. Trong khi ông đứng đó, quan sát viên đại tá và người mang ủng Wellington thì một người lính chạy thật lẹ, quắc mắt giận dữ. Chiếc Volvo phớt lờ lệnh tiếp tục đi, đang lách qua một bên, đậu lại vài thước phía trước trạm kiểm soát. Người lính chạy tới chiếc Volvo, động báng súng tiểu liên lên mũi xe. “Đi tới, đi ngay!” người lính la lên. “Cấm đậu chỗ này.”

Chiếc Volvo chậm chậm lăn bánh. Trong khi ông quan sát thấy nó biến mất nơi khúc quẹo con đường thì xe tải của viên đại tá, đã kiểm tra xong, cố ý nhích từng chút một, trờ tới ngang chỗ ông đang bước. Cửa sổ phòng lái phía viên đại tá mở ra. Xe tải dừng lại. “Có

muốn đi nhờ không?” viên đại tá hỏi.

Hai tay viên đại tá vòng trước ngực. Khi viên đại tá quay người, dưới nách ông ta lòi ra một khẩu súng lục nòng bóng loáng, chĩa thẳng vào người ông. Ông nhìn lui mấy người lính. Họ đang bận rộn với chiếc xe thùng lúc này đã chạy vào trạm kiểm soát.

“Đừng điên” viên đại tá nói, giọng nhẹ nhàng. “Lên xe đi thôi.”

Tuân lệnh, ông bước tới phía khẩu súng đang chĩa ra, nhưng khi tới gần hơn, ông đổi hướng, lẹ làng chuyển người ra đằng trước xe tải, băng ngang đường bước tới chiếc xe thiết giáp đang đậu trên làn vạch giữa đường. Nếu viên đại tá cuồng tín, ông ta có thể liều hết cỡ. Ông ta có thể bắn.

Ông đã tới chỗ xe thiết giáp, đứng lại, đưa lưng ra cho viên đạn của viên đại tá. Biết rằng mình đã ở ngoài tầm nghe của người ngồi trong xe tải, ông nhìn lên người xạ thủ súng máy trên pháo tháp và bình thản hỏi:

“Xin cho biết mấy giờ rồi?”

“Ông nói gì?” người xạ thủ hỏi xuống.

“Hỏi giờ, mấy giờ rồi?”

“Năm giờ bốn mươi,” người xạ thủ nói. Anh ta chỉ vào xe tải của viên đại tá. “Xe ông đang làm nghẽn lưu thông đằng kia kìa.”

“Tôi không đi chung với họ,” ông nói, nhìn lui xe tải, thấy nét mặt của viên đại tá cứng đờ căng thẳng và cái nhìn lo lắng của người mang ủng Wellington.

“Các người!” người xạ thủ thành linh thét lên, quay súng máy chĩa nòng vào xe tải. “Cho xe chạy ngay!”

Lúc đó, ai trong xe tải cũng có vẻ hoảng hốt. Người mang ủng Wellington vô số xe tải, trở đầu xe, lái ngược trở lại, vọt hết tốc lực băng qua trạm kiểm soát, phóng về hướng Ricany. Lính nơi trạm kiểm soát giật mình kinh ngạc nâng súng tiểu liên lên như sắp bắn, nhưng không bắn. Ông nhìn lên người xạ thủ trên pháo tháp nhưng

anh ta đã quên ông. “Họ hợp lệ không?” người xạ thủ thét xuống hỏi mấy người lính.

“Có. Hợp lệ.”

Người xạ thủ nhún vai. Chiếc xe thùng lúc này chạy chậm chậm qua trạm kiểm soát, ông thấy nét sợ hãi chết điếng trên mặt của người nữ tu và người lái xe. Người lái xe ngần ngại, rồi tiếp tục tiến, biến mất nơi cùng một khúc quẹo trên đường như chiếc Volvo mấy phút trước đó.

Ông quay lưng bước thẳng. Đằng sau ông là đồng trống. Ông leo lên bờ mương, bước xuống lòng mương và leo qua bờ bên kia, đi dọc ruộng khoai tây, tìm nơi ẩn núp. Nếu họ trở lại đường này, đừng để cho họ thấy ông. Nửa phần trên cánh đồng, nơi người ta thu hoạch xong khoai tây đã được cày sâu xuống. Ông nhìn con đường. Chiếc Volvo và chiếc xe thùng đang quay lại trạm kiểm soát. Ông ngã người nằm xuống, mắt hút người giữa các vòng khoai khi hai xe ấy đậu lại bên đường, cách trạm kiểm soát chừng trăm bước. Viên thiếu tá xuống xe, kẻ đó cha Prisbek. Rồi có thêm người lái xe thùng và người mặc ‘măng tô’ nhập bọn.

Ông nằm sấp sát người xuống, nhìn họ chăm chặp khi họ nhìn lên, sẫm soi cánh đồng từng chút một. Có chiếc xe nào đó vừa qua trạm kiểm soát và khi chiếc xe đó đi ngang họ, viên thiếu tá chạy ra mặt đường, vội vàng nhìn thật kỹ mặt những người ngồi trong xe. Cha Prisbek bắt đầu đi trở lại trạm kiểm soát. Người mặc ‘măng tô’ thụng bước xuống cánh đồng phía đối diện bên kia đường.

Ông quan sát cha Prisbek. Ông ấy không dám hỏi lính có thấy ông đi vô cánh đồng hoặc có ai đó đã chở ông đi hay không. Ông ấy sợ lính. Ông ngó cha Prisbek quay trở lại con đường vừa đi qua. Viên thiếu tá vẫn đứng giữa đường nhìn chăm chú vào từng chiếc xe đi qua. Người mặc ‘măng tô’ thụng đã quay trở lại chiếc xe thùng và lúc này đang đứng nói chuyện với tài xế. Viên thiếu tá và cha

Prisbek nhập bọn, hết thấy họ đều nói ngắn gọn. Kế đó, họ lên xe, lái tới trạm kiểm soát. Thêm lần nữa, kiểm tra giấy tờ xe và họ được vẫy tay cho qua. Ông nhìn thấy họ lái trở lại con đường mà họ vừa đi tới, về phía Ricany.

XII

Bên trên ông, bầu trời nắng chang chang dường như đang nứt ra. Vài giây sau, tiếng sấm ran dồn dập rượt đuổi nhau trên đồng trống. Mưa từ các đám mây mỏng nước ào xuống và khi ông đứng dậy, chiếc áo mưa đọng nước tưới xối xả lên quần. Đất các vòng khoai mà ông đã nằm giữa chúng dính bết vào đầu gối và khắp chân tay làm ông lúc này trông giống một nông phu đang làm việc đồng áng. Trong mưa, ông đi về phía đường lộ, thẳng người bình tĩnh vòng qua trạm kiểm soát. Khi ông xuống tới mặt đường, có chiếc xe bồn quốc doanh nặng nề chạy ngang. Xe đã bật đèn lên. Trong lúc ông đưa tay cổ vẫy nó dừng lại thì bánh xe bắn tung văng nước dơ lên người ông, làm ướt nhẹp đôi giày Ý. Chiếc xe bồn tiếp tục chạy. Ông bước lui, chờ thêm hai chiếc xe tải nữa chạy qua mới dám đánh liều xuống trở lại mặt đường. Ông đứng trong tư thế sẵn sàng vọt lùi lại, hụp người xuống đường mượn nếu thấy có chiếc xe nào của viên đại tá đến gần. Nhưng lúc này, ông thấy đang tiến gần tới là một chiếc xe van nhỏ, loại chở hàng, cũ kỹ, xập xệ, bên hông sơn quệch quạc một dấu hiệu trình bày hai con dao gác chéo lên nhau. Đó là loại xe chở hàng và chủ nhân của chúng gồm những người mà mẹ ông trước đây thường gọi là dân giang hồ, những người thợ hàn nôi hàn xoong, mài dao mài kéo và sửa chữa các loại bình loại ấm bằng kim loại, lang bạt hết thị trấn này tới thị trấn khác, đem về đậu xe của mình tại các ngã tư hay những nơi ít người qua lại.

Ông nghĩ những kẻ lãnh tử ấy sẽ không dừng xe lại vì ông, và kinh ngạc thấy chiếc xe van cổ lỗ sĩ ấy ngừng lại ngay lúc ông vừa đưa tay lên sắp vẫy. Cửa xe kéo ra, cho thấy một gian hàng lưu

động đủ thứ đồ nghề mài dao. Trên ghế trước là một thanh niên tuổi ngoài ba mươi, da sạm, bắp tay xăm hình một con rắn. Bên cạnh anh ta, một cô gái tóc hoe mặc áo đầm lụa cáu bẩn cổ quần mấy vòng chuỗi hạt trai giả. Cả hai có vẻ đang ngà ngà say.

“Nhích qua một bên,” anh lái xe bảo cô gái. “Để cho ông ngồi giữa hai đứa mình. Lẹ lẹ bố ời, lên xe đi.”

Cô gái xuống xe để ông leo lên ngồi kế bên tài xế, rồi cô ta lại leo lên, kéo cửa đóng lại.

“Đi thành phố phải không bố?” anh lái xe hỏi.

“Vâng.”

“Bố có bốn chục tì không?”

“Có,” ông nói. “Và cảm ơn anh đã cho tôi lên xe.”

“Bốn chục là tiền xăng,” anh lái xe nói giọng sèn sệt. “Với giá xăng bây giờ, không ai cho đi nhờ mà chẳng lấy gì cả. Bố có thể thêm mười tiền nữa không? Không, bố đừng lo. Bốn mươi là giá đi xe. Nhưng nếu bố có thêm mười tiền nữa thì bố con mình có cái nhậu...”

Ông lấy số tiền ít ỏi của mình ra, tách riêng năm mươi đồng đưa anh lái xe. “Tiền đây,” ông nói. “Có điều tôi không uống rượu. Cảm ơn.”

“Bố nói năng hết như người quý tộc,” anh tài xế nói. “Ông nói như một người thượng lưu, phải không em?”

“Ông là một đáng quý tộc,” cô gái nói. “Anh coi đôi giày của ông kìa. Bố ời, bố làm loại công việc gì vậy.”

“Tôi là linh mục.”

“Hà hà!” anh lái xe vừa nói vừa cười. “Hèn gì né trạm kiểm soát, đúng chứ?”

“Tại sao tôi phải tránh trạm kiểm soát?”

“Vì ba cái thứ đang diễn ra đó.”

“Cái gì đang diễn ra? Xin lỗi, tôi không hiểu.”

“Thấm môi chút đã,” người thanh niên nói. “Magda, lệ lên chút chớ. Anh biết em còn một chai khác dấu đầu đó. Nhà quý tộc này đã trả tiền rồi mà.”

“Anh nhậu xỉn rồi,” cô gái nói. “Thêm chút xíu nữa là anh cho cả lũ xuống đường mương.”

“Chúa ơi,” anh lái xe nói. “Cô có muốn ta đây ngừng xe lại và nghiêm chỉnh quật cô bằng sợi dây nịt của ta không?”

Cô gái nhún vai rồi kéo váy lên, để lộ hai bắp đùi khăng khiu, vớ màu đen, giữa hai bắp đùi là một chai rượu dẹt. Cô lấy chai rượu ra, để nguyên váy hở cao, vừa làm vậy vừa cười cười nhìn ông. Đây hẳn là loại phụ nữ cảm thấy thú vị khi tìm cách khiêu gợi và làm bối rối một giáo sĩ. Ông nhìn thẳng con đường trước mặt khi cô rướn mình qua người ông, lấy ba cái ly nhựa nơi gờ cửa bên cạnh người lái xe.

“Đây, thưa ngài.” Cô nói, đưa ông chiếc ly. “Bổ giữ chặt cho đảm nhé.”

Ông lật úp ly, trả lại. “Không, cảm ơn.” Ông nhìn anh lái xe. “Xin anh vui lòng kể cho tôi biết. Đang xảy ra chuyện gì? Tại sao có trạm kiểm soát ở đằng sau vậy?”

Người tài xế lúc này cầm trong tay nửa ly rượu, tợp một cái trước khi trả lời. “Con nghe nói ở Ricany là quân đội đang đặt các trạm kiểm soát trên tất cả những con đường chính. Họ lùng mấy chiếc xe bị ăn cắp.”

“Tại sao?”

“Người ta nói có ai đó đã đánh quả một lô xe trong một nhà sửa xe quốc doanh lớn ở thành phố, đêm kia.”

“Chính quyền đang run,” cô gái nói.

“Y chóc,” anh lái xe nói. “Chính quyền đang sợ ỉa trong quần. Người ta nói đang có cái gì lớn lao ở trong gió và các ông cha, người ta nói các ông cha ở đằng sau cái đó.”

“Các linh mục ư?” ông nói. “Nhưng tại sao các linh mục lại ăn cắp xe hơi?”

“Bởi vì một cuộc biểu tình lớn thiệt là lớn,” anh lái xe nói. “Nhưng con nói cho bố biết để làm gì chứ. Bố là linh mục, tất nhiên bố biết hết ba cái chuyện đó. Có các linh mục phát thứ truyền đơn khôn kiếp đó ở Ricany hôm nay về cuộc biểu tình tuần sau. Con nói thiệt. Trước đây chưa bao giờ họ làm chuyện đó, chưa bao giờ làm công khai. Họ đang kêu gọi nổi loạn thật sự.”

Ông thấy miệng mình khô rang. “Truyền đơn gì?”

“Cái tào lao nào đó về ý chí dân tộc và các thánh tử đạo ở Rywald,” người tài xế nói. “Con đếch thèm để ý.”

“Người ta đồn là ngày hăm bảy tháng Tám tới đây có tuyên bố chuyện gì đó,” cô gái nói. “Thứ Ba tới, phải không?”

Người lái xe bỗng nổi cơn ho. Chiếc xe lạng quạng lạng tay lái qua bên kia đường. “Kìa, ngó kìa, Vlady,” cô gái la lên. “Chúa ơi, để ý chút chứ.”

“Xong ngay, xong ngay,” người lái xe quặt ngược tay lái lại, đưa chiếc van lao đảo vô lại giữa đường.

“Nếu như có cuộc đấu tranh mà người ta đang đồn, thì con nói thiệt với bố, chẳng nhằm nhò gì đâu,” anh ta nói. “Chính quyền đem súng đại bác xịt nước tới là tan hàng rã đám hết.”

“Giống như cuộc nổi loạn đòi thực phẩm năm ngoái,” cô gái nói. “Họ đưa thêm thịt vô các cửa hàng trong vài tuần và mọi sự xì hơi xẹp lép liền.”

“Họ bịt mõm chúng ta bằng xúc xích, họ luôn luôn làm cách như vậy đó.”

“Truyền đơn đó,” ông nói. “Anh nói là các linh mục rải nó à?”

“Không. Chính tụi nhóc đi phát,” cô gái nói. “Nhưng có một ông cha đi theo. Ông cha để truyền đơn trong cặp táp.”

“Rượu đâu?” người lái xe hỏi, ngắt ngang lời cô gái. Ngay lúc đó,

có hai chiếc xe lao hết tốc lực tới đằng sau chiếc xe van, bật đèn pha. Khi thấy hai chiếc xe đó trong kính chiếu hậu, người lái xe vội vàng quặt xe mình ra khỏi mặt đường, lủi lên vệ cỏ. Hai xe đó chạy ngang, xe Lada không dấu hiệu. “An ninh Nội chính,” người tài xế xe van nói. “Mẹ kiếp, con tưởng chúng nó rượt theo xe mình.”

Xe An ninh Nội chính đã lao nhanh vượt quá tầm mắt. Người lái xe ngà ngà lái chiếc xe van cà tàng vô lại mặt đường trong khi cô gái rút từ túi xách ra chiếc bàn chải tóc, bắt đầu chải mái tóc hoe dài. Ông ngồi, không còn nhìn con đường trước mặt. Sao ta chẳng biết chút gì về chuyện ấy? Ai đã giữ kín chuyện ấy không cho ta biết? Cha Kris Malik, cha Finder, Giám mục Cihon, Đức ông Adamski - bộ không người nào trong văn phòng toà giám mục của ta biết chút gì về truyền đơn đó sao? Hoặc họ có biết, vài người trong họ có biết và họ đang hy vọng chuyện ấy sẽ xảy ra? Và La Mã thì sao? Đức Khâm sứ thì sao? Đức ông Danesi có hay biết chút nào không? Hay chuyển đi La Mã của ông ấy là một vắng mặt có tính cách ngoại giao? Phải chăng chính Đức Thánh cha^[12] cũng không còn là đồng minh của ta nữa?

Đằng trước, đèn vàng chớp nháy ở một ngã tư. Khi xe van tới nơi đó, ông thấy họ đang vào vùng ngoại ô.

“Chúng ta đang ở chỗ nào đây?”

“Moldova,” anh lái xe nói.

“Vậy thì chúng ta hiện ở không xa thành phố, phải không?”

“Nửa giờ xe, có thể thêm chút chút. Tùy theo xe cộ nhiều hay ít. Bố ời, chúng con thả bố xuống chỗ nào đây?”

Ông quay nhìn người lái xe, “Còn anh đi đâu?”

“Chúng con qua đêm nơi gầm cầu. Ngủ chỗ đó như thường lệ.”

Tối qua, sau tai nạn, ông đã đứng ở trong phòng mình, thấy mình trong gương soi, mặt trầy trụa, quần áo rách rưới. Lúc ấy, ông nghĩ mình trông giống như một trong những người say rượu đêm đêm

ngủ dưới gầm cầu sông Volya. Đêm nay, mình sẽ nhập bọn với họ.

XIII

Đến ngã tư Đại lộ Tân thế giới và Xa lộ Gallin, chiếc van cà tàng rẽ xuống con đường lộng gió dẫn thẳng ra Sông Volya. Ông chưa từng biết tới con đường này. Đây là con đường hai bên có những cao ốc bỏ phế, một khu đất trống dành để gỗ và những bãi hoang cho người ta vớt phế liệu: máy móc han gỉ, thùng xăng rỗng, rác rưởi mà những kẻ bụi đời qua đêm nơi đây xả từ ngày này sang ngày khác, làm thành từng đống nhỏ tựa như những bông giấy lễ hội rơi rải rác và nay nằm bần thỉu khắp mặt đất.

“Tới nơi rồi bố ời,” anh ta nói. “Chúng con ‘cắm trại’ ở đây. Nếu bố đi bộ ra mé sông thì có thể còn bắt kịp chuyến xe buýt vô thành phố.”

Ông cảm ơn hai người và xuống xe. Trong bóng đêm, lửa đã được nhóm lên trên bãi đất hoang và ông thấy chung quanh đống lửa có nhiều người ngồi. Một số đang rót rượu từ các chai vodka loại nửa lít ra uống, một số đang nấu cà phê bằng những chiếc lon thiếc đặt trên than hồng. Đằng trước là các khối đá khổng lồ của cầu Poniatov, chiếc cầu duy nhất người Đức không giật sập nổi trước khi họ rút chạy khỏi thành phố điêu tàn này vào cuối cuộc thế chiến vừa qua. Ông tiếp tục bước. Con đường trước mặt ông đèn đường chiếu sáng lờ mờ, hắt lên ánh màu xanh lạnh người. Trên đường, không một bóng xe cộ nhưng khi ông ra tới gần mé sông thì có bạn đồng hành. Một số đang đẩy xe lăn nhỏ, chất các bọc quần áo, dụng cụ nấu ăn và đồ trải nằm ngủ; một số đi bằng những chiếc xe đạp cũ mềm, đeo nặng trĩu bên người những bọc quần áo cũ rách và các bao các bị đầy đồ ve chai đồng nát. Trong số họ có vài gia đình. Đàn ông hầu hết tụ tập thành từng nhóm bốn năm người ngồi uống rượu

và cãi lộn. Một số chân bước lờ quờ và cô đơn, đi như đi về phía một trại giam nào đó. Rồi tới các phụ nữ, hầu hết đều già hoặc cần trước tuổi, cũng ăn nhậu như đàn ông và cũng cãi lộn om sòm không thua kém chút nào.

Lúc này, ông đã xuống hẳn bên dưới các khối đá khổng lồ nơi chân cầu. Khi bước vào vùng bóng tối âm u của chúng, ông thấy nhiều ngọn lửa nhỏ, rải rác dọc theo kè đá cao, có người ta đang ngồi hoặc nằm kế tiếp nhau, vài người đã ngủ. Ở đây, có một ít trẻ con, bóng dáng như hồn ma, lang thang vất vưởng giữa những người thân thuộc lớn tuổi hơn chúng. Ngay dưới chân cầu, mùi thức ăn bị mưa ra quện với mùi nước tiểu xông lên nồng nặc. Ông đưa mắt nhìn dòng sông Volya mênh mông, tối đen, và bên kia vực thẳm mông lung tối đen đó, ông thấy các ngọn đèn ngoại ô Praha xa xa quá triền sông.

Ông tiếp tục đi, qua khối gầm cầu. Ông bước theo mép bờ đá và thấy, nằm dọc theo dốc đá sền sệt bùn, sát mé nước và bị sóng nước dơ bẩn vỗ bập bênh, là một nam một nữ đang làm tình. Ông quay người đi trở lui, nhìn lên vòm cầu bằng đá, nhìn các nhịp cầu và xe cộ đang lướt qua sàn cầu cao bên trên ông. Ông nghĩ mình như thể đang sa xuống thế giới tốt cùng phía dưới này, xa lạ với những người trong thế giới bên trên kia. Đằng trước có đồng lửa nhỏ ai đó nhóm lên cạnh bức tường đá thấp. Ở đó có ba người, đều là đàn ông trạc tuổi ông. Ông đi tới bức tường đá, ngồi xuống bên đồng lửa. Chẳng ai hỏi han ông.

Đây là mặt bên dưới của xứ sở chúng ta. Tuy vậy, ta cần nhớ rằng, lúc này sự khốn khổ đã ít tràn lan hơn những ngày chúng ta mà tưởng tiếc với nỗi hoài cảm giả tạo. Có thể đúng, như người thanh niên mài dao nói, rằng chế độ này bịt miệng chúng ta bằng xúc xích để giữ chúng ta câm lặng. Nhưng thế giới bên kia thì có cái gì, cái thế giới mà Tổng giám mục Henry Krasnoy gọi là tự do? Phải

chẳng nơi đó, người nghèo sống khá hơn nơi đây.

Ông nghĩ tới những ngày thuở trước. Đó không phải là những ngày tự do. Đó là những ngày xứ sở này bị cai trị do và vì Hoàng thân Rostropov và bạn bè của ông ta. Ta đã nói với các Giám mục điều đó. Dĩ nhiên chúng ta muốn tự do. Nhưng phương Tây không giúp chúng ta. Phương Tây không bao giờ giúp chúng ta. Chúng ta một mình.

Ông nhìn ra bóng tối của dòng sông. Trong ánh lửa chập chờn hắt lên từ đồng lửa nhỏ, ông ngửi ra mùi bánh xe cao su đang cháy. Người ngồi gần ông nhất lấy ra một xấp báo cũ, bắt đầu luồn báo vô người, lèn giữa áo khoác và áo sơ mi như để cản gió ngăn sương. Làm xong việc đó, người ấy trải mấy tờ giấy báo ra góc tường đá và nằm xuống. Rồi ông ta ngó ông, đưa tay chỉ vào cuộn báo còn thừa. Ông lên tiếng cảm ơn, lấy ít tờ luồn vô ngực và bụng mình như người ấy vừa làm, trải vài tờ xuống mặt bờ đá, rồi nằm xuống cạnh đồng lửa. Trong mùi hôi của cao su cháy lan theo gió lạnh từ dòng sông thổi tạt lên, ông cầu nguyện và ngủ.

XIV

Ông thức dậy khi trời còn tờ mờ với những vệt đỏ hồng của mặt trời đang mọc. Trên đầu ông, cây cầu cổ lỗ đầy tiếng xe cộ lưu thông buổi sáng. Ông đứng lên, phúi quần áo, đi dọc theo kè đá, ngang qua các hình hài còn đang ngáy, đang co quắp của những người đêm qua cùng ngủ với ông, tìm trạm xe buýt mà người thanh niên lái xe đã nói tới hôm qua. Ông tìm thấy nó ở ngã ba Đại lộ Tân thế giới và một con đường có tên là Đường Cứu Rỗi. Ông xếp hàng chờ chuyển xe ngoại thành chạy vào. Sau khi trả tiền vé, ông chỉ còn vừa đủ tiền để mua một khoanh bánh mì của bà lão bưng khay đi dọc giữa hai dãy ghế, bán bánh mì và cà phê sáng sớm cho hành khách.

Chuyến đi từ vùng ven đô tới Kollin mất gần một giờ. Khi ông xuống xe ở quảng trường Belnova thì người ta rất đông - đông một cách bất thường - từ nhà thờ Santa Maria lũ lượt đi ra, vào giờ mà ông nghĩ là vừa chấm dứt thánh lễ Chúa nhật lúc bảy giờ rưỡi. Phải chăng đây là dấu hiệu của tình hình bất ổn hiện nay? Ông nhận thấy rằng, giống như cái van thời tiết tinh thần, hễ lúc nào có đối đầu chính trị thì số lượng người tới nhà thờ đông hẳn lên. Khi ông đi ngang quảng trường, chuông nhà thờ khởi sự gõ tám giờ. Ông biết rõ nhà thờ này. Vào dịp lễ Phục sinh vừa qua, ông đã làm lễ ban phép thêm sức ở đây cho ba trăm trẻ em mặc y phục trắng tinh và thốt lên lời thề hứa làm Kitô hữu vững mạnh. Tuy thế, khi chuông dứt tiếng chót và ông nhập vào đám đông tín đồ đi qua quảng trường để vào dự thánh lễ tám giờ, thì thêm lần nữa, lần thứ hai trong vòng hăm bốn giờ, ông có cảm giác nhà thờ không còn là nơi tôn nghiêm mà là chỗ có nguy cơ. Và khi tới các bậc thềm tầng cấp

của nhà thờ, ông thấy một chiếc Lada xanh nhô ra từ phía bên kia quảng trường, chậm chậm lăn bánh tuần tra ngang quảng trường.

Tại lối vào chính, có hai người đàn ông đang dụi thuốc lá như thể chuẩn bị bước vào nhà thờ. Mắt họ nhìn có vẻ lơ đãng, ăn không ngồi rồi, nhưng y phục của họ là loại áo 'măng tô' của người đang thi hành 'công tác'. Đột ngột, ông quay lui. Liệu họ có nhận ra ông và lúc này họ có đi theo và bắt giữ ông không? Ông đi nhanh qua con đường bên kia dẫn tới một trạm xe buýt, và vài phút sau, ông ngoái nhìn lui. Không thấy những chiếc áo 'măng tô' ở đâu nữa. Chiếc Lada xanh lúc này đậu vào hàng xe cuối quảng trường, như thể thì việc một chiếc Lada xanh trong dòng xe cộ đang lưu thông chưa hẳn là dấu hiệu bất thường. Có lẽ ta đang tưởng tượng ra nguy cơ ở nơi không có chút gì nguy hiểm? Nếu An ninh Nội chính không nghe trộm cuộc điện thoại giữa cha Jan Ley và ta thì lúc này cha Jan đang đợi ta ở Tòa cáo giải, một nơi an toàn cho chúng ta chuyện trò với nhau.

Ông chần chừ, quay người, bước vài bước về hướng nhà thờ, rồi lại hoang mang, bỏ đi thêm lần nữa. Trong khi ông đang loay hoay xoay lui trở tới, có ba cậu học sinh đi vào quảng trường, cổ quần khấn quàng đồ thiếu nhi, loại được chế độ ưa thích. Mỗi cậu khoác toòng teng sau lưng một chiếc ba lô học trò bằng vải bố, nhưng trong đó không đựng sách vở mà chứa truyện đơn. Các cậu đi tới, đưa truyện đơn cho những ai chịu lấy. Nhiều người cầm và ông quan sát họ khi họ đứng lại đọc những dòng chữ trong đó. Có phải đây chính là những tờ truyền đơn được phổ biến hôm qua ở Ricany? Ông bắt đầu đi về phía các cậu bé, nhìn quanh coi có chiếc 'măng tô' nào không. Đi trước ông là một phụ nữ mang ổ bánh mì đen to tướng, vói tay nhón tờ truyền đơn do cậu bé gần nhất đưa ra. Ông bước nhanh tới sát sau lưng bà. Có thể bà ấy sẽ vứt nó và liền sau đó, ta có thể lượm nó. Nếu có ai đang theo dõi các cậu bé thì

khôn ngoan nhất là ta cứ chờ. Nhưng người phụ nữ đó cho tờ truyền đơn vào giỏ và tiếp tục bước đi. Lúc này, gần như ông đã tới ngang cậu bé. Cậu đưa tờ truyền đơn ra cho ông.

“Cháu học trường nào vậy?” ông hỏi, không cầm tờ truyền đơn.

Cậu bé nhìn ông nghi ngại, “Santa Maria,” cậu bé trả lời. “Ông có muốn một tờ không?”

Ông cầm tờ truyền đơn dù biết chắc mình đang bị quan sát. Ông liếc mắt nhìn nó thật nhanh, vừa đủ để đọc đầu đề *Lời Kêu Gọi Lương Tâm Dân Tộc* in bằng chữ đậm, phía dưới là một đoạn gì đó chữ nhỏ hơn. Rồi như thể không đồng ý với những gì trong tờ truyền đơn hoặc không quan tâm, ông vứt nó và tiếp tục bước. Tới góc đông bắc của quảng trường, đi về phía đường Hanseatic và trạm xe khách liên thành phố, ông nghe có tiếng chân chạy đằng sau mình. Ông quay người lại. Hai chiếc ‘măng tô’ đang chạy băng qua quảng trường, rượt theo một cậu bé phát truyền đơn. Hai cậu kia đã bị bắt và đang bị công an An ninh Nội chính mặc thường phục giữ. Ba chiếc Lada xanh lúc này đậu ở các lối ra của quảng trường. Một cảnh sát thối còi. Ông tiếp tục bước. Ông để ý là chỉ có một hoặc hai người đứng lại coi cảnh rượt bắt còn hầu hết người ta ở quảng trường, cũng giống như ông, làm lơ né tránh, giả bộ đang theo đuổi công việc riêng của mình, như thể chẳng có gì xảy ra.

“Ông?”

Có giọng nói gọi ông. Đằng sau ông, một thanh niên ria mép hoe và lưa thưa, mặc áo gió bằng vải sọc rằn vừa cũ vừa dơ và chiếc quần kẻ ô vuông. Anh ta nở nụ cười ngần ngại, trong tay cầm một tờ truyền đơn. “Có phải ông vừa đánh rơi cái này không, thưa ông?”

“Không,” ông nói, dăm dăm nhìn vào bộ mặt đang mỉm cười. “Tôi vứt nó. Thế nó là cái gì vậy? Tôi không đọc nó.”

Từ tay người thanh niên tờ truyền đơn không ai chịu lấy đó rơi xuống, bay la đà và đậu trên vệ đường. Cảnh sát lại thối còi. Ông

nhìn lại quảng trường. Các cậu học sinh đang bị nhét vội vàng vào mấy chiếc Lada xanh. Người thanh niên lúc này bước tới, như thể nắm lấy cánh tay ông. “Thưa Đức giáo chủ,” anh ta nói, giọng thì thầm, “Người ta yêu cầu con tới gặp cha.”

“Anh là ai?” Vừa hỏi xong ông bất chợt nhận ra cây thánh giá nhỏ thêu bằng chỉ trắng, khâu trên ve áo của người thanh niên. Các linh mục trẻ mặc quần áo dân sự thường dùng loại thánh giá này như một phù hiệu sứ vụ. Tuy thế, không có gì bảo đảm rằng người mang nó chẳng phải là công an An ninh Nội chính.

“Cái này cho cha.”

Người thanh niên đưa ra một chiếc bì thư loại rẻ tiền làm bằng sợi cây chuối, ông cầm lấy. Bên trong là một ngàn đồng bằng tiền lẻ và một mảnh giấy:

Tonio,

Giấy này giới thiệu Frederic Zaron, học trò cũ của tôi.

Giannino

Ông nhìn thẳng vào bộ mặt đang ngẩn ngại đó. “Tại sao cha đưa tôi tờ truyền đơn?”

“Vì bộ quần áo cha đang mặc, thưa Đức giáo chủ. Vừa rồi con cố ý tìm người mặc tu phục giáo sĩ. Con không dám chắc đó là cha cho tới khi cha quay lại và con thấy rõ mặt cha. Cha Ley nói có thể nguy hiểm cho cha nếu để cha vô nhà thờ.”

Người thanh niên này là ai và tại sao lại mỉm cười? Có phải anh ta là kẻ thường đi trong các hành lang ở đường Skoura, ngang qua các phòng thẩm vấn nơi người dân bị tra tấn? Hoặc đây là người đến từ ngôi nhà ấy của Dòng Tên?

“Cha là học trò của cha Ley?”

“Vâng, thưa Đức cha.”

“Nói cho tôi biết. Inhaxio Loyola^[13] sinh năm nào và tại đâu?”

“Năm 1491 tại Lâu đài Loyola, gần Azpeytia, Guipúzcoa, ở Tây

Ban Nha, thừa Đức cha.”

“Cảm ơn. Làm thế nào tôi gặp được cha Ley?”

“Cha đã dùng điểm tâm chưa, thừa Đức cha?”

“Chưa, không hẳn.”

“Cha Ley có đề nghị là cha và con tới dùng chút gì đó trong tiệm cà phê ở đường Thống Chế Nilsk. Sau đó cha tới khu ngoại trú của Bệnh viện Trung ương Phía Đông. Cha Ley tới chỗ đó hai tuần một lần, từ chín giờ ba mươi, để lọc máu chữa bệnh. Như cha đã biết, chỗ đó nguyên là một bệnh viện của tôn giáo, và hiện nay, các nữ tu Nazareth vẫn được dùng làm y tá.”

“Tốt lắm. Chúng ta cùng đi bộ tới tiệm cà phê. Cho mau qua thì giờ. Nhân tiện, tôi nghĩ tốt nhất là đừng để các dì phước biết tôi là ai. Tôi sẽ chỉ nói rằng tôi là người mà cha Ley muốn gặp riêng.”

“Thưa Đức cha, chuyện đó chẳng trở ngại gì cả. Cha Ley thường linh hướng người khác trong khi cha ấy nằm lọc máu. Phải mất bốn giờ mới lọc xong máu.”

Họ bắt đầu cất bước. Ông thấy cha Zaron lo âu nhìn quanh khi cả hai ra khỏi đường Hanseatic và đi vào đường Phố Chợ. Ông đã chấp nhận câu chuyện của người thanh niên này dù đây có thể là một cái bẫy. Đột nhiên ông cảm thấy không thích chuyện văn nữa. Ông nghĩ, cuộc đời hẳn giống thế này đây một khi người ta không còn có thể tín nhiệm nhau.

Trong tiệm cà phê, sau khi cô hầu bàn đặt xuống bàn chiếc khay đựng các khoanh bánh mì điểm tâm, cha Frederic Zaron cúi người xuống nói nhỏ, “Rất đơn giản, thưa Đức cha. Cha đi vào phòng khách lớn dành cho bệnh nhân ngoại trú, tới bàn tiếp khách phía bên phải. Cha nói là cha tới phòng điều trị Hoa liễu và cha sẽ được đưa cho một con số.”

“Cha vừa nói phòng Hoa liễu?”

Người linh mục trẻ gật đầu, rồi khúc khích cười ngượng ngịu. “Đúng, thưa Đức cha, con có nói như vậy. Phòng Hoa liễu điều trị vào các sáng Chúa nhật. Bệnh nhân lọc máu ở phòng kế bên phòng điều trị hoa liễu.”

“Như thế tôi sẽ được người ta đưa cho một con số. Rồi sau đó?”

“Người ta sẽ hỏi cha muốn gặp ai, cha nói muốn gặp cha Ley.” Người linh mục trẻ nhìn đồng hồ. “Con xin thưa là cha có thể tới đó bất cứ lúc nào kể từ giờ này, thưa Đức cha.” Cha Zaron đứng lên. “Con đã trả tiền bánh mì và cà phê. Như cha biết, bệnh viện đó ở ngay đường này.”

“Cha không đi với tôi tới đó sao?”

“Cha Ley nghĩ rằng cách khôn ngoan là cha đi tới đó một mình.” Cha Zaron đưa tay ra, ngần ngại như thể không chắc cử chỉ mình sẽ được chấp nhận. “Có thể cha con mình sẽ gặp nhau vào một hoàn cảnh hạnh phúc hơn. Xin Đức cha đừng đứng lên. Con đi ngay bây giờ.”

Ông siết bàn tay đang đưa ra đó. Bàn tay ấy ẩm và lạnh. Ông quan sát người linh mục trẻ đó, hoặc phải chăng người công an đó, đang đi ra khỏi tiệm cà phê. Nhạc đã thay đổi và lúc này ông nghe

khúc nhạc *O Sole Mio*.^[14] Lập tức ông sống trở lại ở La Mã, đang đi dọc bờ sông Tiber với cha Jan Ley và một linh mục Dòng Tên có tên là Klinghoffer, cả ba đang hát vang khúc nhạc này. Những ngày ấy dường như đã quá xa xôi; hạnh phúc đó, tuổi trẻ đó, ông sẽ chẳng bao giờ được biết tới nữa. Ông nghĩ tới La Mã và tự hỏi: Vatican sẽ nói gì về các biến cố này? Đức Thánh cha sẽ nói gì? Ta không thể trông cậy vào La Mã - hoặc ít ra là chưa. Ta một mình ở đây. Tiber và Volga là hai dòng sông khác biệt.

Ông đứng dậy, kéo chiếc áo mưa lên kín cổ, đi qua những bàn cà phê đông người và bước xuống đường Thống chế Nilski. Khi đi về phía mặt tiền kiên cố và góm ghiếc của Bệnh viện Trung tâm Phía Đông, ông nhận thấy người đi đường nhường bước, né tránh ông, vì với chiếc quần hôi mùi sinh và đôi giày bê bết bùn đất, ông lúc này có bề ngoài tầm lợm của một người thất bại, của những linh hồn vô phước đang ăn mày trên đường phố xin từng đồng bạc lẻ để mua rượu uống lót lòng. Tới lối vào bệnh viện, ông nhìn quanh tìm cảnh sát sắc phục, tìm áo 'măng tô', tìm xe Lada xanh và tìm cả người thanh niên, Frederic Zaron, đang rình mò đâu đó chờ xem ông bị bắt. Hai tuần trước đây, sau Hội nghị Giám mục, ông đã đại dột nói với cha Kris Malik rằng ông muốn mình không bao giờ ở tâm điểm của mọi sự. "Tôi thêm muốn biết mấy được một mình đi bộ trên đường phố, không ai biết tới mình, để đêm đêm trở về một ngôi nhà trống, trở về một cuộc sống đơn độc thâm kín." Một ước muốn khi đã được ban cho thì trở thành một ước muốn bị hủy diệt. Ta lúc này đơn độc: nhưng không phải thâm kín mà lại là che dấu.

Khi đi vào cổng bệnh viện, ông không thấy có người cảnh sát hoặc chiếc 'măng tô' nào. Ông có cảm giác rằng cha Zaron đã nói đúng sự thật. Trong phòng khách lớn dành cho bệnh nhân ngoại trú, ông tới bàn tiếp khách. Ngồi đằng sau bàn là một phụ nữ trẻ, mặc đồ trắng. Cô hờ hững nhìn ông.

“Tôi tới đây điều trị hoa liễu.”

Cô lấy trong chồng thẻ nhựa ra một chiếc có số. “Ông biết chỗ tới đó không?”

“Xin lỗi, không ạ.”

“Phòng Hai, bên trái.”

“Xin lỗi?”

Cô lại nhìn lên, hờ hững. “Gì đây?”

“Tôi quên nói là tôi tới đây để gặp cha Ley.”

Cô ta thở ra bực dọc như thường lệ. “Bộ tôi chưa hỏi là ông tới đây để gặp ai à?”

“Chưa. Xin lỗi. Tôi chỉ nghĩ là...”

“Đi vào và ngồi chờ nơi ghế. Tôi sẽ cho gọi khi tới lượt.”

Ông đi vào hành lang, tìm kiếm. Phòng Hai là một phòng rộng, sàn lát gạch xốp, có sáu băng ghế dài đặt đối mặt một chuỗi sáu cửa lớn không có bảng chỉ dẫn với những ô cửa kính đục gắn trên khung gỗ. Có lẽ tới ba chục người đang ngồi đợi trên các băng ghế. Khi ông ngồi xuống, vài người ngoảnh mặt ngó ông rồi nhìn qua chỗ khác như thể bối rối vì bị bắt gặp đang ở chung một bọn. Ban đầu, cử chỉ đó làm ông ngạc nhiên. Rồi ông nhận ra rằng trước đây, trong một thời gian dài, họ đã phải khắc phục sự e thẹn của mình để tới có mặt nơi đây. Sự ghê tởm mà họ dành cho ông chỉ giản dị là vì ông giống một kẻ cù bơ cù bất, một kẻ rõ ràng là mắc bệnh giang mai, trong khi họ, hết thấy họ, đều ăn mặc chỉnh tề và không để lộ một dấu hiệu nào về bệnh tật của mình. Trong khi chuyện vãn với nhau, họ thỉnh thoảng ngược nhìn lên khi có một phụ nữ trẻ mặc áo blouse màu lục từ phòng khách bên ngoài bước vào và gọi lên một con số. Ông nhìn con số của mình. Số 17.

Sau một lúc, người phụ nữ trẻ ấy lại xuất hiện, thay vì gọi một con số, cô hướng mặt về phía ông và chỉ vào ông. Khi ông đứng lên bước ra, cô im lặng dẫn đường, không đi tới các cánh cửa có gắn

kính đục mà là đi ra hành lang rồi chỉ cho ông một cánh cửa nhỏ màu lục, phía trên không có bảng tên phòng. “Vào trong đó,” cô nói. “Bác sĩ sẽ tới gặp ông ngay.”

Ông đi vào. Đây là phòng vệ sinh. Có một dãy bồn cầu và một dãy bồn rửa tay, phía trên các móc áo treo nhiều quần áo màu lục mặc khi giải phẫu. Ông đứng đó, bối rối. Một người đàn ông mặc áo blouse và mang mặt nạ bảo hộ y tế bước vào, đi tới một bồn rửa tay, đặt lên thành bồn một cuộn khăn lông. Khi người ấy mở ra thì ông thấy có một dao cạo, kem cạo râu và một cục xà phòng.

“Ông cần cạo râu, thưa ông,” người ấy nói. “Xin ông bắt đầu ngay cho”

Trong tấm kiếng gắn vào tường, phía trên bồn rửa mặt, ông đối diện với một người lạ, khuôn mặt nhợt nhúa với râu ria lởm chởm hai ngày chưa cạo. Bôi lên mặt một lớp kem cạo râu, ông bắt đầu cạo. Bộ mặt của ông dần dần nhìn lại ông, một bộ mặt thiếu tự tin, xác nhận nỗi sợ hãi lưu niên của ông; ta không xứng đáng làm người lãnh đạo: Đức Thánh cha, Hồng y đoàn, tất cả đều đã lượng định sai lầm khả năng của ta. Ta đang thất bại trong cương vị quản trị.

Đằng sau ông, người đàn ông kia đánh hắng và tỏ vẻ sốt ruột. Lật đật, ông vỗ vào đôi má sạch trơn của mình.

“Tôi nghĩ là ông nên bỏ lại quần áo của mình ở đây, thưa ông, và mặc cái này vào,” người ấy nói. “Ông mang giày cỡ số mấy?”

“Số chín.”

Khi ông cởi bộ quần áo bẩn thỉu của mình ra, khoác áo blouse và quần giải phẫu vào, người ấy kiểm soát lại, rồi lục lọi trong một ngăn tủ, lấy đưa ông chiếc mặt nạ bảo hộ y tế bằng lụa mịn màng và một đôi giày đế cao su. “Thử đôi này, thưa ông.”

Giày vừa vặn. Ông cột giây giày và mang mặt nạ y tế vào.

“Và cái mũ lúp này nữa. Để bảo đảm che tóc của ông. Bây giờ,

xin ông vui lòng đi theo tôi.”

Họ ra trở lại hành lang, đi ngang phòng có các bệnh nhân hoa liễu đang ngồi. Lần này, các bệnh nhân ấy nhìn ông và vị ‘bác sĩ’ với vẻ kính trọng và ưu ái. Họ rẽ qua hành lang thứ hai và tới một cánh cửa. Người đàn ông gõ rất nhanh lên mặt cửa rồi gạt đầu ra hiệu cho ông bước vào.

Cha Jan Ley nằm trên giường bệnh viện, cánh tay gắn ống nối vào máy lọc máu. Ông ấy không mang giày và áo len; trong khi chiếc máy hoạt động, một gân máu lớn màu xanh đen trong cánh tay ông đập phập phồng, trái ngược với màu da trắng như sáp.

“Ngồi xuống, được chứ?” cha Jan nói. “Tôi nghĩ là bác sĩ có thể gỡ mặt nạ ra. Tôi không lây bệnh cho ông đâu.”

Ông bỏ mặt nạ ra và bỗng nhiên ứa nước mắt, cúi xuống hôn lên lông mày người bạn thân giao của mình. Tóc cha Jan bạc, lơ thơ như một tấm mạng bọc da đầu. Mắt ông ấy lơ lơ như thể vì ảnh hưởng của chất thuốc.

“Thế nào, cha Jan?” ông hỏi. “Tôi xin lỗi đã làm cha dính líu tới việc này.”

“Có lúc nào tôi không dính líu tới việc của cha đâu,” cha Jan nói với một nụ cười. “Có phải lúc nào cũng vậy không, Tonio?”

“Nhưng không giống như lúc này.”

Cha Jan nhún vai, nhìn quanh các bức tường trống. “Theo tôi biết ở đây chúng ta an toàn,” ông ấy nói.

“Nhưng ngoài kia có hai người mặc ‘măng tô’ ngồi chung với các bệnh nhân hoa liễu. Họ canh tôi miết kể từ khi cha điện thoại cho tôi hôm qua.”

“Như vậy chúng ta đã bị nghe lén.”

“Tôi tin là như vậy,” cha Jan nói. “Chừng một giờ sau khi cha gọi, hai công an An ninh Nội chính tới dẫn tôi về đường Skoura.”

“Ôi, cha Jan, tôi xin lỗi. Tha lỗi cho tôi.”

“Không sao, họ không đánh tôi. Họ lịch sự. Nhưng rõ ràng chỗ đó là chốn nghiêng răng than khóc, không nghi ngờ gì nữa.” Cha Jan Ley nhìn vào vòng quay số trên máy lọc máu của mình. “Tôi bị một nhân vật rất quan trọng thăm vấn, tướng Vrona. Cha có nghe nói tới anh ta không?”

“Bộ trưởng Bộ Công an, phải anh ta không?”

“Đầu lãnh của An ninh Nội chính, một kẻ thật là gây ấn tượng quá sức. Một thanh niên kỳ dị. Dù sao, hình như anh ta biết hết mọi sự về tôi. Rằng cha và tôi quen nhau đã bao lâu, và rằng tôi là người nghe xưng tội của cha, đại loại như vậy. Tôi để ý thấy họ có máy vi tính ở đường Skoura. Tin tức rất cập nhật.”

“Vrona còn hỏi gì khác không?”

“Anh ta muốn biết cha hiện đang ở đâu. Tôi nói với anh ta: ‘Ông biết quá rõ ông ấy hiện ở chỗ nào. Ông bắt ông ấy đêm qua.’ Anh ta nói điều đó không đúng. Anh ta nói rằng cha tự ý biến mất vì cha đang âm mưu một hành động nào đó chống lại chính quyền. Tôi nói điều đó vô nghĩa. Lúc đó, ông ta hỏi tôi có biết một người đàn ông tên là Danekin không.”

“Danekin - cựu thủ tướng? Hiện sống ở Luân đôn, phải ông ấy không? Nếu đúng thì đó là tin sau cùng tôi nghe về ông ấy.”

“Không phải Anton Danekin,” cha Jan Ley nói. “Mà là con trai của ông ấy, Gregor. Thi hài của Gregor hiện ở trong nhà xác Bệnh viện Quận Konev. Anh ta là người đã mưu sát cha. Vậy đó, theo lời của tướng Vrona.”

“Danekin.” Ông thấy lại bộ mặt đầy râu, bầm tím, ngạo mạn của người đã cố giết ông. Thì ra đó là lý do lúc ấy tôi nghĩ tới giới quý tộc cũ. “Cha biết anh ta không, Stephen?”

“Không.”

“Và thân phụ của anh ta?”

Anton Danekin, một người quý tộc, ngập ngựa những thành kiến

của giai cấp mình: bài Do thái, bài Nga, mà cũng bài Đức. Ông ta là phó thủ tướng vào lúc mới xảy ra thế chiến. Một vị anh hùng trong bóng tối cho tới ngày người Nga đến. “Tôi chưa bao giờ gặp ông ta,” ông nói với cha Jan Ley. “Tôi nhớ mình có thấy ông ta khi tôi còn là một cậu bé. Ông ta đi trong đoàn diễu hành của nhà nước.” Một chiếc xe mui trần bốn bánh trên đường tới quốc hội, vây quanh bởi Đoàn Kỵ binh Quốc gia ưu tuyển: Anton Danekin trong đồng phục đen của lính kỵ, cổ áo và cổ tay viền vàng, mũ hình trụ trên có chùm lông đỏ. “Lúc ấy tôi mới mười tuổi,” ông nói. “Dù gì đi nữa, tại sao con trai của Danekin lại muốn giết một Hồng y?”

“Cậu con trai này, Gregor, là con với bà vợ đầu,” cha Jan Ley nói. “Anh ta ăn học ở đây và trở thành thầy giáo của một trường cao đẳng nông nghiệp gần Ricany. Cái đó lặt vặt. Anh ta là đảng viên Đảng Cộng sản cho tới tám năm trước đây thì bị khai trừ vì nghiện rượu. Sau đó, anh ta sống với cô em gái mình trong một xứ đạo. Hai năm trước đây, cả hai anh em mất tăm mất tích.”

“Làm sao cha phát hiện ra điều đó.”

Cha Jan ngả người xuống gối, có vẻ thăm mệt. “Tôi có kể với cha,” ông ấy nói. “Tôi có một mạng lưới nhỏ các bạn hữu. Các nghiệp đoàn, cha biết đó. Họ cũng là bạn của cha, Tonio ạ. Tôi nghĩ là cha cần tới họ.”

“Tôi cần có người nào đó,” ông nói. “Tôi đang cô độc. Nói cho tôi biết tướng Vrona còn nói gì với cha nữa?”

“Tôi sắp nói tới chỗ đó. Ông ấy đưa ra cho tôi một thông điệp, từ Thủ tướng, nhờ chuyển cho cha.”

“Từ Urban?”

Cha Jan Ley gật đầu. “Urban muốn cha biết rằng nếu cha xuất hiện lúc này, chính quyền sẽ bảo vệ cha. Dĩ nhiên cái đó vô nghĩa. Họ đã bắt cha vừa rồi, họ sẽ bắt cha nữa.”

“Cha Jan ạ, họ không bắt tôi.”

“Cái gì? Cha Finder nói là họ bắt...”

“Người mang tôi đi đêm kia là những kẻ giả mạo người của An ninh Nội chính. Đó là một phần kế hoạch của họ. Báo chí nước ngoài có nói gì tới việc tôi bị bắt không?”

“Có. Dĩ nhiên, tin tức quốc tế. Có những phản đối chính thức của các chính phủ Anh, Hoa kỳ và Pháp. Và dĩ nhiên có cả La Mã.”

“Tôi sợ như thế.”

“Tại sao, cha Stephen? Đang xảy ra cái gì?”

“Tôi chưa chắc chắn lắm.” Đột nhiên ông cảm thấy đau buốt đằng sau con mắt phải của mình. Ông cúi đầu xuống. “Hết thảy đều do lỗi của tôi. Lý ra tôi không bao giờ nên để cho sự việc đi quá xa.” Ông co rúm người lại. Cơn đau buốt truyền xuống như thể nhức rãng. “Điều rắc rối là tôi không thể xuất hiện lúc này. Chính phủ sẽ không bắt tôi nhưng họ sẽ canh chừng từng chuyển động của tôi. Và nếu họ làm như vậy, tôi không thể hoạt động để chặn đứng việc ấy.”

Cha Jan Ley nhòm người lên, lấy một điều thuốc. “Có phải chúng ta đang nói tới một vị Tổng giám mục nào đó?”

“Tôi nghĩ là như thế. Tôi nghĩ rằng việc đầu tiên mình phải làm là nói chuyện với các lãnh tụ nghiệp đoàn. Và tôi không thể sắp xếp việc đó qua ban thư ký của mình. Đó là lý do tôi tới gặp cha.”

“Vâng, chắc chắn như vậy rồi,” cha Jan Ley nói. “Nhưng tại sao không thể qua ban thư ký của cha?”

“Vì rõ ràng là có một số phần tử trong văn phòng của tôi đã nói dối tôi về những gì đang xảy ra. Điều đó có nghĩa là họ không còn tin tưởng vào các chủ trương của tôi nữa.”

“Cha muốn gặp lãnh tụ nào của nghiệp đoàn?”

“Jop. Và việc này phải bí mật.”

“Jop hiện ở Gorodok. Cha có muốn tới đó không?”

“Muốn. Tôi cần thay đổi quần áo. Một vé tàu hoặc một chiếc xe, nếu có ai đó lái xe cho tôi. Có ai không...” nhưng ông chợt nghĩ tới

cái chết của Joseph. “Không,” ông nói. “Tôi sẽ dùng xe lửa.”

Trong khi ông nói, có đèn đỏ bật sáng ở một lỗ trên máy lọc máu. Cha Jan Ley chồm người tới, ấn nút công tắc trên chiếc hộp nhỏ bên giường. “Vâng?”

“Văn phòng gọi Bác sĩ Zaron. Yêu cầu Bác sĩ Zaron tới văn phòng.”

“Cảm ơn,” cha Jan nói và tắt nút trên hộp. “Cha Stephen, cha phải đi ngay. Họ bảo với tôi rằng nếu họ loan báo câu đó thì cha phải rời chỗ này. Đi đi, lẹ lên.”

Ông bước tới bên giường, cúi xuống, ôm cha Jan. “Cầu nguyện cho tôi.”

“Tôi sẽ cầu nguyện. Bây giờ, lẹ lên.”

Ông vừa đi ra cửa vừa kéo mặt nạ lên che mặt. Trong hành lang, một nữ y tá trung niên đang chờ ông.

“Bác sĩ Zaron, xin đi lối này,” bà nói, rồi không dẫn ông đi theo lối vào vừa rời mà là đi tới một phòng nhỏ, phía trên cửa ông thấy có tấm bảng nhỏ: *Phòng huyết học - khoa ung thư*. Bên trong là một phòng đợi nhỏ đang ngồi bốn bệnh nhân mặc áo choàng của bệnh viện. “Lối này, thưa bác sĩ,” bà y tá nói. Bà mở cánh cửa nhỏ một bên vách, gạt đầu ra hiệu cho ông vào. Ông bước vào và đằng sau ông cửa đóng lại. Ban đầu, trong chỗ tối ông chẳng thấy gì, nhưng rồi ông nhận ra mình đang đứng bên trong chiếc tủ chứa chổi và các dụng cụ lau nhà. Ông không nghe được tiếng động bên ngoài. Cơn đau nhức một bên đầu lắng xuống, để lại đầu ông hơi nhức và cảm thấy buồn nôn. Sau một lúc, e rằng mình có thể ngất xỉu, ông ngồi xuống trên một thùng thuốc khử trùng. Mắt ông quen dần với bóng tối. Ông nghĩ tới những ngày còn bé sau khi cha ông đột ngột qua đời, mẹ ông lo việc chùi rửa trong ngôi nhà thành phố của Hoàng thân Rostropov ở đường Triển vọng Phương Đông trong thời gian Hoàng thân và gia đình đi nghỉ hè tại một trang trại ở đồng quê.

Trong ngôi nhà ấy vào những buổi chiều lê thê nóng bức, ông đi lang thang khắp các hành lang của ngôi nhà đồ sộ vắng vẻ và chơi trò trốn tìm cùng phe với đứa con gái của người sửa sang nhà cửa. Cô bé hôn ông và lấy tay bịt miệng ông, không muốn bị phe khác tìm ra. Lúc này, trong bóng tối, thoáng nhớ tới cô bạn nhỏ và trong tâm trí ông lại xuất hiện bộ mặt đầy râu, bầm tím của anh con trai của Danekin, chiếc miệng hấp hối ấy đang mở ra để kể điều bí mật của nó, nhưng lời sắp nói đã chết đuối trong máu. Tại sao anh ta mưu sát ta, và cô gái lái xe kia là ai? Thật vô nghĩa. Nó không ăn khớp chút nào với kế hoạch của những người đã bắt cóc ta.

Ông cầu nguyện. Lạy Chúa. Chúa đã chọn con cho sứ vụ này. Con đang mù lòa trước nhiều việc. Trí tuệ con kém cỏi. Con không thấy thế giới này có biết bao nhiêu phía biết bao nhiêu mặt, cái thế giới trong đó Chúa đã tín nhiệm đặt con vào vị trí này. Con không xứng làm linh mục, đừng nói chi tới việc làm một Hồng y trong giáo hội của Chúa. Nhưng giờ đây con cầu xin Chúa hướng dẫn con, ban cho con sức mạnh và trí tuệ mà con không thể tìm thấy trong bản thân con.

Ông khóc. Hở thẹn khi nhớ lại các cậu bé học sinh vô tội đang chạy qua Quảng trường Belnova với những tờ truyền đơn được cung cấp bởi các linh mục trong khu vực thẩm quyền của ông; các cậu học sinh tuy bị bắt vì hành động ấy, nhưng xét cho cùng, đó chính là trách nhiệm tối hậu của ông.

Ông quệt khô nước mắt bằng tay áo và cố kết thúc lời cầu nguyện. Có ai đó gõ cửa tử. Tiếng đàn ông thì thầm. “Bác sĩ Zaron, có đó không?”

“Có.”

“Trong ít phút nữa, chúng tôi sẽ mang quần áo tới. Ông cao bao nhiêu?”

“Một thước bảy tấc.”

“Xin chờ một chút.”

Ông đợi. Sau vài phút, một bọc giấy lớn đựng quần áo được chuôi vào cho ông. “Tôi sẽ ở bên ngoài.”

Bên trong bọc, có chiếc áo len cổ chui khá vừa người ông. Trái lại, chiếc quần vải bông ống hơi ngắn. Có thêm chiếc áo gió khá nhẹ nhưng lại quá rộng và một chiếc mũ lưỡi trai đã cũ, bằng vải bố, kiểu của vận động viên dã cầu. Ông nhô người ra, kéo mũ sụp xuống tận mắt. Một thanh niên đang chờ, đầu đội mũ an toàn bằng nhựa màu đen, loại mũ dùng khi đi xe gắn máy, và mặc đồng phục nhân viên chạy văn thư của chính phủ. Trên vai anh là chiếc túi lớn chứa công văn. “Đi lối này, thưa ông,” anh nói.

Họ ra khỏi Phòng huyết học, đi vào hành lang lúc này có đông đảo các y tá đang đẩy bệnh nhân trên xe đẩy và các y công đẩy các xe chở dụng cụ y tế, trong tiếng ồn ào giữa giờ làm việc ca sáng. Người chạy công văn đội mũ an toàn len lối qua đám đông rộn ràng đó cho tới khi họ ra tới phòng khách chính ở lối vào nơi mặt trước bệnh viện. “Đợi đây, thưa ông. Tôi đi lấy xe chạy tới sân trước. Khi tôi vô trở lại, ông chỉ việc theo tôi ra ngoài sân rồi nhảy lên xe gắn máy ngồi sau lưng tôi. Được chứ?”

Ông gật đầu. Ông nhìn quanh sảnh đường tìm xem có ai đang theo dõi mình không. Sợ hãi trong bộ quần áo cái cụt ngắn cái thùng thình, ông đứng căng thẳng, trăn trở hết bên này tới bên kia, cố tránh ánh mắt của người qua kẻ lại. Ông không dám chắc bộ mặt mình quen thuộc tới mức nào đối với người công dân bình thường dù ông thường xuất hiện trên Đài Truyền hình Quốc gia và được chụp hình hàng trăm lần cho các báo tin tức của nhà nước và các tạp chí của Giáo hội. Ông ngờ rằng dân chúng không nhìn vào con người ông mà chỉ nhìn vào chiếc áo chùng thâm của sứ vụ Hồng y, chỉ thấy một bóng dáng đội chiếc mũ đỏ thẫm đang di động trong đoàn rước của Giáo hội hoặc đang ngồi trên chiếc ghế tông toà bên

cạnh bàn thờ. Không biết có người nào đó nhìn thấy ông trong bộ quần áo nhếch nhác vô danh này lại có thể tưởng tượng ra ông là vị Hồng y giáo chủ của xứ sở này và hiện đang mất tích.

Thình lình, lật đặt lướt qua vòng cửa quay, người chạy công văn đội mũ an toàn nhân viên của chính quyền, xuất hiện nhanh như chớp, ra hiệu cho ông rồi quay mình, vội vã bước ra ngoài. Anh ấy là ai, và làm thế nào cha Jan Ley biết anh ấy? Cái mạng lưới con người mà dường như cha Jan có khả năng triệu tập chỉ trong vòng ít phút thông báo thôi, nó ra sao? Ông cất bước tới cửa quay ở lối ra vào, nhìn phải nhìn trái xem có chiếc ‘măng tô’ nào đang núp gần đó không. Ông đi ra ngoài. Dưới thêm, ông nghe tiếng khục khặc của chiếc xe gắn máy nhỏ quốc doanh sản xuất, loại thường thấy hằng ngày trên đường phố và là đối tượng hồng máy thường xuyên. Người đưa thư hạ miếng mika đen của chiếc mũ an toàn xuống, che khuôn mặt mình, gạt đầu ra hiệu cho ông lên xe. Ông ngồi, vừa vòng tay ôm ngang bụng người lái xe khi xe gầm lên, lướt qua sân bệnh viện và phóng ra đường Thống chế Nilsk.

Và lúc này gió tạt vào mặt làm ông cảm thấy xây xẩm khi xe gắn máy lạng qua lạng lại giữa dòng xe cộ, lao qua Quảng trường Thống nhất, xuống tới đường Mới, phóng ngang vườn Saxon, chạy vào khu Chợ Cũ, ở đó xe quành qua quẹo về rồi bỗng đứng khựng lại, chờ một đàn súc vật đi qua. Cuối cùng chiếc xe gắn máy nhỏ thờ phì phò, yên lặng rẽ vào một cái sân cũ và hẹp, đậu lại bên cạnh một chiếc xe tải thùng loại có gắn máy lạnh, bê Bett Bunn, vừa mới bỏ các cần xé thịt heo xuống. Người thanh niên chạy công văn kéo miếng che mặt lên, đưa tay vẫy một người đàn ông mặc áo blouse trắng vẩy máu đã đứng sẵn đó như thể đang chờ ai.

Ông xuống khỏi yên xe, chân run rẩy vì không quen với những rung chuyển trong chuyến đi vừa rồi. Người mặc áo đồ tể đưa tay lên mũ chào cung kính. “Xong ngay, thưa ông,” người ấy nói.

“Chúng tôi chuẩn bị gần xong. Trong khi chờ đợi, ông nhảy lên thùng sau xe tải, chỗ đó đó. Hơi có mùi nhưng trong đó có mền. Ông có người lại thì không bị lạnh.”

Người chạy công văn lúc ấy kéo miếng che mặt màu đen xuống, quay qua ông, trông như một người máy không mặt. “Ồn thoả chứ, thưa ông.”

“Vâng. Cảm ơn.”

“Cha Ley có nhắn với ông là cha ấy sẽ cố gắng liên lạc với đối tác của ông ở Gorodok.”

“Cảm ơn, cảm ơn nhiều lắm.”

Người đưa thư dùng chân đạp cần khởi động. Chiếc xe gắn máy của anh lại rống lên tuân lệnh. Lúc này có sáu người đang bước vào sân, đội mũ trùm đầu thô kệch bằng vải bố, tới vác các cần xé thịt heo. Người đi sau cùng đưa tay vẫy ông, chỉ tới bên mép sàn chiếc xe tải có máy lạnh. Ông đi tới chỗ đó. Một bàn tay thò xuống kéo ông lên. Bên trong lạnh như nước đá. Người kéo ông lên đó chỉ vào phía trong sâu của thùng xe tải nơi có mấy chiếc mền nặng nề, dơ dáy, đã được quây thành một cái ổ trên sàn xe.

“Sẽ tắt máy lạnh ngay,” anh ta nói. “Chỉ ít phút nữa thôi sẽ khá hơn. Tôi phải khóa lại ở bên ngoài. Được chứ?”

“Vâng, không sao,” ông nói. “Cảm ơn.”

Người ấy nhảy xuống xe. Cửa nặng nề bị kéo sập xuống kêu lên ken két và ông nghe tiếng khóa lại. Thêm lần nữa, ông ở trong bóng tối. Ông mò mẫm tìm đường đi lần tới mấy chiếc mền và ngồi xuống, trùm mền phủ kín người. Chiếc xe tải ngập ngụa mùi máu, đậm đà, tanh tưởi. Vài phút sau, ông nghe tiếng cửa phòng lái đóng. Máy khởi động. Bánh xe nặng nề lăn. Cuộc hành trình bắt đầu.

“Ông ngủ à.”

Đầu và vai của người lái xe thành linh in bóng nơi cửa xe tải vừa được đẩy lên. Sau nhiều giờ trong bóng tối, mộng mị, đau nhức, và rêm mình vì nhồi xóc trên con đường gồ ghề, ông đồ dần nhìn người đàn ông vừa lên tiếng hỏi. Ông ngửi ra mùi tươi mát của không khí ban đêm, rồi nhìn ra thấy bầu trời sáng lạng với vẻ rực rỡ của trăng rằm.

“Ra đây, thưa ông,” người ấy nói, đưa tay lên giúp ông nhảy xuống đất. Không để ý tới cử chỉ đó, ông tự mình nhảy, loạng choạng, nhưng trước khi té thì gượng người lại được. Chân ông cảm thấy như bị ai đá vào, ngay chỗ đầu gối. “Không, không,” ông nói. “Tôi không sao, cảm ơn!”

Người định giúp ông đó trùm đầu bằng chiếc mũ đồ tể trông giống mũ thầy tu. Lúc này, anh ta đứng như một hình bóng trung cổ, chờ đợi.

“Có phải đây là Gorodok?”

“Phải. Thưa ông, ông có biết chỗ này không?”

“Có, tôi có biết.” Ông nhìn quanh, thấy những đoạn đường ray tránh nhau và cùng với những ngọn núi mờ xa kia, các đồng xỉ khổng lồ của quặng mỏ Gorodok lấp loáng dưới ánh trăng. Chiếc xe tải có máy lạnh chạy tới phía trước một cơ sở trông như một xí nghiệp. Có ánh sáng le lói từ lều của người gác cửa ở bên cạnh cổng xí nghiệp, và lúc này, ông thấy người gác cổng mặc đồng phục, bước ra khỏi lều, tay cầm đèn lồng.

“Có phải ông là Zaron?” người gác hỏi.

“Phải.”

“Tới lều đi. Tôi nghe nói là ông có thể muốn một tách trà hoặc ăn chút gì đó.”

“Cảm ơn.”

Người lái xe đội mũ đồ tể trùm đầu bỗng dừng quay lại nhìn ông, ngượng ngịu và trù mến, đặt tay lên vai ông. “Thiên Chúa phù hộ ông, thưa ông,” anh ta nói xong, đi vòng tới phòng lái của chiếc xe to lớn, nhảy lên, đóng mạnh cửa. Bánh xe nặng nề lăn và chiếc xe tải lao ra đường lộ.

“Mấy giờ rồi vậy?” ông hỏi người gác.

“Tám giờ, hoặc khoảng đó,” người gác trả lời.

Ông ngó xuống đường, nhìn theo chiếc xe tải khổng lồ đang chạy rầm rầm dưới ánh đèn huỳnh quang. Ta đã ở tám giờ bên trong bóng tối đó.

“Lối này, thưa ông,” người gác nói, tay đưa cao đèn lồng lên soi đường tuy việc ấy có vẻ thừa thãi dưới ánh trắng đang chiếu thật sáng. Họ đi về phía chiếc lều nhỏ cạnh cổng. Bên trong, trên bếp lò bằng sắt dính đầy dầu mỡ, trà đã pha sẵn, và trên chiếc bàn giấy ngăn nắp của người gác cổng, ông thấy có mấy quả trứng đã luộc thật chín và một đĩa giấm bông. Từ lúc điểm tâm tới giờ này, ông chưa ăn gì. Lúc này, ngồi trong khoảng ánh sáng nhỏ bên cạnh cửa sổ, ông ăn ngấu nghiến. Người gác đưa ông tách trà bốc khói.

“Chỗ này là gì?” ông hỏi. “Có phải là một xí nghiệp?”

“Xí nghiệp ư, thưa ông? Không, thưa ông, đây là mỏ Borodin ngày trước. Số bốn. Dĩ nhiên nay đã đóng cửa rồi.”

Mỏ Borodin. Ông có thể thấy lại, như đang nhìn trên màn ảnh vô tuyến truyền hình, các bích chương và biểu ngữ, hàng hàng lớp lớp thợ mỏ quì cầu nguyện trong sân lớn, các đồng xỉ nằm xa xa, một hàng lính tráng, súng tiểu liên đã lên đạn, mặt hoang mang. Thời gian đó ông đang ở La Mã, bị triệu tập tham dự một hội nghị, và tại Học viện Tây ban nha, ông đã xem trên màn ảnh vô tuyến truyền

hình khoảnh khắc đó, khoảnh khắc hy vọng lớn lao nhất của các nghiệp đoàn, khoảnh khắc mà, về mặt lãng mạn, ý chí của người thợ mỏ có thể vô hiệu hóa sức mạnh hữu hạn của xe bọc sắt và các khẩu đại bác xịt nước. Nhiều năm đã trôi qua. Nó đã thuộc về một thời đại khác.

“Đóng cửa?” ông hỏi. “Tại sao vậy? có phải vì chính trị?”

“Không, không,” người gác nói. “Đơn giản là vì mỏ cạn rồi.” Người gác đứng lên, bước tới cửa sổ như thể đang tìm kiếm cái gì ở bên ngoài. “Lúc này họ đang nói tới việc biến nơi này thành một viện bảo tàng mỏ. Trong các hòm kính triển lãm sẽ không những thứ như mũ an toàn cũ và đèn soi hoặc đại loại như vậy. Không, cái được dùng để triển lãm chính là bản thân cái mỏ. Các chuyến du ngoạn xuống hầm lò. Họ sẽ triển lãm những chuồng ngựa con dưới đất và những chiếc lồng chim sê nhỏ mà người ta đã dùng để thử thán khí. Họ sẽ triển lãm các đường hầm. Ông biết không, thưa ông, khoán sản phẩm, nghĩa là ngày nay thợ phải đi bộ năm cây số mới tới cổng mỏ và không được tính lương cho tới khi kéo lên được thứ tốt nhất. Những ngày xưa cũ tốt lành. Thuở tư bản ấy, khi một người làm việc mười giờ một ngày và lãnh bốn chục đồng một tuần. Dù sao, người ta cũng đã nói tới chuyện biến mỏ thành viện bảo tàng. Tôi hy vọng sẽ xảy tới chuyện đó. Nếu nó xảy tới, họ hứa cho tôi làm người hướng dẫn.”

“Ông từng là thợ mỏ?”

“Vâng, và trước cả tôi là bố tôi nữa. Đó là những ngày xưa cũ mà tôi nói tới. Hà hà!” người gác nhìn chăm chú hơn qua ô cửa sổ.

“Người đưa ông tới rồi, thưa ông. Ông dùng thêm chút trà?”

“Không, cảm ơn.”

Người gác giờ lồng đèn lên cao, đưa qua đưa lại như thể ra hiệu. Dưới ánh trăng, có chiếc Fiat nhỏ chạy vào và dừng lại trước cổng. Đèn trước đầu xe chớp nháy. Một thanh niên bước ra khỏi xe. Anh

ta mặc áo sơmi đỏ, đầu đội chiếc mũ cứng bằng nhựa màu xanh. Anh để máy xe tiếp tục nổ.

“Đi ngay thôi, thưa ông,” người gác nói. “Anh ấy không muốn chần chừ.”

Ông bước vào ánh trắng. Người thanh niên đã ngồi sẵn trong ghế tài xế. Ông lên xe. Xe phóng xuống con đường có đèn vàng.

“Chuyến đi thế nào, thưa ông?” người thanh niên hỏi.

“Gặp ghênh.”

“Thế thì họ đã không đi ngã xa lộ. Tôi đoán là họ đi theo tỉnh lộ.”

Xe tới một ngã tư. Đằng trước, bên kia đèn giao thông, ông thấy rất nhiều con đường nhỏ vắng vẻ, giăng mắc nhau. Ông không ngạc nhiên. Tại tỉnh lẻ, sau khi trời sập tối, người ta ít ra đường. Từ các cửa sổ không ánh đèn, lung linh vũng sáng màu xanh hắt ra từ màn ảnh máy vô tuyến truyền hình. Chiếc Fiat nhỏ lúc này rẽ vào một khu vực nhiều vườn nhỏ với sân sau bừa bãi các dây phơi quần áo và các lán để than. Xe dừng lại. “Xin ông vui lòng chờ ở đây,” người thanh niên nói.

Ông ngồi dưới ánh trắng, quan sát người thanh niên mở chiếc cổng gỗ rồi đi vào dọc theo lô gia cư phân phối, dùng làm vườn nhỏ, dài và hẹp, trồng khoai tây, rau diếp và chen lẫn các bụi cúc vạn thọ. Một địa điểm hẹn gặp như chỗ này thì thật lạ lùng. Nhưng rồi ông nhớ lại rằng Jop, vào thời gian nổi bật của ông ấy, luôn luôn được trình bày trong báo chí và phim ảnh như một con người của gia đình, một con người của công nhân, sống một cuộc sống khiêm tốn ít người biết tới.

Một con chó sủa và những con khác gầm gừ cảnh giác cho tới khi cả bầy đồng loạt hợp xướng bằng những thanh âm cao thấp khác nhau, đình tai buốt óc. Ông thấy người thanh niên hấp tấp quay trở ra theo lối đi trong lô vườn, bước chân đi ngang của anh ta lại khuấy động lũ chó học lên những âm thanh mới. Người thanh niên mở cửa

cổng gỗ, ra hiệu cho ông bước vào. “Đi thẳng vô đó, thưa cha, Sẽ gặp người trong đó. Lẹ lên!”

Ông bước gần như chạy trên lối đi: điệu nhạc chói tai của lũ chó đã báo động ông. Ông trông mong cửa bên hông nhà mở ra và chủ nhân lũ chó xuất hiện. Đằng trước, dưới ánh trăng, ông thấy một phụ nữ mập mạp đứng chờ trên lối đi, đầu quấn khăn vuông theo kiểu của phụ nữ đứng tuổi ở thôn quê. Bà ta bước tới phía ông, cúi đầu theo cung cách đã biết ông là ai. “Lối này, thưa Đức Giáo chủ. Lối này!”

Ông đi vào chiếc sân hẹp rải đá cuội. Phía trước, cửa vào đã mở sẵn, ánh sáng từ bên trong hắt ra soi bóng một người đang đứng chờ. Ông bước qua ngưỡng cửa, lóa mắt vì ánh sáng chói chang nơi nhà bếp. Người đàn ông đang chờ, tuổi trung tuần, mặc sơ mi xám bằng vải thưa và mềm, quần nhung, chân đi đôi ủng nặng nề. Ông này không phải là Jop. Sau lưng ông, một bà cụ rất già, nhún đầu gối, nét mặt lộ rõ lòng cung kính, tay run run vì tê liệt khi đưa tay lên ra hiệu mời ông vào. “Thưa Đức cha, lối này. Xin vào phòng trên.”

Ông quá quen thuộc những ngôi nhà như thế này: phòng ốc tù túng, khắp nơi xông mùi bắp cải luộc. Phòng trên là phòng khách, chỉ dùng đón những người tới viếng thăm. Ông đi lên và đối mặt với các bức hình của Đức Thánh cha, Mẹ Maria Đồng trinh, một người mặc quân phục binh nhì thời Thế chiến Thứ nhất, và thật không xứng chút nào, một bức hình của chính ông. Và ở đó, ẩm áp sau lưng ông và bên cạnh lò lửa than nhỏ là Jop.

“Thưa Đức giáo chủ,” Jop nói một cách tôn trọng nhưng không đầy vẻ cung kính. Không giống những người khác trong nhà này, Jop quá quen với sự có mặt của các Hồng y, các chỉ huy trưởng người Nga, các bộ trưởng, các toán quay phim vô tuyến truyền hình. Lúc này ông ta bước ra, chỉ vào một trong các chiếc ghế nhỏ có tay

dựa và bọc bằng vải nhung màu lục nhợt nhạt, cho ‘hài hoà’ với đồ đạc trong nhà.

Ông ngồi xuống. Lập tức người phụ nữ mập mạp mà lúc này được giới thiệu là: “Mila, nhà con,” đi vào, bồn chồn lo lắng và kinh hãi vì sự có mặt của ông nơi nhà mình. “Liệu chúng con có thể kính mời cha cái gì đó không, thưa Đức cha? Rượu vodka hay rượu nhẹ? Hay một tách trà? Con đã chuẩn bị xúp nguội ăn lót lòng, chẳng có gì đặc biệt, cha mà dùng thì vinh dự cho chúng con lắm.”

“Không, cảm ơn chị.” Ông cười với bà, theo thông lệ từ chối sự hiếu khách mà người dân quê vốn xem đó là bổn phận ưu tiên của mình khi có người lạ vào nhà.

“Cha có chắc không, thưa Đức cha?” bà cụ, mẹ của Jop, hỏi. Bà lảng vảng ở ngưỡng cửa như thể chỉ chờ ông ban phép lành.

“Mẹ ạ, con vừa dùng bữa xúp rất ngon, xin cảm ơn mẹ,” ông nói, cười với bà.

“Nhưng cha phải dùng chút gì chứ, thưa Đức cha,” vợ của Jop nói.

“Thế thì cho xin ly sữa lạnh,” ông nói. “Vậy là tốt quá rồi.”

Ông cười với Jop. Jop đang chờ, cố che dấu sự sốt ruột của mình và cố kiên nhẫn mong cho tới khi chấm dứt những nghi thức lễ độ này. Nếu một họa sĩ thuộc trường phái hiện thực xã hội chủ nghĩa được trao nhiệm vụ vẽ chân dung một công nhân kiên cường, họa sĩ ấy có thể chọn Jop làm người mẫu. Hai vai và bắp tay của Jop vạm vỡ như được tạo ra để xử dụng cuốc xẻng xà beng. Chiếc đầu to lớn nhưng vô cùng thanh nhã như bức tượng bán thân của một viên quan trấn thủ người La Mã với tóc quăn màu xám phủ trên đầu như tượng tạc. Quai hàm bạnh ra, da mặt rỗ lấm chấm như đá, dấu hiệu vinh danh sự lao động nhọc nhằn của bao năm tắm bụi than ở cổng mỏ, chẳng thể nào chùi sạch hẳn. Tuy thế, trong khi nhớ lại Jop ngày xưa ông lại nghĩ tới Jop của tám năm nay. Ông biết

rằng Jop ngày nay không còn là công nhân, cũng không bao giờ trở lại làm công nhân: ông ta bây giờ là một người trình diễn, bị bắt phải đóng vai ngoài đời làm người phát ngôn không chính thức của các công nhân trên đất nước này; một người thường đứng trong các cánh gà chờ đợi ngọn đèn cao áp cực nóng và các ống kính vô tuyến truyền hình, các đám đông bu lại, những hoan nghênh cổ vũ, những bàn tay níu lấy ông khi ông đi qua sảnh đường nghiệp đoàn chật ních người: một vai trò không khác gì vai trò của một giáo chủ trong áo chùng lụa đỏ thẫm.

“Thôi được rồi, mẹ ời,” Job nói, bảo mẹ mình lui ra. Ông ta ra hiệu cho người mặc quần nhung, “Mijal, anh canh cửa.”

Cửa phòng khách đóng lại. Căn phòng nhỏ bỗng trở thành thật yên tĩnh. Trên lò sưởi, chiếc đồng hồ báo thức rẻ tiền của Anh tíc tắc kêu lớn giữa hai con chó sù một trắng một đen.

“Cha đang ở trong cuộc giao tranh, thừa Đức giáo chủ,” Jop nói, mỉm cười. “Bây giờ cha đã biết nó giống cái gì. Người ta đã mang cha đi đâu vậy? Đường Skoura hay Cổ thành?”

“Thế anh chưa biết gì à,” ông nói. “Không phải An ninh Nội chính là kẻ bắt cóc tôi: kẻ đó ở phía ngược lại.”

“Không phải An ninh Nội chính? Báo chí nước ngoài nói là An ninh Nội chính.”

“Peter, nghe tôi đây này. Tôi không có thời gian để nói dối cũng như để lắng nghe người ta. Có phải anh có ý nói là anh không biết ai đã bắt cóc tôi?”

“Con nói danh dự, thừa Đức cha. Con không biết gì về chuyện đó.”

“Được rồi, Peter. Tôi tin anh. Nhưng anh có biết về cuộc ‘biểu dương ý chí dân tộc’ hoặc bất cứ cách gọi nào mà người ta dùng. Anh đang lập kế hoạch tổng bãi công - các xí nghiệp, các trạm phát điện, các dịch vụ - tất cả mọi thứ. Đúng không?”

Jop quay mặt qua hướng khác, nhìn các cục than nhỏ đang bùng sáng trong lò sưởi làm bằng gạch màu vàng lục loại rẻ tiền. “Con nghe là việc đó chỉ diễn ra trong một ngày thôi, một cuộc bãi công tượng trưng, để cho Nhà nước thấy cái mà nhân dân có thể làm,” Jop nói. “Có điều xin Đức cha nghe đây. Con không ủng hộ việc đó. Thời điểm không đúng. Con đã phát biểu chống lại việc đó tại phiên họp của nghiệp đoàn. Con đã nói rằng Nhà nước sẽ không nhìn nó như chỉ là một vụ đình công. Họ sẽ coi nó như một thách thức và họ sẽ không bỏ qua.”

“Anh có lý,” ông nói. “Và khi nào thì xảy ra?”

“Không phải tuần này sao?” Jop nói. “Con nghe nói nó đã được ấn định vào ngày Thứ Năm, hai ngày sau Đại hội ở Rywald. Sẽ có người nào đó tuyên bố trong thánh lễ tại Rywald. Đương nhiên là cha biết rõ chuyện này, thưa Đức giáo chủ.”

“Tôi không biết.”

“Dù sao cũng không phải chúng con phát động chuyện này,” Jop nói. “Chính các linh mục.”

“Các linh mục nào?”

“Chúng con được bảo cho biết là toàn thể Giáo hội đứng đằng sau chuyện này,” Jop nói. “Kể cả cha, thưa Đức cha.”

Ông nhìn lên. Cửa phòng khách mở ra và bà vợ của Jop đi vào với ly sữa trên khay. “Cảm ơn chị nhiều lắm,” ông nói, rón rở nụ cười với bà. Ông cảm thấy tay mình run rẩy khi cầm ly.

Ngượng ngịu sợ hãi, bà gật đầu kính cẩn và rút lui.

“Tôi không đứng đằng sau chuyện này,” ông nói. “Đó là lý do khiến họ bắt cóc tôi. Peter, anh đã nói là thời điểm không đúng. Còn tệ hơn vậy nữa. Nếu chuyện này xảy ra, nó sẽ là hành động tự sát của dân tộc. Trong hai mươi năm qua chúng ta chẳng học được điều gì cả.”

“Con đã nói đó không phải là hành động của con, thưa Đức cha.

Đó không phải là hành động của các nghiệp đoàn. Con không bao giờ ép buộc Nhà nước phải chọn lựa giữa bản thân họ và Giáo hội. Con chống lại chuyện này.”

“Tốt. Vậy thì anh phải giúp tôi.”

“Không dễ đâu, thưa Đức cha. Con xin lỗi.”

“Tại sao?”

Bên ngoài, trong đêm, chó lại sủa. Có ai đó đang đến? Ông thấy Jop nhìn ồ khoá, rồi quay sang ông, đầu cúi xuống như thể xưng tội. “Nó như thế này, thưa Đức cha,” Jop nói. “Chúng con không còn tính toán hơn thiệt nữa, ý con muốn nói là các nghiệp đoàn. Chúng con không đủ sức phát biểu ngược lại với Giáo hội. Kể từ sau vụ đình công Borodin, chúng con cố gắng bày tỏ cho dân chúng thấy rằng chúng con sẽ không bỏ rơi họ nữa. Nếu dân chúng muốn cuộc biểu dương này và nếu Giáo hội đứng đằng sau chuyện này, thì chúng con phải theo thôi.”

Jop run rẩy bóp chặt bàn tay mình, làm chúng thành hai nắm đấm như thể sắp đánh ai đó.

Ông nhìn hai bàn tay ấy, móng lúc nào cũng thâm đen vì hàng năm trời nơi cổng mở. “Peter, anh là thủ lĩnh các nghiệp đoàn,” ông nói. “Các đoàn viên sẽ nghe anh.”

“Không,” Jop nói. “Con cũng đang chung một thuyền với cha, thưa Đức Hồng y giáo chủ. Con không thể làm thay đổi các nghiệp đoàn. Họ đã quyết định đi theo. Và có thể Đức Hồng y cũng không thể làm thay đổi Giáo hội.”

“Tôi là Giáo hội,” ông nói. “Chuyện này sẽ không xảy ra. Tôi hứa với anh.”

“Con hy vọng là cha có lý, thưa Đức cha. Liệu con có thể kể với người khác những lời Đức cha vừa nói không?”

“Xin cứ việc kể, cảm ơn. Và bây giờ tôi phải tới Gneisk. Tối nay, nếu có thể. Anh có thể giúp tôi không?”

“Phương tiện vận chuyển? Dĩ nhiên là được. Nếu cha không ngại đi bằng xe tải. Chúng con có thể sắp xếp cho cha liền tức khắc.”

“Cảm ơn. Tôi biết thật nguy hiểm cho người nào chở tôi.”

Jop bước tới cửa phòng khách. “Mijal,” anh gọi. “Đi gặp Janik. Nói với cậu ấy là tôi cần một chiếc xe nửa tấn. Và này, ai còn trong nhà thì ra hết đây. Đức Hồng y Bem sắp ban phép lành cho chúng ta.”

Cả nhà nối tiếp nhau đi vào theo hàng một, vợ của Jop, người mẹ già nua lụ khụ của ông ta, hai thiếu niên và một phụ nữ khác đang bế con. Họ đứng đó, nhìn ông với ánh mắt vừa ngượng ngịu vừa hiếu kỳ mà ông đã quá quen thuộc. Nhưng lúc này ông cảm thấy họ đang hoang mang. Ông có thể đúng thật là vị Hồng y đó sao, kẻ trong áo chùng giáo chủ, từ bức hình trên vách phòng khách đang nhìn xuống và cười với họ? Tất cả quì xuống trước mặt ông, kể cả Jop. Ông làm dấu thánh giá. Họ cũng làm dấu thánh giá. Ông nhắm mắt lại, thêm lần nữa, cố gắng nhập mình vào chốn thinh lặng, nơi Thiên Chúa chờ đợi, quan sát và phán xét. Lạy Chúa, xin Chúa phù hộ chúng con. Xin ban bình an cho chúng con.

Người lái xe mới của ông được giới thiệu là Janik, tuổi trạc trung niên và đội mũ da cũ của phi công thời Thế chiến thứ nhất. Anh ít nói. Suốt từ lúc xe rời sân nhà của Job cho đến khi họ ra xa lộ chính mười lăm phút sau đó, anh im lặng. Chỉ tới lúc họ tới gần tấm bảng chỉ dẫn có chữ *Xa lộ Bắc-Nam*, anh mới quay qua dặn dò người hành khách của mình:

“Chúng ta đang chờ một đồng than bánh. Nếu có ai hỏi thì nói chúng ta đi giao hàng cho đại lý quốc doanh ở Gneisk. Tôi có công lệnh đi tới đó.” Anh chỉ mấy tờ giấy nhét bên trong miếng cao su che nắng phía trên kính chắn gió. “Hãy tìm trong hộc để găng tay. Ông sẽ thấy có một cuống giấy Chứng minh nhân dân tạm. Nó đã hết thời hạn nhưng không sao. Nếu người ta mất giấy Chứng minh nhân dân thì mấy thằng ngốc ở cơ quan Chứng minh nhân dân cấp thứ này dùng tạm trong một tháng, nhưng ai cũng biết phải mất tới sáu tháng mới có thể mới.”

Ông cho tay vào hộc để găng tay, tìm thấy một mẫu giấy căn cước tạm, dơ bẩn và rách. Mẫu giấy ghi rằng tên ông là Stanislaus Wrek, tuổi ông bốn mươi sáu và rằng ông cao một thước sáu với tóc nâu, mắt xanh. Cũng giống bộ quần áo ông đang mặc, nhân dạng mới của ông chẳng có chi tiết nào hợp với ông.

“Anh bạn này nhỏ hơn tôi nhiều quá,” ông lưu ý người lái xe.

“Không sao. Họ chẳng bao giờ nhìn. Đó là lý do chúng tôi chờ than bánh. Người ta nghĩ rằng nếu ông có than bánh cỡ này trên xe tải thì chẳng cần đi tới đại lý quốc doanh nào cả. Vậy nên cảnh sát có chặn lại thì chỉ là để lấy ít bánh than thôi. Ngay cả trong vùng mỏ than cũng khó kiếm ra than bánh.”

“Còn về quân đội thì sao? Tôi thấy hình như họ đang kiểm tra đường?”

“Quân đội đang lùng kiếm mấy chiếc xe bị ăn cắp. Và súng. Ông không có súng, phải không?”

“Không, không.”

“Vậy thì khỏi lo. Âm nhạc có làm phiền ông không?”

Ông lắc đầu. Âm nhạc, rộn ràng như tiếng đàn phong cầm trong nhà thờ, tràn ngập phòng lái chiếc xe tải nhỏ. Trong những nhịp điệu vừa pha trộn vừa chối nhau đó, ý nghĩ của ông loay hoay theo những giả thuyết không ăn khớp nhau. Ông nhớ lại thuở xa xưa, lúc một nửa triệu lính lý ra rút về theo Hiệp ước Varsova thì lại bị tập trung ở biên giới vì có một bản báo cáo nói rằng họ là những đơn vị phản cách mạng đã trở mặt, công khai đối đầu với chính phủ - bản báo cáo đó do Liên Xô chế tạo. Chuyện giống như thế có thể xảy ra thêm lần nữa. Trừ phi không có ai thêm lần nữa chế tạo ra một bản báo cáo. Truyền đơn là thật. Liệu người Nga có thể dùng biến cố này để loại bỏ chính phủ hiện nay và dựng lên một chính phủ ngoan ngoãn hơn, răm rắp phục vụ cho nền thống trị của Moscow? Nếu như thế, phải chăng bổn phận của ta là ngăn chặn sự việc đó?

Ông mệt mỏi. Âm nhạc, dải đường trước mặt trắng và cô đơn dưới ánh đèn xe, tất cả cùng tác động như thôi miên ru ông ngủ. Chừng một giờ sau ông thức giấc, thấy chiếc xe tải đang đi ngang một thôn làng, những đường quê vắng vẻ, nhà cửa tối thui. Xe dừng lại ở một cột đèn giao thông, và ông nhìn các cửa tiệm mặt tiền có gắn cửa chớp trong một trung tâm thương mại, nhìn một con mèo đơn độc đang chạy ngang đường như kẻ cắp rồi biến mất trong một ngõ hẻm. Đèn đổi sang màu xanh. Khi xe tiếp tục lăn bánh, ông thấy cuối đường đằng xa, có đèn đỏ chớp nháy và hai chiếc xe đang đậu chặn giữa đường. Ông quay qua người lái xe, “Cái gì vậy?”

“Không biết. Thông thường ban đêm giờ này đâu có như vậy,”

người lái xe nói, giọng đầy thắc mắc.

Xe tiếp tục chạy. Khi họ tới gần, đèn đỏ đang chớp nháy chuyển thành đèn đỏ cố định. Một cảnh sát sắc phục đứng sát bên đèn đỏ, cầm súng tiểu liên tự động. Chiếc xe tải dừng lại. Lập tức, ba người cảnh sát bao vây xe. Một người bấm đèn pin soi vào đồng than bánh. Lát sau, một người khác leo lên thùng sau của xe. Janik quay qua ông, nháy mắt, “Tôi đã nói với ông rồi mà,” anh nói.

Đột nhiên, một ngọn đèn pha chiếu vô phòng lái, làm ông choá mắt.

“Chứng minh nhân dân?” một giọng cất lên.

Ông xuất trình mẫu giấy tạm. Janik đưa người cảnh sát thẻ của mình ở phía cửa xe bên kia. Sau đó một chút, cảnh sát trả thẻ lại, “Có công lệnh chở than bánh này không?” một giọng hỏi. Janik lôi giấy tờ từ tấm che nắng ra. Tạm lắng một chút. “Đại lý Scarnia,” một giọng nói. “Được rồi, chúng ta đưa các người tới chỗ đó.”

“Cái gì?” giọng Janik hỏi lớn, kinh ngạc và khỗ sở.

“Chúng tôi được lệnh kiểm tra tất cả các xe giao hàng. Chúng tôi sẽ điện thoại cho Đại lý Scarnia xem có đúng lô hàng này không?”

“Nhưng lúc này đã nửa đêm,” Janik nói.

“Vậy thì chờ tới sáng mai,” một giọng buông lỏng. “Cho xe chạy tới đằng trước.”

Cửa phòng lái phía tài xế bỗng bị kéo ra và một cảnh sát sắc phục nhảy lên ngồi cạnh Janik. “Được rồi,” người cảnh sát nói với tài xế, “Chỉ việc chạy thẳng, tới ngã tư đầu tiên thì quẹo trái.”

Janik vô số xe, “Tôi không muốn phiền phức vì mấy bánh than này,” Janik nói. “Tôi sẽ mất một đêm ở đồn cảnh sát vì cái đồng bánh than khốn kiếp này. Anh muốn than bánh, được thôi, anh sẽ có chúng ngay. Tôi sẽ đổ hết xuống đồn cảnh sát nếu các anh muốn.”

Người cảnh sát không trả lời. Chiếc xe tải quẹo trái. “Chạy xuống theo đường đó,” người cảnh sát nói. “Bây giờ, quẹo vô đây. Vậy đó.”

Đèn trước của xe tải chiếu sáng một khoảng sân, nơi xe cảnh sát dừng lại. Trong sân đậu sẵn một chiếc xe khác. “Tôi không nói giỡn,” Janik nói. “Tôi sẽ bỏ hết than bánh này xuống cho các anh.”

Người cảnh sát giả bộ không nghe câu nói đó. “Được rồi. Hai người đi theo tôi. Đưa tôi chìa khoá xe.”

Lần cuối ông ở đồn cảnh sát tới nay đã nhiều năm. Khi còn là một linh mục trẻ, ông thỉnh thoảng tới đó để hoà giải việc đánh nhau trong một gia đình nào đó, hoặc xin cho một giáo dân say rượu thuộc giáo xứ mình được phóng thích với lời cảnh cáo. Nhưng bây giờ, khi ông bước vào phòng chính của đồn cảnh sát này thì một người cảnh sát đưa ông và người tài xế đi thẳng tới một phòng giam rộng, cửa phòng giam nhìn xéo vào phòng chính. Bên trong, vài người đàn ông và đàn bà nằm ngủ trên các sạp trong khi những người khác đang đứng hoặc đi đi lại lại trên sàn xi măng bốc mùi hôi của rượu vodka và thức ăn ối mửa.

“Chờ chút, thế này là thế nào?” Janik phản đối. “Chúng tôi không làm gì sai trái cả, phải không?”

Người cảnh sát lấy chìa khoá mở ổ gài cửa bằng thép. “Có giường trong đó. Chừng sáu hoặc bảy giờ nữa chúng tôi mới có thể điện thoại cho đại lý, được không? Vô đi.”

Cửa kéo ập lại. Người cảnh sát xoay chìa khoá trong ổ. Bên bàn giấy trong phòng chính, một người cảnh sát ngồi gập người trên mép bàn, đang ngủ, đầu kê lên bắp tay. Trên tường đằng sau người cảnh sát có một bảng yết thị niêm yết ảnh của những người mất tích và những tên tội phạm đang bị truy nã. Một tấm bích chương lớn hơn hết thảy, trưng bày nổi bật lên. Nó cũng khác với những bức ảnh khác vì không in vài hàng ghi chú bên dưới. Nó chỉ là bản in lại một bức ảnh, mé dưới viết nguệch ngoạc hai chữ *Theo dõi...* Bộ mặt trên bích chương là bộ mặt của ông.

Ông quay phắt người lại như thể sợ bộ mặt trên tấm hình đó

nhận ra ông và có thể kêu to lên, công bố tung tích của ông. Khích động, ông bước tới chỗ Janik đang đứng châm thuốc hút và nhìn qua song sắt. “Nhìn kìa,” ông nói. “Phía trên người đang ngủ ngời đó.” Janik nhìn, rồi anh ta thở hai luồng khói đặc quánh ra đằng mũi. Janik nói, “Nếu con là cha thì con đi ngủ.”

Ông đi tới dãy sạp và tránh người đàn ông đang ngáy ở tầng dưới, ông leo lên tầng trên, nằm lên một ổ đệm rom cứng trũng, nồng nặc mùi mồ hôi. Ông xoay mặt vô vách. Nếu ta không bị phát hiện thì có cơ hội sáng mai họ để ta đi. Nhưng than bánh có phải là chợ đen hay không và phải chăng họ quả thật dự tính điện thoại cho đại lý ở Scarnia? Mình phải hỏi Janik mới biết được.

Có điều bước xuống khỏi sạp thì nguy hiểm quá. Nếu có người cảnh sát nào đi ngang nhận ra ông, hoặc nếu có ai trong số những người say rượu hay trong số những người bất hạnh này nhìn vào tấm bích chương rồi kể đó nhìn vô mặt ông? Nếu bị giữ lại đây, ta sẽ không thể chặn Tổng giám mục Krasnoy, ta sẽ không thể ngăn chuyện tệ hại nhất đang xảy ra.

Ông cảm thấy người rũ liệt vì tuyệt vọng. Lời của Thánh Phaolô xuất hiện trong tâm trí ông. Ai biết được tâm trí của Thiên Chúa hoặc ai từng là cố vấn của Ngài? Lời phán xử của Ngài khôn dò biết bao và đường lối của Ngài bí hiểm biết mấy. Nếu thánh ý của Ngài khiến ta bị phát hiện và bị bắt giữ, thì ta là ai mà dám thách mắc thánh ý đó? Việc duy nhất ta có thể làm, việc duy nhất ta phải làm lúc này là cầu nguyện.

Ông cầu nguyện. Trong khi ông cầu nguyện thì một người bất hạnh rách rưới nào đó nằm kế sạp ông bỗng ối mưa và một người khác lớn tiếng chửi thề trong khi vẫn ngủ. Chịu sỉ nhục nhân danh Đức Jesus, phải chăng đó là điều ta từng ao ước.

Có giọng nói gọi lớn một tên người. Cửa buồng giam mở. Một người cảnh sát bước vào, đi tới chỗ Janik.

“Đang ngủ,” Janik nói. “Janik đang kia kìa.”

Một bàn tay kéo mạnh vai anh ta. “Vậy sao. Leo xuống đi.”

Người cảnh sát dẫn ông và Janik ra ngoài xà lim, bước vào phòng chính của đồn cảnh sát, nơi đó có hai thanh niên đứng hai bên bàn giấy. Cả hai đều mặc quần bò và áo giả da. Một người cao nhòng, miệng nhai cọng diêm, cuốn qua một bên khoé miệng khi nói, “Ai trong hai người là Janik Stryka?”

Janik giơ hai ngón tay lên chào chế giễu.

“Anh là em vợ của Peter Jop, đúng không?”

“Rất hân hạnh,” Janik nói.

Người thanh niên cao nhòng quay qua người cảnh sát đã chặn họ lại trên xa lộ. “Chúng tôi lái xe đi theo họ nhưng chiếc xe khốn kiếp của chúng tôi bị hỏng máy,” anh ta nói. “Đó là lý do chúng tôi điện thoại nhờ các anh giữ họ lại. Anh kiểm tra xe tải chưa?”

“Rồi. Chỉ có than bánh thôi,” người cảnh sát nói.

Lúc đó, người cao nhòng quay qua Janik. “Vậy là anh đang đi Gneisk... vào lúc nửa đêm.” Anh ta đưa tay chỉ. “Người này là ai?”

Trong khi người công an An ninh Nội chính ấy nói thì trước mặt ông là tấm hình của ông, đầu và vai trong chiếc mũ tu sĩ và áo chùng thâm. Người của An ninh Nội chính đứng đưa lưng lại bức hình đó.

“Chứng minh nhân dân đâu?” người cao nhòng nói.

Ông đưa mẫu giấy tạm. Người cao nhòng ngó nó, rồi nhìn ông chăm chăm. “Cao hơn một tí. Phải ông không?” Anh ta quay qua người công an An ninh Nội chính kia. “Xét người ông ta.”

Người thanh niên kia bước tới, hai tay anh ta vồ lên người ông, hông, mông, ngực, rồi tuột dây kéo chiếc áo gió rộng thùng thình xuống. “Móc hết đồ trong túi ra!” người thanh niên la lên. “Bỏ hết những thứ cứt đái của ông xuống sàn nhà. Lẹ lên.”

Ông không có vật dụng gì ngoài tấm thẻ căn cước của chính

mình, chiếc nhẫn và tiền. Ông lấy chiếc nhẫn và tiền ra, thả chúng xuống sàn nhà. “Chỉ thế này thôi à?” người cao nhòng hỏi.

“Vâng.”

Và rồi người công an kia bắt đầu lật các túi của ông ra, lộn lui lộn tới. Tìm được thẻ căn cước thật của ông và đưa cho người cao nhòng.

“Phải vậy chứ,” người cao nhòng nói, sẫm soi tấm thẻ. Anh ta nhìn nó thêm lần nữa, rồi nhìn lên, mặt rạng rỡ như thẻ trúng số. “Bem. Hồng y Bem!”

Người cảnh sát mặc sắc phục và hai người công an An ninh Nội chính lập tức vây ông lại, như thể ông là một con vật quái đản nào đó. Người công an thứ hai nhìn lên vách, lật tấm bích chương in hình ông xuống khỏi bảng yết thị. Như một diễn viên đang đóng kịch câm, anh ta múa may một cách kịch cợt và giơ cao tấm bích chương có hình ông lên trên đầu mình. “Nhìn em đây! Nhìn em đây người ời!” anh ta hát. Người công an An ninh Nội chính cao nhòng nhìn tấm hình và nổi cơn cao hứng, hú lên một tiếng man dại, rền vang khắp căn phòng. “*Jesu Ma...* khốn nạn! Ôi tha lỗi cho con. Đức Giáo chủ.” Anh ta quay qua người công an An ninh Nội chính thứ hai. “Mẹ kiếp, cảm ơn ông trời, nhờ chiếc xe thổ tả của nhà người, nếu nó không cà rịch cà tang thì chúng ta theo họ suốt đường và đã tới Gneisk rồi, để cho họ bị đội công an Gneisk tóm được, phỏng tay trên cửa mình, và lúc đó chúng ta chẳng kiếm chác được chút cút đá nào cả!”

“Tôi là người chặn ông ta lại cho các anh,” người cảnh sát sắc phục nói.

“Đúng đích chịu được, anh chí lý. Tôi sẽ báo cáo tên anh. Lúc này, cùm họ lại cái đã. Điện thoại đổ đặt chỗ nào?”

“Ở trong kia.” Người cảnh sát sắc phục chỉ vào một phòng kế bên. Thêm lần nữa, người công an cao nhòng lại hú lên quái đản.

“Lẹ lẹ lên, mẹ kiếp. Chúng ta báo cáo lên thiếu tá ngay lập tức.”

Người cảnh sát sắc phục lúc này bước tới tay cầm mấy sợi dây xích dài. Trước tiên, cả ông lẫn Janik đều bị còng, rồi tay họ bị xích vào một lòì tời sắt. Sợi xích kéo xuống cột luôn hai cổ chân. Khi người cảnh sát quán xích sắt quanh mắt cá chân, anh ta nhìn lên, “Con xin lỗi phải làm việc này, thưa Đức cha. Con là người Công giáo sốt sắng. Đây chỉ là nghề nghiệp thôi.”

“Không sao,” ông nói.

Người cảnh sát có vẻ áy náy, tuy vậy vẫn khoá sợi xích lại và dẫn họ đi như thể họ là hai con chó bị dắt dây, tới một băng ghế sắt bên nhà cầu. Họ ngồi, chân tay bị xiềng xích, đối mặt với buồng giam rộng lớn mà những cư dân bên trong đang bu lại song sắt nhìn họ chằm chặp.

“Tôi làm cho anh bị rắc rối thậm tệ,” ông nói với Janik.

“Đừng lo, thưa Đức giáo chủ. Con quen làm khách của chính phủ rồi. Cha nghĩ là họ sẽ đưa cha con mình đi đâu?”

“Tôi không biết.”

Vào lúc ấy người công an An ninh Nội chính cao nhòng từ phòng bên bước ra, theo sau là trợ thủ của mình. Cả hai tới bàn giấy, cười gằn. “Phục Vụ Yếu Nhân,” người cao nhòng nói với người cảnh sát sắc phục. “Sân bay Mito ở đâu?”

“Đó là một căn cứ quân sự, cách đây chừng mười sáu cây số.”

“Được rồi. Chúng tôi cần hai xe. Một cho chúng tôi, một hộ tống.”

“Chúng tôi chỉ có hai chiếc thôi,” người cảnh sát nói. “Mà một chiếc đang đi tuần bên ngoài.”

“Thế thì trưng dụng luôn, gọi nó về đây. Chúng ta đi!”

XVIII

Một giờ sau, dưới ánh sáng chiếc đèn cửa treo trên căn lều gỗ tiền chế của quân đội ở Quonset, ông và Janik, cần cái tay còng chân xích, bị dắt đi dọc theo một con đường rải đá dăm trộn dầu hắc, tới chiếc máy bay hai cánh quạt đang chờ. Hai công an An ninh Nội chính áp tải họ lúc này có vẻ căng thẳng. Khi đến gần máy bay hơn, ông thấy có hai người đang đứng bên chân cầu thang hành khách. Một người mặc quân phục tướng lĩnh, phù hiệu màu xanh xám xác định ông ta là thành viên của bộ tổng tham mưu. Người thứ hai, trẻ hơn nhiều, mặc một bộ veston sẫm, áo sơ mi trắng bóng mượt và chiếc cà vạt bằng len đỏ thẫm. Tóc của người ấy cũng xức dầu bóng mượt như thể đánh một lớp vec ni đen và chải ép sát vào da đầu. Khuôn mặt xanh xao hình quả lê, với đôi mắt thật lớn nhưng chẳng nhìn thẳng vào vật nào, giống như khuôn mặt của một đứa trẻ mà họa sĩ vẽ còn dang dở hơn là khuôn mặt đã định hình của một người lớn. Hai công an An ninh Nội chính lập tức bị con người kỳ dị này hút lấy. “Ai còng và quán mấy sợi xích này vậy hả?” anh ta hỏi, giọng ngèn ngẹt như thể vì phẫn uất. “Tháo hết ra cho Đức giáo chủ. Ngay!”

Người công an An ninh Nội chính cao nhòng quì xuống trên mặt sân hắc ín như một người hành hương sắp nhận phép lành. Tay anh ta luống cuống mở còng rồi lóng ngóng tra chìa khóa vào khúc xích nơi mắt cá chân. Viên tướng mặc quân phục, một người vạm vỡ, đầu tóc dày và xám phủ lên đầu như một lớp lá liễu màu bạc, bước tới và khẽ cúi đầu, “Tôi là tướng Kor,” ông ta nói. “Đức giáo chủ chắc còn nhớ cuộc họp của chúng ta ở Prague, khi tôi còn ở trong văn phòng của bộ trưởng Scarzynski?”

“Tôi e mình không nhớ ra. Và luôn thể, xin ông làm ơn tháo còng với xích cho người bạn của tôi.” Ông ta lưỡng lự quay qua người mặc veston sẫm. “Tôi nghĩ đây là việc của An ninh Nội chính,” ông ta nói.

“Vậy xin để tùy ông.”

Người thanh niên kỳ dị ấy lúc này bước tới gần hơn. “Theo quan điểm của chúng tôi, thưa Đức giáo chủ,” anh ta nói với giọng phều phào ngèn ngẹt, “An ninh trên máy bay sẽ được bảo đảm hơn nếu người em vợ của ông Jop bị ít nhất là còng tay. Vậy, nếu ông không bận tâm...”

“Nhưng, tôi bận tâm,” ông nói. “Nếu anh ấy còn bị còng thì tôi cũng sẽ bị còng.”

Đôi mắt của người thanh niên kỳ dị cuối cùng dường như thoáng nhìn thẳng vào khuôn mặt ông. Rồi anh ta búng tay. Lập tức hai công an An ninh Nội chính bước lẹ tới Janik, tháo xích và còng ra.

“Như ông có thể nhận thấy, chúng tôi muốn dành mọi sự nhã nhặn cho ông, thưa Đức cha. Chúng tôi xin lỗi về dây xích. Tôi cam đoan với ông rằng những người này sẽ bị khiển trách. Bây giờ, xin ông vui lòng đi lối này!” Anh ta đưa tay chỉ cầu thang hành khách. “Và xin ông để ý đầu mình khi bước vào máy bay.”

Ông đi lên thang, vào máy bay. Đây là loại máy bay quân sự, trống trơn đồ đạc. Một trung sĩ không quân tới giúp ông thắt nịt an toàn. Người thanh niên kỳ dị ngồi bên trái ông, viên tướng mặc quân phục ngồi bên phải. Ít phút sau, họ đã ở trên không, sân bay Mito thành ốc đảo ánh sáng nhỏ xíu trong bóng tối phía dưới.

Người trẻ tuổi kỳ dị nghiêng qua mời ông thuốc lá, cao giọng nói để át tiếng ồn ào của máy móc, “Chuyến đi chỉ mất nửa giờ thôi, thưa Đức cha.”

Ông từ chối điều thuốc. “Ông từ An ninh Nội chính?”

“Vâng.”

“Và quí danh là gì?”

“Cái đó không quan trọng, thưa Đức giáo chủ. Tôi chỉ là người thấp tùn ông thôi.”

“Tên ông là gì?”

“Vrona.”

“Vậy ông là bộ trưởng Công An, Tướng Vrona!”

Người thanh niên ấy đưa bàn tay lên, xoè ra như thẻ chịu thua. “Vâng,” anh ta nói. “Nhưng quân hàm thì có vẻ lặt vặt khi chúng tôi, như ông biết, là công an chứ không phải quân nhân.”

“Nhưng ông giết người dân.”

“Toà án hạ lệnh tử hình,” giọng nói ngèn ngẹt cất lên. “Chứ không phải công an. Mỗi quan tâm của chúng tôi là hoà bình và trật tự trong quốc gia này.”

Tướng Kor nghiêng người qua. “Có phải các ông vừa nói tới cái gì đó, thưa Đức cha?”

“Không, không gì cả.”

Vrona đặt tay lên đầu gối ông như thẻ làm ông dịu lại, và nói. “Chuyện trò trong tiếng âm ỉ này thì khó khăn quá, thưa Đức cha. Đức cha cứ nghỉ ngơi cho khoẻ. Trước mắt, sẽ còn nhiều chuyện nói với nhau.”

Bầu trời bên ngoài máy bay sáng dần lên trong màu nhàn nhạt sớm mai. Ít phút sau, máy bay sà xuống thấp, lắc lư khi chui qua các đám mây để lượn vòng trên sông Volya và đáp xuống đường băng, dừng lại rất xa những chiếc máy bay dùng cho đường bay quốc tế trong các chuyến bay thương mại. Người ta đang đợi họ. Ông thấy một chiếc xe tải tiến lại gần, kéo theo một cầu thang di động. Chờ dưới mặt sân nhựa rải đá của phi trường là hai chiếc Lada xanh, đằng sau chúng, trên con đường tiếp liệu, đang phóng tới một xe hòm limousine màu đen hiệu Zis, hai chiếc đèn trước đầu xe rực sáng. Khi cửa máy bay mở, tướng Vrona đi dẫn đầu, khúm núm như

một người quản gia, nhắc chừng bước chân ông khi ông ra khỏi thân máy bay, bước vào không khí ban mai lạnh lạnh. Xa phía dưới đường băng, có nhiều lính lăm lăm cầm súng tiểu liên tự động, mỗi người đứng cách nhau chừng mười bước. Và khi viên tướng mặc quân phục dẫn ông đi về phía chiếc xe hòm hiệu Zis ấy thì một viên đại úy xuất hiện, chào, “Thưa, Trung tướng Kor?”

“Đúng. Gì vậy?”

“Trình Trung tướng, có đề nghị là tù nhân nên đi xe của An ninh Nội chính, hai chiếc đằng sau chiếc Zis này. Biện pháp an ninh.”

“Đức giáo chủ không phải là tù nhân,” viên tướng mặc quân phục nói, giọng gắt gỏng. “Nhưng thôi, cũng tốt, chiếc xe đó đâu?”

Và thế là ông bị dắt tới một trong hai chiếc xe mà ông biết quá rõ tuy trước đây chưa bao giờ ngồi trong đó, chiếc Lada vô danh. Khi ông vào ghế sau thì Vrona đã ngồi sẵn một bên. Vrona nhóng người tới trước, nhìn sẫm soi con đường trước mặt lúc xe Lada sắp lặn bánh, cách sau chiếc xe hòm hai chiếc Lada khác. Lúc ấy, trong ánh tinh sương, lại có một toán kỵ binh đi ngựa vào sân bay, quan sát từng thước đất một như thể có kẻ thù đang ẩn núp dọc theo các đường băng trống trải. Những người lính vừa dàn hàng ngang trên sân bay nay đi bước đều di chuyển qua nơi khác.

“Tại sao nhiều bảo vệ vậy?”

“Vì cuộc mưu sát đêm kia,” Vrona nói. “Đương nhiên là ông biết rõ chuyện đó. Tôi có một bản ghi lại cuộc đàm đạo của ông với các bác sĩ ở bệnh viện Kronev. Cá nhân ông có biết tên sát thủ đó không, thưa Đức cha?”

“Tôi chỉ gặp anh ta khoảnh khắc trước khi anh ta chết. Anh ta không phải là người nào đó mà tôi biết. Tôi tin là anh ta say rượu.”

“Đúng,” Vrona nói. “Anh ta là một tên nghiện rượu. Hình như anh ta hành động chẳng theo lệnh của ai cả. Chúng tôi cho là anh ta tự ý hành động. Ông đồng ý chứ?”

“Tôi đã nói với ông. Tôi không biết chút gì về anh ta.”

“Tiếc thật,” Vrona nói. “Tôi ngớ ngẩn quá, nhưng tạm thời, tôi hy vọng ông sẽ giúp cho tôi làm sáng tỏ.”

“Ông đưa tôi đi đâu?”

“Ông chưa dùng điểm tâm,” Vrona nói. “Đó là cái chúng tôi quan tâm trước nhất.”

Lúc này, họ đang đi tới vùng ngoại ô thủ đô. Vào giờ này, các loại xe cộ hạng nặng bị cấm chạy vào thủ đô ngoại trừ xe tải của chính phủ. Họ đi qua những người dân đang cưỡi xe đạp hoặc xe gắn máy nhỏ, thỉnh thoảng có các xe ngựa dài thòng, bánh cao su, trông như chiếc quan tài có gắn bánh xe, vẫn thường dùng để chở sản phẩm của các nhà vườn và các nông trang tập thể bên ngoài vào các chợ chính trong thủ đô. Tiếp đó, ông thấy đoàn xe chạy về hướng trung tâm, vào Đại lộ Lenin mà trước kia là Đại lộ Königsberg. Cuối đại lộ, vàng rực trong bầu trời hồng sớm mai là những vòm mái cao kiểu Nga của cung điện Mallinek cổ kính.

Vào lúc đó, chiếc xe hòm hiệu Zis, các xe áp tải và chiếc quân xa tách ra, nối đuôi nhau rẽ qua Đại lộ Tuyên ngôn. Còn lại chiếc Lada chở họ một mình chạy thẳng vào cổng chính của cung điện. Người công an bảo vệ bước ra khỏi trạm gác, thoải mái vẫy tay cho xe tiếp tục phóng tới. Một mình trên lối vào thênh thang, chiếc Lada nhỏ bé quẹo trái thêm lần nữa đúng theo qui định, rồi lại quẹo trái thêm lần nữa chạy thẳng vào nơi mà ông nhận ra là lối dẫn vào khu vực tư thất của thủ tướng. Lối vào này rải sỏi. Tiếng sỏi kêu lạo xạo và khi xe chạy vào chiếc vòm cổng rậm lá, sỏi bắn tung lên gầm xe Lada, nổ lốp đốp. Xe bỗng dừng lại, người công an An ninh Nội chính đang ngồi ghế trước lập tức nhảy phóc xuống xe, rút súng lục ra, nhìn quanh. Nhưng không thấy ai ở trong vườn của thủ tướng trừ một người lính đang đứng nửa kín nửa hở đằng sau bụi nguyệt quế, đối diện với lối cửa vào tư thất. Tại cửa, một người phục vụ đứng

chờ sẵn. Ông ta lớn tuổi mà nếu vào thời xưa thì hẳn là một người quản gia. Ông mặc áo khoác màu xám kiểu y phục của người giúp việc, găng tay cũng màu xám, cúi đầu cung kính khi họ đi ngang, và dẫn họ vào đại sảnh.

Sàn đại sảnh lát đá cẩm thạch Carrara trắng, các pho tượng bán thân bằng cẩm thạch của các hoàng thân, thống chế và các vị vua thời trung cổ làm sảnh đường nhuốm vẻ ảm đạm. Tiếng bước chân của họ vang trên cầu thang bằng đá cẩm thạch không trải thảm. Họ theo người phục vụ lớn tuổi đặt chân lên đầu cầu thang tầng thứ nhất nơi có hai người lính mặc quân phục binh chủng thiết giáp cầm súng tiểu liên tự động đứng trong tư thế nghỉ, trước hai cánh cửa nặng nề bằng gỗ óc chó. Đầu cầu thang tầng trên cũng có một công an An ninh Nội chính cầm máy bộ đàm đứng ở bao lơn. Đằng sau pho tượng bán thân bằng cẩm thạch của một hoàng tử nổi tiếng, có thêm một người lính nữa, người lính thứ ba này, nhìn xuống, khẩu tiểu liên tự động trên tay anh ta lăm lăm chĩa xuống đoàn khách đang đi vào. Chiếc máy bộ đàm của người công an lêu lóp bóp một cách khó hiểu. Những người lính chuyển sang tư thế nghiêm. Người công an An ninh Nội chính đẩy cánh cửa gỗ nặng nề, và Vrona ra hiệu cho ông bước vào.

Ông đi vào một hành lang lờ mờ, các màn cửa rũ xuống kín mít không chút ánh sáng ban mai lọt vào. Đằng sau ông, cánh cửa đóng lại. Lúc này ông một mình. Ông đứng, căng mắt cố nhìn xuyên suốt chỗ mờ tối, bỗng nhiên lúc ấy đằng trước ông một cánh cửa bật mở và trên khung cửa xuất hiện một dáng người. Có giọng nói quen thuộc cất lên: “Chào Stephan.”

Ông đi tới. Khu phòng riêng của thủ tướng thoát nhìn có vẻ như được trang bị bằng đồ đạc giống thư viện một câu lạc bộ dành cho giới quý tộc. Con chó Dalmatia Nam tư lóm đốm trắng và đen từ từ tiến đến bên ông, ngửi tay ông, chấp nhận ông là khách tới thăm.

Ông thấy, bên kia phòng sách là một phòng thứ hai, nơi đó có chiếc bàn ăn sáng bằng gỗ nâu đen rất đẹp, kê ở ngách cửa sổ thụt vào. Trên bàn bày bộ tách cà phê bằng bạc, bình mút, mật và các khoanh bánh mì điểm tâm hình tròn kiểu truyền thống.

“Vào đi, vào đi,” giọng quen thuộc ấy nói. “Chỉ hai chúng ta thôi. Có thể nói là như vậy. Từ lâu tôi không còn quan tâm tới những thứ đó nữa.”

Ánh sáng ban mai từ hốc cửa sổ loang loáng trên mặt thủ tướng. Ông ta mặc chiếc áo len nhà binh cũ có miếng da đắp nơi khuỷu tay và một dải da thuộc màu đen dọc theo cầu vai; quần bằng vải kaki sọc, giày và sơmi cũng màu kaki quân đội. Sáng nay, đứng cạnh bàn điểm tâm, người ông ta hình như có vẻ cao hơn bình thường. Những lần họ gặp nhau trước đây, thủ tướng lúc nào cũng ngồi hoặc nếu có đứng thì bị vây quanh bởi những người tháp tùng hoặc cận vệ. Sáng nay, ông ta trông giống một nhà giáo hơn là nhà binh, chiếc đầu hói như đang đội vòng nguyệt quế bằng những sợi tóc màu hung hung. Kính đeo mắt kiểu cổ, gọng đen nặng nề, và sau tròng kính, đôi mắt có vẻ lớn hơn, lừng lững và mơ hồ. Cơ thể ông là cơ thể của một người lính, cường tráng nhưng mập ra vì tuổi tác. Ông đã thay đổi, như ta vậy. Chúng ta đang càng ngày càng già đi. Thủ tướng là người cùng thời với ông, không phải về một mặt thôi mà còn nhiều mặt. Cả hai từng học chung trường của Dòng Tên. Mỗi người đều được giải thưởng tiếng La tinh trung học, người này cách người kia một năm.

Lúc này, khi họ ngồi vào bàn trong hốc cửa sổ, con Dalmatia xinh đẹp nằm mọp bên chân thủ tướng. Thủ tướng, tướng Francis Urban, hình như cảm thấy thoải mái ở nơi nguyên là cung điện của nhà vua này, và quả thật, trong khi nhìn Urban, ông nhớ lại lúc còn đi học với nhau, ông ta nổi tiếng là một trong các học sinh con nhà giàu, con của một đại địa chủ, hậu duệ của một dòng họ nổi tiếng về

binh nghiệp. Việc Urban trở thành một tướng lĩnh, kể cả trở thành thủ tướng cũng là chuyện tự nhiên. Nhưng con đường đưa ông ta tới quyền lực thì không tự nhiên chút nào.

“Cà phê gì nào?” Urban vừa hỏi vừa cầm chiếc bình bạc lên. “Cha có vẻ mệt.”

“Đen, cảm ơn,” ông nói. “Và vâng, tôi hơi mệt.”

“Đói bụng không?” thủ tướng đưa ra một ổ nhỏ khoai bánh mì dùng điểm tâm.

Đúng lúc ấy, trên mặt tấm kính lồng khung mạ vàng, chiều cao từ sàn nhà lên tới trần, dựng sát mép bên kia bàn, ông thấy mình trong đó, một hình dáng con người không biết xếp vào loại nào, mặc quần áo phế thải. Như thể trong đầu cùng xuất hiện ý nghĩ giống như vậy, Urban nói, “Stephen, kể cho tôi nghe cái gì đã xảy ra cho cha? Tại sao cha ăn vận như một kẻ lang thang?”

“Chuyện dài lắm,” ông nói. “Và hoang mang.”

“Kể tôi nghe đi.”

“Tôi không kể được. Tôi không chắc là mình hiểu nó.”

“Stephen,” thủ tướng nói, “Hãy để tôi đặt câu hỏi cho cha. Nếu người của Thiên Chúa mà hành động như một tên khủng bố thì theo cha, đó có phải là một tội trọng không?”

“Anh có ý nói gì?”

Thủ tướng đứng lên, đi vào phòng sách rồi quay lại với một chiếc kẹp hồ sơ, mở ra và đẩy nó tới trước mặt ông. Trong kẹp hồ sơ là những bức ảnh lớn màu đen trắng. Chúng cho thấy hình như về một vụ nổ tại một tòa nhà công cộng nào đó.

“Cha có biết việc này không, Stephen?”

“Về cái gì?”

“Đó là các ba rắc^[15] quân đội ở Praha. Hôm qua, ai đó đặt quả bom một tấn trong những dãy nhà ngủ đó. Nhờ cái mà tôi cho rằng quý vị sẽ gọi là phép lạ: khi bom nổ, lính chỉ bị thương nhẹ.”

Ông nhìn các bức hình ấy thêm lần nữa. Bỗng nhiên, ông cảm thấy lợm giọng. “Tại sao anh nói ‘người của Thiên Chúa’?”

“Vì một giờ sau khi xảy ra vụ nổ, chúng tôi bắt được một chương trình phát thanh bí mật phát đi từ đâu đó trong tỉnh Gneisk. Một nhóm tự xưng là ‘Chiến sĩ Kitô’ tuyên bố họ chịu trách nhiệm vụ bom nổ. Và chương trình phát thanh đó kết thúc với những lời, *Hãy đến dự đại hội Rywald. Hãy nhớ tới các Chân phước Tử đạo.*”

“Chiến sĩ Kitô? Họ là ai?”

“Ai!” Mắt của thủ tướng đột nhiên nhướng lên đằng sau cặp tròng kính dày như thể cố gắng dò cho ra sự dối trá đang được che đậy. “Tôi tin rằng họ cũng chính là những người đã bắt cóc cha.”

Cha Prisbek, viên thiếu tá, viên đại tá, người nữ tu kỳ dị. Ông nhìn Urban và chậm chậm cất tiếng, “Có thể. Nhưng tại sao họ âm mưu mạo nhận là An ninh Nội chính?”

“Cha không hiểu ư?” Urban nói, giọng sắc bén giận dữ. “Đó là một âm mưu cách ly cha khỏi dòng vận hành và làm cho thế giới bên ngoài nghĩ rằng chúng tôi làm chuyện đó.”

“Nhưng tại sao?”

“Tại sao? Cha hẳn phải biết là tại sao. Hãy chấm dứt cái lối ma mãnh kiểu Dòng Tên đó đi. Tôi không có thì giờ cho cái trò dối trá đó!”

“Tôi không được thông báo đầy đủ như anh,” ông nói. “Tôi vẫn còn hỏi anh câu đó: tại sao họ đổ lỗi cho An ninh Nội chính?”

“Vì nếu cha bị An ninh Nội chính bắt thì dân chúng sẽ nghĩ rằng cha đứng đằng sau âm mưu ấy. Thật ra, có thể cha là như vậy.”

“Tôi chẳng biết gì về bất cứ âm mưu nào. Không ai tin cậy tôi, kể cả văn phòng của tôi.”

“Thật vậy sao?” Urban nói. “Vậy cha là một phần tử vô tội? Thế thì tại sao sau khi thoát khỏi những người mà cha nghĩ là An ninh nội chính, cha không trở về Nhà Chung, nơi ở của mình. Tại sao cha

bí mật đi gặp Jop? Ai mang cha tới Gorodok? Tại sao cha ăn mặc quần áo như thế này và tại sao đêm qua cha ở trong xe chở than để em vợ của Jop lái xe chở cha đi Gneisk? Đó không phải là tác phong của một người vô tội. Vậy thế nào về những tờ truyền đơn mà các linh mục của cha phân phối kêu gọi một loại biểu dương toàn quốc nào đó? Phải chăng cha muốn đối đầu với chúng tôi và với người láng giềng to lớn hơn của chúng ta? Nhiều năm trước đây, cha tới với tôi, yêu cầu tôi giúp để lập thành một hiệp ước giữa Giáo hội và Nhà nước. Tôi giúp cha lập thành bản hiệp ước tôn giáo đó. Tôi đã đánh liều sinh mệnh chính trị của mình, vậy đó, cha hãy nhớ tới việc đó! Tôi đã làm việc đó là vì không muốn có thêm xung đột nữa. Tôi làm việc đó vì quyền lợi của quốc gia dân tộc.”

‘Quyền lợi của quốc gia dân tộc.’ Ông nhìn chăm chăm người bạn cùng trường này, nhìn vào bộ mặt đỏ bừng, vào đôi mắt giận dữ nằm đằng sau cặp kính dày. Trong năm năm cầm quyền của mình, trải qua các cuộc đình công, các cuộc nổi loạn vì lương thực, và những thay đổi trong lãnh đạo đảng, Urban đã sống sót với mấy tiếng đó lúc nào cũng ở trên môi: ‘Quyền lợi của quốc gia dân tộc.’ Đối với Urban, không có sự khác biệt nào giữa Dân tộc và Nhà nước. Đó không phải là quyền lợi của quốc gia dân tộc, đó là sự duy trì cái Nhà nước mà ông ta phục vụ. Quả đúng là ông ta có giúp thành lập hiệp ước giữa Giáo hội và chính quyền, một hiệp ước cho phép Giáo hội có quyền ăn nói trong các công việc của mình. Nhưng cũng quả thật là những lời hứa được lập ra trong bản hiệp ước đó bị liên tục thất tín. Nhưng đây không phải lúc nêu ra những vấn đề đó. “Tôi cũng như anh, không muốn có thêm bất cứ xung đột nào nữa,” ông nói. “Anh phải biết điều đó.”

“Vậy, cái này là cái gì?” thủ tướng cầm lên những bức ảnh các ba rắc tan nát. Tay ông ta giận dữ run lẩy bẩy. “Cha có nhận ra cái trò mà các linh mục của cha đang chơi lúc này? Đùa giỡn với những

tên khủng bố? Cha có muốn đất nước này trở thành giống như phương Tây - những tên khủng bố làm nổ tung sân bay, ám sát dân chúng? Cha biết chúng tôi không tha thứ việc đó - ấy là chưa kể phản ứng của người láng giềng khổng lồ của chúng ta. Những tên khủng bố hữu khuynh tại các nước thuộc khối Đông! Và được Giáo hội hậu thuẫn!”

“Cái đó vô nghĩa,” ông nói. “Giáo hội không bao giờ ủng hộ chủ trương khủng bố!”

“Vậy các truyền đơn đó thì sao?”

“Những thứ đó được thực hiện mà tôi không biết. Tôi đang cố sức ngăn chặn nó. Đó là lý do tôi đi gặp Jop.”

“Hắn đứng đằng sau vụ này sao?”

“Không. Nhưng nếu xảy ra các cuộc biểu dương thì nghiệp đoàn sẽ phải ủng hộ chúng.”

“Vậy ai đứng sau vụ này?” Urban nói. “Tôi sẽ nói cho cha biết những gì tôi đang nghĩ. Các ‘Chiến sĩ Kitô’ là một nhóm khủng bố được tài trợ bởi phương Tây - có thể bởi CIA.”

“Có thể,” ông nói. “Nhưng một nhóm khủng bố nhỏ thì không thể tổng chỉ huy những lực lượng cần thiết cho một cuộc biểu dương phản kháng toàn quốc.”

“Đúng thế! Và ai có đủ sức mạnh để làm đất nước này tê liệt, thừa Đức giáo chủ? Cha có sức mạnh đó! Đó là lý do việc này xảy ra trong đại hội tôn giáo ở Rywald.”

“Điều đó đúng,” ông nói. “Và mỗi phút tôi ngồi đây chuyện trò với anh là một phút phung phí nếu quả thật tôi chặn được việc đó.”

Thủ tướng cúi đầu, tay vuốt ve con Dalmatia. Sau một lúc lâu, ông ta nhìn lên và nói, “Tôi muốn nghĩ, ít ra là một lần, rằng chúng ta chung một phía. Hãy nói cho tôi biết, cha tin rằng ai đứng ở đằng sau vụ này. Điều đó có thể giúp tôi quyết định có để cho cha đi hay không.”

“Thứ nhất, anh không có quyền bắt giam tôi. Thứ hai, chúng ta chưa bao giờ ở chung một phía. Nhiều năm trước đây, anh đến Liên bang Xô Viết như một người tù bị bắt sau cuộc biểu dương của sinh viên. Năm năm sau, anh là sĩ quan Xô Viết trong một học viện quân sự nổi tiếng. Anh, người mà tổ tiên mình chiến đấu cho nền độc lập của dân tộc. Tôi muốn bênh khi nghe anh nói tới quyền lợi của quốc gia dân tộc. Anh biết rằng chế độ của anh bị hầu hết đồng bào căm ghét và sợ hãi.”

“Cha không hiểu lòng yêu nước giống như tôi hiểu,” thủ tướng nói. “Hãy nhớ rằng chẳng quan trọng gì việc cha nghĩ tôi là cái gì? Tôi đang ra sức giữ cho xứ sở này gắn bó với nhau. Và chỉ có tôi mới có thể làm được chuyện đó. Tôi tự nguyện chấp nhận rằng bản thân mình không được yêu thích.”

“Anh đang ra sức giữ cho xứ sở này gắn bó với nhau như vệ tinh của một sức mạnh ngoại quốc. Vì thế, anh không phải là người yêu nước mà là tay sai của sức mạnh ngoại quốc đó.”

“Còn La Mã thì sao?” thủ tướng nói. “Bộ La Mã không phải là một sức mạnh ngoại quốc sao? Không phải sự trung thành sau cùng của cha là dành cho La Mã và tối hậu, dành cho phương Tây sao?”

“Cũng như anh thôi, tôi không còn tín nhiệm vào phương Tây. Cả hai chúng ta đều biết rằng đối với phương Tây, đất nước này chỉ là con tốt trong một cuộc cờ rộng lớn hơn. Phương Tây chẳng quan tâm gì tới chúng ta và sẽ không giúp chúng ta.”

“Được, thế thì hãy tín nhiệm vào La Mã!” thủ tướng nói một cách cáu kỉnh.

“Những mệnh lệnh của tôi không phát xuất từ La Mã!”

Trong khi nói những lời đó ông nhận thấy mình đang thét lớn. Ta không thích hợp để làm người lãnh đạo. Tại sao ta mất bình tĩnh? Tại sao ta nói như thể ta hận thù anh ấy? “Francis này, tôi xin lỗi. Lý ra tôi không nên nhục mạ anh. Tôi yêu đất nước này, và tôi chắc

chấn rằng anh cũng yêu đất nước này theo cách của anh. Có thể anh có lý. Ít ra là một lần, chúng ta có chung mục tiêu. Cho tôi hai mươi bốn giờ. Đừng để ai theo dõi tôi. Tôi sẽ xác nhận là mình có thể làm gì.”

Thủ tướng lại cúi xuống, tay ve vuốt con chó và gãi đằng sau tai nó. Đuôi con chó kết thành một chùm nhỏ trên nền đá cẩm thạch khi người và chó nhìn vào mắt nhau. Rồi thủ tướng nói, “Tôi biết người mà cha sắp đi gặp.”

“Vậy sao? Vậy anh cũng phải hiểu rằng thời gian của tôi rất ngắn ngủi.”

Thủ tướng không nói. Ông ta ngồi nhìn chăm chú các li tách và đĩa trên bàn ăn sáng như thể chúng là những quân cờ của một bàn cờ. Cuối cùng, ông ta nói, “Tôi không thể hứa rằng cha sẽ không bị theo dõi. Nhưng những người theo dõi cha sẽ hành sự kín đáo.”

“Phải không có việc bắt bớ.”

“Tôi không thể hứa việc đó. Nếu bị bắt buộc, chúng tôi phải ra tay. Tôi cho cha hai mươi bốn giờ. Cha đi bằng cách nào?”

“Tôi có thể có một chiếc xe không? Còn về tài xế, tôi muốn đó là người đi với tôi đêm qua.”

Thủ tướng đứng dậy đi vào phòng sách, cầm ống điện thoại lên. “Vrona, xin vui lòng đến đây.”

Ông nghe cửa bên ngoài mở. Con Dalmatia gầm gừ, vểnh tai. “Nằm xuống!” thủ tướng quát, tay nắm đai cổ con chó. Chút sau, cửa trong mở. Con Dalmatia sủa và lồng lên. Mái tóc bóng mượt ép sát da đầu của Vrona sáng loáng trong nắng mai khi anh ta đi vào, mắt thận trọng dè chừng con chó.

“Tôi nghĩ là anh đã biết những gì vừa nói, phải không?” thủ tướng hỏi.

Vrona lưỡng lự, gần như ngượng nghịu, rồi gật đầu và mỉm cười.

“Liệu anh có thể sắp xếp công chuyện như Đức Hồng y muốn?”

“Chắc chắn được, thưa Thủ tướng. Nhưng tôi xin phép hỏi, liệu hăm bốn giờ có quả thật đủ không?”

“Vrona,” thủ tướng nói. “Suốt nhiều thế kỷ, Giáo hội Công giáo La Mã lớn mạnh trên những bắt bớ và đàn áp. Cứ mỗi một cuộc bắt bớ xảy ra là chúng ta lại củng cố thêm vị thế cho những người là kẻ thù của chính quyền và của Đảng. Tôi không nói rằng tôi tin Hồng y Bem. Nhưng tôi biết rằng các lực lượng nào đó bên trong giáo hội của ông ấy đang âm mưu lừa dối ông ấy. Nghĩa là, ông ta chắc chắn còn sức mạnh để làm chuyển biến dòng vận hành của các biến cố ấy.”

“Nhưng liệu ông ấy có sẽ làm chuyển biến được chúng?” Vrona vừa hỏi vừa quay mặt đi nơi khác với một nụ cười kì dị mơn trớn giả tạo như thể phủ nhận tính cách sĩ nhục trong lời nói của chính mình. “Tôi không có ý nói tới cá nhân, nhưng theo quan điểm của tôi, Đức giáo chủ đây là kẻ thù không đội trời chung của xã hội chủ nghĩa, một tay sai của phương Tây và là người xúi giục phiến loạn. Nói cách khác, không cách gì tôi tin nổi.”

“Tôi không quan tâm tới việc anh tin hay không, Vrona,” thủ tướng nói. “Tôi nói cho anh biết là tôi đã quyết định cho Hồng y Bem hăm bốn giờ. Sau đó, chúng ta sẽ làm những gì chúng ta phải làm.”

“Xin tuân lệnh Thủ tướng,” Vrona nói. “Nhưng tôi đề nghị rằng chúng ta không chờ đợi nữa. Cứ hành động ngay! Chúng ta đã có đủ bằng chứng.”

Thủ tướng không nhìn Vrona nữa. “Chúng tôi đang nói tới thiết quân luật, thưa Đức giáo chủ. Một khi đã ban hành lệnh đó tôi sẽ không hủy bỏ nó trong vòng một tuần hay trong vòng một tháng. Chúng tôi sẽ hành động để bảo vệ Quốc gia. Nếu có bất cứ cuộc biểu tình, đình công, bãi thị nào hoặc bất cứ hành động nào đại loại như vậy, chúng tôi sẽ điều động quân đội đến dẹp tan ngay. Sẽ có bắt bớ, giam cầm, thẩm vấn, chưa từng thấy trong xứ sở này. Tôi sẽ

làm điều đó vì tôi dự tính chứng minh rằng chúng ta có thể tiếp tục tự xử lý lấy công việc của chính chúng ta mà không cần tới bất cứ sự hỗ trợ nào của bên ngoài. Lúc này, xin tùy cha.” Ông quay sang chỉ huy trưởng An ninh Nội chính, “Vrona, xin anh vui lòng hạ lệnh cho xe và người lái xe. Đức giáo chủ không có nhiều thì giờ.”

Vrona rời phòng. Thủ tướng tới bàn giấy, mở ngăn kéo. “Đây,” ông ta nói. “Có lẽ cha cần chút tiền đi đường.” Ông ta vừa lấy ra một xấp tiền vừa nói, “Chờ tôi đếm tiền.” Nhưng ông ta không đếm tiền. Thay vào đó, ông ta viết cái gì đó trên mảnh giấy bọc quanh xấp tiền. Khi viết xong, ông ta trao xấp tiền và nói, “Đây, chắc đủ. Một món quà của Nhà nước tặng Giáo hội.”

Ông nhìn lời ghi chép trên mảnh giấy gói, viết bằng chữ nhỏ và ngay ngắn:

Nếu cần tôi, điện thoại số 4708000

Số này an toàn. Lời nhắn sẽ tới tôi.

Lúc ông cho xấp tiền vào túi thì cửa ngoài mở. Vrona đi vào, bước tới phòng sách của thủ tướng. “Xe sẵn sàng rồi,” anh ta nói. “Và người lái xe của ông đang đến. Mời ông xuống nhà dưới, thưa Đức giáo chủ.”

Con Dalmatia của thủ tướng thành linh sửa Vrona. “Năm xuống! Năm xuống!” thủ tướng la lên, chạy tới giữ con chó. “Tạm biệt, Hồng y Bem.”

XIX

Trong không khí ban mai mát lạnh, sương buổi sớm còn chan hoà thành phố làm lung linh ánh mặt trời, làm tai tái các vòm cung điện có màu vàng lộng lẫy trên đầu ông. Ông đứng mé ngoài vòm cổng kín lá dẫn vào tư thất của thủ tướng, dưới những con mắt canh chừng chăm chặp của viên cảnh sát sắc phục, lính vũ trang, người quản gia và của một bóng dáng đi đi lại lại, khúm núm mà không thân thiện, bóng dáng của tướng Vrona. Sau vài phút, ông thấy một chiếc xe hòm đen đang chạy theo lối vào hướng về phía ông. Đó là chiếc limousine hiệu Zis ông đã gặp tại sân bay. Đằng sau nó, có chiếc Lada của công an An ninh Nội chính chạy theo.

Khi chiếc xe hòm dừng lại trước vòm cổng kín lá, Janik từ ghế sau bước ra, tới gần ông và mỉm cười, “Con nghe nói cha cần tài xế riêng, thưa Đức giáo chủ.”

“Vâng, Janik, nếu anh không phiền,” ông nói. Ông để ý thấy xe Lada An ninh Nội chính cũng dừng lại ngay sau xe hòm, và lúc này, người lái chiếc xe ấy đang cầm chìa khóa xe đi tới Vrona. “Ông sẽ dùng xe công an,” Vrona nói, chỉ vào chiếc Lada. “Chúng tôi sẽ cho chiếc xe hòm chạy đằng trước với hai công an ngồi bên trong, để phòng trường hợp có người dỗi theo ông và đang phục sẵn. Chắc là ông sắp đi Gneisk?”

Ông nhìn thẳng mặt Vrona.

“Đúng không?” Vrona nói. “Ông có thể nói cho chúng tôi biết mà. Trước sau gì chúng tôi cũng phải đi theo ông. Dĩ nhiên là chỉ để bảo vệ ông thôi.”

Ông không trả lời. Ông thấy Vrona trao chìa khoá xe cho Janik và thêm lần nữa, ông lại bắt gặp hình bóng của mình phản chiếu, lần

này trong kính bên hông chiếc xe hòm đen bóng loáng. Và khi thấy mình như một kẻ xa lạ trong bộ quần áo xa lạ, ông nhận ra rằng vào giờ chót này, mọi luật chơi đã thay đổi. Ông chẳng còn là kẻ chạy trốn công an và trốn tránh kẻ nghịch. Ông không còn thời gian để giữ bất cứ loại thận trọng nào. Kể từ giờ này, ông phải kéo nguy hiểm vô bản thân mình. “Không,” ông nói. “Tôi đổi ý, chúng tôi không đi Gneisk. Ông có thể trao chìa khóa chiếc xe hòm cho Janik không?”

“Ông điên rồi sao?” Vrona nói. “Xe hòm làm cho người ta chú ý. Điều chúng tôi quan tâm là không muốn thấy ông bị giết. Tin tôi đi, ông cần sự bảo vệ của chúng tôi.”

“Nếu như thế,” ông nói. “Tôi hoan hỉ chấp nhận sự hộ tống của cảnh sát. Có điều tôi sẽ dùng xe hòm.”

“Nhưng ông đi đâu?” Vrona nói. “Tháp tùng tới đâu?”

“Về Đường Lazienca,” ông nói.

“Ông không đi Gneisk?”

“Không.”

“Nếu chúng tôi tháp tùng ông về Tòa giám mục của ông thì thấy có vẻ như thể ông đã bị chúng tôi bắt và bây giờ được thả ra.”

“Các ông không cần phải hộ tống tôi,” ông nói. “Nhưng tôi bảo đảm với ông rằng, ngay sau khi về lại Nhà Chung, tôi sẽ tuyên bố công khai là tôi không bị chính phủ bắt giam.”

“Chúng tôi có thể có lời tuyên bố đó bằng văn bản không, thưa Đức giáo chủ?”

“Ông không cần một bản tuyên bố,” ông nói. “Ông sẽ có những lời của tôi.” Ông vừa nói vừa ngồi vào ghế sau của xe hòm, ra hiệu cho Janik vào theo mình. Cửa xe đóng lại. Nhìn qua kính cửa sổ, ông thấy Vrona vẫy tay ra hiệu, lập tức công an trên chiếc mô tô đạp cần khởi động. Chiếc Zis chạy tới lối ra vào chính giữa, tiến qua cổng chính, phóng ra đường phố. Trước nó và sau nó, các xe Lada chắt

đầy công an An ninh Nội chính có vũ trang. Xe mô tô của công an lạng qua, chạy tới đằng trước đoàn xe, chặn xe cộ tại các giao lộ lại, như lính kỵ mã dẫn đầu đám rước trong một cuộc diễu hành thuở trước của nguyên thủ quốc gia. Xe chạy tới Đại lộ Tuyên ngôn, tiến vào Quảng trường Tuyên ngôn Độc lập, lướt trên những viên sỏi ở chỗ Joseph bị giết vào ba đêm trước.

Từ lúc này, ta phải kéo tất cả những nguy hiểm về phía mình. Như mọi lúc, con lúc nào cũng là tội tớ của Chúa. Xin Chúa hãy làm với con điều Chúa muốn.

Người phục vụ và nhân viên văn phòng nhìn chòng chọc chiếc xe hòm lúc nó đậu lại trong sân giữa của Nhà Chung; những bóng người chạy tới, những giọng nói, những thăm hỏi, trong khi ông vội vã đi về phía cầu thang lên khu vực riêng của mình. Điện thoại reng liên hồi và ông trần truồng trong phòng tắm, nói vọng ra chỉ thị cho cha Kris Malik đang ở phòng kế bên. Sau đó, với Tomas giúp mặc quần áo, ông dùng bộ tu phục chính thức của sứ vụ mình: áo tu sĩ, dải quần lưng bằng lụa đỏ thẫm, mũ Hồng y đỏ, thánh giá đeo trước ngực. Trong chiếc gương ba mảnh, ông thấy lại một con người khác, biểu tượng cho thẩm quyền của Giáo hội và chính Giáo hội; trong khi đó Tomas đang lui cui nhặt bộ quần áo phế thải ông vừa bỏ ra.

“Con xử sao đây với những cái này, thưa Đức giáo chủ?”

“Chờ chút.” Ông bước tới chiếc áo len, lục bên trong tìm xấp tiền thủ tướng đã đưa. Ông xé tờ giấy gói có ghi số điện thoại của Urban, rồi đưa xấp tiền cho cha Finder. “Cha cầm cái này, sung vào quỹ xây cất cơ sở tôn giáo.”

“Thưa Đức cha,” cha Kris vừa nói vừa đi ra từ chỗ đặt máy điện thoại trong phòng sách. “Con vừa nói chuyện với Đài Truyền hình Quốc gia. Họ nói chúng ta có thể thu hình trước rồi phát sau. Họ không được phép truyền hình trực tiếp mà không biết trước những gì sắp phát biểu.”

“Tôi không phản đối việc thu vào băng rồi mới truyền hình,” ông nói. “Nhưng toán công tác thu hình phải tới đây, thực hiện tại Nhà Chung. Còn về cha Tổng thư ký thì sao?”

“Đức ông Grabski ư? Cha ấy sắp tới, thưa Đức cha.”

“Còn cha Ley?”

“Chúng con đã cho xe đi đón cha ấy, thưa Đức cha.”

Ông quay sang cha Finder đang đứng đợi với một xấp các mẫu giấy ghi lại những cú điện thoại nhận được trong thời gian ông vắng mặt. “Đã làm lễ mờ cho Joseph chưa?”

“Rồi, thưa Đức cha, tại nhà thờ chính toà. Đức ông Jelen chủ tế.”

“Tốt. Cha Kris này, xin cha vui lòng điện thoại tới Tòa giám mục của Đức Tổng giám mục Krasnoy và xem thử liệu tôi có thể nói chuyện với ông ấy ngay bây giờ không?”

Ông thấy cha Kris lưỡng lự. Có thể như thế sao - không, cha Kris không thể ở trong số những người đang chống lại ta.

“Con xin lỗi, thưa Đức cha,” cha Kris nói. “Con chưa có thì giờ trình bày. Khi có lời tuyên bố vào ngày chúa nhật vừa qua nói rằng cha bị chính quyền bắt giam, Hội đồng Giám mục đã triệu tập một cuộc họp vào trưa nay tại đây. Ngay lúc này, có lẽ Đức Tổng giám mục Krasnoy đang trên đường rời Gneisk.”

Như thế, rút lại, Thiên Chúa dẫn đường cho ta. Ta đã không đi Gneisk. “Sẽ có bao nhiêu Giám mục tới đây dự?”

“Bảy, thưa Đức cha. Đức cha Ziemski đang bệnh.”

“Có Giám mục nào biết tôi đã trở về không?”

“Không, thưa Đức cha, chưa.”

“Tốt. Chúng ta hãy cứ để như vậy. Nay cha Finder?”

“Thưa Đức giáo chủ?”

“Khi các Giám mục tới đây, xin cha đưa họ vào phòng khách chính như thường lệ. Nhưng đừng nói là tôi trở về rồi. Lúc nào họ đến - khoảng hai giờ?”

“Vâng, thưa Đức cha. Sẽ họp lúc hai giờ.”

“Nhưng nếu người phục vụ hay nhân viên nào đã kể với các vị ấy thì sao?” cha Kris nói. “Hoặc nếu chính quyền tuyên bố rằng cha đã trở về - chắc chắn chính phủ sẽ có lợi thế khi nói rằng cha đã trở về

bình yên vô sự và rằng họ đã không bắt cóc cha.”

“Đúng, cha có lý,” ông nói. Ông lấy mảnh giấy ông đã xé từ gói tiền ra. “Cha gọi số này và nói tôi muốn nói chuyện với Thủ tướng về một vấn đề khẩn cấp. Làm liền đi. Và cha Finder này, khi nào cha Ley đến thì đưa vào gặp tôi ngay.”

“Vâng, thưa Đức cha.” Cha Finder đưa xấp giấy ghi các lời nhắn điện thoại lên. “Về những cú điện thoại và các lời nhắn này thì sao?”

“Để đó đã. Lúc này cha lui được rồi.”

Ông quan sát cha Finder quay lưng đi, rồi bước tới cửa phòng sách. Cha Malik đang nói điện thoại.

“Vâng, Đức Hồng y... Vâng, chúng ta cứ giữ máy...”

“Cha Kris này?” ông nói, rồi ngần ngại. Ta có thể nói sao với cha Kris đây? Cha ấy luôn luôn trung thành với ta. Chẳng có lý do gì nghi ngờ cha ấy cả.

“Thưa Đức cha,” cha Kris đưa ống liên hợp ra.

Ông chờ một giọng nói quen thuộc.

“Hồng y Bem?”

“Thủ tướng? Sẽ có một cuộc họp của các giám mục chúng tôi vào lúc hai giờ chiều nay. Xin ông làm ơn vui lòng hoãn lời tuyên bố của chính phủ về việc tôi trở về cho tới lúc, thí dụ như, hai giờ rưỡi. Tôi không muốn các Giám mục biết trước là tôi đang ở đây.”

“Tôi nghe là ông có yêu cầu lấy giờ vô tuyến truyền hình,” thủ tướng nói. “Hi vọng là ông không đang dàn dựng một thủ đoạn nào đó.”

“Lời tuyên bố của tôi sẽ được thu hình rồi mới phát đi. Như ông đã biết, thưa Thủ tướng, chính ông kiểm soát truyền thông chứ không phải tôi.”

“Tốt lắm. Chúng tôi sẽ hoãn lại bản tuyên bố của mình. Nhưng lời đồn thì lan rất nhanh, ông biết mà.”

“Tôi biết, cảm ơn Thủ tướng.”

Ông đặt ống điện thoại xuống. Trong khi đó, Tomas từ phòng ngủ ông đi ra, tay nắm đai cổ con Bashar dẫn theo. Con chó chồm tới phía ông, vui mừng hoang dại. “Nó nhớ cha, thừa Đức cha,” Tomas nói. “Cha với Joseph. Từ lúc cha biến mất, nó ngồi ủ rũ suốt ngày suốt đêm.”

“VẬY THÌ, BUÔNG NÓ RA.” Con chó được giải phóng, chồm lên người ông, quây lung tung như một con chó con. Ông nghĩ tới một con chó khác, con Dalmatia đang nhìn vào mắt của chủ nó. Urban không lập gia đình: người ta nói ông ta sống đời khổ hạnh. Chúng ta có chung điểm này: mỗi người một con chó ở chân giường. “Này con, này con,” ông vừa gọi vừa vật lộn với con Bashar. Tomas đưa ông chiếc bánh bích qui, ông đút cho nó ăn, rồi đứng dậy, phủi chiếc áo nhà tu của mình. “Cha Kris,” ông nói. “Chuyện các truyền đơn xuất hiện cuối tuần vừa rồi ra sao?”

“Thưa, chúng con có thấy. Chúng được phân phát lộ liễu ở đây và ở tỉnh Gallina với tỉnh Gneisk.”

“Do ai? Ai cho phép làm việc đó?”

“Một số linh mục quản xứ kể với chúng con rằng Giám mục Charnowski và Tổng giám mục Krasnoy cho phép.”

“Cha có hỏi Đức cha Krasnoy và Đức cha Charnowski về việc đó không?”

“Đức ông Grabski có hỏi. Cả hai Giám mục ấy đều nói họ không biết gì về việc đó.”

“Cha có tin họ không, cha Kris?”

“Con chẳng biết tin vào cái gì nữa, thừa Đức cha. Chúng con đã phát hiện là các truyền đơn đó được in tại đây, trong thành phố này.”

“Ở chỗ nào?”

“Tại một nhà in bí mật trong quận Praha. Nó được gọi là CK. Năm ngoái, họ in một số bài thơ của Lork, và vào lúc có nổi loạn về lương thực, họ in truyền đơn kêu gọi dân chúng khởi nghĩa.”

“CK?”

“‘Chiến sĩ Kitô,’ thưa Đức cha. Đó là một nhóm nhỏ, nhưng đức ông Grabski tin rằng nó có liên hệ với Washington.”

“Làm sao cha ấy biết chuyện đó?”

Cha Kris mỉm cười. “Con không nghĩ là cha ấy biết, thưa Đức cha. Như cha đã biết, thỉnh thoảng cha ấy lẫn lộn giả thuyết với thực tế.”

“Cha Kris này,” ông nói. “Xin cha vui lòng - Nếu cha không ở bên phía tôi - thì nay là lúc cha nói lên việc đó.”

“Cha có ý nói gì, thưa Đức giáo chủ.”

“Cha có nghĩ tôi là người ham danh vọng, đang câu kết với chính quyền không?”

“Thưa Đức cha, sao cha lại hỏi con như vậy?”

“Chờ chút. Nếu Giáo hội, bằng một cách biểu dương nào đó, có thể đưa xứ sở này lâm vào một loại bế tắc thấy rõ, thì liệu chúng ta có thể đạt được những nhượng bộ của chính quyền không?”

Ông thấy người thư ký của mình ngần ngại. “Đó chỉ là ước đoán thôi, thưa Đức cha, nhưng theo con thì có thể được. Con nghĩ là người Nga sẽ để yên cho tướng Urban tự mình giải quyết vấn đề theo cách riêng của ông ta.”

“Cha nói là ‘sẽ’, cha Kris. Phải chăng đó là câu cha trả lời tôi? Phải chăng cha có tham dự vào việc này?”

“Không, thưa Đức giáo chủ,” cha Kris nói. “Sao cha có thể nghĩ như vậy được?”

“Tôi xin lỗi.” Ông đặt tay lên vai cha Malik. “Nhưng ta biết tin ai đây? Làm thế nào những việc này xảy ra mà tôi không hay biết?”

“Thưa Đức cha,” cha Finder hiện ra nơi ngưỡng cửa. “Cha Ley đã tới. Có thể lên đây ngay không ạ?”

Ông không nhìn cha Kris nữa, quay qua cha Finder. Cha Finder có đáng tin không? Đột nhiên ông cảm thấy hổ thẹn. Dĩ nhiên ta phải

tin cha ấy. Khi người muốn người ta xử sự với người như thế nào thì người hãy xử sự với người ta như thế ấy.

“Không,” ông nói. “Tôi sẽ xuống nhà dưới.”

Trong hành lang chính, ông thấy cha Jan Ley, dáng người yếu ớt nhỏ thó, quần quanh cổ chiếc khăn len dù ban ngày trời đang ấm. Ông bước tới, ôm cha Jan, “Giannino.”

“Tonio. Đang xảy ra chuyện gì vậy?”

Nhưng vào lúc đó có hai linh mục trong ban thư ký đi đi lại lại trong hành lang, chuyện vãn, nấn ná, thăm lén quan sát họ. “Tới đây, Giannino,” ông nói và dẫn cha Jan vô căn phòng nhỏ, đúng căn phòng ông đã nói chuyện với vợ của Joseph vào đêm Joseph bị giết. Thêm lần nữa, ông mặt đối mặt với bức tượng Đức Jesus to lớn, dựng ngay bên trong cửa ra vào, và thêm lần nữa bàn tay của bức tượng ấy đang đưa lên trong cử chỉ truyền thống khi ban phép lành, dường như cảnh giác ông nên thận trọng trong những lời mình nói ra.

“Đang xảy ra chuyện gì vậy?” cha Jan hỏi thêm lần nữa ngay khi vừa đóng cửa. “Có cảnh sát và công an An ninh Nội chính đầy đặc như đàn ong chung quanh chỗ này.”

“Tôi là đối tượng được chính phủ bảo vệ.”

“Nghe vậy tôi mừng lắm,” cha Jan nói. “Cha biết mà, bằng việc trở về đây là cha đã đặt mình trong hoàn cảnh rất nguy hiểm, đúng không?”

“Cha có nghe chuyện các ba rắc ở Praha bị nổ tung hôm qua không?”

“Ồi lạy Chúa,” cha Jan nói. “Vậy đúng rồi. Họ đang có kế hoạch khủng bố.”

“Ai? Đức cha Henry Krasnoy ư?”

“Tôi không nghĩ như vậy. Kẻ đứng đằng sau vụ này nguy hiểm hơn Giám mục Krasnoy nhiều.”

“Cha có nghe nói tới một nhóm gọi là ‘Chiến sĩ Kitô’ không?”

Ông thấy cha Jan nhìn chăm chú pho tượng Đức Jesus, như thể pho tượng sơn ấy vừa nói lên điều gì đó.

“Thưa Đức giáo chủ,” cha Jan nói chậm chậm. “Người nào đề cập tới ‘Chiến sĩ Kitô’ vậy?”

“Thủ tướng. Sáng nay, ông ta còn nói với tôi về vụ nổ bom ở Praha.”

“Ôi, lạy Chúa,” cha Jan lại kêu lên. Ông ấy đi tới bàn, ngồi xuống một trong những chiếc ghế đặt quanh bàn. “Vâng, có thể như vậy.”

“Nhưng họ là ai?”

“Cha còn nhớ Waldemar Keller không?”

“Tôi chưa gặp ông ấy lần nào,” ông nói. “Có phải ông ấy có xuất bản một tạp chí bí mật của giới trí thức Công giáo? Ấn hành ở Luân Đôn, phải không? Tôi nghĩ là ông ấy cực lực chống đối bản hiệp ước tôn giáo của chúng ta với chính quyền.”

“Vâng, ông ta trước đây sống ở Luân Đôn. Chú của ông ta là Hoàng thân Radors Keller, cha còn nhớ không - Mặt trận Dân tộc ngày trước?”

“Cha nói rằng trước đây sống ở Luân Đôn. Phải chăng lúc này ông ta đang ở đây?”

Cha Jan Ley nhún vai, “Nếu các ba rắc ở Praha bị đánh bom thì tôi nghi chính là ông ta.”

“Vậy việc đó phải chăng có liên quan tới các tờ truyền đơn?”

“Cha có ý nói gì, Tonio?”

“Chúng được in tại một nhà in bí mật, ở đây. Nhà in đó gọi là CK - Chiến sĩ Kitô.”

Có ai đó gõ cửa. “Vâng?”

Cha Finder. “Người Đài Truyền hình Quốc gia tới rồi, thưa Đức cha. Chúng ta sắp xếp cho họ chỗ nào?”

“Lần vừa rồi chúng ta thu hình chỗ nào?”

“Trong phòng sách của cha, thưa Đức cha.”

“Vậy được. Đưa họ vô đó.”

Nhưng cuối cùng có quyết định rằng ông nên thu hình ở bao lơn Nhà Chung với hậu cảnh rõ rệt của thủ đô đằng sau lưng.

“Để dân chúng có thể thấy rằng Đức Hồng y đã trở về và rằng không có gì dối trá,” người giám đốc đài truyền hình nói. “Làm như vậy có được không, thưa Đức giáo chủ.”

“Dĩ nhiên là được.”

Ông đã viết đôi lời ra giấy, lúc này ông nhanh chóng nhớ lại. Khi máy thu hình chú mục vào ông và người của đài truyền hình nói vào chiếc micro cầm tay: *“Đức Hồng y Stephan Bem, cuộc phỏng vấn này diễn ra hôm nay tại Nhà Chung ở Đường Lazienca.”*

Viên giám đốc gạt đầu, ra hiệu cho ông bắt đầu. Nhìn vô ống kính, ông cảm thấy bút rút lún cán, như thể đang nhìn thấy chính mình trên màn ảnh truyền hình, đang nghe chính mình phát biểu và có vẻ những lời nói ra đó là do ai nhắc từng tiếng.

“Anh chị em thân mến. Trong mấy ngày vừa qua, đã có một tường thuật lầm lẫn rằng tôi bị chính quyền giam giữ. Tôi muốn phát biểu một cách minh bạch rằng lời loan báo ấy không đúng sự thật. Không lúc nào tôi bị chính quyền giam giữ cả. Tôi đã rời Nhà Chung đến một nơi nghỉ ngơi để dọn mình cho Đại hội Năm mươi năm vào ngày mai ở Rywald. Tôi sẽ tham dự Đại hội, và trong Đại hội đó, chúng ta sẽ vinh danh nửa thế kỷ các Chân Phước Tử Đạo. Xin chúc lành cho tất cả anh chị em.”

Người giám đốc bước tới. “Xin lỗi, thưa Đức cha, nhưng Đức cha hơi khựng ở đoạn giữa. Đức cha có muốn làm lại không ạ?”

“Thôi,” ông nói. “Cảm ơn ông nhiều lắm. Cái này tối nay mới phát hình, phải không?”

“Vâng, thưa Đức cha. Nó sẽ được phát trong giờ tin buổi tối.”

Khi người của đài truyền hình đi rồi, ông nán lại trên bao lơn, nhìn

xuống sân lớn của Nhà Chung. Có hai chiếc xe đậu lại và những người khác bắt đầu tới. Ông thấy những hình dáng quen thuộc, xuống xe, chào hỏi nhau, kiểu cách nhưng thân thiện, giống như các thủ lãnh bộ tộc gặp nhau trên đất trung lập. Vài Giám mục trẻ hơn ông còn hầu hết thì cùng thế hệ với ông. Ông thấy Giám mục John Charnowski, cao, bộ mặt lỗ chỗ và nghiêm khắc, phần người bên trái run rẩy vì bệnh Parkinson. Ông ấy là một trong hai Giám mục có thể đã cho phép phân phát truyền đơn. Ông thấy Giám mục Charnowski nhìn quanh sân, rồi đi tới phía Giám mục Kott, kéo ông ấy sang một bên. Các Giám mục khác còn trò chuyện với nhau; và lúc này, đang được cha Finder đưa vào sảnh đường chính. Và rồi, trong khi ông quan sát họ đi vào thì chiếc xe cuối cùng chạy vào sân. Đó là chiếc Buick kèn càng của Mỹ, lóng ngóng vụng về giữa các xe châu Âu nhỏ hơn. Tài xế nhảy xuống, mở cửa hông. Tổng giám mục Krasnoy bước ra, nhìn khắp sân rồi đưa mắt nhìn chăm chập lên các cửa sổ Nhà Chung.

Lập tức ông lùi người lại, nép mình vào chỗ khuất gần đó.

Phòng khách lớn của Tòa Tổng giám mục là nơi theo thông lệ, được dùng để tổ chức các Hội nghị Giám mục. Đó là một đại sảnh rộng và tối, các ghế ngồi có thiếp viền vàng đúng theo thể thức; trên vách, những bức tranh sơn dầu vẽ chân dung các Hồng y và các Giám mục tiền nhiệm lúc này nhìn xuống những người kế tục mình. Khi tới gần cửa phòng khách, ông thấy các Giám mục chưa ngồi xuống, người phục vụ đang chuyển quanh bàn các ly trà và bánh ngọt nhỏ. Ông vội vàng bước vào. “Chư huynh,” ông nói. “Xin chào.”

Những khuôn mặt ấy quay về phía ông. Khắp phòng sững sờ im lặng vì sự có mặt đột ngột của ông. Vài người lập tức bước tới như thể vãn an ông. Những bàn tay nắm lấy ông, những giọng nói cất lên thăm hỏi đủ thứ. Trong khi vừa cười vừa gật đầu, ông đưa mắt nhìn Tổng giám mục Henry Krasnoy lúc này đang bước theo chiều ngang

của khách sảnh, quay lại và nhìn Giám mục John Charnowski, trao đổi nhau một liếc mắt như thể xác nhận trong lòng đang lo ngại.

“Chư huynh,” ông nói. “Xin mời ngồi.”

Ông chờ đợi các chiếc ghế thiếp vàng được người phục vụ đẩy tới sát bàn họp dài. “Tôi được biết rằng cuộc họp này triệu tập là vì sự vắng mặt của tôi. Cảm ơn Thiên Chúa, tôi đã trở về bình an và mạnh khỏe. Tôi không bị chính quyền bắt giam như dự luận đã đề quyết. Tôi bị một nhóm khác bắt giữ. Có ai trong chư huynh biết về nhóm này không?”

Yên lặng.

Ông nói tiếp. “Vấn đề quan trọng là thế này. Trong khi tôi vắng mặt thì có phân phát các truyền đơn kêu gọi một cuộc biểu dương toàn quốc vào ngày thứ Năm tới, hai ngày sau Đại hội Năm mươi năm tại Rywald. Điều làm cho tôi chú ý là truyền đơn ấy được viết theo cách ngụ ý rằng Giáo hội thông đồng với cuộc biểu dương đó. Thế thì, tôi xin hỏi chư huynh. Có ai biết người viết tờ truyền đơn này không?”

Lại yên lặng. Cuối cùng vị Giám mục niên trưởng Kott lên tiếng, “Khốn nạn, nếu tôi mà biết. Nó không được phân phát trong giáo phận của tôi.”

“Giáo phận của tôi cũng không,” Giám mục Wior nói. “Của tôi cũng vậy,” các giọng khác nói.

“Vậy nó được phân phát ở đâu?” ông hỏi.

“Tại Gallin,” Giám mục John Charnowski nói.

“Và tại Gneisk,” Giám mục Henry Krasnoy nói.

“Và tại đây, ngay trong giáo phận của tôi,” ông nói. “Tôi thấy nó được phân phát bởi các cậu học sinh trường Santa Maria. Và các cậu ấy liền đó bị công an An ninh Nội chính bắt. Lúc này, tôi xin hỏi chư huynh. Các truyền đơn đó xuất phát từ đâu? Tôi nghe nói là chúng được in tại đây, trong thủ đô này.”

Đức ông Grabski, Tổng thư ký, lúc này phát biểu, “Thưa Đức Giáo chủ, quả thật chúng được in, được phân phối tại đây và nhiều địa điểm khác nhau trong giáo phận này. Con đã cố gắng tìm cho ra ai cho phép làm việc đó, nhưng con xin lỗi mà thưa rằng, trong vấn đề này có cái gì đó mơ hồ.”

“Vậy ai trong giáo phận của cha cho phép phân phát chúng?” ông quay qua hỏi Giám mục Charnowski.

Bộ mặt lỗ chỗ ấy nhìn ông, lạnh lùng, có vẻ thách thức, “Thưa Đức giáo chủ, chính tôi cho phép.”

“Và trong địa phận của cha nữa?” ông hỏi Tổng giám mục Henry Krasnoy.

“Chính tôi viết tờ truyền đơn đó,” Giám mục Krasnoy nói.

Lập tức tiếng ồn ào huyền não nổi lên chung quanh bàn. Ông đưa tay lên chặn tiếng rì rào đó lại. “Xin cảm ơn chư huynh,” ông nói. “Bây giờ, tôi muốn nói rằng tôi không chấp nhận những tình tự được phô diễn trong tờ truyền đơn đó. Sẽ không có biểu tình hoặc bất cứ hình thức biểu dương nào như một hậu quả của Đại hội Rywald ngày mai. Đại hội Rywald là để vinh danh Thiên Chúa và các Chân Phước Tử Đạo mà chúng ta cầu xin chư vị sẽ được phong thánh vào một ngày nào đó. Như chư huynh đã biết, Giáo hội có sức mạnh lớn lao trong quốc gia này. Sức mạnh ấy do Thiên Chúa ban cho chúng ta. Sức mạnh ấy được ban cho chúng ta để cứu rỗi các linh hồn của người dân chứ không để kích động chính trị. Thưa chư huynh, tôi không cần phải nhắc nhở chư huynh về điểm đó. Có thể sẽ còn những vấn đề mục vụ khác mà chư huynh muốn thảo luận với tôi vì chư huynh đã đi đường xa đến tham dự cuộc họp này. Nhưng lúc này, xin chư huynh vui lòng bỏ qua cho tôi và xin chư huynh vui lòng bỏ qua cho Tổng giám mục Krasnoy và Giám mục Charnowski, tôi xin phép được gặp riêng hai vị ấy trong phòng riêng của mình. Xin cảm ơn.”

Ông đứng lên, ban phép lành và rời bàn họp. Trong hành lang, ông đứng lại, chờ, trở lưng với hướng cửa phòng họp, cho tới khi nghe có tiếng chân người bước ra. Ông quay lại. Tổng giám mục Henry Krasnoy, nét mặt hồng hào, trầm tĩnh, đứng đối mặt ông. Đằng sau, ép chặt cánh tay đang run lẩy bẩy vào sát lồng ngực là Giám mục John Charnowski. “Xin đi theo lối này,” ông nói. “Có thang máy.”

Trong hộp thang máy Thụy sĩ nhỏ, được đặt mấy năm trước đây khi vị tiền nhiệm của ông bị đau tim, ông dẫn cả hai tới khu vực riêng của mình. Không ai nói với ai lời nào cho tới khi ông mở cửa phòng sách. “Mời vào.” Con Bashar nằm lơ mơ trên chiếc mền, ngược mắt nhìn lên, rồi lại vùi mũi vào giữa hai chân.

Giám mục Charnowski bước tới cửa sổ, nhìn xuống, rồi quay người lại, “Tại sao có quá nhiều công an cảnh sát bên ngoài như vậy?” ông ấy nói. “Có thật là có ai đó mưu sát cha? Có đáng tin không đó?”

“Thật.”

“Tại sao anh ta mưu sát cha?”

“Anh ta?” ông đăm đăm nhìn Giám mục Charnowski. “Cha biết người đó ư?”

“Dĩ nhiên không,” Giám mục Charnowski nói, giận dữ. “Thư ký của cha kể chuyện đó cho tôi nghe, cha Kris Malik đó.”

“Tôi xin lỗi,” ông nói. “Sau những ngày vừa qua, tôi e rằng mình trở thành kẻ đa nghi quá đáng. Cha John, xin tha lỗi cho tôi. Cha hỏi tôi về anh ta phải không? Tôi được biết anh ta là con của Anton Danekin.”

Thêm lần nữa ông thấy cả hai liếc nhau, nhanh như hai lưỡi kéo xấp xuống. “Danekin, vâng,” Giám mục John Charnowski nói. “Ông ấy là thủ lĩnh kháng chiến thời thế chiến - một nhà đại ái quốc.”

“Có thể. Nhưng chuyện này là con trai của ông ta, Gregor.”

“Tại sao?”

“Có thể tôi làm, nhưng tôi nghĩ hình như anh ta coi tôi là chương ngại vật cho một kế hoạch nào đó mà quý vị đang có trong đầu.”

Nét mặt hồng hào của Giám mục Krasnoy tối sầm lại như đang sôi máu thịnh nộ, “Cha nói cái gì, thừa Đức Giáo chủ? Phải chăng cha ngụ ý chúng tôi âm mưu giết cha? Cha điên rồi sao?”

“Tôi hy vọng là không,” ông nói. “Và thêm lần nữa, tôi xin lỗi nếu không có bằng chứng về sự đa nghi quá đáng của mình. Như chiều nay cha đã xác nhận, cha Henry, rằng cha là tác giả tờ truyền đơn đó. Các truyền đơn đó do nhóm ‘Chiến sĩ Kitô’ in. Danekin là thành viên của nhóm ‘Chiến sĩ Kitô.’”

“Ai nói với cha như vậy?” Giám mục Krasnoy nói, to giọng trấn áp.

“Không ai cả. Đây là giả thuyết. Tôi biết rằng em gái của anh ta, người lái xe đêm mưu sát tôi, là thành viên của nhóm đó.”

“Cái gì?” Giám mục Charnowski, tay run lẩy bẩy vì tê liệt, quay qua Giám mục Krasnoy. “Henry, thế này là thế nào?”

“Tôi chẳng dính dáng gì tới chuyện đó,” Giám mục Krasnoy nói. “Vâng, tôi có biết Danekin. Tôi có biết gia đình đó. Gregor, người con, có thời là đảng viên đảng Cộng sản và là người nghiện rượu. Anh ta và cô em, cả hai, là người quá khích. Nếu anh ta mưu sát Đức giáo chủ thì là do anh ta tự ý hành động - hoàn toàn chống lại mệnh lệnh!”

Gian phòng yên lặng. “Chống lại mệnh lệnh của ai?”

Không ai trả lời.

“Mệnh lệnh của cha, phải không Henry?”

“Dĩ nhiên không. Tôi không là thành viên của ‘Chiến sĩ Kitô.’”

“Nhưng cha biết họ chứ?”

Giám mục Krasnoy không trả lời. Giám mục Charnowski đánh hắng. “Vâng, chúng tôi có biết họ. Họ là một nhóm ái quốc, một

nhóm Công giáo, những người không hài lòng với đường lối hiện nay của Giáo hội.”

“Họ không hài lòng về những điểm nào?”

“Vâng...” Giám mục Charnowski lưỡng lự. “Họ không tin vào việc hợp tác với chính quyền, như cha đang làm.”

“Hợp tác!” Giám mục Krasnoy lớn giọng, gây hấn. “Hợp tác với những kẻ nhằm hủy diệt đức tin của chúng ta và biến đất nước này thành nô lệ.”

Ông dăm dăm nhìn Giám mục Krasnoy thật lâu. “Cha có nhận ra là cha đang nói cái gì không? Tôi là Giáo chủ của xứ sở này với thẩm quyền trong tôi được trao phó bởi Đức Thánh cha. Cha đang sỉ nhục vai trò của tôi và đang coi thường ý nguyện của tôi. Cha có muốn mang cái tội đó trên lương tâm mình không? Có muốn không?”

Giám mục Krasnoy vội vàng nhìn Giám mục Charnowski nhưng ông này ngó qua chỗ khác như thể không muốn nói chuyện với ông ta. Thấy vậy, Giám mục Krasnoy bước tới cửa sổ, đứng lại đó, xoay lưng lại với cả hai người.

“Tôi biết rằng điều tôi đang làm là nghiêm trọng, thừa Đức giáo chủ. Nhưng tôi hành động theo lương tâm mình. Các lực lượng nhất định đang chuyển động và chặn chúng lại là việc quá trễ. Thẳng thắn mà nói, tôi không muốn chặn chúng lại. Đây là niềm tin của tôi và tôi nghĩ đó cũng là ý kiến của Giám mục Charnowski, rằng trên đất nước này, trong tình trạng hiện nay, Giáo hội không có được cái vai trò lãnh đạo mà nó xứng đáng phải có.”

“Vai trò lãnh đạo, Đức cha Henry? Vậy loại vai trò lãnh đạo nào mà cha đang nghĩ tới trong tâm trí cha?”

“Tôi đang nói tới vai trò lãnh đạo mới của Giáo hội tại các nước khác. Thí dụ tại Nam Phi. Cha biết tôi muốn nói tới cái gì mà.”

“Tôi không biết. Cái tôi biết là cha, một cách riêng, chớ chấp nhận

vai trò lãnh đạo hiện nay của Giáo hội tại Nam Phi. Dù gì đi nữa chúng ta không phải là nước Nam Phi mà là một nước trong khối Sô Viết. Ở đây, không thể thi hành bất cứ giải pháp cực đoan nào. Chúng ta có thể đạt được những nhượng bộ càng ngày càng nhiều của chính quyền này. Chúng ta có thể thúc đẩy họ có những biện pháp cải thiện điều kiện sống của người dân. Nhưng chúng ta chỉ làm được điều đó khi nào chúng ta hành động có trách nhiệm và vào những thời điểm thích hợp. Đó là quan điểm của Đức Thánh cha, như cha cũng đã biết.”

“Nhưng lúc này chính là thời điểm thích hợp,” Giám mục Krasnoy nói. “Đất nước này đứng sau lưng chúng ta.”

“Sau lưng ai? Các nghiệp đoàn không muốn cuộc biểu dương này. Họ không xách động việc đó. Cha phát động việc đó, phải không? Và cha chẳng biết chút mảy may gì về việc chỉ huy một cuộc đình công hoặc thương thảo với chính quyền. Cha Henry, tôi đang hỏi cha. Đừng bắt buộc tôi phải tường trình việc này với La Mã!”

“Thưa Đức giáo chủ, tôi không ép buộc cha làm điều gì cả. Cha phải làm điều cha nghĩ là đúng. Và tôi cũng thế. Bây giờ, xin phép cha, tôi phải trở về Gneisk để hoàn tất việc chuẩn bị cho đại hội ngày mai.”

“Chờ chút,” ông nói. “Cái bài giảng cha viết mấy hôm trước đó, cái mà cha dự tính đọc ngày mai đó, tôi đã bảo cha xé nó đi và viết cái khác. Cha đã làm như vậy chưa?”

Giám mục Krasnoy không trả lời.

“Tôi sẽ có mặt tại Krasnoy ngày mai,” ông nói. “Sau thánh lễ, chính tôi sẽ đọc huấn từ. Chứ không phải cha. Đã rõ chưa?”

“Tôi là giám mục địa phận Gneisk,” Giám mục Krasnoy nói. “Rywald ở trong địa phận của tôi.”

“Tôi là Hồng y,” ông nói. “Chúng ta không thảo luận thêm về việc này.”

“VẬY, xin phép cha,” Giám mục Krasnoy nói. Ông ấy bước tới cửa và dừng lại. “Cha John, cha có muốn đi nhờ xe không?”

Giám mục Charnowski đang ép chặt cánh tay run lẩy bẩy sát vào hông mình, ngược mắt lên nhìn chằm chặp rồi nói, “Không, cảm ơn, tôi có xe của mình.”

“VẬY tôi sẽ gặp cha ngày mai, tại Rywald.”

Cửa đóng. Giám mục Charnowski nói, “Xin phép cho tôi ngồi, thưa Đức giáo chủ. Cái chân khốn khổ của tôi nhức quá.”

“Cứ tự nhiên, cha John. Ngồi xuống đi.”

Giám mục Charnowski ngồi cứng đờ trên chiếc trường kỷ bọc da, đối mặt với bàn giấy chất đầy giấy tờ. Đầu ông bắt đầu lắc lư, run rẩy không ngừng, như thể ông không còn kiểm soát nổi các cử động của mình. “Đức cha Henry bảo tôi. Ông ấy nói rằng ‘Chiến sĩ Kitô’ mang cha đi vài ngày chỉ để ngăn việc cha chặn lại những gì chúng tôi đang hy vọng. Tôi không biết chút gì về việc kia. Tôi không bao giờ là người làm hại cha.”

“Nhưng cha đã hy vọng vào những gì, cha John? kể tôi nghe.”

Chiếc đầu lắc lư của vị giám mục cao niên tạm ở yên một chỗ trong khi ông ấy cố thốt nên lời. “Một cuộc biểu dương ý chí của dân tộc. Một tiếng hét vang dội rằng ‘Không’.”

“Cha John này, hãy trả lời tôi. Cha có nghĩ là Đức Thánh cha muốn xứ sở này biến thành một bãi chiến trường không?”

“Tôi chẳng còn biết La Mã muốn cái gì nữa,” ông lão ấy nói. “Đức Thánh cha tuần này ở đâu? Nhật Bản? Brazil? Ai biết?”

“Hôm qua, các ba rắc lính nổ tung. Do bởi ‘Chiến sĩ Kitô’.”

“Các ba rắc ở đâu?” đầu ông lão lại bắt đầu lắc lư.

“Tại Praha.”

“Nhưng ông ấy chỉ nói, có thể là đình công, bãi thị...”

“Ai... cha John, ai?”

“Keller,” vị Giám mục già nói. “Waldemar Keller.”

“Có phải ông ta là thủ lĩnh của ‘Chiến sĩ Kitô’?”

Giám mục Charnowski cúi đầu xuống, ngồi thật yên trong một lúc như thể đang bị chóng mặt. “Nếu ông ta đánh bom các ba rắc lính - tức là ông ta đã dối gạt chúng tôi - Tôi phải nói với ông ta. Tôi phải nói với ông ta ngay bây giờ.”

“Cha John, đem tôi đi theo với.”

“Không thể được. Cha đang bị công an An ninh Nội chính vây quanh. Họ sẽ đi theo cha.”

“Ông ta hiện ở chỗ nào? Có phải đang ở trong thành phố này?”

Đầu của Giám mục Charnowski lại bắt đầu lắc lư run rẩy,

“Cha John, trả lời tôi đi.”

“Ông ta hiện ở Rywald và đang chờ chúng tôi. Tôi sẽ tới đó tối nay. Tôi sẽ nói với ông ta.”

“Thế thì cha cho tôi nhắn với ông ta điều này. Nếu có thêm hành động khủng bố nào, tôi sẽ thúc giục dân chúng tẩy chay những kẻ gây ra các hành động đó. Còn nữa, tôi sẽ từ chối làm phép bí tích của tôn giáo chúng ta và sẽ dứt phép thông công bất cứ người nào ủng hộ những kẻ đó.”

Vị Giám mục già, đầu lắc lư, mắt nhìn ông chăm chặp, không nói nên lời.

“Cha John,” ông nói. “Cha sẽ kể lại với ông ta chứ, cha John?”

Chầm chậm, trong đôi mắt màu hạt nhãn đang đăm đăm nhìn ông, ông thấy tươm thành những giọt nước mắt, những giọt lệ của vị Giám mục cao niên ấy ứa ra, rung rung lăn xuống má. “Vâng, thưa Đức giáo chủ. Và xin tha lỗi cho tôi.”

Đêm đó, lúc tám giờ, ông dâng thánh lễ tại nguyện đường của Nhà Chung. Khi xong thánh lễ, ông quì lại trước bàn thờ, trong bóng tối chập chờn trải dài của buổi tối hè muộn. Ông vẫn quì cho đến khi cha Finder bước vào, háo hức, nói rằng cha vừa xem ông nói trong giờ tin buổi tối.

Ông đứng lên rời nhà nguyện. Khi đi ngang hành lang thăm thăm dọc các văn phòng Tòa giám mục, ông có thể nghe được tiếng chuông liên tiếp reng vang, và khi ông về tới khu vực riêng của mình thì cha Kris Malik, Đức ông Grabski và Tomas đã ở đó.

“Có mấy cú điện thoại,” cha Kris nói. “Báo chí nước ngoài, vô tuyến truyền hình Mỹ, mấy toà đại sứ phương Tây... Con sẽ làm sao đây, thưa Đức giáo chủ? Đức cha muốn nói với ai trước.”

“Không với ai cả. Đức ông Grabski, xin cha vui lòng nói với báo chí là tôi không chấp nhận phỏng vấn. Nói rằng tôi đang bận chuẩn bị bài giảng sẽ được nói vào ngày mai tại Đại hội Rywald.”

“Còn các toà đại sứ thì sao, thưa Đức cha?”

“Cũng nói với họ như vậy. Tôi không có thì giờ. Xin nhớ cho là tôi muốn đi Rywald thật sớm.”

“Vâng, thưa Đức cha.”

“Cha Kris, cha có nhớ cái phần bài giảng mà Tổng giám mục Krasnoy dự tính đọc sau thánh lễ ngày mai không? Cái mà cha đem tới cho tôi đêm xảy ra tai nạn đó.”

“Có, thưa Đức cha. Để con coi... cho con lục lại hồ sơ.”

“Tomas,” ông nói. “Xin anh vui lòng sửa soạn phẩm phục cho đại hội ngày mai. Anh cho con Bashar ăn gì chưa?”

“Rồi, thưa Đức cha.”

“Ngày mai anh lái xe cho tôi, Tomas. Tôi muốn anh tính toán đường xá sao cho mình tới nơi trước khi bắt đầu thánh lễ một chút thôi.”

“Vâng, thưa Đức cha.”

“Lúc này, xin mọi người giải tán, ai lo việc nấy. Tôi muốn được một mình.”

Sau khi nghe tiếng cửa đóng lại, ông đi vào phòng ngủ. Con Bashar chồm lên người ông. Vật lộn với con chó to lớn, ông quì trên sàn nhà vài phút để tham gia trò chơi nhọc nhằn đó. Sau đó, ông đi tới cửa sổ, nhìn xuống đèn thành phố, nhìn mạch máu đen thẫm của dòng sông uốn khúc giữa những ngọn đèn đêm. Bashar sửa, ông quay lại thấy cha Kris đang đi qua phòng đọc sách. “Con tìm ra nó rồi, đây thưa Đức cha.”

Ông cầm tờ giấy đánh máy đã sửa chữa, ngồi trên trường kỷ bọc da và đọc nhanh. “Cha Kris, lắng nghe đoạn này.”

Ông đọc lớn: *“Trên mặt đất của khu rừng rậm ấy có hàng triệu mảnh thông li ti. Chỉ cần có tia lửa là rừng bật cháy. Và tia lửa đó là gì? Phải chăng những bằng chứng mới đây cho chúng ta thấy là nhà cầm quyền đang kềm giữ Giáo hội trong một tình trạng đáng hổ thẹn tới cùng cực? Thái độ tàn nhẫn này đối với vai trò lãnh đạo Giáo hội trên đất nước có thể là tia lửa, vân vân và vân vân... Bằng chứng mới đây mà ông ấy nói tới đó là cái gì?”*

Cha Kris đăm đăm nhìn ông, bối rối.

“Bài huấn từ này dự tính đọc vào ngày mai, nhưng nó được viết ra trước khi các ‘Chiến sĩ Kitô’ bắt cóc tôi. Nghĩa là, Đức cha Krasnoy đã biết rằng người ta sắp bắt cóc tôi. Sau đó, tôi sẽ tin rằng An ninh Nội chính bắt cóc tôi. Và như thế, cuộc biểu dương này sẽ diễn ra mà tôi từ đầu tới cuối hoàn toàn không hay biết việc đang diễn ra.”

“Nhưng thưa Đức giáo chủ, nếu ‘Chiến sĩ Kitô’ trước đây muốn

loại trừ cha để cha khỏi chần lười đi của họ thì họ cũng có thể tính chuyện làm như thế vào ngày mai.”

“Tôi không nghĩ như vậy. Người mưu sát tôi không tham dự vào kế hoạch của Keller. Còn nữa, làm chuyện đó lúc này không dễ đâu. Cha quên rằng An ninh Nội chính đã tự bổ nhiệm họ làm cận vệ chính thức cho tôi.”

“Cha có cần thêm gì nơi con nữa không, bất cứ điều gì con có thể làm cho cha tối nay, thưa Đức cha.”

“Vâng, cha Kris. Hãy cầu nguyện.”

Những đám mây đen đột nhiên xuất hiện trên bầu trời xám buổi sáng rồi tuôn thành cơn mưa rào mùa hạ ào ạt trút nước xuống mặt đường. Nước nổi bọt bong bóng chạy dọc theo xa lộ khi xe ông lao vào vùng ngoại ô của Gneisk. Đằng trước xe ông, hai chiếc Lada xanh của công an An ninh Nội chính phóng nhanh tới các giao lộ, kiểm tra dẹp đường. Đằng sau, hai chiếc Lada xanh khác chạy theo thật sát, chở đầy người mặc ‘măng tô’ có vũ trang. Trước khi rời thủ đô, ông thông báo cho An ninh Nội chính biết nơi đến của mình, và lúc này họ hộ tống, dẫn đường xe ông như thể họ là những kẻ tháp tùng chính thức. Trong vùng ngoại ô thành phố Gneisk, đoàn xe giảm tốc độ khi bắt gặp xe cộ của người hành hương đang nối đuôi nhau. Xe hàng nhét đầy hành khách quá số ấn định, ngồi vắt vẻo trên mui. Xe gắn máy chở ba chở tư. Khi xe vượt qua thành phố, tiếp tục tiến lên hướng núi Jasna thì gặp thêm các xe tải không mui của các nông trang và xe ngựa của các gia đình nông dân, xa phu đứng sau càng xe, nôn nóng quất vun vút lên lưng ngựa để tới cho kịp giờ.

Lúc này, dọc đường bắt đầu thấy các lá cờ giấy màu vàng và trắng của hội thánh tại những lễ đài bên vệ đường, thờ kính Đức Trinh Nữ, những lễ đài bằng đá nhỏ bé này vẫn tồn tại suốt bốn mươi năm nay dưới sự cai trị của Cộng sản. Phía trước là ngọn núi cao chót vót và tháp nhà thờ Rywald. Dân chúng nhận ra xe của ông khi xe chạy ngang họ theo một lộ trình đã được cảnh sát dẹp đường. Tiếng hoan hô lan dần và giáo dân trong những chiếc xe khác cúi đầu cung kính khi ông đưa tay lên vẫy chào theo cử chỉ ban phép lành.

“Người hành hương đông đảo hơn bao giờ hết,” cha Kris vừa nói vừa nhìn ra ngoài cửa sổ xe.

“Tôn giáo hay hoạt động chính trị đây?” ông hỏi. “Họ tới đây để thờ phượng Thiên Chúa hay để thách thức chính quyền?”

“Đương nhiên là để thờ phượng, thưa Đức cha. Con tin rằng ngày nay, đức tin của dân chúng mạnh mẽ hơn lúc nào hết trong lịch sử của chúng ta.”

“Cha Kris, cha thật sự tin như vậy sao?”

Ông cảm thấy người thư ký của mình bứt rứt. Sau một lúc, cha Kris nói, “Cha có ý nói gì, thưa Đức cha?”

“Tôi nghĩ rằng dân chúng của chúng ta hiện nay đang dùng tôn giáo như một loại sinh hoạt chính trị. Để nhắc nhở mình rằng chúng ta là một dân tộc Công giáo trong khi kẻ thù của chúng ta thì không. Để nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta là một quốc gia cho dù tên của xứ sở chúng ta đang bị xóa khỏi bản đồ. Đó là toàn phần của ký ức tập thể và chúng ta áp ủ nó. Nhưng liệu những cái đó có đáng giá chút nào tới tình yêu của chúng ta yêu thương Thiên Chúa không?”

“Thưa Đức cha, có thể nó mang chúng ta tới gần Thiên Chúa hơn.”

“Tôi đang thắc mắc. Chúng ta vào chật ních các nhà thờ có phải vì chúng ta yêu thương Thiên Chúa hơn trước đây không? Hoặc chúng ta làm như vậy vì hoài tưởng quá khứ, hay tệ hơn nữa, để thách thức chính quyền? Bởi vì nếu quả thật chúng ta làm như vậy thì, cha Kris ạ, chúng ta đang phỉ báng Thiên Chúa.”

Xe cảnh sát lại bắt đầu hụ còi khi họ đi vào con đường hẹp bên đường đang đậu dọc dài hai dãy xe mà người đi các xe đó lúc này đã nhập vào đoàn người đến bái lạy, đi bộ lên những triền dốc dưới chân núi, và khởi sự leo dần lên theo các con đường mòn, ngang qua những lễ đài dựng các thánh giá bằng đá thô nhám xù xì. Con đường hẹp độc nhất dẫn từ chân núi tới Đài Rywald bị ngăn lại bằng

những rào chắn bằng gỗ. Hai linh mục nhận ra ông, nhắc rào gỗ qua một bên, cung kính vẫy cho xe đi qua,

Con đường lúc này trống trải. Các xe cảnh sát chạy theo xe ông để lại đằng sau lũ lượt người bán hàng rong, bán các bức tượng nhỏ rẻ tiền bằng nhựa, các tràng chuỗi làm bằng hạt trai giả. Ngang đường, phía trên, giăng các biểu ngữ mừng đón lễ kỷ niệm các Chân Phước Tử Đạo. Xe đi thêm vài trăm thước thì hết đường. Đằng trước, trong quảng trường rải sỏi mé dưới nhà thờ, ông thấy đậu khoảng ba chục chiếc xe của các linh mục và các chức viện, những người tới nhà thờ từ sáng sớm để chuẩn bị lễ lạc. Khi xe họ vào quảng trường, năm sáu người, nam có nữ có, xông tới. Vài người mang máy quay phim, vài người cầm máy ghi âm hoặc dụng cụ ghi âm. Ông nói với cha Kris, “Không phỏng vấn. Không ý kiến.” Ông rướn người tới trước, chỉ đường cho Tomas. “Lái qua ngã kia. Chúng ta đậu xe phía trên quảng trường, ngay sau liêu để đồ thờ.”

Tránh báo chí, xe họ đi lên theo một con hẻm nhỏ dẫn tới bên hông nhà thờ. Công an An ninh Nội chính hoang mang, đề máy cho xe nổ lại và theo sau. Tại lối vào bên hông nhà thờ, Giám mục Cihon, tổng thư ký ban tổ chức đại hội đang đứng chờ.

“Xin chào Đức giáo chủ. Mừng Đức cha tới Rywald.”

Giám mục Cihon, người cao lớn oai vệ, đã mặc sẵn áo lễ. Khi bước ra nghênh đón, ông ấy căng thẳng đưa mắt nhìn các công an An ninh Nội chính nhảy xuống xe Lada và lập tức dàn thành một vòng đai quanh cửa hông nhà thờ, mắt soi mói mọi ngõ ngách.

“Có gì trục trặc vậy?” Giám mục Cihon hỏi, giọng hồi hộp.

“Chẳng có gì,” ông nói. “Các ông ấy có mặt đây để bảo vệ tôi.”

Một công an An ninh Nội chính tách khỏi hàng, bước tới trước mặt ông. “Xin lỗi, thưa Đức giáo chủ. Có điều sẽ thuận lợi hơn nếu chúng tôi biết Đức cha sắp ngồi chỗ nào trong nhà thờ và sẽ làm những việc gì trong nửa giờ sắp tới.” Người công an An ninh Nội

chính ngó đồng hồ của mình. “Thưa Đức cha, thánh lễ bắt đầu cử hành đúng Ngọ, phải vậy không ạ?”

“Vào lúc trưa, vâng,” ông nói. “Trong khi chờ đợi, tôi muốn được một mình. Tôi sẽ đi vào liêu ngay bây giờ và thay lễ phục. Rồi tôi ở lại trong liêu cầu nguyện, cho tới lúc thánh lễ sắp bắt đầu. Lúc đó tôi phải đi vào nhà thờ, theo sau một toán rước nhỏ và ngồi vào chiếc ghế của mình phía bên tay mặt bàn thờ chính. Nếu ông đi vào nhà thờ, ông sẽ thấy ngay chiếc ghế đó và vị trí của nó. Cuối phần thánh lễ, tôi sẽ lên toà giảng, phát biểu một huấn từ ngắn, nó sẽ được phát đi bằng loa phóng thanh cho những người đứng ở sườn núi nghe rõ. Phát biểu xong, tôi đi xuống hàng rào tay vịn trước bàn thờ và loan báo phần rước lễ. Cử chỉ đó sẽ bắt đầu phần phụng vụ rước lễ. Các giáo dân trong nhà thờ sẽ lên rước lễ. Nhiều linh mục khác cũng sẽ cho rước lễ những người hành hương đang đứng ở các sườn núi. Và rồi sao nữa?” ông quay sang Giám mục Cihon.

“Sau phần phụng vụ, chúng ta sẽ đi xe tới Nhà Chung của Tổng giám mục Krasnoy dùng cơm trưa,” Giám mục Cihon nói.

“Xin cảm ơn Đức giáo chủ,” người công an An ninh Nội chính nói. “Tôi có thể đặt trong khu vực bàn thờ bốn người của tôi không? Tôi bảo đảm là không ai thấy họ.”

Ông nhìn Giám mục Cihon, “Cha nghĩ sao?”

“Con không biết làm như vậy để làm gì?” Giám mục Cihon nói. “Ai muốn làm hại cha, thưa Đức cha?”

Người công an An ninh Nội chính lơ câu ấy và nói với ông, “Xin cảm phiền Đức cha, tôi chịu trách nhiệm trước tướng Vrona về sự an toàn của ông. Xin ông vui lòng giúp chúng tôi.”

“Được rồi,” ông nói. “Nhưng chớ để cho cộng đoàn thấy những người của ông. Cha Kris, mấy giờ rồi?”

“Mười một giờ ba mươi lăm, thưa Đức cha.”

“Vậy chúng ta hãy đi vô liêu. Tôi muốn duyệt lại bài giảng xem có

ý sửa chữa gì nữa không. Tomas, anh mang dùm đồ đạc đi theo tôi.”

“Đức Tổng giám mục Krasnoy có nhắn lời xin lỗi,” Giám mục Cihon nói. Họ đi lên thêm nhà thờ, dọc theo hành lang bên hông dẫn tới liêu để đồ thờ và là nơi thay lễ phục. “Dường như giờ chót có vấn đề về loa phóng thanh và Đức cha Krasnoy phải đi xuống Gneisk để thảo luận với các thợ điện. Đức cha ấy sẽ có mặt với chúng ta khi bắt đầu phân nghi lễ.”

“Thưa Đức Giáo chủ, con có vào trong liêu với cha không?” Cha Kris Malik hỏi khi họ tới trước cửa liêu.

“Không, không cần thiết. Cha chỉ cần xem lại người của An ninh Nội chính coi họ đóng những chỗ nào. Đừng để người ta thấy họ.”

“Vâng, thưa Đức cha.”

Tomas khuân theo chiếc vali nặng nề, mở cửa liêu và đứng qua một bên chờ ông bước vào trước.

Bước vào liêu, ông ngạc nhiên khi thấy bên trong không có nhiều linh mục. Thông thường, vào những dịp như thế này, nhất định là phải có nhiều tu sĩ vào tụ tập nơi đây và lắng xằng thay lễ phục. Nhưng trong liêu lúc này chỉ có hai linh mục, một đã mặc áo lễ màu vàng xanh và linh mục kia đang mặc áo alba, áo chùng trắng mặc lót giữa áo chùng thâm và áo lễ, đang loay hoay sửa chữa cái lư trầm bằng bạc hình như bị vỡ. Cả hai cúi đầu cung kính. Linh mục mặc áo lễ nói, “Xin kính chào Đức giáo chủ. Xin cha đi theo lối này, chúng con có một phòng ở đây để cha thay lễ phục và nghỉ ngơi chờ tới lúc bắt đầu phân nghi lễ.”

Nói xong, linh mục mặc áo lễ dẫn ông đi qua liêu, vào một phòng nhỏ kế bên. Phòng được trang trí bằng các tủ gỗ trệt dùng để cất khăn trải bàn thờ và áo lễ. Gần đó, có một chiếc bàn dài, trên đặt các chén thánh bằng bạc dùng cho rước lễ. Trong góc phòng, có chiếc ghế lưng dựa cao, bằng gỗ thông, loại ghế dùng để ngồi đọc kinh. Linh mục mặc áo lễ mỉm cười, cúi đầu lui ra để ông ở lại một

mình trong phòng với Tomas. Tomas lập tức mở vali, lau sạch một chỗ trên mặt bàn dài, bắt đầu lần lượt trải bộ lễ phục màu đỏ thẫm của ông, theo từng lớp một.

Ông nhìn lên khung cửa sổ nhỏ trên cao. Nó có song sắt và một luồng nắng chiếu xiên xuống tựa như ánh sáng thiêng liêng soi trên những chiếc tủ gỗ trong đó chất các chồng áo lễ. Ông mở cặp táp, lấy ra mấy trang giấy viết tay mà ông đã chuẩn bị đêm qua. Đặt chúng bên mép một chiếc tủ trệt, ông sắp nó lại theo thứ tự đã đánh số và mở nắp cây bút máy Waterman đã cũ của mình. Trong khi làm như vậy, ông nghe tiếng cửa mở sau lưng. Có hai linh mục mặc áo alba, bên trong là áo chùng thâm, đi vào phòng, đóng lại cánh cửa sau lưng họ.

“Xin kính chào Đức giáo chủ,” linh mục thứ nhất nói. Tóc nâu lơ thơ chớm lên giống như hào quang từ đằng sau chiếc đầu hói màu hơi đỏ. Ông ta cười, khẽ nhún đầu cung kính. Linh mục kia trẻ, với bộ râu đỏ thưa thưa. Ông ta là Prisbek. ‘Linh mục’ thứ nhất vén áo alba lên, rút từ trong túi sâu của chiếc áo chùng thâm ra một khẩu súng lục, vẫy mũi súng về phía Tomas. Chính khẩu súng bóng loáng đó, hơn là bộ mặt, làm ông nhớ ra người ‘linh mục’ này. Nó chính là khẩu súng lấp lánh đã chĩa vào ông ba ngày trước tại trạm kiểm soát ở Ricany.

“Bỏ cái đó đi, đại tá,” ông nói. “Ở đây không cần tới cái đó.”

Người có bộ mặt hồng hào ấy nhún vai. “Thật ra, đại tá Poulnikov là tên dùng trong chiến trận,” ông ta nói. “Và cha hoàn toàn đúng, thưa Đức giáo chủ. Poulnikov là tên Nga. Đúng ra, tên thật của tôi có gốc Đức. Keller. Waldemar Keller. Tôi tin là cha có biết chú của tôi. Ông ấy là thành viên của chính phủ lưu vong tại Luân Đôn trong thời thế chiến.”

“Tôi có nhớ tên của ông ấy,” ông nói. “Nhưng lúc đó tôi mới mười lăm tuổi và sống ở đây. Ông ấy còn sống chứ?”

“Chú tôi đã chết năm năm trước,” Keller nói. “Nhưng tôi hy vọng lý tưởng của ông ấy sống mãi.”

“Thật vậy sao!” ông nói. “Và ông nghĩ chú của ông cũng sẽ mưu sát một Hồng y của Giáo hội sao?”

“Chúng tôi không mưu sát cha!” Keller nói. Má ông ta ửng một màu đỏ rồi lan lên tới chiếc trán hói màu hồng. “Kẻ mưu sát cha đã đi ngược lại mệnh lệnh của tôi. Hắn là một thằng điên. Chúng tôi chưa bao giờ có ý định làm hại cha.”

“Nhưng chính ý định của các ông là bắt cóc tôi, giam giữ tôi, trong khi các ông âm mưu với Tổng giám mục Krasnoy đưa đất nước này lâm vào một tình trạng nổi loạn có tính cách nội chiến. Liệu chú của ông có chấp nhận chiến thuật khủng bố - làm nổ tung các thanh niên vô tội trong khi họ đang ngủ không?”

“Cha đang nói tới cái gì?” Keller nói, giận dữ. “Các thanh niên nào?”

“Những người lính trẻ mà ông cố giết vào hai đêm trước đây trong các ba rắc ở Praha.”

“Chúng là lính của chính phủ,” Keller nói. “Các ba rắc là mục tiêu quân sự. Cha cho rằng những tên lính đó được sử dụng để làm gì, nếu không phải để kèm kẹp chúng ta dưới ách thống trị của Cộng sản?”

“Các mục tiêu quân sự?” ông nói. “Tôi không biết là chúng ta đang lâm chiến. Họ là những người lính của chúng ta - họ hầu hết đều bị bắt đi nghĩa vụ quân sự lúc tới mười tám tuổi - họ là đồng bào của ông và của tôi. Và ông là ai, cho dù là bất cứ ai đi nữa, mà quyết định rằng chúng ta phải đi vào một thập niên khác với bạo động, bắt bớ, tù đầy và chết chóc? Ông đã hứa với Giám mục Charnowski và với Tổng giám mục Krasnoy khốn khổ, mà theo những gì tôi biết, rằng sẽ không có bạo động. Nhưng ông muốn bạo động, phải không, ông Keller? Ông đang sử dụng Giáo hội như một kẻ bị lừa

bị. Và dự tính của tôi là không để cho xảy ra chuyện đó.”

“Thưa Đức giáo chủ, nếu cha không chấp trách thì tôi xin nói, sự việc lúc này đã ở ngoài tầm tay của cha. Cha sẽ không dự phần nghi lễ trưa nay. Chẳng may, cha ngã bệnh. Chúng tôi sẽ gọi xe cứu thương chở cha tới bệnh viện ở Gneisk, ở đó cha sẽ bị giữ lại và chăm sóc chu đáo trong vài ngày. Khi hồi phục, cha sẽ được xuất viện. Lúc đó, cha cứ mặc tình phát biểu hết thấy những lời nào mà cha muốn. Tôi hy vọng đến lúc đó, cha sẽ tự mình xác định được cha là cái gì, một kẻ ham địa vị và là một tên hợp tác với một chế độ vô thần.”

Ông xoay lưng lại với Keller, đưa mắt nhìn Tomas đang cầm dải thắt lưng đỏ sậm và đang ngó chăm chặp vào những kẻ đột nhập. “Tomas,” ông nói. “Tôi mặc lễ phục vào bây giờ,”

Keller cười lớn, “Tại sao cha muốn mặc lễ phục? Cha sắp vô nhà thương chứ không phải ra dự thánh lễ.” Ông ta nâng súng lên, chĩa tới. “Ngồi xuống!”

Làm như không biết tới cử chỉ đó, ông bắt đầu cởi áo ngoài.

“Tôi đã bảo ngồi xuống!” Keller nói.

“Tại sao tôi phải ngồi xuống? Có phải vì ông sắp bắn tôi? Nếu tôi bị bắn thì việc đó không chút nào ăn khớp với kế hoạch của ông. Sau lời tuyên bố của tôi được truyền đi tới qua, tôi e rằng không ai tin là tôi bị công an An ninh Nội chính bắn.”

“Cha Prisbek,” Keller nói. “Bắt đầu đi chứ.”

Ông thấy cha Prisbek bước ngang phòng, đi tới bồn rửa tay nhỏ bên cạnh tủ đựng áo lễ.

“Được rồi, Tomas,” ông nói. “Anh giúp tôi quần dải băng này vào.” Ông chui đầu vào chiếc áo lễ phục màu đỏ thẫm, Tomas bắt đầu quần dải băng đỏ thẫm chung quanh hông ông. Ông thấy Keller ngồi trên chiếc bàn dài, đang đưa hai chân.

“Cha cực kỳ ngạo mạn, đúng không?” Keller nói, “Tuy thế, tôi giả

dụ nó được thêm vào một chút thuốc men nào đó khi cha đang mặc áo lễ. Ngã bệnh trong khi đang mặc lễ phục! Tại sao không? Cha Prisbek?”

Cha Prisbek đang lom khom trên bồn rửa tay, nói, “Chờ chút. Cái ống hút bị...”

“Lẹ lên!” Keller nói. Ông ta đứng dậy, chĩa súng lục vào Tomas. “Tới đây,” ông ta nói. “Quì xuống.”

Ngay lúc đó, cha Prisbek từ bồn rửa mặt quay lại, cầm trên tay một ống tiêm. Tomas lưỡng lự bước tới phía Keller. “Quì xuống đây,” Keller ra lệnh. Tomas sợ hãi nhìn lên. “Đức giáo chủ!”

Đột nhiên ông nói, “Tomas, đừng, đừng.” Trong khi ông kêu lên thì Keller nhìn ông, rồi bước tới, dùng súng đập vào gáy Tomas. Tomas ngã xuống đất.

Ông biết mình phải làm gì. Ông chạy tới cửa. Cửa không khoá. Ông kéo bật cửa. Sau lưng ông, cha Prisbek chạy theo bén gót. Ông vọt qua liêu, phóng ra ngoài hành lang. Ông nghe hơi thở họ sau lưng mình, rượt sát ông. Đúng lúc đó, ông quặt qua một góc hành lang, đẩy được một cánh cửa. Cửa đó dẫn lọt vào nhà thờ.

Nhà thờ chật ních người. Khi lướt qua cửa, ông vấp chân suýt té chúi nhủi trên những người đang quì dọc theo gian bên cánh nhà thờ. Âm nhạc, rền vang tiếng khải hoàn, âm thanh đàn phong cầm từ chuồng câu cao phía trên nhà thờ, trên đầu ông. Giáo dân ngạc nhiên, quay nhìn bóng dáng ông trong chiếc áo chùng đồ sộ. Họ cúi đầu cung kính, tự rẽ lối cho ông đi qua gian nhà thờ đầy ứ người.

Keller và cha Prisbek trong áo alba trắng, nét mặt lộ vẻ lo lắng thấy rõ, lật đặt bám sát sau lưng ông.

“Cha không được khoẻ, thưa Đức giáo chủ,” Keller nói một cách êm ái. Chồm người tới trước, Keller túm cánh tay ông, rồi quay qua cha Prisbek đang cầm ống tiêm.

“Xin Đức giáo chủ tiêm thuốc ạ.”

Trên các dãy ghế đen kín người ở gian bên cánh nhà thờ đó, giáo dân đang ngồi đưa mắt nhìn chòng chọc. Keller giữ cánh tay ông, sờ soạng kéo tay áo của ông lên. Cuộc chống trả đã trở thành cuộc ẩu đả không cân sức, ông rán sức hất ống tiêm văng khỏi tay cha Prisbek. “Buông tôi ra!” ông nói, một đợt sóng âm thanh khải hoàn trào lên nhận chìm tiếng nói của ông xuống. Lúc này, có ba người lễ tân chạy vội qua gian nhà thờ.

“Chuyện gì đó? Thưa Đức giáo chủ, cha không sao chứ?”

Ông nhìn bộ mặt ửng đỏ của Keller rồi ra hiệu cho hai người tiếp tân ấy. “Tôi đi tới ghế của mình bây giờ,” ông nói. Ông thấy Keller rút lui, thấy cha Prisbek sà xuống, lượm ống tiêm lên. “Tới đây,” ông nói với người lễ tân, và họ hộ tống ông băng qua gian bên, vào lối đi chính giữa nhà thờ, bước lẹ làng và quả quyết lên phía bàn thờ. Bên phải bàn thờ là chiếc ghế tông toà với lưng ghế nhô cao. Giáo dân trong các dãy ghế đông đúc và từ các bao lơn bên trên, nhìn ông chăm chú, không hiểu được tại sao ông xuất hiện mà không có toán rước chính thức dẫn đường đúng theo nghi vệ. Ông mở cửa dãy hàng rào sắt quì tì tay rước lễ và đi thẳng lên tầng cấp cung thánh, bái gối trước bàn thờ. Kế đó, ông ngồi vào ghế tông toà, nhìn xuống cộng đoàn. Mồ hôi ướt đầm lông mày ông, chảy nhỏ giọt làm mắt ông cay xè, Ông cúi đầu. Ngay lúc ấy, âm nhạc ngưng lại, và từ chuồng câu trên cao của ca đoàn, một giọng nữ cao và thuần khiết xướng bài *Ave Maria*.^[16]

Ông ngoái nhìn ra phía sau mình. Ở đó, đóng chốt kín đáo sau lưng dãy ghế của ca đoàn là một người của An ninh Nội chính mặc ‘măng tô’, và một người khác, cũng khuất tầm mắt của cộng đoàn, ngồi xồm phía sau bàn thờ. Khi nhìn trở lại cộng đoàn, ông thấy cha Kris bái gối trước bàn thờ, bước lên thềm cung thánh rồi cúi xuống hỏi ông:

“Đức Giáo chủ không sao chứ?”

“Không sao. Bao giờ khởi sự nghi lễ?”

“Toán rước đang xếp hàng. Giám mục Wior sẽ làm chủ tế thánh lễ, đồng tế là Giám mục Cihon và cha Pruss. Đức Tổng giám mục Krasnoy sẽ ban huân từ sau khi giáo dân rước lễ xong.”

Khi thông báo tin này, cha Kris nhìn ông, chờ ông phản đối.

“Cha nói với họ cứ vậy tiến hành,” ông nói.

“Tốt lắm, thưa Đức cha.” Cha Kris kinh ngạc, bước xuống các tầng cấp thêm cung thánh và đi vào phía cửa liêu.

Ông nhìn đồng hồ treo ở một bên nhà thờ. Thiếu sáu phút đúng mười hai giờ. Ông nhận ra cộng đoàn đang ngạc nhiên nhìn mình, giáo dân đang chụm đầu vào nhau thì thầm. Đột nhiên, trên cao, giọng nữ cao thuần khiết ấy của ca đoàn biến mất trong tiếng ầm ĩ chói tai từ khoảng trời bên trên nhà thờ. Ông nhận ra tiếng ầm ĩ đó là âm thanh của máy bay trực thăng đang đáp xuống. Tiếng động ồn ào trở thành điếc tai, rồi giảm dần. Thêm lần nữa, cộng đoàn lại nhấp nhòm, nhìn quanh. Các cửa lớn bên hông nhà thờ mở ra, khoảng hai chục cảnh sát sắc phục và công an An ninh Nội chính đi vào, dàn thành đội hình, mở một lối đi dọc theo các tín đồ đang quì để vào lối đi chính giữa nhà thờ. Theo sau các cảnh sát công an là một nhóm nam có nữ có mà ông nhận ra là nhóm báo chí nước ngoài ông đã thấy trước đó trong quảng trường. Tất cả di chuyển tới hai hàng ghế đã được dăng dây thừng bọc quanh, sát phía trước cung thánh, ngay phía dưới dãy hàng rào sắt quì rước lễ. Các phóng viên chen lấn nhau, đèn chụp hình nhấp nháy trong khi toàn thể cộng đoàn vô cùng kinh ngạc, xoay qua trở lại trong ghế của mình.

Cho tới lúc này, ông không dám chắc điều gì đang xảy ra. Kể đó, khi các phóng viên nhiếp ảnh đã đứng yên và hướng mắt về phía bàn thờ, ông thấy, đi dọc theo lối vào chính giữa nhà thờ là tướng

Urban trong bộ quân phục tướng lĩnh màu xanh xám như một nhãn hiệu chính trị của mình. Theo chân Urban, có một người bước đi ngập ngừng, như thể đang đi trong bãi mìn của kẻ thù, là dáng dấp nhỏ thó, khúm núm mà nham hiểm của Vrona, trong bộ đồ veston sẫm và cà vạt màu đỏ thẫm, áo sơ mi bóng mượt, tóc cũng bóng mượt chải dính sát da đầu.

Thủ tướng đi tới dãy ghế có dang dây. Ông không nhìn quanh, không bái gối trước bàn thờ mà lập tức vào ngồi chỗ chính giữa dãy ghế. Người của An ninh Nội chính liền đó ngồi tiếp vào hai bên ông. Vrona ngồi vào chỗ chính giữa dãy ghế ngay sau lưng Urban, trong khi các phóng viên báo chí nước ngoài tranh nhau chiếm các chỗ trống còn lại. Đúng lúc ấy, ngân vang tiếng đàn phong cầm. Qua cửa hông, toán rước gồm các Giám mục và một số linh mục xếp thành hai hàng bắt đầu nối đuôi nhau đi vào và tiến lên cung thánh. Các Giám mục vào chỗ của mình trong dãy ghế vốn dành cho ca đoàn. Các vị chủ tế và đồng tế bước ra chính giữa cung thánh, bái gối. Một trong ba người, Giám mục Wior, kể đó đi tới trước mặt ông và cúi đầu.

Ông quì xuống bàn quì đặt một bên ghế tông tòa. Thánh lễ bắt đầu. Thánh đường dường như sôi động, đầy căng thẳng và hiếu kỳ. Tướng Urban, thủ tướng của một chính quyền Cộng sản, lại đến dự một thánh lễ Công giáo, là một biến cố chưa từng có. Giáo dân xoay đầu nhìn xem ông ta có quì xuống không, nhưng ông ta không quì. Ông ngồi, tay khoanh trước ngực, nhìn chăm chặp vào những gì đang diễn ra như thể ông là một phán quan đang tra xét.

Trong dãy ghế ca đoàn, Tổng giám mục Krasnoy chiếm chiếc ghế đầu tiên, dáng dấp hồng hào của ông nổi bật với lễ phục vàng và trắng ông đang mặc. Ông thấy Giám mục Krasnoy trừng trừng nhìn thủ tướng rồi xem xét khắp nhà thờ và đám đông tín đồ. Các Giám mục khác hình như cũng không chú tâm được vào lời cầu nguyện;

ai cũng cảm thấy mơ hồ trong không khí có cái gì đó khẩn trương và bất định, như thể họ đã biết trước những gì Tổng giám mục Krasnoy dự tính nói lên trong huấn từ, và lúc này, mặt đối mặt với kẻ thù, họ ghê người về những gì sẽ xảy ra. Chỉ có Giám mục Charnowski, đầu lắc lư run rẩy vì bệnh tật, là cúi người tới trước, mắt nhắm lại, chìm mình trong lời cầu nguyện cần kíp.

Đám đông giáo dân chen chúc nhau trong các dãy ghế và giữa các lối đi, chuyển động như một sinh vật khổng lồ mỗi khi họ quì xuống và mỗi khi họ đứng lên. Trong khung cảnh mờ ảo bên trong thánh đường, bàn thờ rực sáng với nến và ánh sáng chan hoà: những tia nắng mặt trời xuyên qua các cửa kính nhiều màu sắc, cao trên chuông câu ca đoàn, tiếng hợp xướng *Kyrie Eleison*,^[17] xin Chúa thương xót chúng con. Tiếng hát cao vút đó được hệ thống loa phóng thanh mang ra ngoài bay bổng đến tận sườn núi, nơi hàng ngàn tín đồ đang quì giữa trời. Ông nghĩ tới lúc các chiếc trực thăng đáp xuống quảng trường bên dưới nhà thờ trước con mắt của biết bao người, và ông hiểu rằng, giống như sự lan truyền nhịp rung của cơn địa chấn, sự kiện cuộc gặp gỡ hôm nay lúc này đã được loan đi khắp nước. Tại sao Urban tới nơi này? Ông ta đã nghe biết gì? Phải chăng ông ta cho rằng sự có mặt của chính ông ta sẽ là một hăm dọa đối với Tổng giám mục Krasnoy và chặn đứng được cuộc biểu dương? Trong tâm trí của ông ta đang có những gì?

Từ ghế quì, ông ngó xuống, nhìn vào bộ mặt của thủ tướng. Thánh lễ đang tới giây phút thiêng liêng khi bánh và rượu được biến thành Mình và máu Đức Jesus Kitô. Ông quan sát thủ tướng khi chiếc chuông lễ nhỏ xúu rung lên, tiếng leng keng yếu ớt của nó được loa phóng thanh mang ra ngoài tới các đám đông phía bên kia các bức tường nhà thờ. Kể đó, khi vị chủ tế đưa cao Mình Thánh Chúa lên cho mọi người bái lạy, ông thấy thủ tướng lưỡng lự trước hình ảnh nhắc nhở lại quá khứ ấy, và bằng một cử chỉ tôn kính

không chủ định, ông ta cúi đầu xuống, thật lẹ. Nhìn xuống chiếc đầu hói của Francis Urban, ông nghĩ tới cậu bé cùng học với ông năm nào tại trường học Dòng Tên và nhớ ra rằng cậu bé ấy lúc này đang là người đàn ông hói đầu trong bộ quân phục tướng lĩnh, ông cầu khẩn Thiên Chúa cứu rỗi linh hồn bất tử của Francis Urban. Và khi đang cầu nguyện, ông thấy thủ tướng ngẩng đầu lên nhìn ông, như thể nhờ thần giao cách cảm, ông ta đoán ra ông đang cầu nguyện những gì. Chuông lễ lại rung leng keng lần thứ hai. Vị chủ tế đưa cao chiếc chén bạc trong đó rượu nho đã biến thành máu của Đức Kitô. Toàn thể cộng đoàn lại cúi đầu, trừ Vrona và các công an An ninh Nội chính, những kẻ đang dương mắt quan sát như thể súng có thể nổ bất cứ lúc nào. Thánh lễ tiếp tục.

Đã tới lúc sắp rước lễ. Ông thấy, trên dãy ghế của các Giám mục, các chiếc đầu nghiêng vào nhau và bắt đầu thăm thì. Trên bàn thờ chính, vị chủ tế ăn bánh và uống rượu mà cả hai đã biến thành Mình và máu của Đức Kitô. Chỉ ít phút nữa, chỉ vài lần vạch nhỏ của đồng hồ nữa thôi, có lẽ hàng ngàn giáo dân sẽ rước lễ. Ông thấy Tổng giám mục Krasnoy đứng lên và đi từ dãy ghế của các Giám mục, như thể sắp tuyên bố đã tới phần rước lễ và hướng dẫn người chịu lễ xếp hàng đi lên dãy hàng rào ở tầng cấp cung thánh. Nhưng, Giám mục Krasnoy lại rẽ đường đi về phía toà giảng và trên tay ông ấy cầm một xấp các tờ giấy ghi chú. Vậy thì chẳng phải là tuyên bố về rước lễ. Giám mục Krasnoy đã quyết định đánh lừa ông.

Từ ghế Hồng y của mình, ông đứng bật lên. Ông bước xuống, đi thẳng tới toà giảng đặt ngay mé dưới ghế tông toà. Giám mục Krasnoy đang băng ngang cung thánh để tới toà giảng, lúc này khựng lại giữa đường, và lưỡng lự.

Trong khoảnh khắc hệ trọng đó, vừa đặt chân vào toà giảng, ông cho tay mình lên chiếc micro như đích thân khẳng định nó cho mình, rồi quay mặt lại, nhìn thẳng vào đối thủ của mình. Bộ mặt hồng hào

của Giám mục Krasnoy bỗng tối sầm lại như thể sắp lên cơn động tim. Ông ấy dừng lại giữa cung thánh, xoắn chặt xấp giấy ghi trong tay rồi nghiêng mình lao đảo như thể say rượu hoặc trúng gió, ông quay người về lại ghế của mình.

Ông chờ cho tới khi Tổng giám mục Krasnoy ngồi xuống, rồi, nắm chặt hai mép toà giảng, nhìn đăm đăm vào quang cảnh lặng yên đón đợi trong thánh đường. Ở cánh cửa gian bên thánh đường, ông thấy Keller và cha Prisbek đang đứng sát tường, chờ đợi, lắng nghe. Nhưng ông không sợ hãi họ nữa. Cuối cùng, ta đã đến được chỗ này. Thiên Chúa ban cho ta những lời lẽ ta đang cần tới.

“Anh chị em thân mến,” ông nói. “Tôi phát biểu với anh chị em lúc này, trước khi chấm dứt thánh lễ vì tôi đang ấp ủ niềm hy vọng rằng khi anh chị em chịu lễ Cực Thánh thì trong phút giây đó, anh chị em sẽ cầu nguyện và suy ngẫm những lời tôi có ý nói ra đây.

“Chúng ta tụ họp nhau đây, tại lễ đài thiêng liêng này, là để tưởng nhớ một trăm năm mươi vị nam và nữ đã bị tàn sát vì đức tin của mình, ngay tại đây, đúng ngày này hai trăm năm trước. Số phận của chư vị ấy đã đi vào lịch sử của chúng ta. Đó là một nhắc nhở rằng có những lúc sự chống lại bạo lực - dù có phải chết đi nữa - thì thích hợp cho con người hơn là sự chuyên chế bạo ngược.

“Hai trăm năm đã trôi qua, và ngày nay, chúng ta vẫn sống dưới chuyên chế bạo ngược: hành động chuyên chế của một thời đại khi niềm tin tôn giáo bị kết dính không gỡ nổi với hận thù chính trị, khi ngày tiếp nối ngày, trong các nước chung quanh chúng ta, người dân vô tội phải mất mạng sống mình vì bom đạn, vì những tấn công khủng bố, phát xuất bởi những trả thù và rửa hận có tính cách tôn giáo và chính trị.

“Tôi là một thủ lĩnh bất xứng. Tôi để cho đoàn dân của mình đang đi tới bên bờ vực bạo động, tới sự hoang mang giữa những sai trái đã và đang được thực hiện nhằm ăn miếng trả miếng. Tôi

van xin anh chị em hãy suy nghĩ tới cái chết của những người khác. Hãy nhớ rằng kẻ khùng bố và kẻ chuyên chế đều có nhất điểm tương đồng: họ không nghĩ tới những người chết.

“Tôi bảo với anh chị em lúc này. Chớ có cuộc biểu dương ý chí dân tộc và chớ có bất cứ hình thức biểu dương nào. Xin anh chị em nhớ cho rằng, dù chính quyền nào có cai trị chúng ta thì cũng chẳng có gì quan trọng, chúng ta vẫn là một dân tộc tự do, tự do trong tâm trí của chúng ta, tự do trong trạng thái phi tự do. Chính chủ nghĩa anh hùng vô cùng vĩ đại đó đang nói lên lời yêu cầu của nó vào ngày hôm nay; và như thế, chúng ta phong phú với các biến cố, và cũng như thế, chúng ta tràn ngập với những ước ao khắc khoải. Tôi khẩn nài anh chị em. Chúc anh chị em lát nữa ra về bình an.”

Ông cúi đầu, rồi đưa cao bàn tay phải lên ra hiệu cho ca đoàn. Khi đàn phong cầm ngân vang những cung bậc đầu tiên của bản quốc thiều, cộng đoàn đứng lên. Ông nhìn xuống những bộ mặt phía dưới và cảm thấy sự nhiệt tình của họ đối với những lời nói mà Thiên Chúa đã ban cho ước nguyện của ông. Tướng Urban và tướng Vrona cùng đứng lên với những người khác, và vẫn đứng, không hát nhưng nhìn thẳng tới đằng trước. Ông quay lại nhìn Tổng giám mục Krasnoy, khi hai ánh mắt gặp nhau, ông ấy cúi đầu xuống trong một cử chỉ qui thuận.

Bản quốc thiều đang đến hồi cuối. Âm thanh cất cánh vang vọng trong các vòm thánh đường, âm thanh được mang ra tận sườn núi, nơi hàng ngàn tín đồ nối tiếp nhau vào điệp khúc, rồi âm thanh lắng xuống dần, mất hút trong tiếng gió. Thiên Chúa gìn giữ ta qua những ngày này.

Ngài ban cho ta sức mạnh để thực hiện ý muốn của Ngài. Ông nhìn khắp nhà thờ, nhìn tới chỗ Keller và cha Prisbek đứng. Lạ lùng thay, ông thấy cả hai đang hát quốc ca. Lời của Thánh Phaolô lại xuất hiện trong tâm trí ông: *Lời phán xử của Ngài khôn dò biết bao*

và đường lối của Ngài bí hiểm biết mấy.

Tiếng nhạc dừng. Ông ra hiệu cho một trong các vị đồng tế. Ông bước xuống toà giảng, cầm chén thánh từ tay một linh mục đang chờ sẵn, ông dẫn đầu các linh mục bước tới hàng rào trước cung thánh để cho giáo dân rước lễ.

Ông đưa Mình Thánh Chúa lên cao, giữ yên một chút cho cộng đoàn đều thấy. Kế đó, khi những người chịu lễ đầu tiên tiến lên và quì xuống trước hàng rào, ông bước xuống gặp gỡ họ. Lòng ông chan chứa hân hoan. Cuối cùng, ông đã hiểu hòa bình. Ông đặt mẩu bánh tròn không men Mình Thánh Chúa trên lưỡi một thiếu nữ. Thụ nhận Mình Thánh Chúa, thiếu nữ ấy nhắm mắt lại, cung kính. Ông lại lấy từ trong chén thánh bằng bạc một Mình Thánh Chúa khác, nâng lên.

Nhưng người rước lễ kế tiếp đó không hé miệng. Cô nhìn ông chăm chăm, tròn mắt nở lớn như đang trong cơn hải hùng, và ông thấy má cô bầm tím với những vết cắt li ti do kính xe vỡ văng trúng vào bốn đêm trước tại Quảng trường Tuyên ngôn. Rồi ông thấy khẩu súng lục cô rút từ xách tay ra. Trong khoảnh khắc ấy ông hiểu: Đây là ý Chúa. Tuy thế, khi cô em gái của Danekin run rẩy, nâng súng lên, chĩa vào ngực ông, ông cảm thấy phút giây đó mình lưỡng lự. Như thể ông đang đứng bên mép của một lần nứt tối tăm, không thể thấy được phía bên kia. Sự thinh lặng của Thiên Chúa: liệu nó có thể sẽ thay đổi vào khoảnh khắc cái chết của ông không? Ông nâng Mình Thánh Chúa lên như thể cho cô chịu lễ. Ông thấy ngón tay cô siết cò.

Và nghe âm thanh khủng khiếp ấy...

HẾT

CHÚ THÍCH

[1] Bernard thành Clairvaux (tiếng Latin: Bernardus Claraevallensis), O.Cist (1090-1153) là một viện phụ Pháp và nhà cải cách chính cho Hội dòng O.Cist. Bernard thành lập tu viện vào ngày 25 tháng 6 năm 1115, đặt tên là Claire Vallée, trong đó phát triển thành Clairvaux.

[2] Hồng y là một tước hiệu danh dự trong Giáo hội Công giáo Rôma do Giáo hoàng phong, dành cho những người đang đảm nhận các chức vụ chủ chốt trong Giáo triều Roma hoặc đang cai quản các giáo hội địa phương quan trọng trên khắp thế giới. Tên Hồng y trong tiếng Latinh là cardinalis, có gốc từ danh từ cardo (có nghĩa là “bản lề”, “khớp nối” hay “điểm mấu chốt”). Tuy nhiên, trong tiếng Việt thì từ “Hồng y” lại được gọi theo màu y phục - “Hồng” tức là đỏ, “y” tức là áo - bởi vì không có danh từ xứng hợp để dịch sát nghĩa của danh từ gốc Latinh. Các Hồng y đều phải qua chức Giám mục, Hồng y được chia thành ba bậc. Việc phân bậc Hồng y là một truyền thống lâu đời, chỉ ba Thừa tác vụ có “chức Thánh” trong giáo hội là: Hồng y Giám mục, Hồng y Linh mục và Hồng y Phó tế nhưng không có sự khác biệt lớn.

[3] Chỉ tòa thánh Vatican.

[4] Khăn liệm Turin hoặc Vải liệm Turin hiện được lưu giữ trong nhà nguyện hoàng gia của Nhà thờ chính tòa Turino, miền bắc nước Ý. Hình ảnh trên tấm vải liệm thường được cho rằng Chúa Jesus và đây chính là tấm khăn đã liệm Chúa khi ngài được đem xuống khỏi thập giá và mai táng trong mộ đá. Nó có màu đen và trắng rõ rệt hơn nhiều so với màu nâu đỏ tự nhiên.

[5] Biển Đức XVI (Benedictus XVI), nguyên giáo hoàng Công giáo

Roma, là Giáo hoàng thứ 265, tại vị từ năm 2005 đến năm 2013.

[6] Là nhóm ngôn ngữ nhỏ về số lượng ngôn ngữ, nhưng lại có số người nói lớn. Slave là chỉ chung những cư dân nói tiếng Slave trên đại lục châu Âu, có khoảng gần 300 triệu người, bao gồm người Ba Lan, Czech, Slovakia, Nga, người Ukraina, Belorussia, Serbia, Croatia, Slovenia, Macedonia, Persia và người Bulgaria. Người Slave khởi nguyên từ vùng sông Vistula trên lãnh thổ Ba Lan, đến nửa sau thế kỷ XIX, trong phần lớn các quốc gia của người Slave đã lần lượt hình thành dân tộc hiện đại.

[7] Julius Caesar (100 TCN- 44 TCN), hoàng đế La Mã, một lãnh tụ quân sự và chính trị, và tác gia văn xuôi Latin lớn của La Mã cổ đại. Ông đóng một vai trò then chốt trong sự chuyển đổi Cộng hòa La Mã thành Đế chế La Mã.

[8] Áo Alba (áo thụng trắng) là loại áo liền mảnh màu trắng dài từ cổ đến tận mắt cá chân, khi mặc thường có một sợi dây thắt ở lưng để cố định. Các giáo sĩ mặc áo Alba khi hành lễ. Các giáo dân là thừa tác viên trong phụng vụ cũng được mặc áo Alba.

[9] Đây là một loại ủng dựa trên ủng da bao bố. Loại ủng này từng được mang và phổ biến nhờ Công tước Arthur Wellesley xứ Wellington.

[10] Gia tộc Borgia có nguồn gốc từ Tây Ban Nha, thống trị Vatican từ năm 1445 đến 1503, có 2 người giữ chức Giáo Hoàng và 7 Hồng y.

[11] Dòng Tên (còn gọi là Dòng Chúa Giêsu, viết tắt là S.J) là một dòng tu lớn của Công giáo. Được thành lập vào năm 1535 tại Paris. Dòng mau chóng phát triển mạnh từ việc huấn giáo, giáo dục đến các công việc truyền giáo, từ châu Âu đến châu Á, châu Phi và châu Mỹ. Hiện nay dòng có mặt ở hơn 100 quốc gia trên thế giới.

[12] Chỉ Giáo hoàng.

[13] Linh mục, sáng lập Dòng Tên (1491 – 1556).

[14] Mặt Trời Của Tôi, là bài hát tiếng Napoli (Ý), do Eduardo di Capua sáng tác dựa theo bài thơ của Giovanni Capurro.

[15] Barracks: Doanh trại, trại lính.

[16] Ave Maria, tên phổ thông của một bài hát có tựa là Ellens dritter Gesang, một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của nhà soạn nhạc người Áo Franz Schubert được viết vào năm 1825.

[17] Kinh Thương Xót, là câu kinh được đọc hay hát vài lần trong nghi thức sám hối khi bắt đầu cử hành thánh lễ theo phụng vụ Công giáo Roma. Kinh này cũng được đọc trong kinh Thần Vụ và trong nhiều kinh cầu, đặc biệt là Kinh cầu các thánh.